

Tuyển tập truyện ngắn liêu trai
Dịch thuật: Phạm Xuân Hy

*Thị Tiểu Nga
truyện*



Table of Contents

YÊU NƯƠNG TÁI THẾ
KÊ KÊ KÊ DẬU
THÔI VĨ
TRIỆU CƠ
ĐIỀN PHỤNG KIỀU
KIM TRÚC TỰ
KÍNH NHI
HỒNG TUYẾN
HÓA LANG NHI
BÌNH ẨN TỬ
MẪN DỰ
THIỆU TÚ
"TÔ HUỆ VÀ "CHỨC CẨM HỒI VĂN THI"
ĐÀM CỬU
LIỄU THANH KHANH
NGÂN CHÂM
PHẤN LANG
PHÙNG HIỆP
TẠ TIỂU NGÀ TRUYỆN
THUÝ THUÝ TRUYỆN
TÍ THỊ
TU VĂN XÁ NHÂN TRUYỆN
VĨNH CHÂU DÃ MIẾU KÝ

TẠ TIỂU NGA TRUYỆN

Tập truyện ngắn liêu trai

Nhiều tác giả

Dịch thuật: **Phạm Xuân Hy**

Tập hợp, làm ebook: **Cuibap**

Cover: **db**

Nguồn: **chimviet.free**

YẾU NƯƠNG TÁI THẾ


盲娘再世

Tác giả : Vương Thao

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

*Một ngọn đèn xanh lửa dóm, hắt hieu tranh sáng với loài ma,
Bao phen dẫm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ*

Liểu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

 Chu Vị Hoàng tự là Bích Thần, hiệu là Trọng Du, người Kim Lăng, vốn dòng dõi thế gia đại tộc, nhưng đến đời Hoàng thì gia đình bắt đầu suy vi sa sút, trở thành bình dân. Nhưng Hoàng vẫn tự coi là con nhà gia thế, thường tỏ ra ngạo mạn, khinh đời.

Gặp lúc giặc cờ đỏ Hồng Tú Toàn nổi dậy phản loạn, vây hãm Kim Lăng, rồi biến nơi đó thành kinh đô, làm thành hang ổ của giặc, trong gần mười ba năm.

Ngôi nhà của gia đình Sinh, vốn rất to lớn rộng rãi, từng bị một viên tướng của Hồng Tú Toàn chiếm làm chỗ cư trú. Đến khi giặc bị quét sạch, quan quân tiến vào Kim Lăng, ngôi nhà cũ ấy lại trở thành chỗ ở của quan quân.

Bấy giờ, những người trong gia đình Sinh phải bỏ xứ phiêu linh tứ tán. Riêng chàng, một thân một mình, bôn đào đến mãi vùng Trấn Nam xa xôi. Mười năm sau, khi Sinh trở về Kim Lăng, thì ngôi nhà bị bỏ hoang, không ai ở, cửa đóng then cài đã lâu, nên Sinh phải nhờ người cắt cỏ tạp thảo, gai góc, gạch ngói, quét dọn bụi bặm cho sạch sẽ, rồi thuê thợ tô vôi làm mới lại.

Nhưng nhà rộng người thưa, cứ đêm đêm, thường thấy lân tinh đom đóm lập lờ , bay lên bay xuống. Từ những ngõ ngách tối tăm, hay những góc nhà vắng vẻ, luôn vắng nghe có tiếng chồn kêu cú hú, khiến gia nhân sợ hãi không ngủ yên được.

Nhưng riêng Sinh chẳng sợ hãi gì.

Một đêm, chàng vừa chợt tỉnh dậy, thình lình cảm thấy có người luồn tay vào trong chăn của mình, nghe giá băng lạnh lẽo, bừng mắt ra nhìn, té ra là một con a hoàn đi chân đất. Mặt mày nhem nhuốc, xấu xa, bèn quát đuổi đi :

-Tay lạnh như tay ma, dám đến mó vào người ta, người không biết tự ngượng à ?

Con a hoàn đỏ mặt, xấu hổ, lảng lạng tự ý thoái lui, ra đến ngoài cửa, miệng khe khẽ lẩm bẩm :

-Đáng lẽ để cho cô ta tự đến, xem anh chàng có còn gồi cao ngủ yên không !

Sinh biết là bị ma trêu, tuy thế, cũng chẳng sợ gì .

Đứa a hoàn đi khỏi một lúc, Sinh thấy có người vén rèm bước vào, nói :

-Chồng con đứa nào, dám cả gan dọa nạt đứa tỳ nữ đại khờ nhà người ta vậy ?

Sinh nhìn người mới đến. Thì ra là một nữ lang, tuổi khoảng mười bảy mười tám. Đôi lông mày vừa cong vừa đen, tú lệ như mày ngài. Mái tóc búi cao tròn ở trên đỉnh đầu, đẹp như chim phụng. Sinh tìm áo quần để mặc, tính đứng dậy, thì nữ lang đã đến trước giường, cản lại, rồi ngồi ghé xuống bên cạnh, nói :

-Trời lạnh như thế này, chi bằng quần chăn, tựa gối, đối diện nhau mà tán gẫu !

Sinh hỏi :

-Nửa đêm khuya vắng, ngoài trời tuyết đổ, sao nàng lại lặn lội giá rét mà đến đây ?

Nữ lang mắt rơm rướm nước mắt, đáp :

-Vừa rồi cãi nhau với người dì, nên tức giận bỏ nhà ra đi. Bụng còn đang hoang mang, lo không biết đêm nay ngủ chỗ nào, thì vừa lúc đi qua nhà chàng, thấy khe cửa còn le lói ánh đèn, biết là chàng chưa ngủ, nên vào quấy quả một chút.

Lại hỏi :

-Cái con a hoàn xấu xí vừa rồi có phải tay chân của nàng đấy không ?

Nữ lang trả lời :

-Đó là đũa đầu bếp, lo việc cơm nước cho người dì của thiếp đây mà!

Khi hỏi đến tính danh, tịch quán, thì nữ lang tự giới :

-Thiếp họ Phùng, tự là Hương Lân, người gốc Dương Châu, song thân đều đã qua đời cả rồi, vì thế phải đến sống nhờ ở nhà người dì. Tồi qua người chú dựng xuống xóm Tầm Dương, thiếp lấy lời phải khuyên bảo người dì, lại bị người dì lẳng nhục, vì thế mà bỏ nhà ra đi .

Sinh gan hỏi đầu đuôi.

Đáp :

-Truyện phòng the khuê các, chẳng đáng kể cho chàng nghe làm gì !

Hai người lan man truyện trò hồi lâu, rồi cùng bông lơn hài hước.Lát sau, Sinh lần tay vào đôi gò bồng đảo của nàng, thấy trơn nhẵn, tròn trịa, đầy đặn, mà mềm mại khác hẳn những cô gái khác. Bèn đùa:

-Đây chính là ngọn đậu khấu mới nhú vào đầu tháng hai !

Nữ lang đỏ bừng mặt, như có vẻ không cảm được lòng.

Sinh lại bảo :

-Đêm nay khanh không có chỗ về, chi bằng ở lại đây, cho ta khỏi cảnh gối lẻ chăn đơn, bớt cô tịch.

Nói rồi thay nàng cởi bỏ giày quần, yếm thắm, hài vớ. Nữ lang đẩy ra, không chịu.Sinh càng gheo thêm. Cuối cùng chàng nắm được chân nữ lang, thoát được đôi hài của nàng ra. Ngắm nghía , thấy mũi hài nhỏ, nhọn như mũi trủy thủ, còn đế hài được làm bằng một thứ gỗ thơm, điêu khắc rất là tinh xảo, bên trong đế mặt sạ hương, mùi thơm nhuốm đầy tay, khiến Sinh tâm thần mê mẩn, tiêu hồn.

Đêm đó, Sinh cùng nữ lang yếm nỉ , oanh non, tỉ tê tâm sự, tận tình mây mưa như diên, mặc cho trăng tà dòm ngoài song cửa. Rồi gối đầu tay nhau mà ngủ, mãi cho đến lúc mặt trời đã lên cao, lúc nào không biết.

Nữ lang dậy trước, đánh thức Sinh, nói:

-Gớm ! Ngủ quên cả trời sáng.

Nói xong, lấy quần áo mặc vào người, hẹn Sinh buổi tối lại đến. Sinh không chịu, nắm vai nàng níu lại, không cho đi. Từ đấy, nữ lang ngụ hẳn tại nhà Sinh, trông nom cơm nước, thay Sinh mua bán chi thu. Nghiễm nhiên như vợ chồng.

Sinh vốn chưa lấy vợ, bấy giờ bèn đặt một bữa tiệc thịnh soạn, mời khắp họ hàng, bè bạn đến dự, rồi bảo nữ lang ăn mặc hoa lệ rực rỡ, đi ra chào khách. Khách khứa ai cũng tấm tắc khen nàng kiều diễm, đẹp như tiên nữ.

Ở được ít lâu, một hôm giữa nửa đêm, Sinh thấy nàng nức nở sụt sùi, lấy làm kinh ngạc, cất hỏi duyên cớ.

Nàng đáp :

-Hôm nay, thiếp đứng chơi ngoài cửa, thì con nữ tì ngày hôm trước đi qua, nó thấy thiếp, đột nhiên tiến đến hỏi thăm thiếp, báo cho thiếp là người dì của thiếp tìm thiếp đã lâu, nay đã biết nơi chỗ thiếp ở, sớm chày thì cũng đến đây bắt về, thiếp ngại vì thế mà sinh ra kiện tụng.

Sinh nói :

-Truyện đó không hề gì ! Khanh không còn cha mẹ, thân do mình làm chủ, dù có ăn ở nhà người dì, nhưng đâu phải bà ấy đã nuôi khanh từ bé cho đến lớn đâu. Giả sử có kiện cáo, cũng chẳng hợp lý. Từ lúc khanh đến nhà ta, ta đã sớm lo liệu trước rồi. Có sẵn người mai mối làm chứng, và giá thú làm bằng. Dấu người dì của khanh có một trăm lưởi, cũng khó mà biện bác nổi.

Nữ lang nói :

-Tuy rằng như thế, nhưng sớm lánh đi thì hay hơn.nay thiếp chỉ nhắc đến tên dì ấy mà lòng đã sợ, huống chi là gặp mặt. Thiếp có người chú làm quan ở Võ Xương, mình đến đó nương nhờ chẳng ?

Sinh vốn tính ham thích viễn du, nay nghe nàng nói thế, bèn nhận lời, rồi sắm sửa hành trang lập tức lên đường ngay.

Chừng đến Tô Châu, Sinh buộc thuyền đậu ở ngoài cửa Kim Sương Môn.Ban đêm, trên không trăng vừa mới mọc, sáng vàng

vặc.Nữ lang dựa bên sông cửa, chăm chú nhìn về phía xa.Chỉ thấy mây nước tiếp liên trên dưới một màu.Một chốc, có một chiếc thuyền lướt sóng thừa phong chèo đến, đậu sát gần thuyền của Sinh.Rồi có người đưa danh thiếp sang, muốn được gặp Sinh.Chàng thấy lạc khoản đề tên là " Lý Trùng Quang", bụng lấy làm lạ, vì chàng không hề quen biết gì người này, tại sao lại gửi danh thiếp cho chàng thế này.Sinh tính từ tạ. Nhưng khách đã ngang nhiên bước lên thuyền, đi thẳng vào trong khoang. Nữ lang vội vã lẩn vào phía sau.

Khách chấp tay hướng Sinh hành lễ.

Chàng thấy khách mình khoác áo da diêu, dầu đội mũ da chồn, phục sức hết sức hoa lệ, sang trọng. Biết không phải người thường. Bèn mời ngồi cùng nhau đàm đạo. Khách tỏ ra người học rộng hiểu nhiều, khi bàn luận văn thơ thì dẫn cổ trưng kim, phân tích ngọn nguồn, càng khiến Sinh thêm bội phục sự uyên bác của khách.

Hai người truyện vãn mãi cho đến lúc đuốc tàn, trời gần sáng, khách mới từ giã ra về.

Ngày hôm sau, bỗng gió to mưa lớn, thuyền bè đều phải đậu lại, không đi được, Sinh bèn sang thuyền của khách để đáp lễ. Khách thấy Sinh đến, tỏ ra rất mừng, nói:

-Mưa to gió lớn như thế này, được huynh quá bộ đến chơi, thật cũng đỡ tịch mịch !

Rồi sai bày tiệc khoản đãi. Sinh thấy đồ ăn thức nhắm đều là những thứ sơn trân hải vị, lạ lùng, hiếm quý. Trong lúc ăn, khách bỗng nhắc đến những sự hưng vong của các triều trước, miệng giảng tay khua, như đích thân mục kích sự trị loạn từ thời Ngũ Đại.

Rượu được vài tuần, khách truyền gọi bọn ca nữ ra hát làm vui trợ hứng, và bảo với Sinh rằng :

-Rượu mà cứ uống tì tì thì không thú, không phải cách đãi bạn quý !

Khách nói xong, Sinh đã thấy một bọn ba bốn ca nữ đi ra. Cô nào cũng mắt xanh, răng trắng, đều thuộc loại hương sắc xinh đẹp.Riêng cô đi cuối cùng, ôm đàn tì bà, thì diễm lệ hơn cả. Họ

cùng nhau cất tiếng đồng ca. Thanh âm cao vút như hành vân lưu thủy. Lại có lúc ròn rã như tiếng xé lụa. Sau đó, thì chuyển sang độc tấu tì bà. Tiếng đàn du dương lên xuống, lúc trầm lúc bổng, bi ai quyến luyến, khiến người nghe cũng hi hu không cầm được lệ.

Khách bảo với Sinh :

-Đây là khúc “Niệm gia sơn phá”, nhắc lại truyện cũ mà nát ruột đau lòng !

Sinh hỏi :

-Đệ nghe nói khúc hát này do Nam Đường Hậu Chủ sáng tác, các ca nữ của huynh vì sao lại học được ?

Khách đáp :

-Đệ nói ra, e làm huynh sợ ! Đệ đây chính là Nam Đường Hậu Chủ Lý Dục. Tuy chết đã cả ngàn năm, mà hồn phách chưa tan, nên vẫn thường xuống rong chơi trần thế, cho tiêu hết mỗi hờn uất trong tim.

Rồi lấy tay chỉ vào người cơ thiếp ngồi cuối, giải thích :

-Cô này là cung nữ Lưu Châu, thiên tính rất thông minh, được đệ yêu quý lắm !

Rồi lại chỉ người cơ thiếp mặc áo tím, nói:

-Còn đây là Bảo Nghĩa Hoàng A Yêu, cùng bị bắt đưa về miền Bắc chung với đệ, rồi chết ở Đại Lương, đến nay nghĩ lại, lòng còn thương tiếc.

Sinh tử tế nhìn kỹ, thấy nàng có sắc đẹp kinh hồn. Cử chỉ lại phong lưu tao nhã. Dung mạo diễm lệ. Đôi mắt long lanh như hàm tiếu, đúng là một tuyệt thế giai nhân.

Sau đó, khách lại giới thiệu đến hai người cơ thiếp khác, ngồi ở mé ngoài :

-Còn đây là Thu Thủy và Khánh Nô.

Lúc đó, Sinh nghe có tiếng ca nữ thổi bài "Thủy Long Ngâm". Âm thanh bay bổng lên không trung, nghe thánh thót, du dương, tựa hồ như làm cho trăng mờ mây đọng.

Khách nói :

-Đó chính là những giọt châu của nhà họ Kiều đấy !

Sinh hỏi :

-Nghe đồn Lý huynh còn có người mỹ nữ sủng ái tên là Yểu Nương, nay ở đâu ?

Đáp :

-Nàng nay đã xuống cõi trần, làm vợ huynh để trả cái nghiệp duyên phong lưu năm trăm năm trước, nên dẫu là người yêu dẫu cũ của đệ, cũng không tiện gọi nàng ra đây, e nấy sinh đổ kỵ.

Sinh nghe lời khách nói thế, lòng cảm thấy ngượng nghịu, bất an. Nhưng khách đã cười, bảo :

-Giang sơn còn chẳng giữ nổi, huống hồ là những cơ thiệp ? Bất quá, Yểu Nương nay thuộc về huynh cũng chỉ là tạm thời, chứ không phải việc trường cửu. Xin huynh hãy yêu thương nàng, đừng để cho thời gian đẹp dễ trôi đi mất.

Nói xong, sai Lưu Châu rót rượu cho Sinh, rồi tiếp :

-Mời huynh cạn hết chén này, xin mừng huynh đã được "thiên cổ mỹ nhân", người đẹp ngàn năm cũ

Sinh nâng chén uống một hơi cạn.

Lần lượt sau đó, từ Bảo Nghĩa trở xuống, các nàng cơ thiệp của Hậu Chủ, luân lưu rót rượu mời Sinh. Chàng đều không từ chối.

Sinh hỏi khách :

-Nghe đồn Bảo Nghĩa có tài thư pháp, đạt đến chỗ tuyệt diệu của họ Chung, họ Vương, chuyên lo việc văn phòng tứ bảo, chẳng hay đệ có thể thưởng thức cái tài đó của nàng chăng ?

Rồi lấy ra một tấm lụa mộc để Bảo Nghĩa viết chữ. Khách sai thị nữ mang nghiên mực, bút lông ra. Bảo Nghĩa ngồi đối diện với Sinh, vung tay múa bút, khoanh khắc chữ viết đầy trên bức lụa, sau đó dùng ấn ngọc in lên một nét son hồng tươi rói.

Sinh ngồi uống một mạch từ giờ ngọ đến giờ dậu, chùng cũng đã có vẻ hơi túy lúy, nhân sợ thất lễ, khước từ không uống thêm nữa.

Khách bèn bảo Lưu Châu ca tiến hành. Tiếng ca êm ái dịu dàng, lời lời uyển chuyển, dư âm quán quýt xoay vần bất tuyệt.

Khách giải thích cho Sinh :

-Hai khúc hát này do Chiêu Huệ Hoàng Hậu sáng tác, tên gọi là "Yêu Túy Vũ " và "Hận Lai Trì ", may nhờ có Lưu Châu thuộc lòng, bằng không chỉ có trên thiên đình, đâu còn được lưu truyền chốn nhân gian nữa.

Nói xong, khách nắm tay Sinh để từ biệt, nói:

-Từ đây u minh hai nẻo, không biết bao giờ mới lại gặp lại nhau, xin huynh chớ đem chuyện này mà viết thành truyện, e làm người nghe kinh hãi.

Rồi sai người tiễn Sinh xuống thuyền, gửi theo hai cái rương để tặng Yểu Nương, lại dặn dò :

-Nhớ nói với Yểu Nương hãy phục thị huynh cho tử tế, đừng hoài niệm gì đến đệ nữa. Tặng vật trong hai rương này tuy nhỏ bé, nhưng đủ để sống suốt đời không hết.

Cả năm nàng cơ thiếp của khách cũng đều đem tặng vật ra cho, và ân cần gửi lời thăm hỏi đến Yểu Nương.

Lúc Sinh về đến thuyền của mình thì chiếc thuyền của khách cũng vội vã khởi hành. Mái chèo rẽ sóng như phi. Chớp mắt không còn thấy hình tích chi nữa.

Sinh đem truyện kỳ dị vừa gặp tường tận thuật lại cho Yểu Nương nghe. Nàng cảm thấy mơ hồ như từ một kiếp xa xôi nào khác, lại còn trách Sinh đặt điều bịa chuyện để đánh lừa nàng.

Sinh bảo :

-Lời nói còn có thể bịa được, chứ những tặng phẩm này đâu có thể ngụy tạo ra được !

Rồi mở rương ra coi. Thấy trân châu bảo vật chất đầy, chẳng biết gọi tên là gì.

Sinh bèn đem một vài vật đến một tiệm kim hoàn ở cổng Ngô Môn bán được ngàn lạng.

Lúc hai người đến Hán Khẩu, gặp dịp một viên kinh quan trong triều tìm mua một viên ngọc lớn, đã từng đến tận Quỳnh Đảo Tân Châu mà không mua được.

Sinh đem ngọc ra cho coi. Viên kinh quan ngạc nhiên sửng sốt khen thắm, liền bỏ năm vạn tiền ra mua. Tuy thế, tặng vật của khách

cho Sinh cất dấu vẫn còn nhiều. Chàng đem một số tiền lớn đến Hán Khẩu thuê nhà cửa và mở tiệm buôn bán ở nơi thị tứ kiếm lời. Sắp xếp nhà cửa xong xuôi, Sinh mới đến Võ xương để tìm người chủ của Yếu Nương, nhưng người chủ của nàng mấy hôm trước đó vì việc công đã đi Dự Chương rồi. Từ khi, Sinh bỏ nghiệp nho để làm thương mại, buôn bán lời một thành ba, trở nên giàu sang sung túc, ăn uống hưởng thụ ngang với bậc công hầu. Nữ tì, nam bộc thường đầy nhà. Sinh lại đem tiền đến Tô Châu mua bốn người tì nữ nữa, đều thuộc hạng nhan sắc diễm tuyệt về nhà nhờ nhạc sư truyền dạy ca hát, và sáng chiều học thêm chữ nghĩa, vì thế họ hiểu thêm về âm luật, kinh sử.

Yếu Nương vốn biết chữ, nay lại biết ngâm thơ làm phú, cùng chàng xương họa, khiến Sinh tâm mãn ý túc, tự nhủ :

-Bây giờ ta mới thực hiện được nguyện ước ngày xưa, thật là không ngờ. Tuy thế, ngôi nhà cũ không thể không tu sửa, để sau này về già còn có chỗ an dưỡng.

Rồi sai một người nô bộc tài giỏi mang tiền về Kim Lăng để sửa lại ngôi nhà cũ cho thật to lớn.

Một hôm, Sinh đến ngao du ở Hoàng Hạc Lâu, đi mỗi chân, bèn ngồi xuống một hiên đá nghỉ ngơi, thấy trước mặt có một thiếu phụ quý phái , khoảng bốn chục tuổi, ngồi trong một chiếc kiệu đi tới. Thiếu phụ trông vừa xinh tươi vừa phong lưu văn nhã, đẹp chẳng kém chi nàng ái phi họ Từ của Lương Vũ Đế. Đằng sau, lại có đám a hoàn theo hầu. Trong đó, Sinh thấy có cả đứa nữ tì xấu xí ngày trước. Nó dường như cũng nhận ra chàng, nên đến bên người thiếu phụ ghé tai thì thào mấy lời. Thiếu phụ tiến đến trước mặt Sinh, vén áo nghiêng mình thi lễ, nói :

-Chàng là rể bên ngoại nhà ta, ngày trước lấy cháu gái ta, sao không cho người mai mối đến hỏi, nhà cửa ở đâu, ta có thể ghé thăm cho biết được chăng ?

Sinh nghe hỏi, lòng cảm thấy ngỡ ngàng, không biết trả lời ra sao, thì thiếu phụ đã sai bộc tòng mang kiệu đến, cùng Sinh đồng hành.

Lại bảo với Sinh :

-Tệ xá cũng gần đây thôi, xin mời chàng ghé thăm trước, sau này họ hàng qua lại, cũng dễ nhận ra cửa ngõ.

Đi chừng hơn nửa dặm, thì phu kiệu dừng lại. Sinh thấy nhà cửa nguy nga. Rõ ra là thế gia đại tộc. Bên trong cửa có bốn năm người đàn ông đứng sẵn để chào đón khách, Sinh bước lên đại đường cùng thiếu phụ tương kiến. Chàng cung kính lấy hàng tiểu bối mà hành lễ. Thiếu phụ dẫn chàng vào trong nội thất, rồi sai tì nữ gọi người con gái là Tú Cô ra. Khoảnh khắc, nghe có tiếng bội ngọc leng keng. Rồi mùi sạ lan thơm lừng xông vào mũi. Một người con gái dáng đẹp như ngọc, tuổi khoảng hai tám, bước đến bên cạnh Sinh.

Người thiếu phụ bảo :

-Đây là con gái ta, hai người có thể gọi nhau bằng anh em cũng được !

Sinh liếc mắt nhìn, thấy hoa nhường nguyệt thẹn, tuyệt thế giai nhân. Sau đấy, thiếu phụ sai bày tiệc khoản đãi Sinh. Chàng được cả hai mẹ con song song bồi tọa, lần lượt rót rượu khuyên mời. Chàng cũng tận tình đánh chén no say.

Người con gái đưa sóng mắt như nước hồ thu, liếc nhìn Sinh rồi dùng những ngón tay thon nhỏ của nàng véo vào tai chàng nói đùa :

-Này ! Tố mời mà không uống thì tố đổ rượu cho đấy .

Sinh mỗi lúc mỗi cảm thấy thần hồn điên đảo, bất giác say mềm, rồi nằm gục xuống tràng kỷ. Mãi cho tới lúc trời tối lờ mờ mới tỉnh lại. Chàng thấy gió lạnh như kim châm, sương rơi đầy đất, bóng trăng chìm bên vách núi. Trong nội thất, cả người lẫn vật đều không thấy đâu, còn chàng, té ra đang nằm trên một nắm mồ hoang, mới biết là gặp ma, bèn thất thểu tập tễnh trở về nhà.

Chàng bước vào trong buồng tìm Yếu Nương, nhưng nàng cũng biến đâu mất, chỉ thấy trên bàn có một lá thư từ già.

Sinh buồn chán đến phát cuồng, xuống tóc, bỏ đi vào núi .

Rốt cuộc, chẳng ai biết cuộc đời Sinh sau này ra sao cả.

Vài hàng về tác giả :

Vương Thao (王韜)

Vương Thao (1828-1878) tự là Trọng Thao, hiệu là Thiên Nam Độn Tẩu, người Trường Châu tỉnh Giang Tô, là học giả và nhà văn thời Thanh Mạt. Năm 18 tuổi ông đỗ tú tài, sau do thi nhiều lần không đậu, ông bèn bỏ thi cử. Năm 22 tuổi, cha ông qua đời, ông đến Thượng Hải làm trong Mạc Hải Thư Quán với một người Anh trong ba chục năm. Nhân thế được tiếp xúc rộng rãi với các tư tưởng Tây phương. Khi xảy ra cuộc nổi dậy của Thái Bình Thiên Quốc, ông từng nhiều lần viết thư cho nhà đương cuộc Thanh triều hiến phương lược " bình tặc ". Năm 1862, ông về Tô Châu thăm mẹ bệnh, rồi đổi tên là Hoàng Uyển, đề nghị với quân đội Thái Bình Thiên Quốc mượn thế lực ngoại quốc để mưu đồ trung nguyên. Khi quân Thanh chiếm Tô Châu, tìm được bức thư kiến nghị ấy của ông, ghép ông vào tội thông phỉ và ra lệnh bắt, may nhờ người Anh giúp ông trốn được ra Hương Cảng. Sau đó theo người Anh sang Anh Quốc, phiên dịch các thư tịch cổ điển, nhờ đó ông có cơ hội đi du lịch các nước Pháp, Anh, Nga, rồi trở về Hương Cảng làm chủ bút báo Tuần Hoàn Nhật Báo, đề xướng biến pháp, đi trước cả Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu cả chục năm.

Ông mất năm 1878, để lại một số tác phẩm như :

-Thao Viên Thi Văn Tập

-Độn Quạt Lan Ngôn

-Tòng Ân Mạn Lục

-Tòng Ân Tỏa Thoại

Những truyện trong tác phẩm Tòng Ân Mạn Lục được viết theo thể tài chí quái, bằng lối văn ngôn như Liêu Trai Chí Dị, ca tụng những cuộc tình chung thủy, đề cao nam nữ tự do luyện ái, chỉ trích những tệ nạn hủ bại của lớp quan lại phong kiến đương thời. Văn pháp lưu loát, ngôn từ tế nhị, tình tiết cố sự uyển chuyển khúc triết chen lẫn với nhiều bài thơ hay.

Một số truyện trong Tồng Ân Mạn Lục đã được chúng tôi dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Chú thích :

Yêu Nương (盲娘) :

Yêu Nương là tên của một nàng cung nữ được Nam Đường Hậu Chủ Lý Dục. Yêu Nương chẳng những có dáng người tha thướt, lại tài nhảy múa. Nàng dùng vải bó cho chân nhỏ bé và cong như cung trăng. Nam Đường Hậu Chủ Lý Dục làm một cái đài hoa sen bằng vàng, cao sáu tấc, trên để những báu vật, và các loại hoa đẹp để cho nàng múa, trông phiêu nhiên như tiên nữ, rất được Hậu Chủ yêu thương sủng ái, và dùng mấy chữ : "Tam thốn kim liên 三寸金蓮) để tán thưởng nàng.

Sau này, trong thi văn Trung Quốc thường dùng chữ "Kim Liên " để hình dung đôi bàn chân nhỏ của phụ nữ. Có thể nói tục bó chân của người đàn bà Trung Hoa bắt đầu từ Yêu Nương, rồi lan truyền ra dân gian, đời này sang đời khác, được sùng thượng đến nỗi người đàn bà nào không có bàn chân nhỏ, thì bị đàn ông chê ghét, có thể không lấy được chồng.

Hủ tục bó chân này phải chờ đến đời Khang Hy, năm 1664, mới ra lệnh cấm. Nhưng cấm lệnh của Khang Hy cũng chỉ áp dụng trong một thời gian ngắn, thì bị phe bảo thủ chống đối, nên năm 1668, Khang Hy theo lời tâu của Bộ Lễ rút lại lệnh cấm.

Đến cuộc cách mạng Tân Hợi, hủ tục bó chân của phụ nữ Trung Hoa mới thực sự bị tiêu diệt.

Kim Lăng (金陵) :

Nhà thơ Lý Bạch có hai bài thơ nổi tiếng nhắc đến Kim Lăng, ở hai hoàn cảnh khác nhau là Đăng Kim Lăng Phụng Hoàng Đài, và Kim Lăng Tửu Tứ Lưu Biệt.

Kim Lăng nay là thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô.

Theo tác giả Cô Vong Ngôn, một truyện văn học cực đậm, thì Kim Lăng bị đổi nhiều tên gọi khác nhau, theo từng triều đại. Thời Xuân Thu, Kim Lăng thuộc nước Ngô, thời Chiến Quốc thuộc nước

Việt, sau thuộc nước Sở. Vì vua Sở Uy Vương dựng lăng chôn vàng để trấn yểm đất đó, nên mới gọi là Kim Lăng.

Đến đời Tần Thủy Hoàng thì đổi là Mạt Lăng. Thời Tam Quốc, năm 212 CN Tôn Quyền xây cất Thạch Đầu Thành và đến năm 229 Quyền đóng đô ở đó mới đổi Kim Lăng là Kiến Nghiệp. Đời Tây Tấn, vì tị húy Tư Mã Nghiệp đổi Kiến Nghiệp là Kiến Khang. Các đời Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần và Nam Đường đều đóng đô ở đó. Đời Tùy là Tương Châu. Đời Tống là Kiến Khang Phủ. Đời Nguyên là Tập Khánh .

Đến Minh Thái Tổ lại đổi là Ứng Thiên Phủ.

Năm 1421 CN, Minh Thành Tổ rời đô đến Bắc Kinh, Ứng Thiên Phủ mới gọi là Nam Kinh

Năm 1853 CN, Nam Kinh trở thành quốc đô của Hồng Tú Toàn và gọi là Thiên Kinh.

Năm 1927 Trung Hoa Dân Quốc thành lập, đến năm 1930 lại gọi là Nam Kinh Thị

Hồng Tú Toàn (洪秀全) :

Nguyên tác viết là "Xích khấu chi loạn 赤寇之亂", vì vào thời điểm tác giả viết truyện này, Hồng Tú Toàn còn bị coi là giặc, và khi khởi nghĩa dùng màu cờ đỏ, nên tác giả dùng chữ "xích khấu" để ám chỉ Hồng Tú Toàn giặc, chứ chưa được tôn xưng là một nhà cách mạng như ngày nay ở lục địa.

Hồng Tú Toàn sinh năm 1814 mất năm 1864.

Ông là người Hoa Huyện tỉnh Quảng Đông , nguyên danh là Hỏa Tú, rồi lại đổi là Nhân Khôn, và mãi đến khi lớn mới tự lấy tên là Tú Toàn.

Ngay từ hồi còn bé, Toàn là đứa trẻ hiếu học, nên rất được thân phụ thương yêu. Khoảng năm Tuyên Thống nhà Thanh, Toàn ra nhập "Bái Thượng Đế Hội", nhận Chu Cửu Đào làm sư phụ. Khi Cửu Đào mất, Toàn được đồ chúng đưa lên làm giáo chủ. Để thu hút và mê hoặc quần chúng, Toàn phao ngôn mình là con thứ hai của thượng đế, em của Chúa Giê Su.

Năm 1851, với sự phò tá của Dương Tú Thanh và Thạch Đạt Khai, Toàn khởi nghĩa ở thôn Kim Điền, tỉnh Quảng Tây, rồi đem quân đánh chiếm châu Vĩnh An, kiến lập Thái Bình Thiên Quốc và đem quân Bắc phạt, liên tiếp chiếm được nhiều tỉnh,

Năm 1853, Toàn công hạ Kim Lăng (tức Nam Kinh), tự xưng là Thiên Vương và đóng đô ở đây. Toàn ra lệnh đổi Dương Lịch, cải y phục, đề xướng tân học, phế bỏ tục bó chân của phụ nữ, phế bỏ xướng kỹ, cấm nha phiến. Quân triều đình nhiều phen bị Toàn đánh bại.

Nhưng về sau vì nội bộ lãnh đạo mâu thuẫn, các tướng đổ kỵ giết hại nhau, khiến lòng dân ly tán. Thái Bình Thiên Quốc bị Tăng Quốc Phiên và Tả Tôn Đường, những trọng thần của Thanh triều, đánh bại.

Năm 1964, Thiên Kinh bị phá vỡ, Hồng Tú Toàn uống độc được tự tử. Thái Bình Thiên Quốc bị diệt vong.

Tầm Dương (潯陽):

Tầm Dương là tên một quận đời Đường, nay thuộc thị trấn Cửu Giang tỉnh Giang Tây. Thời Tùy đặt tên là Bồn Thành, sang đến nhà Đường mới cải là Tầm Dương. Nhà thơ Bạch Cư Di bị biếm làm Tư Mã Giang Châu, từng để lại dấu chân của mình ở địa danh này, qua bài thơ nổi tiếng "Tỳ Bà Hành 琵琶行", mở đầu bằng câu: "Tầm Dương giang đầu dạ tổng khách". Sau này, khi Tống Giang, thủ lĩnh của 108 vị anh hùng Lương Sơn Bạc, bị đày đến Giang Châu, ngồi trên lầu uống rượu, ngắm mưa rơi trên sông Tầm Dương, say rồi phấn kích, đề phản thi mà bị bắt.

Nam Đường Hậu Chủ (南唐後主):

Nam Đường (937-975) là một triều đại trong thời Ngũ Đại Thập Quốc (907 -975) do Lý Thảng kiến lập. Hậu Chủ của vương triều tên là Lý Dục, thường gọi là Lý Hậu Chủ, tự là Trùng Quang, hiệu là Liên Phong Cư Sĩ, sinh năm 937 CN, mất năm 978 CN

Năm 961CN Lý Dục được phong làm Thái Tử, lên nối ngôi cha.

Là một ông vua tài hoa phong nhã, giỏi thơ văn, hội họa, âm luật và đặc biệt về từ khúc. Trong suốt thời gian tại vị, Hậu Chủ

không lo nhiều đến chính sự mà chỉ chuyên chú vào những yến tiệc, ca vũ, vui đùa cùng bày cung tần mỹ nữ.

Những câu truyện diễm tình của Hậu Chủ với những giai nhân tri kỷ cũng như những bài từ của ông được người đời đua nhau tưởng thuật truyền tụng. Đặc biệt là ông từng sủng ái nàng cung phi Kiều thị. Kiều thị là người rất thông minh, viết chữ rất đẹp, lại tôn thờ đạo Phật, Hậu Chủ tự tay viết "Kim Tự Tâm Kinh" để tặng nàng.

Năm 975, Nam Đường bị Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn diệt, Kim Lăng bị phá vỡ, Hậu Chủ bị bắt làm tù binh. Trước cảnh quốc phá gia tan, Hậu Chủ tuy đau đớn như đứt từng khúc ruột, nhưng vẫn không bỏ được "tật" phong lưu, vung bút viết một bài từ để đời, tả cảnh vong quốc, lời lẽ rất là thê lương, đau đớn, đó là bài "Lâm Giang Tiên."

Hậu chủ bị đưa về Biện Kinh, hai năm sau thì bị Tống Thái Tông Triệu Khuông Nghĩa sai em là Triệu Đình Mỹ đánh thuốc độc chết.

Sau khi Hậu Chủ mất, Kiều thị đã viết lại "Kim Tự Tâm Kinh", chữ viết rất đẹp, đem dâng vào chùa Tướng Quốc để cầu phúc cho Hậu Chủ.

Lạc khoản (落款)

Ký tên trên những thư tín, lễ phẩm, thư, họa thì gọi là lạc khoản

Ngũ Đại Thập Quốc (五代十國) :

Năm 907 CN, Chu Ôn diệt nhà Đường xưng đế, lấy quốc hiệu là Lương, sử gọi là Hậu Lương, chiếm một phần lớn phía Bắc nước Tàu, kế tục sau đó xuất hiện các nước như Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Chu, Hậu Tấn. Sử gia gọi năm nước này là thời kỳ Ngũ Đại.

Đồng thời với năm nước này, ở phía nam nước Tàu cũng xuất hiện trước sau 10 nước là Ngô, Nam Đường,

Ngô Việt, Sở, Mân, Nam Hán, Tiền Thục, Hậu Thục, Kinh Nam, Bắc Hán. Năm 979 CN, các nước này bị Triệu Khuông Dẫn tiêu diệt, kết thúc cục diện thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc.

Đậu khấu (荳蔻):

Đậu khấu là một loại hương thảo, hoa nở vào mùa hè, mọc ở xứ nóng, rất đẹp, dùng làm thuốc được. Trong các văn thơ cổ điển, người dùng từ ngữ đậu khấu để tương trưng người con gái còn trong trắng chưa lấy chồng.

Lương Vũ Đế (梁武帝):

Sinh năm 464 CN mất năm 549 CN.

Lương Vũ Đế tên thật là Tiêu Diễn, người sáng lập nhà Lương thời Nam Triều, tự là Thúc Đạt, vốn là người đồng tộc của vua nhà Tiêu Tề, em họ Tiêu Đạo Thành, người Nam Lan Lăng (nay thuộc tỉnh Giang Châu, phía tây bắc Thường Châu). Tiêu Diễn từng làm quan nhà Tề, giữ chức Thứ Sử Ung Châu, trấn thủ Tương Dương. Nhân vua Tề vô đạo, giết người anh của Tiêu Diễn, Diễn khởi binh vây hãm Kiến Khang, lập Tiêu Bảo Dung làm Hòa Đế.

Diễn nắm chức Đại Tư Mã, và được phong Lương Vương.

Năm 502 CN, Diễn được nhường ngôi, lấy quốc hiệu là Lương, trọng dụng sĩ tộc, sửa sang văn giáo, nhờ vậy quốc thể được chấn hưng. Sau lại dốc lòng tín thờ Phật giáo, xây cất Đồng Thái Tự, ba lần vào đó tu.

Năm 547 CN, Tiêu Diễn tiếp thụ đầu hàng của Hầu Cảnh. Hai năm sau thì bị Hầu Cảnh dẫn binh vượt sông nam hạ, công phá thủ đô, Tiêu Diễn bị đói và bệnh mà chết.

Tiêu Diễn là người giỏi về văn học, âm luật, thư pháp.

Văn phòng tứ bảo (文房四寶):

Văn phòng tức thư phòng. Cổ nhân ngày xưa ở trong thư phòng thường dùng và thường bày biện bốn vật dụng được quý trọng như bảo vật là bút, giấy, nghiên, mực. Vì thế nên gọi là văn phòng tứ bảo.

(Dịch xong ngày 21-5-2004 lúc 12:42. Phạm xuân Hy)

KÊ KÊ KÊ DẬU

雞 鷄 鸡 酉

Phạm Xuân Hy

Nhân có người bạn già vong niên đến thăm tôi, ngày trời tháng bụi, lại lún phún mưa rằm, ngồi trong nhà rỉ rả truyện phiếm đông dài, gió trắng mây nước, lan man những truyện cà kê dê ngỗng. Con hổ giấy. Con hổ thật. Con chồn con cáo. Con chuột con gà. Lại biết tôi có biết đôi chút chữ nho, anh bèn lấy bút viết ra mấy chữ dưới đây:

雞 鷄 鸡 酉

KÊ KÊ KÊ DẬU

Bảo tôi cắt nghĩa và cho biết những sự tích liên quan đến gà. Bị hỏi đột ngột, bất ngờ, nhất thời tôi tỏ ra lúng túng, đỏ mặt, không biết trả lời bạn tôi ra sao. Vả, biển học mênh mông, chữ nghĩa chập chùng, cái vốn chữ nho của tôi cũng chỉ có giới hạn, nên không dám nói sằng nói bậy. Tôi đành khất nợ với bạn. Xin cho tôi được phép mở sách ra đọc, và trả lời bạn sau.

Vì thế, hôm nay mới có bài viết này.

1. Nghĩa của bốn chữ kê 雞, kê 鷄, kê 鸡, Dậu 酉.

Ba chữ 雞 鷄 鸡 này âm Hán Việt đều đọc là "kê", đều là những chữ đồng âm và đồng nghĩa, và đều chỉ một loại gia cầm có khả năng báo hiệu giờ giấc, mở ngán, phần trên hơi cong, trên đầu có mào, cánh ngắn, không thể bay cao được. Tiếng Việt dịch nghĩa là "Con Gà".

Sách "Thuyết Văn Giải Tự" giải thích "知時畜也 - tri thời súc dã ". Gà là gia súc có khả năng biết giờ giấc, và báo sáng, nên ngày xưa người ta nuôi gà để báo thức dậy sớm đi làm. Nhưng ngày nay, đã có đồng hồ, nên gà được nuôi phần lớn để ăn thịt.

Tuy nhiên, ba chữ này có sự khác biệt nhau về cách tạo tự của chúng.

a/ Chữ 雞. (đọc là KÊ) :

Theo giáp cốt văn và kim văn, đây là một chữ thuộc loại tượng hình tự. Tự hình của chữ này rất giống hình một con gà trống, trên có mào, chữ được cấu tạo bởi hai thành phần. Thành phần bên trái gọi là thanh bàng là chữ 奚 (đọc hề), sử dụng làm thanh phù. Thành phần bên phải hình bàng là chữ 隹 (đọc chuy) sử dụng làm ý phù. Chuy 隹, theo sách "Thuyết Văn Giải Tự" của Hứa Thận đời Đông Hán, giải thích là từ dùng để gọi chung loài chim lông đuôi ngắn (短尾禽總名 - Đoản vĩ cầm tổng danh)

b/ Chữ 鷄. (đọc là KÊ) :

Chữ 鷄 (đọc kê) do diễn biến của chữ 雞 (đọc kê) này thành chữ hình thanh tự. Hai chữ này chỉ khác nhau ở phần ý phù bên phải, là chữ diều 鳥 thay chữ chuy 隹 mà thôi. Còn thanh phù vẫn giữ nguyên chữ hề 奚, âm và nghĩa giống nhau. Chữ diều 鳥, "Thuyết Văn Giải Tự" giải thích là loại chim lông đuôi dài (長尾禽總名 - Trường vĩ cầm tổng danh)

c/ Chữ 鷓. (đọc là KÊ) :

Có người loại suy cho rằng chữ kê 鷓 này mới xuất hiện trên đại lục, khi nước Cộng Hòa Nhân Trung Hoa được thành lập.

Thật ra, đây là chữ thuộc loại giản thể của chữ kê 鷄 trên, thanh phù bên trái 奚 (đọc hề) được giản hóa bằng chữ 又 (đọc hựu), còn ý phù bên phải 鳥 (đọc diều), được giản hóa thành 鸟 (đọc diều), âm và nghĩa như hai chữ kê trên, không thay đổi.

Chữ kê 鷓 này, người ta đã thấy xuất hiện trong sách "Kim Bình Mai Kỳ Thư" và sách "Mục Liên Ký Dạn Từ" đời nhà Thanh.

Đến năm 1932 và năm 1935, bộ giáo dục công bố bảng "Giản Thể Tự Biểu", chữ kê giản thể cũng đã được ghi trong bảng giản thể biểu đó, tuy nhiên chỉ giản hóa phần thanh phù thôi, phần ý phù vẫn giữ nguyên.

Vì là giản thể, nên chữ kê 鷓 này không thể phân tích theo như phương pháp lục thư được.

d/ Chữ 酉. (đọc là DẬU) :

Người ta thường nói: "Tôi tuổi Dậu", để nói rằng năm sinh của người đó thuộc năm gà, vì thế, đôi khi đưa đến sự lầm lẫn cho rằng dậu 酉, có nghĩa là gà. Thật ra, chữ dậu là chữ thuộc loại độc thể tự. Tự hình, là hình vẽ một cái bình đựng đầy rượu, nên nghĩa gốc của dậu 酉 ngày xưa là rượu, nên chữ tửu 酒 mới đầu viết là dậu 酉. Về sau, theo cách giả tá, dậu mới biểu thị danh xưng của chi thứ mười trong mười hai địa chi: tý, sửu, dần, mao, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, DẬU, tuất hợi. Nhưng tại sao lại dùng con gà làm tượng trưng của chi dậu, con chuột là tượng trưng của chi tý, con chó là tượng trưng của chi tuất v. v...?

Câu hỏi này cho đến nay, các nhà nghiên cứu văn hóa Trung Hoa, hầu như vẫn chưa tìm ra câu trả lời rõ rệt, thỏa đáng. Hoặc chỉ đưa ra những ước đoán mà không chứng minh được, và ngay cả các học giả Trung Hoa cũng không tìm được xuất xứ của mười hai địa chi trên. Tuy thế, dầu không biết xuất xứ, nhưng ảnh hưởng của mười hai địa chi này, như một thực tế, ăn sâu vào những suy tư, sinh hoạt của người Trung Hoa, không thể chối cãi được. Người Trung Hoa từ hàng nghìn năm trước đã dùng mười hai địa chi phối hợp với mười thiên can để ghi nhớ ngày, tháng, năm. Ghi nhớ các sự kiện lịch sử, những ngày sinh, tháng đẻ, đến ngày tết ngày giỗ, ngày cưới vợ gả chồng, cất nhà mở tiệm, đi chơi xuất hành, nhất nhất cái gì cũng được ghi nhớ bằng thiên can, địa chi cả. Có khi còn đến các thầy bói, các thầy địa lý, các tử vi gia, để nhờ reo quẻ, bấm độn cho biết sự tốt xấu về tình duyên, gia đạo, buôn may bán đắt. Các thầy bói, các thầy tử vi, các chiêm tinh gia, hàng ngày vẫn phải lẩm bẩm nhắc tên từng thuộc tướng tý, sửu, dần, mao, thìn, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi... để thỏa mãn những câu hỏi của khách hàng.

Đây thật là một điều kỳ lạ khó hiểu trong một văn minh rực rỡ lâu đời như nền văn minh Trung Quốc.

Nhưng thôi, tôi xin gác vấn đề này sang một bên, để dịp khác.

Và xin trở lại với đề tài về gà.

2. Những từ ngữ chữ Hán dùng để chỉ gà.

Như trên đã trình bày, chữ dậu không có nghĩa là con gà. nhưng trong những thư tịch và văn thơ cổ điển Trung Hoa, người ta thường gặp những từ ngữ sau đây để chỉ con gà:

a/ Song cầm 窗禽:

Theo sách "Nghệ Văn Loại Tụ" thì: "Thứ sử Duyện Châu đời Tấn, tên là Tống Xử Tông, người Bái Quốc, từng mua được một con gà, có tiếng gáy rất dài, nên Xử Tông rất lấy làm yêu quý, nuôi dưỡng rất cẩn thận, thường để lồng gà ở bên cửa sổ. Gà bèn dùng tiếng người đàm luận với Xử Tông, rất là biện bác, suốt ngày không ngừng. Nhờ thế mà tài hùng biện của Xử Tông tiến rất xa. Sau này, hậu thế dùng từ ngữ "Song cầm" để chỉ gà.

b/ Kim cầm 金禽:

Theo thuyết ngũ hành, gà thuộc hành kim 金, vì thế gọi gà là « kim cầm 金禽 ».

c/ Tôn vũ 巽羽:

Trong Kinh Dịch, quẻ tôn 巽 chỉ con gà. Gà thuộc loại vũ trùng, vì thế gọi gà là tôn vũ. Như Ban Cố, tác giả Hán Thư, từng dùng hai chữ « tôn vũ 巽羽 » để chỉ gà "巽羽化于宣宮兮-Tôn vũ hóa vu Tuyên Cung hề"

d/ Thời dạ 時夜:

Gà có khả năng coi đêm tối, vì thế gọi gà là "thời dạ 時夜". Thời, có nghĩa là chường quản, trông coi. Trong sách "Trang Tử -Tề Vật Luận" có câu "Kiến noãn nhi cầu thời dạ 見卵而求時夜" Có nghĩa là "Thấy trứng thì muốn có gà".

e/ Chúc dạ 燭夜:

Gà có khả năng coi đêm, và quan sát trời sáng, nên gọi gà là chúc dạ. Chúc 燭 có nghĩa là quan sát, xem xét cho rõ.

3. Những từ ngữ có liên quan đến chữ kê.

Liên quan đến chữ kê, hán tự có rất nhiều từ ngữ, thành ngữ, và điển cố. Như trên đã trình bày, chữ kê 雞 vốn là loại chữ tượng hình. Đó là hình vẽ của một con gà trống, nhưng các tự điển chữ Hán, hay Hán Việt từ điển, chỉ giải thích chữ kê có nghĩa là gà.

Muốn nói rõ gà trống thì phải gọi là "công kê 公雞", gà mái là "mẫu kê 母雞". Nhưng cũng có những từ ngữ có chữ kê, lại chỉ một vật khác, hay ám chỉ một nghề nghiệp khác như. Như chữ "dã kê 野雞", ngoài cái nghĩa chỉ loại chim trĩ ở ngoài đồng ruộng, ngày xưa còn dùng hai chữ này để ám chỉ những cô gái mại dâm, đứng ở ngoài đường, lôi kéo khách về nhà. Tôi không rõ thành ngữ "mèo mả gà đồng" của ta, trong đó hai chữ "gà đồng" có phải do ý từ chữ "dã kê" này mà ra chăng? Hay do chữ "điền kê 田雞" mà ra?

Dưới đây xin cử ra một vài thành ngữ khác.

a/ Kê công xa 雞公車.

Kê công xa là tên gọi loại xe một bánh, do vợ Gia Cát Lượng là Hoàng Nguyệt Anh nghĩ chế tạo ra. Nguyên vào thời Tam Quốc, Lưu Bị sau khi mượn được đất Kinh Châu, nhưng lương thực không đủ dùng, mới sai Gia Cát Lượng tìm cách khai khẩn trồng trọt. Kinh Châu lại là vùng đất có nhiều hồ, vì thế muốn khai khẩn thì phải đào đất làm đê để ngăn nạn lụt. Gia Cát Lượng thấy sĩ tốt lao lụy người cuốc người vác, vất vả, công việc chậm chạp mà lại cực nhọc vất vả, muốn dùng chiến xa để chuyên trở thì không được, mà mùa nước lũ sắp tới. Về nhà Gia Cát Lượng thở vắn thở dài, chưa nghĩ ra biện pháp. Người vợ là Hoàng Nguyệt Anh thấy vậy mới hỏi nguyên cớ, Gia Cát Lượng đem sự việc kể lại cho vợ nghe. Người vợ chỉ cười. Gia Cát Lượng biết vợ đã tìm ra biện pháp, bèn khom người vái vợ mấy vái xin chỉ giúp. Người vợ mới nói: "Tôi nay thiếp sẽ thiết kế làm một chiếc xe nhỏ, khi gà kêu đến lần thứ ba sẽ giao hàng cho tướng công".

Gia Cát Lượng đứng chờ ở ngoài cửa, khi gà gáy đến lần thứ hai, ông sốt ruột, đẩy cửa bước vào phòng của vợ, thì thấy người vợ đã hoàn thành xong một chiếc xe nhỏ, có một bánh, khi đẩy xe lên, thì xe phát ra tiếng kêu cót ket như cục tác, lại hoàn thành trước cả dự định một tiếng gà, nên mới đặt tên là "kê công xa".

Nhờ loại xe mới sáng chế này, mà công việc vận chuyển đất đắp đê được nhanh chóng và bớt vất vả hơn, giúp cho việc khẩn

hoang của Lưu Bị được mở rộng và phát triển thêm, có đủ lương thực để chống lại với phe Ngụy và Ngô.

b/ Kê gian 雞姦.

Chỉ việc con trai hành dâm với con trai. Ngày xưa đó là một tội danh bị phạt xử tử, và bị coi là một tội hèn hạ, xỉ nhục, mất đạo đức. Tức như bây giờ thường gọi là bệnh đồng tính luyến ái. Bê đê. Trên thực tế bệnh kê gian, bệnh háo nam sắc này xuất hiện đã từ lâu đời. Nước Tàu, từ khi Tần thống nhất cho đến nhà Mãn Thanh bị lật đổ, kéo dài 2133 năm, gồm 564 vị hoàng đế, không thiếu những ông vua anh hùng, tài trí thao lược, nhưng lại mắc bệnh "kê gian", hiếu nam sắc. Tần Thủy Hoàng có gã Triệu Cao xinh đẹp mà gian ác. Triều nhà Hán, Hán Cao Tổ Lưu Bang có chàng Tịch Nhữ thanh tú linh lợi. Hán Văn Đế Lưu Hằng có chàng Đặng Thông xuất thân bần hàn, sống bằng nghề lái đò, nhưng nhờ khuôn mặt đẹp như trăng, nước da trắng như ngọc ngà mà được vua yêu. Hán Võ Đế Lưu Triệt có nam sủng là Hàn Yên và Lý Diên Niên. Vua Ai Đế đời Hậu Hán có Đồng Hiền. Ai Đế say mê Đồng Hiền, thường cho Hiền cùng ăn cùng ngủ. Có lần vua cho Hiền ngủ trên tay áo của mình, vua muốn đứng dậy, nhưng thấy Hiền còn chưa tỉnh, không nỡ đánh Hiền thức dậy, bèn dùng dao cắt đứt tay áo của mình, để cho Hiền ngủ yên. Thành ngữ "Đoạn tỵ 斷袖 -Cắt tay áo" thường được sử dụng trong thơ văn cổ điển để chỉ bệnh háo nam sắc của các bậc đế vương. Háo nam sắc đối với các ông vua, không phải là một thứ tình cảm bẩm sinh, chẳng qua chỉ là một món ăn chơi "nghịch dư", khi đã là "thiên tử-con trời", muốn gì được nấy. Bằng cố là các vị thiên tử này vẫn vì nữ sắc mà bị mất thiên hạ.

c/ Kê đầu nhục 雞頭肉.

Nếu hiểu theo nghĩa là "miếng thịt đầu gà" thì không đúng. "Kê đầu nhục" có nghĩa là đầu vú của phụ nữ. Nhân vì Đường Minh Hoàng là một ông vua bay bướm đa tài lẫn đa tình. Một hôm vua thấy Dương Quý Phi tắm xong, đứng soi gương, để lộ một đầu vú ra khỏi áo, vua bèn lấy tay vịn sờ lắn, rồi bảo với Dương Quý Phi rằng: "Nhuyễn ôn tân bác kê đầu nhục -軟溫新剥雞頭肉. Mềm

mại êm ấm như thịt đầu gà mới bóc". Nhưng đầu gà thì chỉ toàn xương thôi, làm sao mà mềm mại êm ấm được. Chẳng qua là một cách nói văn hoa, ẩn dụ cho đẹp, thay vì nói toạc móng heo, một cách số sàng là cái đầu vú.

Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai Chí Dị, truyện Liên Tỏa, cũng dùng từ ngữ này một cách khéo léo. Ông viết: "戲以手探胸則雞頭之肉依然處子 - Hí dĩ thủ thám hung, tác kê đầu chi nhục, y nhiên xử tử. - Đùa lấy tay lần sâu vào bụng nàng, thấy đầu vú, y nhiên còn là trinh nữ. "

Cổ nhân dùng chữ quả thật nhiều khô, rắc rối.

d/ Kê đầu cầu huyết 雞頭狗血 - Đầu gà máu chó.

Cổ xưa, người Trung Hoa cho rằng gà và chó là những con vật có nguồn gốc thần bí, khác những gia súc khác. Gà là do Ngọc Hành Tinh tan ra mà thành. Chó là do Đẩu Tinh mà sinh ra, nên người Trung Hoa sử dụng một số bộ phận nào đó của gà để làm pháp bảo phù chú, như đầu gà máu chó. Họ tin rằng dùng máu gà, máu chó có thể tịch tà, diệt trừ được những điều bất tường, xui xẻo.

Theo sách Sử Ký của Tư Mã Thiên, việc sử dụng máu chó, máu gà bôi vào cửa để giải trừ những thế lực "tà ma", hoặc phá những "yêu thuật" gian ác của kẻ thù. Đó là một hiện tượng đã có từ đời Tần Thủy Hoàng.

Tập tục chém đầu gà treo ở trước cửa vào đêm giao thừa để trợ trường sinh và giúp ích cho việc trồng trọt, cấy cày của nhà nông cũng là một hiện tượng phổ biến ở Trung Hoa trước cuộc Cách Mạng Tân Hợi.

Ngoài ra, người Tàu còn dùng xương gà, gan gà, mỏ gà, trứng gà để bói toán, dự đoán cát hung, may rủi.

Để chấm dứt bài này, tôi xin thuật lại sự tích "Kê cân 雞筋 - gân gà" dưới đây :

Kê cân 雞筋 hay kê lạc 雞肋.

Gân gà hay xương gà?

Hồi còn nhỏ, tôi ham đọc "Tam Quốc Chí Điển Nghĩa", tôi cố để dành tiền mua được một bản dịch truyện này, do nhà in Phúc Chi ấn

hành, nhưng lại không ghi tên người dịch. Nguyên danh là Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa, La Quán Trung đã dựa vào Tam Quốc Chí của Trần Thọ, đời Tấn mà soạn ra, được các nhà phê bình văn học Trung Hoa coi là đệ nhất tài tử thư. La Quán Trung đã vẽ lại cho người đọc thấy cuộc đấu tranh quân sự giữa các sứ quân cát cứ, và tình hình chính trị phức tạp kéo dài hơn nửa thế kỷ trong thời kỳ Hán末 - Tam Quốc. Toàn truyện có nhiều chi tiết có thật rút từ chính sử ra, và có khoảng 1191 nhân vật, rất khó mà nhớ hết. Nhiều thành ngữ của Trung Quốc cũng được rút ra từ bộ truyện này, như "Quá Ngũ Quan Trảm Lục Tướng - 過五關斬六將", "Vọng Mai Chỉ Khát - 望梅止渴", "Thất Bộ Thành Thi - 七步成詩", "Tam Cố Thảo Lư - 三顧草廬", "Dương Tu Kê Lặc 揚修雞肋"...

Dương Tu vốn là mưu sĩ của Tào Tháo, con của Dương Bưu, người Hoàng Nông Hoa Âm, nổi tiếng là một người tài tư mẫn tiệp, học rộng biết nhiều, nhưng thường ỷ tài, nhiều lần mạo phạm vào những điều cấm kỵ của Tào Tháo, lại thêm đứng về phe Tào Thực trong cuộc tranh dành ngôi báu với Tào Phi, càng khiến Tháo ghét thêm.

Năm Kiến An nhị thập tứ niên, tức năm 219 Công Nguyên, Tào Tháo với Lưu Bị tranh nhau đất Hán Trung. Tào Tháo đánh nhiều trận không thắng, lại mất viên mãnh tướng Hạ Hầu Uyên, nên Tháo có ý muốn rút quân, nhưng trù trừ chưa quyết định. Giữa lúc đó, bộ hạ của Tháo là Hạ Hầu Đôn vào trong trướng xin hiệu lệnh ban đêm. Tháo nhìn thấy trong bát thang đang ăn của mình còn có cái "gân gà" chưa ăn, bèn thuận miệng nói: "Gân gà! Gân Gà".

Đôn ra ngoài truyền lệnh cho các quan quân bảo là "Gân gà".

Hành Quân Chủ Bạ Dương Tu nghe thấy hai chữ "Gân gà", bèn bảo cho quân sĩ của mình sửa soạn hành trang để đi về. Có người đến báo cho Hạ Hầu Đôn biết. Đôn giật mình kinh sợ, cho mời Tu vào trong trướng của mình, và hỏi:

- Tại sao ông lại thân thập hành trang vậy?

Tu đáp:

- Theo như hiệu lệnh đêm nay là biết Ngụy Vương sớm muện gì cũng rút quân về. "Gân gà" ăn vào thì không có thịt, mà bỏ đi thì còn mùi vị. Nay ta tiến thì không thể thối, còn lùi thì sợ địch quân chê cười. Trong hoàn cảnh vô ích như thế, chi bằng rút về. Tương lai, Ngụy Vương thế nào cũng ban sư đấy, vì thế tôi thâu thập hành trang trước, tránh khỏi bị hỗn loạn lúc lâm hành.

Ngụy Vương tức Tào Tháo, các cận thần của Tháo đều tôn xưng Tháo là Ngụy Vương.

Đôn nghe nói thế, bảo:

- Ông thật là người biết hết gan ruột của Ngụy Vương đấy!

Rồi cũng cho lính thâu thập hành trang.

Thế là các tướng trong doanh trại của quân Ngụy, chẳng ai là không chuẩn bị để rút về.

Đêm đó, Tào Tháo thấy trong lòng bồn chồn rối loạn, ngủ không yên, bèn sách cương phủ đi một vòng quanh trại. Chỉ thấy quân sĩ trong trại của Hạ Hầu Đôn ai nấy đều chuẩn bị hành trang. Tháo đâm hoảng, vội vã trở về trong trướng, gọi Hạ Hầu Đôn lên hỏi.

Đôn thưa:

- Chủ Bạ Dương Đức Tổ biết trước được ý muốn trở về của Đại Vương!

Đức Tổ là tên chữ của Tu. Tháo cho gọi Tu lên hỏi. Tu lấy ý của hai chữ "Gân gà" ra giải thích. Tháo giận quá, nói:

-Nhà người dám tạo ngôn, làm loạn quân tâm à!

Rồi hét đao phủ thủ lôi Tu ra chém đầu treo ở ngoài cửa hiên môn.

Sự tích trên đây, tôi đã dịch từ nguyên bản chữ Hán sách Tam Quốc Diễn Nghĩa, hồi thứ bảy mươi, sách do Minh Lương Thư Cục ở Hương Cảng phát hành. Đến đây tôi xin mở một dấu ngoặc:

Vốn trong nguyên truyện bằng chữ Hán, không hề có chữ "kê cân 雞筋" mà chỉ có chữ "kê lạc 雞肋". Câu trong nguyên truyện viết là:

適庖官進雞湯,操見碗中有鷄肋,因而有感於懷,正沈吟間夏侯惇入帳稟請夜間口號.操隨口曰:雞肋!雞肋.惇傳令

眾官都稱雞肋。

(Dịch âm: Thích bào quan tiến kê thang Tháo kiến oản trung hữu sồ lạc nhân nhi hữu cảm ư hoài Chính trầm ngâm gian Hạ Hầu Đôn nhập trưởng bảm thỉnh dạ gian khẩu hiệu. Tháo tùy khẩu viết "Kê lạc! Kê lạc!".Đôn truyền lệnh chúng quan đô xưng "Kê lạc".)

Trong nguyên bản rõ ràng là chữ kê lạc 雞肋 chứ không phải chữ kê cân 雞筋. Chữ lạc 肋 có nghĩa là xương, còn cân 筋 mới có nghĩa là gân, hai chữ chỉ hơi giống nhau. Nhìn vội dễ có thể đọc nhầm. Nhưng sở dĩ tôi vẫn dịch là "gân gà", không câu nệ phải dịch đúng nghĩa là "xương gà", một phần vì thương tiếc hai chữ "gân gà", mà tôi cho là tuyệt cú mèo và thích hợp với văn cảnh và ý của cốt truyện, mà người dịch giả vô danh đã cố tình sử dụng một cách khéo léo, thần tình. Hai nữa, cũng để hoài cảm bộ sách cũ, tôi đã cố để dành tiền mua được, rồi giữ gìn, bảo quản, đóng bìa mạ gáy, mang theo khi vào Nam, sau 1975 bị nạn phần thư, chung một kiếp bạc mệnh, không còn nữa.

Ôi! Cái tình "Trung thư hữu nữ nhan như ngọc 中書有女顏如玉" là thế đấy! Cố nhân hê cố nhân!

Năm thân sắp qua, năm Dậu sắp lại, con khỉ đi con gà đến, gọi là có dùm chữ nho, trả món nợ cuối năm, và để tạ cái tình của người bạn vong niên, anh đến thăm em một chiều mưa, chẳng có gì đãi đằng, ngoài tách trà "đinh" đắng chát.

Phần chú thích

Tào Tháo 曹操

Tào Tháo tức Ngụy Võ Đế, sinh năm 155 CN, là một chính trị gia, quân sự gia, thi nhân đời Tam Quốc, người đất Tiêu, tự là Mạnh Đức, tiểu danh A Man, vốn họ Hạ Hầu, cha là Tung làm con nuôi con nuôi hoạn quan Tào Đằng, nhân thế mới mang họ Tào. Cuối thời Đông Hán, Tháo trấn áp giặc Khăn Vàng, để khuyếch trương lực lượng quân sự của mình.

- Năm 192 CN, Tháo chiếm cứ Duyện Châu, rồi phân hóa và dụ hàng được một bộ phận quân đội của giặc Khăn Vàng ở Thanh Châu, rồi lập thành "Thanh Châu Binh".

- Năm 196 CN, Tháo đón vua Hiến Đế về Hứa Đô (nay là thuộc phía đông Hứa Xương tỉnh Hà Nam), rồi lấy danh nghĩa của Hiến Đế để ra lệnh cho chư hầu. Trước sau, Tháo tước trừ thế lực cát cứ của Lã Bố, đại phá lực lượng thế tộc quân phiệt của Viên Thiệu tại trận Quan Độ, dần dần thống nhất được miền bắc Trung Quốc.

- Năm 208 CN, Tháo lên làm Thừa Tướng, xuất quân đánh miền Nam, bị liên quân Tôn Quyền, Lưu Bị đánh bại ở trận Xích Bích.

- Năm 216 CN, Tào Tháo được phong Ngụy Vương. Khi mất, con là Tào Phi, cướp ngôi nhà Hán và xưng đế, truy tôn Tháo là Võ Đế.

Trong thời gian cai trị ở phía bắc Trung Quốc, Tào Tháo cho lập đồn điền, hưng tu thủy lợi, giải quyết được vấn đề thiếu thốn lương thực. Ông lại biết dùng người có tài, đả phá cái quan niệm coi trọng thế tộc môn đệ, chiêu mộ những nhân vật trung và hạ tầng địa chủ, ức chế bọn cường hào, gia cường trung ương tập quyền, khiến cho bắc phương xã hội, kinh tế khôi phục và phát triển.

Là một nhà quân sự có tài, Tào Tháo từng viết "Tôn Tử Lược Giải", "Bình Thư Tiếp Yếu". Ông còn giỏi về thi ca, có nhiều bài thơ được người đời yêu thích truyền tụng rất rộng như "Tang Thương Hải", "Đoản Ca Hành", được xưng tụng là "Kiến An Phong Cốt", hiện nay còn "Ngụy Võ Đế Tập".

Nhưng về mặt đạo lý cũ, Tháo bị coi là kẻ gian hùng, bất trung bất nghĩa, có nhiều thủ đoạn.

Tháo mất năm 220 CN.

Tôn Quyền 孫權

Ngô Quyền là người kiến lập ra nước Ngô thời Tam Quốc, tự là Trọng Mưu, người Phú Xuân Ngô Quận (nay Phú Dương tỉnh Triết Giang). Cuối đời Đông Hán, Tôn Quyền kế nghiệp người anh là Tôn Sách, chiếm cứ sáu quận Giang Đông.

- Năm 208 CN, Tôn Quyền hợp binh với Lưu Bị đại phá Tào Tháo ở trận Xích Bích.

- Năm 222 CN, trong cuộc chiến Ngô Thục, tại trận Di Lăng, Quyền dùng hỏa công đại phá hơn bốn chục doanh trại của Lưu Bị, tận diệt thuyền bè, khí giới và quân tư, khiến cho Lưu Bị phải chạy

về Bạch Đê Thành (nay là Phụng Tiết tỉnh Tứ Xuyên), năm sau thì mất.

- Năm 229 CN, Quyền xưng đế ở Võ Xương, lấy quốc hiệu là Ngô. Sau rời đô đến Kiến Nghiệp (nay là Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

Trong thời gian ở ngôi, Quyền từng phái hàng hải liên hệ với Di Châu (nay là Đài Loan). Thái Thú Sĩ Nhiếp ở Giao Chỉ cũng từng đem ngọc trai, sừng tê, ngà voi, cùng trái cây quý giá cống cho Quyền, được Quyền khen ngợi và phong cho chức Long Biên Hầu.

Để thúc đẩy phát triển, Quyền thiết lập nông quan, thực hành đồn điền, nhưng vì hình pháp tàn khốc, và phú thuế nặng nề, nên thường xảy ra các cuộc nổi dậy chống đối của dân chúng.

Năm 252 CN, Tôn Quyền mất, ở ngôi ba mươi một năm. Con là Tôn Lượng kế vị, truy tôn là Đại Đế, người đời thường gọi là Ngô Đại Đế.

Lưu Bị 劉備

Lưu Bị tức Chiêu Liệt Đế, sinh năm 161 CN, là người kiến lập ra nhà Thục Hán đời Tam Quốc, tự là Huyền Đức, người Trác Huyện Trác Quận (nay thuộc Hà Bắc, là họ một chi xa với hoàng tộc. Thuở nhỏ, Bị nhà nghèo, theo mẹ sống bằng nghề bán giấy và dệt chiếu. Cuối thời Đông Hán, Lưu Bị khởi binh, tham dự trấn áp giặc Khăn Vàng. Trong cuộc hỗn chiến của các quân phiệt thời đó, Bị từng đến nương nhờ Công Tôn Toản, Đào Khiêm, Tào Tháo, Viên Thiệu, và Lưu Biểu.

Sau Lưu Bị nghe kế của Gia Cát Lượng chủ trương "liên Tôn cự Tào" đánh bại Tào Tháo ở trận Xích Bích năm 208 CN, rồi chiếm lãnh Kinh Châu, lực lượng dần dần trở nên lớn mạnh. Sau đó, Bị đánh chiếm Ích Châu, Hán Trung.

Năm 221 CN, Lưu Bị xưng đế, đóng đô ở Thành Đô, đặt quốc hiệu là Hán, sử quen gọi là Thục Hán.

Trong cuộc chiến tranh Ngô, Thục, Lưu Bị đại bại ở trận Di Lăng, năm 223 CN bị bệnh mất.

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa 三國志演義

Trường biên lịch sử tiểu thuyết. Nguyên toàn danh xưng là Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa, hoặc Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa.

Tam Quốc Chí là loại lịch sử tiểu thuyết mở đầu trong văn học Trung Quốc, do La Quán Trung soạn vào thời Minh Mạt Thanh Sơ. La Quán Trung đã căn cứ vào sách Tam Quốc Chí của Trần Thọ đời Tây Tấn và do Bùi Tòng Chi chú, cùng sách Tam Quốc Chí Bình Thoại đời Nguyên mà viết thành.

Bản Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa lưu hành hiện nay là do Mao Tôn Cương đã tu đính và sửa chữa. Cố sự bắt đầu từ truyện Lưu Bị, Quan Vũ, và Trương Phi kết nghĩa vườn đào, đến Vương Tuấn bình Ngô, trải qua gần một nửa thế kỷ.

Tác giả đã vẽ lại cho người đọc thấy rõ những cuộc đấu tranh quân sự giữa các sứ quân và tình hình chính trị phức tạp của thời kỳ Hán Mạt và Tam Quốc, đồng thời thành công nặn ra được hàng loạt những nhân vật mang những hình tượng điển hình, rõ rệt như Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Quan Vũ, Trương Phi v. v...

Tác phẩm có nhiều chương tiết rất sống động, bóng bẩy. Như “Lưu, Quan, Trương, tam anh chiến Lã Bố”, “Tam cố thảo lư”, “Xích Bích chiến”.

Toàn truyện có rất nhiều chi tiết khúc chiết, kết cấu hoành đại, nhưng bố cục rõ ràng, mạch lạc, được vinh dự coi là “Đệ nhất tài tử thư”.

Truyện có cả thấy 1191 nhân vật có danh có tính, chia ra:

- 436 võ tướng
- 456 văn quan
- 128 nhân vật là tôn thất, hoạn quan, cung phi.
- 67 người thuộc các sắc tộc ngoài biên, như Tiên Ty, Khương.
- 109 nhân vật thuộc các tam giáo cửu lưu.

Chủ đề của Tam Quốc Diễn Nghĩa lấy tư tưởng chính thống “tôn Lưu biếm Tào”, và coi cuộc nổi dậy Hoàng Cân là làm loạn, làm giặc, lấy trung hiếu tiết nghĩa làm tiêu chuẩn, và coi thuyết "Thiên hạ qui nhất", "hợp cửu tất phân, phân cửu tất hợp" là xu thế tất nhiên của qui luật phát triển lịch sử.

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, được quảng đại quần chúng hâm mộ ưa thích. Ở Việt Nam, có ít nhất sáu bản dịch khác nhau.

La Quán Trung 羅貫中

Là một tiểu thuyết gia thời cuối đời Nguyên, đầu đời Minh, tác giả "Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa", tên là Bồn, tự là Quán Trung, hiệu là Hồ Hảo Tán Nhân, người Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây. Cuộc đời bình sinh của ông chưa có tài liệu nào nhắc đến. Tương truyền, ông từng là học trò của Thi Nại Am, ít giao thiệp với người đời, chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng nho gia, mang trong lòng hoài bão phò vua giúp nước, để tạo nên sự tạo nên sự nghiệp. Cả cuộc đời ông, để hết lòng vào việc sáng tác văn học. Ông soạn hơn mười bộ tiểu thuyết, hiện còn lại:

- Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa tức Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa.

- Tam Toại Bình Yêu truyện.

- Tùỵ Đường Chí truyện.

- Tàn Đường Ngũ Đại Sử Diễn Nghĩa.

- Phấn Trang Lầu.

Trừ hai bộ truyện đầu còn bảo lưu được nguyên diện mạo của nguyên tác, các bộ sau bị hậu nhân san cải, sửa chữa nhiều lần, không còn giữ được nguyên dạng lúc đầu nữa.

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa là bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử vĩ đại nhất của Trung Quốc, hưởng một vinh dự lớn trong văn học sử, và ảnh hưởng thâm sâu đối với hậu thế.

Liêu Trai Chí Dị 聊齋志異

Tên một cuốn tiểu thuyết gồm các truyện ngắn viết bằng văn ngôn, tác giả là Bồ Tùng Linh, đời Thanh trước tác, cộng 431 truyện. Tác giả đã dựa vào những truyền thuyết dân gian, dã sử, đặt văn, lấy đời sống sinh hoạt người dân hạ tầng và trung tầng làm chủ thể, rồi dùng trí tưởng tượng độc đặc hiếm hoi của chính mình mà dựng nên những câu chuyện hồ ly, ma quỷ, hoa yêu, với mục đích để:

- Phơi bày ra ánh sáng những hủ bại hắc ám ở chốn quan trường, và sự cai trị tàn bạo độc ác của nhà cầm quyền Thanh Triều.

- Chọc cười, phóng thích những phong tục hủ bại, giả đạo đức, dày tác hại của lễ giáo phong kiến, cũng như những tệ đoan của chế độ khoa cử.

- Tán tụng tình yêu chân chính và đề cao tự do luyện ái, tự do kết hôn của thanh niên trai gái.

Liêu Trai Chí Dị phản ánh rõ ràng diện mạo xã hội Trung Quốc ở thế kỷ thứ 17, và thông qua những câu truyện ma quỷ, hồ ly, tác giả muốn thổ lộ nỗi niềm "cô phần" của mình đối với xã hội đương thời.

Những câu truyện được tác giả thuật lại bằng lối văn ngôn điệu luyện sâu sắc, lãng mạn, những lời đối thoại được diễn tả sống động, truyền thần, với những tình tiết ý vị, hư hư thực thực, thất cỏi, lên xuống, dẫn đưa người đọc mê say, đi từ ngạc nhiên này, đến ngạc nhiên khác, khiến cho tác phẩm tiếp nối được truyền thống truyện kỳ và trở thành ngọn đỉnh phong của lối văn truyện kỳ chí quái cổ xưa của văn học Trung Quốc.

Tác phẩm sau khi ra đời được hơn hai trăm năm, được quảng đại độc giả hỷ hoan ái mộ, cùng lưu truyền các nước trên thế giới như Anh, Pháp, Đức, Ý, Mỹ, Nhật, Nga, Việt Nam v. v. đều có những bản dịch.

Riêng ở Việt Nam ước chừng có hơn mười bản dịch khác nhau. Có bản nhiều truyện, có bản ít truyện, tùy người dịch.

Liêu Trai là tên phòng đọc sách của Bồ Tùng Linh, nên ông lấy đó làm tên sách, và vì thế Bồ Tùng Linh còn có hiệu là Liêu Trai Tiên Sinh, và Liễu Tuyền Cư Sĩ. Đa số những truyện của ông là viết về quỷ ma, quái dị, nên gọi là Chí Dị.

Bồ Tùng Linh 蒲松齡

Bồ Tùng Linh là văn học gia đầu đời Thanh, tác giả truyện "Liêu Trai Chí Dị", tự là Lưu Tiên, một tự khác là Kiếm Thần, hiệu là Liễu Tuyền Cư Sĩ, người đời thường gọi ông là Liêu Trai Tiên Sinh, người Truy Xuyên. Có thuyết cho rằng ông là người Mông Cổ, hay Hồi tộc,

xuất thân từ một gia đình phú hào đã bị suy vi, và thuộc phân tử trí thức. Ông có tài cao từ hồi còn trẻ, dốc chí thi cử, năm mười chín tuổi thi đậu tú tài, sau đi thi nhiều lần không đậu, mãi đến năm bảy mươi một tuổi mới đậu công sinh, bốn năm sau thì qua đời.

Một đời Bồ Tùng Linh lấy nghề dạy học mưu sinh, lao đao sầu cùng. Nhân vì khoa cử bất đắc ý, lại thấy quan trường tham tà uổng pháp, mà nhân dân thì thống khổ nghèo khổ, ông bèn mượn những hình ảnh của hồ ly, ma quỷ, yêu quái, viết truyện "Liêu Trai Chí Dị", để trút bớt niềm cô phẫn, bất bình ở trong lòng.

Sau hai mươi năm, thì "Liêu Trai Chí Dị" được hoàn thành. Truyện được viết bằng một bút pháp lãng mạn, phơi bày những tội ác hắc ám của nhà cầm quyền, công kích những tệ đoan hủ bại của khoa cử, cùng chủ trương tự do luyến ái, phản ánh những sinh hoạt xã hội của thời kỳ đó. Liêu Trai Chí Dị là tuyệt đỉnh của loại văn ngôn đoản biên tiểu thuyết của Trung Hoa, có ảnh hưởng sâu rộng với hậu thế. Nhiều người đã mô phỏng Liêu Trai Chí Dị để viết nên những tác phẩm riêng của mình, như "Dạ Vũ Thu Đăng Lục" của Tuyên Đình, "Tồng Ân Mạn Lục" của Vương Thao, "Dạ Đàm Tỳ Lục" của Hòa Bang Ngạch. "Huỳnh Song Dị Thảo" của Trường Bạch Hạo Ca Tử (Chúng tôi đã dịch một số truyện trong những tác phẩm này.)

Ở Việt Nam có sách Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ gồm hai mươi hai truyện, cũng viết theo thể văn ngôn đoản biên tiểu thuyết, mà theo Trần văn Giáp thì chịu ảnh hưởng của Nguyễn Nho, ra đời từ thời Lê, trước cả "Liêu Trai Chí Dị".

THÔI VĨ

崔燁

Tác giả : Bùi Hình

Bản dịch của : Phạm xuân Hy

Một ngọn đèn xanh lửa dóm, hắt hiu tranh sáng với loài ma,

Bao phen dẫm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ

Liễu Tuyên Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

N

iên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, có người họ Thôi tên Vĩ, vốn là con quan cố Giám Sát Ngự Sử Thôi Hướng. Khi còn sinh tiền, Thôi Hướng từng nổi tiếng là người giỏi làm thơ, sau chết trong lúc tông sự ở Nam Hải.

Thôi Vĩ cư trú ở Nam Hải, tính tình rộng rãi khoáng đạt, trượng nghĩa khinh tài, không chăm lo gì đến gia tài sản nghiệp. Trong vòng mấy năm thì khánh tận, tiền bạc hết sạch sàng sanh, đành đến cửa chùa ngủ đậu.

Một hôm vào tết Trung nguyên ngày này dân chúng Phiên Ngung thường có tục đem thức ăn ngon đến chùa cúng lễ, và tập trung hàng trăm thứ trò chơi múa diễn ở Khai Nguyên Tự.

Vĩ cũng đến đó để xem.

Chàng thấy có một bà lão ăn mày, nhân không đề phòng bị té, làm đổ vỡ một bình rượu của một quán bán rượu, bị chủ quán vung chân múa tay đánh đập. Mà bình rượu, thật ra, cũng chỉ đáng giá một mân tiền mà thôi. Vĩ thấy vậy, lòng thương hại, bèn cởi chiếc áo đang mặc trên người ra để bồi thường thay cho bà lão.

Bà lão bỏ đi thẳng, chẳng thềm cảm ơn một lời.

Sau đó một hôm, bà lão tìm đến bảo với Vĩ rằng :

-Mụ xin đa tạ công tử đã cứu mụ thoát khỏi tai nạn. Mụ có thuật châm cứu chữa khỏi bệnh bấu trên người, nay có mấy sợi cỏ ngải vùng Việt Tĩnh Cương tặng công tử, nếu như mà gặp người mắc

bệnh đó, chẳng những có thể trị cho người ta, lại còn được vợ đẹp nữa.

Thôi cười, rồi cầm lấy những sợi ngải, thì bà lão đã thành linh biến mất.

Ít lâu sau Vĩ đến vùng Hải Quang Tự du ngoạn, gặp một vị sư già, có cái bấu mọc ở tai, chàng lấy ngải ra đốt để chữa cho nhà sư, quả nhiên hiệu nghiệm đúng như lời bà lão ăn mày nói, cái bấu liền rụng xuống đất. Vị sư già hết lòng cảm kích, bảo với Vĩ :

-Bần đạo chẳng có gì quý để đền ơn công tử, chỉ xin niệm kinh cầu chúc cho công tử hạnh phúc trường thọ. Tuy thế, ở dưới chân núi này, có cụ già họ Nhâm, gia tư giàu có cự vạn, cũng mắc chứng bệnh như bần đạo. Như nếu công chữa khỏi, chắc chắn sẽ được đền ơn lớn. Để lão viết thư giới thiệu nhé.

Vĩ gật đầu đồng ý.

Khi lão Nhâm được tin ấy, mừng nhảy cẫng lên, lấy lễ đón tiếp Vĩ thật là trịnh trọng. Vĩ bèn đem ngải ra đốt, chữa cho lão Nhâm khỏi bệnh ngay.

Lão Nhâm bảo với Vĩ :

-Tạ ơn công tử đã cứu lão khỏi khổ nạn này, lão chẳng có gì nhiều để hậu tạ công tử, xin biểu công tử mười vạn sâu tiền , mong công tử thư thả ở lại chơi tệ xá ít hôm, đừng vội vã đi ngay.

Vì thế mà Vĩ ở lại nhà lão Nhâm.

Chàng vốn sành sỏi đàn sáo. Nhân nghe có tiếng đàn cầm trỗi lên ở nhà trên của chủ nhân, bèn hỏi với đứa gia đồng xem ai là người gảy, thì nó đáp :

-Đó là con gái yêu của chủ nhân đấy.

Chàng bèn mượn đàn để gảy. Chính lúc đó, người con gái của chủ nhân âm thầm đi qua, nghe tiếng đàn của Vĩ, liền sinh cảm tình, đem bụng yêu dấu .

Đương thời, trong nhà lão Nhâm có thờ một vị thần gọi là Thần Một Chân (Độc Cước Thần), cứ mỗi ba năm phải giết một người để cúng, mà tế kỳ lại sắp đến, lão Nhâm vẫn chưa kiếm được người để

giết, bồng thay lòng đổi dạ, gọi người con trai đến thương lượng, nói :

-Nhà ta nay chẳng có khách lạ nào đến, còn thân thuộc không ai có thể giết để tế thần được.Ta nghe nói đại ân còn có thể không báo, huống hồ chỉ chữa cái tật nhỏ !

Bèn ra lệnh sửa soạn đầy đủ thức ăn rau trái để tế thần, chờ nửa đêm sẽ đem Vĩ ra giết.Sau đó âm thầm khóa bên ngoài cửa phòng Vĩ lại, mà Vĩ chẳng hề hay biết gì.

Người con gái của lão Nhâm lên nghe biết chuyện, kín đáo đem một con dao để vào ngách cửa sổ, và bảo với Vĩ :

-Nhà thiếp thờ quý, đêm nay tất giết chàng để cúng quý, chàng hãy dùng con dao này, phá cửa mà trốn đi, bằng không, lát nữa thì chết.Nhưng nhớ mang dao theo, đừng để lại mà lụy đến thiếp.

Vĩ nghe xong, sợ hãi, toàn thân mồ hôi tháo ra như tắm, vớ lấy dao, chém gãy trần song cửa sổ, cầm theo ít cỏ ngải, rồi nhảy ra ngoài, tháo then cửa lớn, lập tức chuồn thẳng.

Lão Nhâm bất ngờ biết được, bèn đem theo hơn mười đứa gia đồng, kẻ cầm đuốc, người cầm dao, đuổi theo Vĩ sáu bảy dặm, cơ hồ suýt bắt được chàng.

Vĩ vì lạc đường, rơi xuống một cái giếng khô, nên bọn người đuổi theo bị mất tung tích, phải quay trở về nhà.

Khi Vĩ bị rơi xuống giếng, cũng nhờ những lá khô, lá mục, lâu ngày thành một cái đệm dày, nên Vĩ không bị thương tích gì.

Chừng khi trời sáng, Vĩ nhìn, té ra là một cái huyệt lớn, sâu hơn một trăm trượng , không thể nào ra nổi .Tứ phía đều là lối trống không ngoằn ngoèo khúc khuỷu, có thể chứa cả ngàn người.Vĩ thấy ở giữa động có một con trăn trắng to lớn, nằm cuộn khúc, dài cũng vài trượng.Trước đầu trăn có một cái cối đá bằng đá, trên trần đá có một vật lóng như mật cao nhỏ từng giọt xuống cối.Vĩ thấy trăn bèn lấy nước đó mà uống, lòng cảm thấy thấy lạ lùng, kỳ quái, bèn khấu đầu khẩn vái :

-Tôi chẳng may rơi lạc xuống đây, xin Long Vương thương tình đừng làm hại tôi !

Khẩn xong, lấy chỗ mật cao còn lại trong cối đá mà uống, nhất thời trong bụng không cảm thấy đói khát nữa. Khi nhìn kỹ thêm, Vĩ thấy ở môi của trăn cũng có một cục biểu, nghĩ đến cái ơn trăn đã thương mình, ý tính đem ngải cứu ra trị cho trăn, nhưng chẳng lấy lửa vào đâu được. Một lúc lâu sau, chợt có tia lửa từ xa bay vào trong động, Vĩ bèn đốt ngải, rồi giải thích với trăn, sau đấy mới châm vào cái bướu. Bướu lập tức rơi xuống đất.

Từ trước, trăn bị bướu làm trở ngại ăn uống, nay nhất thời mất đi, cảm thấy thuận lợi, bèn nhả ra một viên ngọc lớn, đường kính chừng một thốn để đền ơn Vĩ.

Vĩ không nhận, bảo với trăn rằng :

-Ngài là Long Vương có tài hưng vân bố vũ, chuyển hóa âm dương, xuất một tùy tâm, tất có cách cứu kẻ trầm luân, nếu đưa được tôi ra khỏi chốn này, trở về nhân thế, thì ơn ấy tôi xin một đời khắc ghi tại tâm can. Tôi chỉ mong được về ngay, còn châu báu ngọc ngà nào có cần chi.

Nghe Vĩ nói thế, trăn liền nuốt lại viên ngọc vào bụng, rồi uốn chuyển bò đi, như có ý định đến một chỗ nào đó.

Vĩ vái thêm lần nữa, rồi trèo lên lưng trăn. Nhưng trăn chỉ bò ở trong động, như thế có đến hơn mười dặm, chứ không chịu ra khỏi động khẩu. Trong động hắc ám như sơn, may nhờ có ánh sáng từ vẩy trăn tỏa ra như đuốc, chiếu lên hai bên vách, Vĩ thấy có những hình vẽ dàn ông, người nào cũng đội mũ đeo đai cả, phục sức như các vị quan ngày xưa. Sau, đi đến một cái cửa bằng đá, trên cửa có khoen thú vật bằng đồng, miệng ngậm môn hoàn, thông suốt bên kia sáng trưng.

Trăn đi đến đấy, thì cúi đầu, không muốn tiến thêm nữa, mà ngừng lại để cho Vĩ xuống. Vĩ tưởng đã về đến cõi trần, bèn bước vào nhà. Chỉ thấy đó là động phủ, trống không, rộng rãi, diện tích ước chừng hơn một trăm bộ, ngăn bởi bốn vách trạm trổ, điêu khắc. Giữa động buông phủ màn gấm thêu màu vàng, màu tía. Trên màn lại gắn trân châu phỉ thúy, làm Vĩ hoa cả mắt. Trước màn, là một chiếc lư đồng, có các loại thú như giao long, loan phụng, quy

xà, yên tước, làm trang trí, đang há mở trưng mồm nhả khói hương thơm nồng nặc. Bên cạnh có một cái ao nhỏ, lát băng hoàng kim và bạch ngọc. Trong ao đổ đầy thủy ngân để thả những con vịt trời, hải âu, bằng ngọc quý bơi lội. Sát bốn vách tường, kê những chiếc bàn khảm tê giác, sừng voi. Trên bàn bày các loại nhạc khí như cầm, sáo,笙, hoàng, đào, chúc... Nhất thời, Vĩ không sao nhớ nổi hết là bao nhiêu thứ. Chừng để ý nhìn kỹ, thấy những nhạc khí đó còn in dấu tay của người vừa mới chơi xong, lòng đâm ra hoang mang mơ hồ, không biết đây là động phủ nào. Lúc lâu sau, Vĩ lấy đàn gẩy thử, thì những cửa sổ trên bốn vách tường đều bật mở, có một con hầu áo xanh đi ra cười, nói :

-Ngọc Quỳnh Tử đã đưa Thôi lang đến !

Rồi lại quay người trở vào ngay.

Khoảnh khắc, có bốn nữ lang, đều búi tóc theo lối cổ, quần áo sặc sỡ thướt tha, đi ra bảo Vĩ :

-Chàng họ Thôi này ở đâu mà tự tiện vào trong mộ huyết của hoàng đế vậy !

Vĩ vội vã buông đàn xuống, chấp tay hành lễ vái chào. Các nàng cũng vái chào đáp lễ.

Vĩ hỏi :

-Đã là mộ của hoàng đế, vậy xin quý nương cho biết hoàng đế nay ở đâu ?

Đáp :

-Hoàng đế đi dự yến với vua Chúc Dong, nay tạm vắng nhà.

Rồi các nàng mời Vĩ vào ghé ngồi gẩy đàn tiếp. Chàng gẩy một khúc nhạc của người Hồ. Các nàng hỏi :

-Đó là khúc nhạc gì vậy ?

Vĩ thưa :

-Đó là khúc Hồ Già.

Lại hỏi :

-Hồ Già là khúc gì, chị em thiếp không hiểu ?

Vĩ đáp :

-Thời Hán có nàng Sái Văn Cơ, con gái quan Trung Lang Sái Ung, bị người Hung Nô bắt, phải luân lạc nơi đất Hồ, khi trở về nước, cảm nhớ đến những việc cũ ở đây, mới đem phổ thành một khúc nhạc để gảy, nhạc nghe ai oán nức nở như tiếng kèn của Hung Nô vậy.

Các nàng đều tỏ ra vui vẻ, nói :

-Thật đúng là một tân khúc !

Rồi sai thị nữ đem rượu nếp ra rót mời Vĩ.Chàng khấu đầu tạ ơn, đem cái ý tha thiết muốn trở về , cầu xin với các nàng giúp đỡ.

Một nữ lang bảo :

-Chàng đã đến nơi đây, âu cũng là cái duyên tiền thế, hà tất phải vội vã, xin hãy tạm nán lại, lát nữa sẽ có sứ giả nước Việt đưa về

Một cô khác nói :

-Hoàng thượng đã hứa đem Diên phu nhân gả cho chàng, thì cũng nên gặp gỡ nhau mới phải chứ !

Vĩ chẳng hiểu đầu đuôi truyện gì, nên im lặng không dám nhận lời.

Các nàng bèn bảo thị nữ vào mời Diên phu nhân ra, nhưng phu nhân lấy cố chưa có chiếu chỉ của nhà vua, nên không dám gặp Vĩ.Mời thêm lần nữa, cũng không ra .

Nữ lang bảo Vĩ rằng :

-Diên phu nhân là người nhu mì, đức hạnh, lại xinh đẹp, trên đời không ai sánh nổi, xin chàng hãy để tâm săn sóc , cũng là túc duyên cả.Phu nhân chính là con của Tề Vương đấy.

Vĩ hỏi :

-Tề Vương là ai vậy ?

Đáp :

-Tề Vương húy là Diên Hoàn, vào thời kỳ đầu nhà Hán, từng làm vua nước Tề, khi Hàn Tín diệt Tề, mới bỏ trốn ra sống ở hải đảo.

Lát sau, có bóng mặt trời chiếu vào chỗ Vĩ ngồi, chàng ngẩng đầu lên nhìn, qua một lỗ hồng, chàng thấy thấp thoáng ẩn hiện thế giới nhân gian.

Các nàng đều nói :

-Sứ giả Dương Thành sắp đến !

Sau đó, quả nhiên Vĩ thấy từ trên không có một con dê trắng từ từ đi xuống, tiến đến chỗ ngồi.Trên lưng dê có một người đàn ông, áo quần nghiêm trang, một tay cầm một cây bút lớn.Tay kia cầm thanh trúc xanh, trên có những chữ viết theo lối triện.

Sứ giả đặt thanh trúc xanh lên trên án thư.Các nàng sai tì nữ đọc các hàng chữ trên thanh trúc như sau : « Thứ Sử Quảng Châu là Từ Thân đã qua đời, nay do An Nam Đô Hộ Triệu Xương thay thế »

Rồi rót rượu mời sứ giả và nói :

-Thôi lang muốn trở về Phiên Ngung, xin phiền sứ giả đưa chàng cùng về nhà.

Sứ giả mạnh dạn nhận lời ngay, rồi quay đầu sang bảo với Vỹ :

-Ngài sau này nhất định phải thay tôi đổi áo quần , tu bổ phòng thất, để trả thù lao đấy nhé.

Vĩ chẳng hiểu sứ giả nói gì, chỉ gật đầu lia lịa cho xong.

Các nàng lại nói :

-Hoàng thượng có sai chị em thiếp đem quốc bảo Toại Dương Châu tặng cho Thôi lang, khi đưa về nước, sẽ có người Hồ bỏ mũm vạ mần tiền ra mua .

Vĩ chấp tái vái tạ lần nữa, nhận lấy báu vật, rồi hỏi các nàng :

-Vĩ tôi chưa từng được yết kiến hoàng thượng, lại không phải chỗ thân tộc, sao lại đột ngột đem ngọc quý mà ban cho như vậy ?

Các nàng đáp :

-Tiên quân trước đây từng có thơ đề ở Việt Vương Đài, khiến cho quan Thứ Sử Từ Thân cảm động mới cho tu bổ lại Việt Vương Đài.Hoàng thượng cũng lấy làm cảm kích, nên cũng có thơ đề tiếp, cái ý đem ngọc báu tặng cho chàng nằm ở trong bài thơ đó, đâu cần chị em thiếp nói ra , lẽ nào chàng lại không thấy.

Vĩ hỏi :

-Không biết trong thơ hoàng thượng viết gì ?

Các nàng bèn sai thị nữ, đem thơ đề trên quản bút của sứ giả nước Việt cho Vĩ coi.Thơ rằng :

Thiên tuế hoang đài huy lộ ngưng
千歲荒台隳路隅
Nhất phiến Thái thú trùng tiêu đồ
一煩太守重椒塗
Cảm quân phất thức ý hà cực
感君拂拭意何極
Báo nhĩ mỹ phụ dữ minh châu.
報爾美婦與明珠

Vĩ lại hỏi :

-Hoàng đế nguyên danh tính là gì ?

Nữ lang đáp :

-Sau này thì sẽ tự biết !

Rồi nói tiếp :

-Vào ngày tết Trung nguyên, chàng nên sửa soạn rượu ngon và đồ nhắm tốt trong một tĩnh thất ở Chùa Bồ Giản tỉnh Quảng Châu, chị em thiếp sẽ đưa Diên phu nhân tới.

Vĩ bái tạ cáo từ, tính trèo lên lưng dê của sứ giả, thì nữ lang nói :

-Nghe nói chàng có loại ngải cứu của Bảo Cô, có thể cho chị em thiếp ít nhiều được chăng ?

Vĩ để ngải cứu lại tặng bốn nàng, nhưng không biết Bảo Cô là ai, bụng còn đang suy nghĩ, chớp mắt đã thấy ra khỏi động phủ, chân đạp trên một vùng đất bằng phẳng, ngẩng đầu nhìn sao trên trời, mới biết là đã canh năm. Một lát sau thì nghe tiếng chuông chùa Bồ Giản vọng lại, bèn đi đến đó, được các tăng nhân trong chùa, đem cháo sớm cho ăn, rồi trở về Quảng Châu.

Nguyên ngày trước, ở Quảng Châu, Vĩ có thuê một gian phòng làm chỗ cư trú, nay bèn trở về đây để hỏi thăm tin tức, té ra chàng xa nhà đã ba năm rồi.

Chủ nhà hỏi Vĩ :

-Công tử đi đâu mà ba năm nay mới trở về vậy?

Vĩ không muốn nói sự thực, cứ đẩy cửa bước vào phòng , chỉ thấy bàn ghế, giường tủ , vẫn y nguyên như cũ, nhưng bụi bặm phủ

đầy , trong lòng cảm thấy sốt sa đau đớn.Chàng hỏi chủ nhà về tình huống của viên quan Thứ sử Quảng Châu Từ Thân, quả nhiên ông đã qua đời, và người đến thay là Triệu Xương.

Hôm sau, Vĩ tìm đến một thương điểm của người Ba Tư, lén bỏ viên ngọc báu đã được tặng ra bán.Một ông lão người Hồ, chợt nhìn thấy viên ngọc ấy, lập tức bò xuống đất, hai tay chắp lên trán vái chàng, nói :

-Công tử nhất định từ mộ huyết của Nam Việt Vương Triệu Đà trở về, bằng không, không thể có viên ngọc báu này được.Bởi vì viên ngọc này đã được đem tuấn táng chung với Triệu Vương rồi.

Vĩ bèn đem tình thực nói cho ông ta rõ, và chàng mới được biết hoàng đế chính là Triệu Đà, nhân vì Triệu Đà từng xưng là Nam Việt Võ Vương.Sau đấy, ông lão người Hồ bỏ ra mười vạn mần để mua viên ngọc của chàng.

Vĩ hỏi ông lão người Hồ :

-Cụ làm sao mà biết được lai lịch của viên ngọc này ?

Ông lão người Hồ đáp :

-Viên ngọc Toại Dương Châu này là quốc bảo của nước Đại Thực chúng tôi, vào thời đầu nhà Hán, Triệu Đà từng phái người có bản lĩnh trèo núi vượt biển đến nước tôi ăn cắp mang về Phiên Ngung, cách nay cũng cả ngàn năm.Nước chúng tôi có người có tài coi xem xét thiên tượng, có báo trước là năm sau quốc bảo sẽ được trở về nước, bởi thế cho nên quốc vương nước tôi mới phái tôi đem thuyền lớn và tiền bạc đến Phiên Ngung để tìm mua về.Nay quả nhiên đúng như vậy.

Sau đấy, ông lão người Hồ lấy nước ngọc dịch để rửa , phút chốc sáng chứng cả phòng, rồi ông vội vã xuống thuyền trở về Đại Thực Quốc.

Vĩ có được món tiền lớn, bèn mua sắm đất đai nhà cửa, nhưng tìm kiếm Dương Thành sứ giả thì tuyệt vô âm tín.

Một hôm chàng có việc đến miếu thành hoàng, bất chợt thấy những tượng thờ ở đó có một bức trông giống Dương Thành sứ giả, lại thấy trên cây bút của bức tượng có những chữ viết nho nhỏ, đó

chính là bài thơ đã đọc ngày trước ở trong mộ. Nhân thế, Vĩ đem rượu thịt đến miếu cúng tế, và cho tô điểm lại bức tượng, cùng mở mang miếu rộng thêm. Và cũng nhờ vậy, Vĩ mới biết là Dương Thành tức Quảng Châu thành, vì trong miếu có tượng năm con dê.

Sau đó, chàng hỏi thăm đến nhà cửa chỗ ở của ông già họ Nhâm, té ra đó là mộ của Nam Việt úy là Nhâm Ngao. Vĩ lại lên Việt Vương Đài để xem bài thơ do cha chàng đề. Thơ rằng :

Việt Tĩnh Cương đầu tòng bá lão

越井岡頭松柏老

Việt Vương Đài thượng sinh thu thảo

越王台上生秋草

Cổ mộ đa niên vô tử tôn

古墓多年無子孫

Dã nhân đạp tiến thành quan đạo

野人踏踐成官道

Bên cạnh có bài thơ họa của Nam Việt Vương Triệu Đà, khiến Vĩ cảm thấy nguồn gốc sự tình có nhiều điều kỳ quái, bèn tìm người chủ trì miếu để hỏi, thì người ấy nói :

-Trước đây quan Thứ Sử Từ Thân nhân lên thăm Việt Vương Đài, cảm động vì bài thơ của Thôi Ngự Sự, mới cho tân trang tu bổ lại đài, nên bây giờ trông mới tráng lệ như vậy đấy!

Sau, đến gần ngày tết Trung Nguyên, Vĩ chuẩn bị một mâm rượu thịt rất là phong phú hậu hĩnh, đem đến chờ trong một tĩnh thất ở chùa Bồ Giản. Quả nhiên đến gần nửa đêm, có bốn người con gái điu Điền phu nhân đến. Trông nàng dung mạo, rất là kiều diễm, nói năng từ tốn văn vẻ. Bốn nàng con gái cùng Vĩ uống rượu trò chuyện, cười đùa, mãi cho đến lúc gần sáng, mới cáo từ ra về. Vĩ cũng vái chào tạ ơn, rồi viết một lá thư cho Nam Việt Vương Triệu Đà, lời thư rất là cung kính, chỉ cốt bày tỏ lòng biết ơn mà thôi, sau đó, mới dắt Điền phu nhân vào trong phòng.

Vĩ hỏi nàng :

-Khanh đã là con gái của Tề Vương, vì sao lại lấy Nam Việt Vương ?

Nàng đáp :

-Thiếp vì cảnh quốc phá gia vong, nên bị Nam Việt Vương bắt đem về làm cung nữ.Khi Nam Việt Vương mất, thiếp bị tuần táng chung.Nay không biết là thời đại nào, chỉ mơ màng nhớ rằng việc Tề Vương Điền Quảng lược Lịch Tự Kỳ như mới vừa xảy ra hôm qua.Nên mỗi khi nhớ lại chuyện cũ, không khỏi sót sa rơi lệ.

Lại hỏi :

-Còn bốn người con gái ?

Đáp :

-Đều là những cung nữ bị tuần táng như thiếp.Trong đó có hai cô do vua Âu Việt là Dao tặng, còn hai cô kia do vua Mân Việt là Vô Chư kính hiến.

Vĩ lại hỏi :

-Cả bốn nàng đều nhắc đến tên Bảo Cô, vậy Bảo Cô là ai, khanh có biết không ?

Đáp :

-Bảo Cô là con gái Bảo Tịnh, vợ của Cát Hồng, thường đốt ngải cứu để trị bệnh cho người ta ở Nam Hải.

Bấy giờ Vĩ mới hiểu rõ Bảo Cô là bà lão đã cho chàng những sợi cỏ ngải cứu ngày trước, lòng không khỏi kinh sợ.

Còn Ngọc Quỳnh Tử là con rỗng mà cổ xưa An Kỳ Sinh đã cưới để lên châu Thiên Đế, nên mới có hiệu là Ngọc Quỳnh Tử.

Vĩ nhân vì rơi xuống huyết, được uống nước rãi rỗng mà da dẻ trở nên nõn nà, và gân cốt nhẹ nhàng cứng cáp.Chàng sống tại Nam Hải hơn mười năm, rồi đem hết tiền tài gia sản phân phát cho người ta, một lòng học đạo, rồi đem vợ con đến núi La Phù Sơn đi tìm Bảo Cô.

Rốt cuộc, không ai thấy chàng đâu nữa.

(Dịch xong ngày 20-9-2003-lúc 23:49 Phạm xuân Hy)

Vài nét về tác giả:

Bùi Hình

裴 翺

Theo "Toàn Đường Thi" và " Đường Thi Ký Sự " thì vào năm Hàm Thông đời Ý Tông nhà Đường, Bùi Hình từng chức Chương Thư Ký, gia Thị Ngự Sử cho Cao Biền, lúc đó làm Tĩnh Hải Tiết Độ Sứ (thuộc Lĩnh Nam đạo, trị Giao Châu)

Đến năm Càn Phù ngũ niên (năm 878) đời Hy Tông, từ Ngự Sử đại phu, Bùi Hình được thăng làm Tiết Độ Phó Sứ Thành Đô. Ông soạn bộ "Truyền Kỳ" gồm ba quyển, thuật những sự tích kỳ lạ, biến ảo. Lời văn mỹ lệ, tinh vi, làm say mê người đọc. Tại các triều Đường, Tống, sách của ông được phổ biến rộng rãi. Vì thế, người thời Tống gọi những tiểu thuyết thần tiên hư ảo đời Đường là " Truyền Kỳ ". Và hai chữ truyền kỳ trở thành tên gọi của một thể tài văn học Trung Quốc (thường gọi là thể truyền kỳ chí quái), Liêu Trai Chí Dị cũng được viết theo thể tài này.

Sách "Lĩnh Nam Chí Quái " trong truyện Nam Chiếu, thuật là "Niên hiệu Hàm Thông thứ sáu, vua Ý Tông nhà Đường sai Cao Biền sang làm Đô Hộ, đem binh đánh Nam Chiếu, bèn đặt đạo quân Tĩnh Hải ở thành An Nam và cho Biền làm Tiết Đ Sứ. Lỗ Tấn đặt ra câu hỏi là " Việc Biền là ham thích những việc thần tiên, chẳng hiểu có quan hệ gì đến Bùi Hình không ? (Truyện Thôi Vỹ được tuyển từ Thái Bình Quảng Ký).

Trong sách An Nam Chí Lược (thể kỷ thứ 14) có chép bài bia "Thiên Oai Kinh Tân Tạc Hải Phái Bia " do Bùi Hình soạn.

Rất mong bài bia này được các sử gia chuyên nghiệp để ý nghiên cứu.

Vài hàng chú thích :

Trinh Nguyên

貞元

Vua Đức Tông nhà Đường làm vua từ năm 780 đến năm 805, có ba niên hiệu là Kiến Trung, Hưng Nguyên và Trinh Nguyên.

Trinh Nguyên là niên hiệu từ năm 785 đến năm 805.

Triệu Đà

趙佗

Năm 210 trước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng chiếm Lĩnh Nam và chia vùng đất này làm ba quận là Quế Lâm , Hải Nam(nay là tỉnh Quảng Đông) và Tượng Quận, cho Nhâm Ngao làm Nam Hải Úy, (sách Đại Việt Sử Lược viết là chức Ký Quận)và cho Triệu Đà làm Long Xuyên lệnh(thuộc quận Nam Hải).Cuối đời Tần, Đà nghe lời Nhâm Ngao đánh chiếm Lĩnh Nam, tự xưng là Nam Việt Vương, đóng đô ở Phiên Ngung, (năm 207 trước công nguyên) , trước Lưu Bang xưng Hán Vương ở Trung nguyên một năm, (tức năm 206 trước CN).

Đến năm 196 TCN, sau khi đã định yên được thiên hạ rồi, Lưu Bang sai Lục Gia sang phong cho Đà là Nam Việt Vương.

Tuy vẫn gọi là Nam Việt Vương, nhưng ý nghĩa khác hẳn nhau.Vì khi Đà xưng là Nam Việt Vương, thì chữ Vương ở đây là danh hiệu cao quý của người nắm quyền tối cao trong một nước, như vua các triều đại Hạ, Thương, Chu, đều có danh hiệu là Vương cả (Chu văn Vương). Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc bỏ danh xưng là Vương, mà gọi là Hoàng Đế.Vua các triều đại từ Hán Cao Đế Lưu Bang tập theo lối của Tần Thủy Hoàng đều gọi là Hoàng Đế.

Còn chữ Vương trong Nam Việt Vương mà Lưu Bang phong cho Đà, chỉ là một tước phong mà thôi, Đà bị coi như thần tử của nhà Hán.Việc phong vương như thế , chúng ta thấy xảy ra dài dài trong lịch sử của nước ta, cho đến khi Pháp đặt quyền cai trị ở Việt Nam thì chấm dứt.

Đến thời Lã Hậu cấm không cho người Nam Việt mua đồ sắt, Đà tự tôn là « đế » , Nam Việt Võ Đế, cho ngang hàng với nhà Hán rồi đem binh đánh quận Trường Sa.

Sang đến đời Hiếu Văn Đế nhà Hán, Văn Đế sai Lục Gia sang trách việc Đà tự lập làm « đế », thì Đà giải thích : « Lão thần trộm dùng bậy danh hiệu « đế » chỉ để tự mua vui chứ đâu dám để nói đến tai bộ hạ ».

Coi ngôi báu như một trò mua vui, Đà quả là một tay chơi ngông.Đã vậy, sao về sau lại sợ mà phải từ bỏ danh hiệu hoàng đế?

(Đọc thêm Sử Ký của Tư Mã Thiên : Nam Việt Liệt Truyện)

Việt Tinh Cương

越井岡

Tức núi Việt Tú Sơn, nay thuộc phía bắc Quảng Châu

Hồ Già

胡笳

Là một loại nhạc cụ thổi bằng ống của người Hồ, thời Đường rất thịnh hành ở vùng biên giới phía bắc Trung Quốc và Tây Vực.

Hồ nhân

胡人

Thời cổ người Trung Hoa gọi những người dân tộc ở Tây Vực và người ở biên giới phía bắc gọi họ là người Hồ. Từ thời nhà Hán trở về sau, người Tàu gọi chung các người ngoại quốc gọi là Hồ nhân.

Điền Hoành

田橫

Điền Hoành người Dịch Huyện (nay nằm phía đông nam huyện Cao Thanh, tỉnh Sơn Đông) vốn là dòng dõi quý tộc nước Tề. Cuối đời nhà Tần theo anh là Điền Đam khởi binh xây dựng lại nước Tề. Trong lúc Hán và Sở tranh nhau thiên hạ, thì Hoành tự lập làm Tề Vương, được ít lâu thì bị quân Hán đánh bại, phải chạy sang nhờ cậy Bành Việt. Khi nhà thành lập, Hoành dẫn năm ngàn người đồ đảng chạy ra hải đảo, Hán Cao Tổ cho vời Hoành đến Lạc Dương, nhưng Hoành không muốn làm thần tử nhà Hán, đến giữa đường bèn tự sát. Những người đi theo Hoành ra cư trú ở hải đảo, được tin Hoành chết, đều tự sát tất cả.

(Hoànchết năm 202 trước Công Nguyên, không rõ năm sinh)

An Nam Đô Hộ Triệu Xương

安南都護趙昌

Theo An Nam Chí Lược của Lê Tắc thì : Triệu Xương tự là Hồng Tộ làm Thứ Sử Kiền Châu, gặp lúc tù trưởng An Nam là Đỗ Anh Hàn khởi binh chống lại, vua (tức Đường Đại Tông) cho Triệu Xương làm Đô Hộ. Xương ở An Nam mười năm , chân đau xin về nước.

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư thì : Nhà Đường lấy Triệu Xương làm Đô Hộ. Xương vào trong cõi lòng dân bèn yêu . Xương sai sứ dụ

An (tức Phùng An con của Bồ Cái Đại Vương Phùng Hưng), An đem quân hàng.Xương đắp thêm La Thành kiên cố hơn trước, ở chức 17 năm, vì đau chân xin về, vua Đường chuẩn cho, lấy Lang Trung Bộ Binh là Bùi Thái thay Xương.(Theo truyện thì Xương giữ chức An Nam Đô Hộ được về thay Thứ Sử Quảng Châu là Từ Thân mất)

Cũng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư thì Đỗ Anh Hàn không phải tù trưởng An Nam mà là người đồng hương của Phùng Hưng đã hiến kế cho Phùng Hưng đem quân vây phủ, khiến cho Cao Chính Bình (lúc đó là An Nam Đô Hộ) lo sợ phần uất thành bệnh ở lưng mà chết.

Năm ngoài bảy mươi tuổi, Xương lại được Đường Đức Tông làm Đô Hộ Giao Châu.

Cát Hồng

葛洪

Sinh năm 283 mất năm 363

Người thời Đông Tấn, nổi tiếng là Đạo Giáo học giả, Luyện đan gia, tự là Trĩ Xuyên , hiệu là Bào Phác Tử, người Đan Dương Câu Dung (nay thuộc Giang Tô), đời gọi là Tiểu Tiên Ông , xuất thân trong một thế gia đại tộc , quảng lãm chư tử bách gia, ham thích phép thần tiên đạo dưỡng.Tư Mã Duệ dùng làm duýện thuộc, tham quân, sau nhờ có công trấn áp cuộc nổi dậy của Thạch Bãng thắng làm Phục Ba Tướng Quân, tước Quan Nội Hầu.

Đầu năm Hàm Hòa đời Tấn Thành Đế, nghe đất Giao Chỉ có nhiều đan sa, ông xin được làm Câu Lậu lệnh(nay ở phía nam tỉnh Quảng Tây.), rồi đem con cháu đến Quảng Tây, lên núi La Phù Sơn hái thuốc luyện đan tu hành ở đấy.

Ông chủ trương rằng muốn sống lâu người theo đạo học phải trung đa văn quảng kiến, biết khí pháp, đạo dẫn, luyện kim đan, phòng trung thuật...mới có thể trường thọ thành tiên được.Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh phải lấy trung hiếu, thuận hòa, nhân tín làm căn bản, còn không tu trì đạo đức, mà chỉ chuyên vào phương thuật không thôi, không thể đạt đến chỗ trường sinh được.

Trứ tác của ông để lại hiện nay còn có : « Bao Phác Tử nội biên », « Bao Phác Tử ngoại biên », « Đạo Tạng », « Thần Tiên Truyện ».

An Nam Chí Lược của Lê Tắc chỉ viết rất sơ sài về ông

Việt Vương đài

越王台

Đài do Nam Việt Vương Triệu Đà xây cất, nay trên núi Việt Tú Sơn ở tỉnh Quảng Tây

Nam Việt Vương mộ

南越王墓

Theo truyền thì Thôi Vĩ rơi xuống một ngôi mộ, đó là mộ của Triệu Đà.

Nhưng vào tháng sáu năm 1983, tại tỉnh Quảng Đông , thị trấn Quảng Châu, trên núi Tượng Cương Sơn người ta đã khai quật một ngôi mộ đời vua thứ hai nhà Triệu tên là Triệu Muội, mà trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư gọi đời vua thứ hai này của nhà Triệu là Văn Vương, húy là Hồ, con của Trọng Thủy, cháu của Triệu Đà, lên nối ngôi Đà vào năm Kiến Nguyên thứ tư đời Hán Võ Đế (tức năm 137 t CN), và chết năm 125 tCN.Về sau được nhà Trần phong là Khai Thiên Tác Đạo Thánh Vũ Thần Đế 開天作道聖武神哲皇帝.

Ngôi mộ của Triệu Văn Vương có bề ngang là 12.42 m, bề dọc là 10.8 m, cao 3 m.Phía trướcphía sau, bên tả, bên hữu, có bốn ngôi trác thất.Tiền thất là môn sảnh, hậu thất là mộ chủ để quan tài của Triệu Văn Vương.Quan tài này đã bị hủ nát, nhưng xương cốt của Triệu Văn Vương được bao bọc trong một chiếc ngọc y, từ trên xuống dưới gắn mười viên ngọc bích.Ở hai bên nách của mộ chủ đeo 10 thanh kiếm sắt, và 8 ấn chương, mà ấn lớn nhất là viên ngọc tử của Triệu Văn Vương, có đề bốn chữ : "Văn Đế Hành Tỉ" 文帝行璽 .Còn hai căn phòng trác thất hai bên cạnh, là nhà mồ của những cơ thiếp, nhạc sư, trù sư, ngự nữ, những người bị bồi táng chung với Triệu Văn Vương, Các nàng cơ thiếp thì đeo ấn đề "Hữu Phu Nhân Tỉ" và "Tả Phu Nhân Tỉ".

Ngoài ra , người ta còn tìm thấy hơn một ngàn khí vật khác như thạch ngọc khí, kim ngân khí, thanh đồng khí, đào khí, đồ sơn, và tơ lụa, rất quý trọng, và huớ ích cho người nghiên cứu về lịch sử của nước Nam Việt ngày xưa.Tất cả những bảo vật trên hiên đang ở viện bảo tàng Nam Việt Vương Mộ Bác Vật Quán ở Quảng Châu..(Tài liệu trích trong Hoa Hạ Văn Hóa Từ Điển)

Từ viên ngọc tử của Triệu Văn Vương với 4 chữ đề là Văn Đế Hành Tỉ chứng tỏ cho thấy là bề ngoài dù Triệu Đà đã viết thư cho nhà vua Hán là Lưu Hằng , chịu từ bỏ đế hiệu, nhưng trên thực tế đến đời cháu vẫn hành xử đế hiệu, không chịu nhận tước vương 王 đã bị nhà Hán phong cho.

Và cũng chứng tỏ thêm một điều nữa là chữ Hán đã có mặt ở nước Nam Việt vào thời nhà Triệu, chứ không phải bắt đầu ở thời Sĩ Nhiếp, như nhiều người đã viết.

Trước đây trên báo Khởi Hành, hình như giáo sư Trần Ngọc Ninh đã có bài viết về ngôi mộ này.Và trên Minh Báo của ông Tra Lương Dung, xuất bản ở Hồng Kông cũng có tác giả viết về ngôi mộ này.Nhưng báo tôi bị mất không còn tra cứu thêm được.

Tuấn táng

殉葬

Là tục lệ dùng người hoặc vật chôn theo với người chết gọi là tuấn táng..Ở Trung Quốc , tục lệ tuấn táng có từ thời nguyên thủy xã hội, người Tàu đã có tục đem những vật dụng tùy thân, vũ khí, cùng những vật phẩm được yêu thích chôn theo với người chết.Sang đến chế độ nô lệ , thì nô lệ bị giết hoặc bị chôn sống để làm tuấn táng phẩm.Trên phương diện giai cấp, phụ nữ chỉ là ngoạn vật , hoặc vật phụ thuộc của đàn ông quý tộc, vì thế cũng bị chôn theo người chết để làm vật tuấn táng.Sách "Tây Kinh Tạp Ký" có ghi rằng :Mộ phần của U Vương nhà Chu có hơn một trăm người phụ nữ bị chôn theo.Kể ngôi người nằm , hoặc đứng.y phục sắc thái không khác gì người sống.Phần lớn là những phi tần của vua U Vương.

Đến thời nhà Tần, tục tuấn táng phát triển đến cực điểm, và được coi là tàn khốc nhất.

Khi Tần Thủy Hoàng chết, Tần Nhị Thế hạ lệnh bồi táng toàn bộ tất cả những phi thiếp và cung nữ không có con với Tần Thủy Hoàng. Sách Hán Thư ghi rằng số người cung nữ cùng với thợ bị tuần táng lên đến hàng vạn.

Đến đời nhà Hán, tục tuần táng bị bãi bỏ. Hán Võ Đế sau khi chết, những tuần táng vật được sử dụng là những kim ngân châu báu, và những loại cầm thú chim chóc, trâu, dê, ngựa, báo còn sống để thay thế cho hàng ngàn cung nữ phi thiếp, được bảo toàn tính mệnh đưa ra phụng thị lăng tẩm.

Đến đời Minh, tục phụ nữ tuần táng lại được phục hồi, và người phục hồi ác tục này lại chính là Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Khi người con thứ của ông chết, ông bắt hai người vương phi phải bị tuần táng theo. Và chính bản thân Chu Nguyên Chương khi chết, cũng có 46 người phi thiếp bị chết theo. Mãi đến năm 1464, Minh Anh Tông lúc gần chết mới để di chiếu lại nói rằng "Dùng người tuần táng theo trẫm là điều bất nhân, từ trẫm trở đi con cháu đời sau không được làm điều này nữa."

Người ta giải thích về ác tục này là do cổ nhân ngày xưa tin rằng linh hồn bất diệt, con người sau khi chết xuống dưới âm gian tiếp tục sinh hoạt, cho nên các vua quan muốn giữ cái vinh hoa phú quý lúc sinh tiền, mới đem thế thiếp, nô bộc cùng xuống để tiện bề sai khiến.

Ý của hai bài thơ trên đây :

Đài hoang bị hủy đã trăm năm nằm bên vệ đường

Nhờ có thái thú sửa chữa trang hoàng lại

Tạ ơn đã giúp đỡ trùng kiến Việt Vương đài

Xin tặng ngọc báu và mỹ nữ làm vợ

Trên đầu núi Việt Tinh Cương từng bách xanh già

Trên đài Việt Vương cỏ thu đã lại mọc ra

Mộ cổ nhiều năm không có con cháu đến

Để cho người ta đi lại thành đường cái quan

Nhâm Ngao

任 嚮

Quận úy quận Nam Hải đời Tần, khi nhà Tần sắp bị diệt vong thì Nhâm Ngao tiến cử Triệu Đà lên thay, lúc đó Đà đang làm huyện lệnh Long Xuyên, một huyện của quận Nam Hải.

TRIỆU CỐ

趙姬

Phạm Xuân Hy

Người đàn bà loạn dâm trong cung Tần

*L*ã Bất Vi (?-235 trước CN), là người Bộc Dương nước Vệ thời

Chiến Quốc, nguyên là một thương gia, tại kinh đô Hàm Đan của nhà Triệu, Lã Bất Vi gặp Tần Công Tử là Dị Nhân, lúc đó bị nước Tần phái sang làm nhân chất ở nước Triệu.

Lã Bất Vi cho rằng Dị Nhân có thể là " kỳ hóa khả cư ", nên Lã Bất Vi vào nước Tần du thuyết Hoa Dương Phu Nhân, ái thiếp của An Quốc Quân, lập Dị Nhân làm Thái Tử.

Đến khi Tần Trang Tương Vương, tức Dị Nhân, lên nối ngôi cha, bổ nhiệm Lã làm Tướng Quốc, phong làm Văn Tín Hầu.

Khi Tần Trang Tương Vương qua đời, Tần Vương Chính mới có 13 tuổi lên Kế Vị, Lã Bất Vi kế tục giữ chức Tướng Quốc, hiệu là Trọng Phụ, thực ấp hai huyện ở Lam Điền, và 20 hộ ở Lạc Dương Hà Nam. Lã Bất Vi còn lợi dụng sự mâu thuẫn của hai nước Yên và Triệu, được Triệu, được Yên hiến cho mười thành trì ở Hà Giang để làm phong ấp (vùng đông nam huyện Hiến tỉnh Hà Bắc.)

Trong thời kỳ chấp chính, Lã Bất Vi tấn công các nước Chu, Triệu, Ngụy và chiếm đất của những nước này để thành lập các quận Tam Xuyên, Thái Nguyên, Đông Quận. Trong nhà Lã Bất Vi, môn khách có đến ba ngàn người, gia đồng có cả vạn đứa.

Cuối thời kỳ Chiến Quốc, nhằm mục đích chấn hưng đất nước, Tần Hiếu Công dùng Thương Ưởng để biến pháp, cùng với lực quốc ở trung nguyên, đánh thành cướp đất, dân dần trở nên một nước hùng mạnh đứng đầu lục quốc, khiến cho vua nhà Chu là Chu Nỗan Vương phải đem cửu đỉnh, báu vật tượng trưng cho chính quyền của nước mình dâng cho Tần.

Trong lục quốc lúc bấy giờ, thực lực giữa hai nước Tần và Triệu tương đối là ngang ngửa với nhau. Liêm Pha, danh tướng của nước Triệu từng cầm quân đánh bại hai lần tấn công của nước Tần, nên Tần buộc phải đem người con nhỏ là Dị Nhân, con của một nàng phi tử với Thái Tử, sang làm con tin, bên nước Triệu.

Khoảng năm 265 t CN đến 259 t CN, Lã Bất Vi thường đến buôn bán ở kinh đô Hàm Đan của nước Triệu, gặp được Dị Nhân, bấy giờ đang bị là nhân chất sống ở Triệu. Lã Bất Vi gặp Dị Nhân, trông lòng cho rằng Dị Nhân có thể " kỳ hóa khả cư ", có nghĩa là một loại hàng hóa hiếm quý, tích trữ giữ lại để bán giá cao về sau này, máu con buôn là vậy, nên Lã Bất Vi dùng hết tâm chí để kết giao với Dị Nhân, dần dần trở thành tri giao.

Dị Nhân sống nơi đất lạ quê người, nhìn xa nhìn gần, quanh mình không có một người thân, nay lại có người tự nguyện đến nghe mình than thở kể lể tâm tình, lại còn lo tương lai tiền đồ chính trị cho mình, khiến Lã Bất Vi cảm kích đến rơi lệ, bèn đem hết nỗi sốt sa, khổ muộn, buồn chán nơi dị hương đất khách, nhất nhất giải bày cho Lã Bất Vi nghe.

Lã Bất Vi nghe xong, bèn đến nước Tần, thay Dị Nhân, bỏ tiền bạc hối lộ mua chuộc Hoa Dương Phu Nhân, sủng phi của An Quốc Quân, Thái Tử nước Tần, nhờ Hoa Dương Phu Nhân khuyên Thái Tử lập Dị Nhân làm Trừ Nhị. Lã Bất Vi lại bỏ ra một ngàn tiền vàng để tặng Dị Nhân, để cho Dị Nhân có tiền kết giao với các tân khách. Dị Nhân vạn phần cảm kích, nhân thế cùng Lã Bất Vi kín đáo ký kết mật ước, như nếu tương lai sau này, Dị Nhân được làm Tần Vương, tất sẽ cùng Lã Bất Vi chia sẻ vinh hoa phú quý. Do đó, Lã Bất Vi sang nước Tần để hoạt động cho Dị Nhân. Dọc đường, Lã Bất Vi mua vô số trân châu bảo vật.

Đến khi vào đến đất Tần, việc làm đầu tiên của Lã Bất Vi là liên lạc với người chị của Hoa Dương Phu Nhân. Nguyên vì Hoa Dương Phu Nhân là sủng phi của An Quốc Quân, nhưng lại không có con nối dõi. Vì vậy, người chị của Hoa Dương Phu Nhân mới khuyên Hoa Dương Phu Nhân nên nhận Dị Nhân làm nghĩa tử.

Nàng bảo với Hoa Dương Phu Nhân rằng :

-Phu Nhân không có con, nên sớm tính chuyện chọn người nối dõi di, bằng không, đợi đến lúc sắc đẹp phai tàn, không còn được sung ái nữa, thì biết dựa vào ai. Nay Dị Nhân bị đưa sang làm nhân chất bên nước Triệu, nên ngày đêm thường thương nhớ Thái Tử với Phu Nhân mà khóc, sao Phu Nhân không thừa cơ hội này mà lập Dị Nhân làm đích tử. Như thế, Dị Nhân sẽ cảm kích ân huệ của Phu Nhân mà không quên. Còn Phu Nhân cũng sẽ có nơi nương dựa cho đến hết đời.

Nghe người chị nói như vậy, Hoa Dương Phu Nhân, như người trong mộng vừa tỉnh dậy. Ngay đêm hôm ấy, Hoa Dương Phu Nhân đem việc nói với An Quốc Quân, quyết định lập Dị Nhân làm đích tử.

Lã Bất Vi trở về nước Triệu, từ đó giao tình với Dị Nhân mỗi ngày càng thêm thân thiết đậm đà hơn. Lã Bất Vi còn suy nghĩ tính toán một điều khác nữa. Tuy là một thương gia phi thường thành công giàu có, nhưng thâm cảm thấy rằng địa vị của người thương nhân trong xã hội quá thấp kém, và trong thời buổi loạn ly, các nước tranh nhau làm bá chủ. Mà nước Triệu và nước Tần lại sát ở gần nhau. Nước Triệu vừa nhỏ lại vừa yếu, thì tốt hơn cả là vào nước Tần tham chính.

Lã Bất Vi suy đi tính lại, ý muốn lợi dụng người nước Tần là Dị Nhân để sắp xếp kế hoạch nhập Tần.

Trong khi đó, tại kinh đô Hàm Đan của nước Triệu, có một nàng ca kỹ tên là Triệu Cơ. Môi đỏ như hoa anh đào. Hai hàng răng trắng như bạch ngọc. Dáng người lả lướt như chim yến ;Trông kiêu diễm rung động lòng người. Lã Bất Vi bỏ rất nhiều tiền không hề ngần ngại, mua Triệu Cơ về làm thiếp. Ba tháng sau thì Triệu Cơ mang thai.

Bấy giờ, Lã Bất Vi mới đem sự thật nói cho Triệu Cơ rằng :

-Ý ta tính muốn chiếm lấy thiên hạ nhà Tần, vì thế nên cưới khanh về, chờ khanh có thai sẽ hiến khanh cho Dị Nhân. Lúc này Dị Nhân làm con tin ở nước Triệu, chưa vợ con gì cả. Như quả, khanh sinh con trai, Dị Nhân tất sẽ lập làm con nối dõi. Đến khi Dị Nhân

qua đời, thì đứa bé sẽ lên kế ngôi. Vợ chồng chúng mình do đó mà làm chủ thiên hạ nhà Tần.

Triệu Cơ, nghe Lã Bất Vi nói vậy thì đồng ý ngay.

Ngày hôm sau, Lã Bất Vi mở yến tiệc để mời Dị Nhân. Trong tiệc bày hàng trăm thứ của ngon vật lạ. Đàn hát, vũ nữ đứng thành hàng ở hai bên. Chờ cho Dị Nhân uống đến lúc túy lúy càn khôn, bấy giờ Lã Bất Vi mới cho gọi Triệu Cơ đi ra. Dị Nhân thấy Triệu Cơ ăn mặc rực rỡ, mày ngài mắt phượng, mái tóc như mây, gót sen lả lướt, lại thêm mùi thơm từ tay áo bay ra phảng phất, khiến cho Dị Nhân đôi mắt như mờ hẳn đi, thần trí hoảng hốt mê như mộng, nhưng chỉ dám đưa mắt nhìn trộm. Còn Triệu Cơ cũng đóng đưa khéo mắt, uyển chuyển tống tình, thẹn thò nhìn Dị Nhân nhưng không nói lời nào, rồi tiến đến rót rượu mời Dị Nhân.

Dị Nhân tiếp lấy chén rượu, nhưng hai mắt vẫn không rời Triệu Cơ. Chính khi đó thì Lã Bất Vi cũng đã rượu say ngủ gục trên bàn tiệc. Dị Nhân bèn nhân cơ hội nắm lấy tay áo của Triệu Cơ kéo nàng vào sát người mình. Triệu Cơ tỏ vẻ vừa giận vừa vui, nửa như muốn đẩy Dị Nhân ra, nửa như muốn ngã vào lòng Dị Nhân.

Giữa lúc đó, bỗng có tiếng đập bàn thật lớn, rồi nghe tiếng Lã Bất Vi hét to, mắng :

-Người cả gan dám chòng ghẹo ái thiếp của ta sao ?

Dị Nhân hoảng hốt quay đầu lại nhìn, thấy Lã Bất Vi dùng dùi nỏ giận, đứng sừng sừng ngay bên cạnh bàn, thì sợ hãi, ba hồn bảy vía bay lên mây hết, vội vàng quỳ xuống đất xin Lã Bất Vi tha mạng.

Nhưng Lã Bất Vi chỉ cười nhạt, nói :

-Chúng mình giao hảo với nhau đã mấy năm nay, diện hạ đáng lẽ chẳng nên làm như thế. Giả như có yêu vợ tôi, thì cũng nên bảo nhau một tiếng, lẽ nào lại lén lút như bị ma ám vậy ?

Dị Nhân nghe Lã Bất Vi nói thế, nhất thời liền chuyển sợ thành vui, hướng về phía Lã Bất Vi khấu đầu cầu khẩn, thưa :

-Đệ bị làm con tin nơi đất lạ xứ người, khách lữ cô đôn, xin huynh cho Triệu Cơ làm vợ đệ, nếu được như vậy, thì sau này phú quý, đệ thề sẽ báo đáp !

Lã Bất Vi còn đang trầm ngâm suy nghĩ, thì Dị Nhân lại tiếp :

-Đệ xin thề " sống thì kết thảo, chết thì ngậm vành ", không dám quên ơn nghĩa của huynh dâu.

Lã Bất Vi giả vờ giận dỗi, nói :

-Nếu như điện hạ đã thích, thì tôi cũng xin tặng cho điện hạ thôi. Nói chi chuyện báo đáp làm gì !

Rồi nâng Dị Nhân đứng dậy, dắt Triệu Cơ đến ngồi bên cạnh Dị Nhân, và cả ba cùng nhau tiếp tục yến ẩm cho đến mãi thật khuya. Sau đó, Lã Bất Vi tiễn Triệu Cơ lên xe bầu bạn với Dị Nhân, cùng trở về khách quán.

Từ sau ngày được Triệu Cơ, Dị Nhân đêm ngày cùng Triệu Cơ xoắn súyt. Thời gian trôi nhanh, chẳng mấy chốc tám tháng bay vèo. Triệu Cơ sinh được một người con trai. Mũi to. Mắt xếch. Trán vuông. Đẻ ra đã có răng. Nhân sinh vào ngày nguyên đán chính nguyệt nên đặt tên là Chính, và lấy họ mẹ gọi là Triệu Chính.

Ba năm sau, hai nước Tần, Triệu bất hòa. Tần đem quân vây kinh đô Hàm Đan của Triệu.

Nước Triệu tính đem Dị Nhân ra giết. Lã Bất Vi phải đem tiền của hối lộ viên quan coi giữ Dị Nhân, để thả Dị Nhân trở về Tần.

Dị Nhân về đến Tần, vào gặp Hoa Dương Phu Nhân, khóc lóc kể lể nỗi xa cách nhớ thương, và nhận Hoa Dương Phu Nhân là người nước Sở, Dị Nhân thay đổi trang phục, ăn mặc theo lối người Sở, làm cho Hoa Dương Phu Nhân thêm niềm cảm động, thương xót, lau nước mắt mà bảo với Dị Nhân rằng :

-Ta là người nước Sở, thấy khanh hạ mình chiều theo ý ta, ta nguyện ý nhận khanh làm dưỡng tử, khanh hãy cải danh là Tử Sở.

Dị Nhân bèn nhận Hoa Dương Phu Nhân, người đàn bà chỉ hơn mình có ba tuổi làm mẹ. Cũng từ đấy, Dị Nhân sớm chiều ra vào ân cần thăm hỏi Hoa Dương Phu Nhân.

Khi Tần Chiêu Tương Vương qua đời, An Quốc Quân tức vị, tức Tần Hiếu Văn Vương, lập Tử Sở làm Thái Tử. Nhưng sau đó ba ngày, Tần Hiếu Văn Vương lại qua đời. Tử Sở lên kế vị tức Tần Vương, tôn Hoa Dương Phu Nhân làm Hoa Dương Thái Hậu, và mẹ đẻ là Hạ Cơ

làm Hạ Thái Hậu, lập Triệu Cơ làm Vương Hậu, con là Doanh Chính (nhân vì trở về nước Tần, Triệu Chính lấy lại họ Doanh của mình nên gọi là Doanh Chính) làm con nối nghiệp, và bổ nhiệm Lã Bất Vi làm Tướng Quốc, tước Văn Tín Hầu, thực ấp Thập Vạn Hộ ở Lạc Dương Hà Nam.

Thấm thoát bốn năm trôi qua, Tử Sở đắm say mê loạn trong chốn phòng the cung cấm. Tinh huyết cạn khô. Nguyên khí hao tổn. Lại thêm Triệu Cơ đêm đêm tận lực dâng hiến, đem hết kỹ năng nghề tình ra phụng sự. Tử Sở tham hoan thành tật, được ít lâu trở nên suy nhược, hết kham nổi.

Rồi một đêm, trong lúc trên giường say sưa ngoạn lạc, Tử Sở bị trúng gió, ô hô táng mệnh.

Tuổi mới vừa ba mươi sáu.

Bấy giờ Doanh Chính mới có mười ba tuổi, lên kế vị Tần Vương. Vì Doanh Chính còn niên ấu, nên Thái Hậu Triệu Cơ buông rèm thính chính. Toàn bộ quốc sự ủy nhiệm vào tay Lã Bất Vi, và được tôn là Trọng Phụ. Còn Triệu Cơ tuy là Thái Hậu, lúc đó tuổi cũng chưa đến ba chục, không chịu đựng nổi cảnh chần đờn gối lể, tịch tịch cô đơn trong cung cấm, nên lại cùng Lã Bất Vi nối lại cựu tình, bí mật lai vãng. Bọn cung nga, thái nữ, đều là người tâm phúc của Triệu Cơ, tự nhiên là phải kín miệng như bưng. Còn Doanh Chính thì ít tuổi, không hiểu rõ điều bí ẩn giữa hai người. Vì thế, Triệu Cơ và Lã Bất Vi kín đáo tư thông với nhau như đôi vợ chồng.

Dần dần Doanh Chính lớn lên, còn Lã Bất Vi cũng già đi, sức bắt tòng tâm. Trong khi đó, lòng ham muốn nhục dục của Triệu Cơ không ngừng. Thường thường luôn luôn tuyên triệu Lã Bất Vi vào trong cung để hành lạc.

Nhưng Lã Bất Vi sợ việc bị bại lộ, bèn cho tìm một người có " vật riêng " kích thước to lớn tên là Lao Ái, bổ nhiệm làm xá nhân. Quả thật vật ấy tráng kiện và vĩ đại. Lao Ái từng đùa nghịch dùng nó xuyên nhập vào lỗ bánh xe, để cho bánh xe quay.

Lã Bất Vi hết lời tán dương tuyệt kỹ của Lao Ái với Triệu Cơ, khiến Triệu Cơ hâm mộ, muốn đích thân thử một lần cho biết.

Nhân thế, Lã Bất Vi cạo gọt hết râu ria của Lao Ái để giả trang làm thái giám, đem vào trong cung phục thị hầu hạ Triệu Cơ. Lao Ái đúng thuộc loại " cừu chiến bất bì ", khiến cho Triệu Cơ tri chùi không nổi, mừng rỡ như bắt được vàng. Từ đấy, Triệu Cơ cùng Lao Ái ở trong hậu cung đêm ngày tham hoan hưởng lạc. Được ít lâu thì Triệu Cơ có thai. Lao Ái và Triệu Cơ kín đáo bàn bạc với nhau, mua chuộc bọn bộc nhân đầy tớ, nói trá là trong cung bất lợi cho Thái Hậu, nên dời cư đến nơi khác để tránh tai họa. Doanh Chính không biết đó là điều nói dối, bèn đưa mẫu hậu đến cư trú ở Ung Cung. Từ đấy, hai mẹ con mỗi người một ngã, chẳng còn gì trở ngại tỵ hiềm nữa.

Triệu Cơ trước sau sinh được hai người con trai, nhưng Doanh Chính đều không hay biết. Trái lại, do mẫu thân yêu cầu, Doanh Chính phong cho Lao Ái làm Trường Tín Hầu, ban cho mấy ngàn nô tỳ, thực ấp ở Sơn Dương.

Oai quyền của Lao Ái mỗi ngày một lớn, mật mưu riêng với Triệu Cơ, mưu tính đưa con tư sinh của hai người lập làm tự vương. Nhưng Lao Ái vốn xuất thân chỉ là dân đầu đường xó chợ, tiểu nhân đác chí, tránh không khởi nói năng không có suy nghĩ. Một hôm, Lao Ái, yếm ả cùng với một viên đại thần, lúc quá chén, rượu vào lời ra, xẩy ra cãi cọ.

Lao Ái mới tức giận, lớn tiếng chửi :

-Ta là giả phụ của Tần Vương, người cả gan cùng ta đấu khẩu à ? Chắc người có mắt không trông, không còn biết trên, dưới là gì nữa !

Viên đại thần cũng không chịu nhục, bèn đem những lời nói của Lao Ái tâu lại với Tần Vương Chính.

Doanh Chính vốn người có tướng mũi ong, mắt xếch, bản tính hà khắc, khinh bạc, quả ân, nghe thấy những lời Lao Ái nói như thế, không dằn nổi cơn tức giận, lập tức hạ lệnh điều tra hư thực. Sau lại được báo cáo là Lao Ái chỉ là người thường, không phải là người bị hoạn, thực sự có thông gian với Thái Hậu và sinh dục hai con.

Lao Ái cũng được biết tin đó, lẽ nào khoanh tay chờ chết. Bèn ngụy tạo chiếu thư, điều động vệ binh và huyện tốt để đối phó với Tần Vương Chính. Hai bên cùng nhau giao chiến, nhưng Lao Ái binh bại bỏ chạy tứ tán. Doanh Chính bắt được Lao Ái đem ra xử tội " Ngũ Mã Phân Thi ", và " Chu Di Tam Tộc " của Lao Ái. Sau đó cho tướng đến lục soát Ung Cung, bắt giết hai đứa con tư sinh của Lao Ái và Triệu Thái Hậu, và đem Triệu Thái Hậu về u cầm tử Hàm Dương Cung.

Riêng Lã Bất Vi vì đưa Lao Ái giả làm thái giám vào cung thông gian với Thái Hậu, phạm tội khi quân, lẽ ra phải chịu chung tội với Lao Ái, nhưng nghĩ đến công Lã Bất Vi phụng thị giúp đỡ tiên vương, tức Tử Sở, nên cho lấy công chuộc tội, nhưng bị bãi chức Tướng Quốc, đuổi về sống ở phong địa ở Hà Nam.

Lã Bất Vi sống ở Hà Nam được hơn một năm, các chư hầu quốc ở vùng Sơn Đông đều cho sứ giả liên tiếp đến thăm hỏi, vấn an. Việc này đến tai Tần Vương Doanh Chính. Để phòng ngừa sự nổi dậy phản loạn của Lã Bất Vi, Doanh Chính bèn viết một chiếu thư, biếm Lã Bất Vi đến đất Thục bắt buộc phải dời khỏi Hà Nam ngay:

" Người có công trạng gì với nước Tần mà được phong quốc ở Hà Nam, thực ấp cả thập vạn hộ ? Người có thân thuộc bà con gì với nước Tần mà xưng là Trọng Phụ ? . Nay người phải cấp tốc đem gia đình dời cư gấp đến đất Thục, không được chần chừ gì nữa "

Lã Bất Vi đọc xong chiếu thư, buồn mảy tiếng thở dài, đôi mắt rưng rưng như muốn rơi lệ. Bụng bảo dạ, nếu đem nói hết thực tình, một người tính tình kiêu ngạo và hà khắc như Tần Thủy Hoàng, việc lộ ra ngoài, chỉ là rước họa vào thân thôi. Lã Bất Vi suy đi tính lại, thấy tương lai chắc chẳng có gì là tốt, chi bằng nhân bây giờ kết liễu đời mình cho khỏi khổ về sau. Bèn lấy rượu độc ra, cố dốc vào miệng, một lát sau thì thuốc ngấm, hồn du địa phủ.

Suốt cuộc đời của Lã Bất Vi khổ tâm tính toán kinh doanh. Lúc đầu thì bằng những chén rượu ngọt, cuối cùng lại phải kết liễu đời mình bằng một chén rượu độc.

Còn Triệu Cơ, sống thêm được vài năm nữa, rồi cũng qua đời trong uất hận đau buồn.

Câu truyện trên đây đã được Tư Mã Thiên tường thuật theo lối truyền kỳ cổ sự trong " Sử Ký-Lã Bất Vi Liệt Truyện ". Theo Tư Mã Thiên, mẹ của Doanh Chính là nàng kỹ nữ Triệu Cơ, vợ của lái buôn Lã Bất Vi, nhưng Dị Nhân vì say đắm sắc đẹp của Triệu Cơ nên muốn lấy nàng.

Lã Bất Vi miễn cưỡng phải đem vợ gả cho Dị Nhân

Tư Mã Thiên còn ghi rõ là, khi Triệu Cơ về nhà Dị Nhân thì đã có thai, nhưng Dị Nhân không biết, đến khi mãn nguyệt thì sinh ra Chính.

Điều mâu thuẫn ở đây là Dị Nhân, cũng như người đời lúc bấy giờ, đều cho Chính là con của Dị Nhân. Nên sau đó, khi Dị Nhân lên nối ngôi vị Tần Vương, tức Tần Trang Tương Vương, thì Triệu Cơ được phong làm Vương Hậu, Lã Bất Vi làm Tướng Quốc, Doanh Chính làm Thái Tử.

Việc Tư Mã Thiên coi Chính là con của Lã Bất Vi, hơn một trăm năm sau, cũng được sử gia Ban Cố đồng tình chấp nhận, nên trong " Hán Thư ", Ban Cố đã gọi Doanh Chính là Lã Chính.

Tác giả Bốc Đức trong bài " Trung Quốc Địch Đệ Nhất Cá Thống Trị Giả " lập luận cho rằng việc Tư Mã Thiên đem việc một người đàn bà vô danh có thai vào " sử ký " là một việc " phi bình thường ", chỉ là nhằm mục đích phỉ báng Tần Thủy Hoàng, để chứng minh chính trị và thân thế nguồn gốc của vị bạo quân này không thuộc chính thống, tuy vậy, lập luận này cũng khó mà dẫn chứng được. Cũng như bảo Tần Thủy Hoàng là " con lái buôn - thương nhân chi tử 商人之子 ", hay " Con rơi, con riêng - Tư sinh tử 私生子 " thì cũng thế thôi, vì theo truyền thống của Trung Quốc " lái buôn " bị nho sinh các đời sau liệt vào hạng thấp hèn nhất trong xã hội.

Nhưng rõ ràng thuyết coi Tần Thủy Hoàng là " con vợ lẽ " thì cho đến bây giờ vẫn được công nhận. Nhưng liệu " Sử Ký " của Tư Mã Thiên có bị sửa đổi, hay soạn cải không ? Lịch sử của Trung Quốc chứng minh rằng có nhiều lúc sử đã được viết theo lệnh và ý riêng

của vua chúa cầm quyền đương thời. Và ngay cả thời hiện đại của chúng ta, chúng ta liệu có thể nào tin được rằng các các sự kiện lịch sử được viết một cách công bằng, mà không có lập trường chính trị phe phái không ?

Còn Vương Thế Trinh, sử học gia nổi tiếng đời Minh, trong "Độc Thư Hậu Ký", đã tỏ ra hoài nghi về tính chất chân thực giai thoại bên trong "Lã Bất Vi Liệt truyện" của Tư Mã Thiên. Ông đưa ra hai lập luận :

1-Chính Lã Bất Vi muốn bảo vệ sự phú quý của mình đã cố tạo ra câu chuyện là mình là cha đẻ của Tần Thủy Hoàng.

2-Những môn khách của Lã Bất Vi, chửi Tần Thủy Hoàng là con rơi, con riêng, để trút bớt nỗi căm phẫn, nên đã viết ra thuyết này.

Quách Mạt Nhược bài "Thập Phê Phán Thư" cũng tỏ ra nghi ngờ chuyện Lã Bất Vi là cha đẻ của Tần Thủy Hoàng, với ba nghi vấn :

1-Sự tích Lã Bất Vi là cha đẻ của Tần Thủy Hoàng chỉ thấy "Sử Ký" của Tư Mã Thiên, nhưng trong "Chiến Quốc Sách", là một cuốn sách ghi chép các lời nói, việc làm, sự tích của các mưu thần, sách sĩ thời Chiến Quốc, do Lưu Hướng người thời Tây Hán biên hiệu và chỉnh lý.

2- Cổ Sự về Lã Bất Vi và nàng Triệu Cơ giống như chuyện Xuân Thân Quân với nàng Nữ Hoàn, tình tiết mang tính tiểu thuyết.

3- Chính trong "Lã Bất Vi Liệt Truyện" lại có câu : "子楚夫人趙豪家女-Tử Sở phu nhân Triệu hào gia nữ- Vợ Tử Sở là con nhà giàu có tai mắt ở nước Triệu", như thế há chẳng phải là Tư Mã Thiên tự mâu thuẫn sao ?

Đã hai ngàn năm trôi qua, sự tranh luận liên quan đến thân thế của Tần Thủy Hoàng đến nay vẫn chưa tìm được một cái nhìn nhất chí.

Tuy nhiên, bất luận dù Triệu Cơ mang thai rồi mới lấy chồng, và Doanh Chính có thật là huyết mạch của Tử Sở hay không, thì cũng không thể nào che đậy được địa vị trọng yếu của Tần Thủy Hoàng trong lịch sử Trung Quốc.

Hoặc thôi, chẳng bàn đến nữa
(Phạm Xuân Hy-Paris ngày 4-8-2009 - 22h09).

Chú thích riêng của Phạm Xuân Hy

Công Tử

公子

1-Cổ xưa, ngoài người con đích của chư hầu vương, thì những người con khác được gọi là công tử, chẳng hạn như trong sách "Sử Ký-Ngụy Công Tử Liệt Truyện" thì Ngụy Công Tử Vô Kỵ là con út của vua Ngụy Chiêu Vương, và là em của vua Ngụy An Hy Vương, người anh cùng cha khác mẹ với Ngụy Công Tử Vô Kỵ.

Tề Hoàn Công khi chưa lên ngôi được gọi là Công Tử Tiểu Bạch.

Tấn Văn Công khi chưa tức vị cũng gọi là Công Tử Trung Nhĩ.

2-Về sau, người ta thường gọi con các quan lại là công tử, rồi dần dần tôn xưng con người khác cũng gọi là công tử.

3-Trong cách xưng hô, gọi người đối thoại với mình là công tử là để tỏ ý kính trọng người đó.

4-Con gái thì gọi là “nữ công tử”

Nhân Chất

人質

Chất 質, có nghĩa là dệ áp, tức cầm cố, thay thế. Nhân Chất 人質 là người được đem ra để thế' làm con tin.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, sự liên lạc giữa các nước chư hầu, vì để tỏ lòng tín nhiệm của nhau, thường phái những nhân vật trọng yếu của nước mình sang cư trú tại nước đối phương để làm dệ áp, để thế. Người bị phái đi như vậy gọi là Nhân chất, thông thường là do con của quốc vương đảm nhiệm, còn gọi là "Chất Tử", hay "Giao Chất".

Nếu như trong hai nước, một nước mạnh, một nước yếu, thì chỉ có nước yếu gửi Nhân Chất đến nước mạnh mà thôi, còn nước mạnh không phải gửi người sang. Đó là trường hợp Tử Sở, cha của Tần Thủy Hoàng, sang làm con tin nước Triệu.

Trong cuộc bang giao giữa nhà Hán và vua Nam Việt, nước Nam Việt bị yếu thế, phải phái thái tử Anh Tề, con của Triệu Văn Vương, sang Hán làm nhân chất.

Phu Nhân

夫人

1-Đời nhà Chu gọi vợ của các chư hầu là Phu Nhân. Đến đời nhà Hán, vợ của các Liệt Hầu cũng gọi là Phu Nhân.

2-Đời cổ vợ bé của các đến vương gọi Phu Nhân. Đời nhà Hán vợ bé của các Hoàng Đế cũng gọi là Phu Nhân, như gọi người sủng thiếp của Hán Võ Đế họ Lý là Lý Phu Nhân.

3-Phu Nhân còn là phong hiệu của phụ nữ, bắt đầu có từ thời Vương Mãng. Vương Mãng phong cho vợ của Thôi Triện họ Sư là Nghĩa la Phu Nhân. Đến đời Đường, mẹ hoặc vợ của các quan văn võ nhất phẩm gọi là Quốc Phu Nhân, tam phẩm trở lên gọi là Quận Phu Nhân.

4-Phu Nhân còn dùng để gọi một cách kính trọng người đàn bà đã lấy chồng

Kỳ Hóa Khả Cư

奇貨可居

Tức hàng hóa trân quý được thương nhân tích trữ giữ lại để chờ cao giá mới bán kiếm lời nhiều. Cũng còn được dùng để tở dụng người nào dựa vào tài năng kỹ thuật độc đáo của mình để có được địa vị, hoặc danh lợi lớn.

Nguyên câu này được trích từ sách " Sử Ký -Lã Bất Vi Liệt Truyện " của Tư Mã Thiên, như sau :

" 子楚 , 秦諸庶孽孫 , 質於諸侯 , 車乘進用不饒 , 居處困 , 不得意。 呂不韋賈邯鄲 , 見而憐之 , 曰'此奇貨可居' - Tử Sở, Tần chư thứ nghiệt tôn, chất ư chư hầu, xa thừa tiến dụng bất nhiêu, cư xử khốn, bất đắc ý. Lã Bất Vi cổ Hàm Đan, kiến nhi lân chi, viết : ' thử kỳ hóa khả cư ' - Tử Sở là cháu vua Tần, con vợ lẽ Thái Tử, bị làm con tin ở chư hầu, xe cộ tiền bạc không đủ, ăn ở tiêu dùng khốn khó, lòng bất như ý. Lã Bất Vi đi lại buôn bán ở Hàm

Dan, thấy vậy, tỏ ý thương hại, mới nói : ' Đây là hóa phẩm hiếm quý, có thể tích trữ bán làm giàu được ' "

Câu thành ngữ " Kỳ Hóa Khả Cư " này cho thấy rằng người Trung Hoa đã có truyền thống buôn bán tích trữ từ rất lâu đời, mà người Việt không có, nên thường bị thất bại về phương diện thương mại.

Trọng Phụ

仲父

1--Thời cổ gọi người em lớn của cha mình là Trọng Phụ, theo sách " Dịch danh giải thích ; " 父之弟曰仲父.....仲父之弟曰叔父。 Phụ chi đệ viết Trọng Phụ, Trọng Phụ chi đệ viết Thúc Phụ- Người em của cha gọi là Trọng Phụ...Người em của Trọng Phụ thì gọi là Thúc Phụ. "

" Sử Ký-Lã Bất Vi Liệt Truyện " của Tư Mã Thiên chép : "莊襄王即位三年, 薨, 太子政立為王, 尊呂不韋為相國, 號稱 ' 仲父- Trang Tương Vương tức vị tam niên, hoảng, Thái Tử Chính lập vi vương, tôn Lã Bất Vi vi Tướng Quốc, hiệu xưng Trọng Phụ - Trang Tương Vương tức vị năm thứ ba thì qua đời, Thái Tử là Chính được lập làm Tần Vương, tôn Lã Bất Vi làm Tướng Quốc, gọi là Trọng Phụ. "

-Thời Xuân Thu, Tề Hoàn Công cũng từng tôn Quản Di Ngô là Trọng Phụ để giao việc nước. " Trọng " là tên tự của Quản Di Ngô. " Phụ " có nghĩa là thờ kính như cha. Về sau nhân thế gọi Quản Di Ngô là Quản Trọng.

-Trọng Phụ cũng còn chỉ Khổng Tử. Khổng Tử tên tự là Trọng Ni, nên cũng gọi là Trọng Phụ.

2-Từ ngữ "Á Phụ " cũng được dùng để tôn xưng người được coi như người thứ hai' sau cha mình ; ' 亞 ' có nghĩa là thứ hai. Thí dụ như Á Hậu " người hoa hậu đứng thứ hai. Mưu sĩ Phạm Tăng từng được Hạng Vũ kính trọng và tôn xưng là " Á Phụ "

Cửu Đỉnh

九鼎

Bảo vật truyền quốc cổ đại, dùng làm tượng trưng cho chính quyền một nước

Theo sách " Tả Truyện 左傳 " thì vua nhà Hạ ra lệnh cho châu mục của " Cửu Châu 九州 " đem công hiến đồng để đúc cửu đỉnh, sau khi làm xong, thì ghi lên thân đỉnh hình vẽ sông núi, sơn xuyên, và những vật lạ kỳ của khắp mọi nơi, sau đó đem cửu đỉnh bày ở ngoài cửa cung, để tiện cho người ta biết được nơi nào, chỗ nào là chỗ thần linh hay ma quỷ, để mà tránh điều hung, lựa điều cát.

Tương truyền rằng việc làm của vua nhà Hạ được " thiên đế 天帝 " tán đồng và phù hộ. Cửu đỉnh ra đời đã mang sẵn ngay một sắc thái thần bí. Nhà Hạ dùng đồng của cửu châu để đúc cửu đỉnh, chẳng những nhằm tượng trưng cho cửu châu, đồng thời biểu thị là nhà Hạ là chủ nhân của cửu châu, thực hiện được sự thống nhất thiên hạ.

Sau đó, cửu đỉnh được coi là tượng trưng của quyền lực, và trở thành vật " truyền quốc chi bảo 傳國之寶 " của nước Tàu.

Khi nhà Hạ bị tiêu diệt, cửu đỉnh truyền vào tay nhà Thương. Nhà Thương mất, cửu đỉnh sang tay nhà Chu. Chu Thành Vương đem cửu đỉnh bày ở ấp Giáp Nhục (nay thuộc Lạc Dương tỉnh Hà Nam), để cho người ta biết rằng " mệnh trời " qui về nhà Chu. Cho nên trong ngôn ngữ, người Tàu có từ ngữ " vấn đỉnh 問鼎 ", để chỉ sự tranh đoạt quyền lực, và từ " định đỉnh 定鼎 " chỉ sự thiết lập chính quyền. Còn thời tam quốc thì gọi là " tam phân đỉnh túc 三分鼎足 ".

Còn vấn đề hiện nay cửu đỉnh đó nay ở đâu' thì do lịch sử ghi không thống nhất, có thuyết cho rằng Tần Chiêu Vương đem cửu đỉnh về nước Tần, nên khi nước Tần bị diệt vong, thì cửu đỉnh thất tung. Còn có thuyết cho rằng khi Tần Chiêu Vương đem cửu đỉnh về nước Tần, thì một chiếc bị rơi xuống sông Tứ Thủy, còn lại tám chiếc mới mang vào Tần. Một thuyết khác nữa cho là dưới thời vua Chu Hiến Vương, cửu đỉnh bị chìm ở sông Tứ Thủy ở Bành Thành, nên khi Tần Thủy Hoàng năm 219 t CN' trên đường qua Bành

Thành, cho hơn một ngàn người xuống mò tìm ở sông Tứ Thủy nhưng không thấy.

Ngũ Mã Phân Thi

五馬分屍

Là tên gọi của một hình phạt tàn khốc thời cổ tại Trung Quốc. Người ta dùng năm con ngựa hay năm con trâu xé rời tứ chi và đầu của tội nhân. Cũng còn gọi là Xa Liệt 车裂 .

Thương Ưởng khi làm tướng quốc nước Tần, hình pháp nghiêm ngặt, nên gây nhiều oán hận với quý tộc nước Tần. Sau khi Tần Hiếu Công mất, con là Thái Tử Huệ Vương lên ngôi, Công Tử Kiên muốn báo thù cũ, mới vu cho Thương Ưởng làm phản. Thương Ưởng bỏ trốn sang nước Ngụy, nhưng bị từ chối. Bất đắc dĩ, Thương Ưởng phải trở về Tần rồi cùng với thuộc hạ khởi binh đánh Trịnh, nhưng binh bại bị bắt và bị Tần Hiếu Công xử Xa Liệt.

Tuy thế, có thuyết cho rằng Ngũ Mã Phân Thi chỉ là truyền thuyết dân gian, và chỉ xuất hiện sớm nhất trong tiểu thuyết Đông Chu Liệt Quốc.

Sách Sử Ký của tư Mã Thiên thuật lại rằng Thương Ưởng bại trận bị giết ở Thành Trì ở đất Trịnh, nghĩa là bị chết rồi' sau đó mới bị vua Tần Huệ Vương xử Xa Liệt, cho xe xé xác.

Sách tham khảo :

Trung Quốc Đế Vương Hậu Cung Tư Sinh Hoạt Chi Mê Toàn Kỳ Lục 中国帝王后宫私生活之谜全纪录 của Hoa Trọc Long)

ĐIỀN PHỤNG KIÊU

田鳳翹

Tác giả : Trường Bạch Hạo Ca Tử

Bản dịch của : Phạm xuân Hy

Một ngọn đèn xanh lửa dóm, hắt hiu tranh sáng với loài ma,

Bao phen dậm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ

Liễu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

*T*ại Hàn Thành có vị hiều liêm họ Lư, lên kinh thi tiến sĩ lạc

đệ, bèn cùng tên gia bộc, mỗi người một ngựa, theo đường Hà Bắc trở về quê ở Thiểm Tây.

Bấy giờ, trời đã về chiều, mặt trời đã ngả về tây, nhưng Lư vẫn chưa tìm được quán trọ, trong lòng còn đang lo lắng bồn chồn, thì bỗng nghe có tiếng chó sủa vang. Chàng cho rằng gần đó tất có người cư ngụ, nên ra roi thúc cho ngựa đi mau. Nhưng lắng tai nghe kỹ, thấy tiếng chó sủa hình như phát ra từ một khu rừng cây, Lư bèn bỏ đường lớn, rẽ vào một con tiểu lộ, ngoằn ngoèo khúc khuỷu.

Đi chưa đầy một dặm, thì hoàng hôn dần dần tắt nắng, trời đất tối sầm lại. Khi đến chỗ có tiếng chó sủa, Lư thấy phòng thất lư thưa, không có nhiều. Lác đác dăm căn thảo đường, lè tè thấp bé. Một ngôi nhà dựng bên bờ nước làm nơi cư ngụ.

Chàng để ý quan sát kỹ, thấy trước cổng của ngôi nhà ấy, có một cây đại hòe thật lớn, cành lá xum xuê um tùm. Dưới đất, tơ liễu bị gió thổi rơi đầy. Máy cây hạnh, cây quế, nhô cao khỏi bờ tường, nặng trĩu những quả sắp chín.

Khung cảnh càng làm cho khách viễn du, động tình cố lý.

Lư chưa kịp gõ cổng, thì đã nghe tiếng chó sủa âm ĩ ở trong nhà. Một ông lão, tuổi khoảng lục tuần, mang guốc, tập tễnh đi ra mở cổng, hỏi chàng đến có việc gì. Lư đem ý mình muốn xin ngủ trọ ra trình bày. Chàng phải nói đi nói lại hai ba lượt, ông lão mới nghe hiểu, rồi tươi cười bảo Lư :

-Chủ nhân đã có tiếng là Mạnh Thường Quân, tự nhiên là sẽ không chối từ, nhưng chỉ e tệ xá nhỏ hẹp mà thôi, biết làm sao chứ !

Lư lại khẩn khoản thêm mấy lần nữa, thì ông lão tiếp :

-Thôi, để lão vào bảm với chủ nhân xem sao nhé !

Rồi đi vào.

Mãi một lúc lâu sau, lão mới đi ra đón Lư.

Bấy giờ, con trăng đã mọc, in bóng xuống dòng nước trong xanh ở trước cổng.

Lư xuống ngựa, đi theo ông lão vào trong sân. Chàng thấy có một căn buồng ở mé đông, vừa thấp lại vừa bé, nhưng bên trong bày biện có vẻ ngăn nắp, sạch sẽ. Ông lão, đưa Lư vào đấy, còn giữ đứa gia bộc và hai con ngựa ở ngoài sân, rồi khiêm tốn bảo với Lư :

-Trời đã trễ, thành linh đón tiếp quý khách, tệ xá lại ở xa thành thị, không kịp chuẩn bị rượu thịt để quý khách tẩy trần, xin quý khách miễn thứ cho nhé !

Rồi tự đứng ra ngoài.

Lư bước ra sân, thấy đứa gia bộc của chàng đang cho ngựa ăn cỏ, đi lại bồi hồi dưới bóng trăng. Xung quanh, phòng ốc khin khít, sát cạnh nhau. Hình như gian ngọ thất của chủ nhân cũng chỉ cách căn buồng của Lư bằng một bụi chuối. Tiếng cười, giọng nói, từ bên đó phát ra, nghe rõ mồn một.

Chàng đứng hồi lâu, nghe có tiếng lẩm bảm, thanh âm nhỏ nhẹ, hình như là của một thiếu phụ :

-Cái con ranh Điền, tối nay lại không đến, thật là khinh người quá !

Tiếng nói chưa dứt, thì có tiếng cười của một người con gái còn trẻ, đáp lại :

-Chị không phải là tôi, sao chị biết tôi không đến !

Người thiếu phụ vừa cười vừa nói đùa :

-Vừa mới nhắc đến Tào Tháo, thì Tào Tháo xuất hiện liền !

Người con gái hỏi :

-Đường xá cách trở xa xôi, chẳng biết dì Trần có tới không nhỉ ?

Người thiếu phụ trả lời :

-Bả là người tính thích nhiệt náo, ham vui, lẽ nào lại không đến.Hơn nữa, hôm nay nhà này lại có khách quý, muốn mời khách nhập tiệc cho vui, nhưng chỉ sợ các cô e thẹn mà chuồn đi hết thôi !

Người con gái cười :

-Chị tự mình chẳng biết xấu hổ, đội mũ đi hia, giả nhân giả nghĩa bà tú để. Bọn em đều là người lớn đàn ông cả, há đâu phải là nhà quê, con nít, mà chị đoán mò như thế !

Người thiếu phụ cũng cười theo :

-Cái con ranh này, chẳng ngờ nó mặt dày đến thế !

Giữa lúc hai người còn đang đối đáp, thành linh có một luồng gió thổi tới. Âm thanh mơ hồ, hỗn độn. Lào xào tựa như tiếng bà già, con gái, dăm ba người đang hàn huyên chuyện vãn trong khuê phòng. Thanh âm cứ mỗi lúc nhỏ dần.Rồi biến mất. Không nghe thấy gì nữa.

Một lúc sau, ông lão đi ra mời Lư, nói :

-Chủ mẫu tôi, chẳng ngại nhà thanh bần giản lậu, những mong được diện kiến bậc cao hiền, xin mời quý khách vào ngay.

Vừa rồi Lư được nghe giọng cười tiếng nói của người thiếu phụ, trong lòng cũng có phần dao động, sao xuyên.Lại thêm lữ đồ tịch mịch, trống trải trống trải.

Bèn đi theo ông lão.

Chàng đi qua vườn, để vào trong nhà, thấy không có gì là rộng rãi cho lắm.Nhưng hương hoa nồng nàn, thơm ngát. Bóng cây âm u, trầm lặng.Dưới ánh trăng vàng vạc, vạn vật cỏ cây đều rõ mồn một.Ở mé trái, có ba gian buồng, tu sức rất là hoa mỹ, không giống như những gian phòng của người thường. Lư đồ chừng là chỗ cư trú của chủ nhân.Ở mé phải, là một gian thảo đình, so ra khá tươi tắn, bên trong đã kê sẵn ba chiếc bàn, có một bàn chưa có ai ngồi cả.Còn hai bàn kia, có bốn năm người phụ nữ đang truyện trò, cười cười nói nói, rất là cao hứng.

Họ thấy Lư đến, đều đứng cả dậy, dời thảo đình, đi ra đón chàng. Một người mặc sắc phục màu trắng, trông dung mạo rất là

thanh tú, diễm lệ, vén vạt áo lên, rồi cung kính, nói với Lư :

-Thiếp vì tiên phu sớm xa cõi trần, nên phải cư ngụ ở chốn quê mùa hẻo lánh này, nay may được bậc cao hiền huệ cố đến chơi, khiến cho tề xá được thêm phần vinh dự. Nay, cô em họ Điền có bày chút tiệc mọn, lấy hoa cúng Phật, xin quý khách đừng cho là lạ mà chê trách nhé !

Lư hiểu đó là chủ nhân nhà này, bèn vòng tay thi lễ, đáp tạ :

-Tiểu sinh là kẻ bất tài, đi thi lạc đệ, lấy làm hổ thẹn. Nay trở về quê nhà ở Thiểm Tây, nhưng trời đã tối, lại sợ đường xá xa xôi, hổ lang bạo khách dữ dằn, nên phải ghé vào quấy rầy quý phủ, xin ngủ đậu, chẳng những đã được bao dung, lại cho dự yến tiệc, thật lấy làm cảm kích vô cùng.

Chàng nói xong, thì mấy người phụ nữ còn lại, đều từng người một đến chào hỏi chàng, rồi dẫn chàng vào thảo đình, mời chàng ngồi vào bàn nhất.Lưu phải khiêm nhượng từ chối một hồi, sau mới dám nhận.

Tiệc rượu không có đèn đuốc chi cả. May nhờ có ánh trăng, Lư mới kín đáo liếc nhìn quan sát.

Chàng thấy ở bàn phía trái là một người cao tuổi và hai người phụ nữ. Bà lão tuy khoảng gần năm chục, nhưng dung mạo hã còn mẫn mòi sắc sảo lắm.Áo quần năm màu sắc sỡ, lấp lánh như điện quang.Mọi người đều gọi bà bằng Dì.Còn hai người phụ nữ kia, thần sắc phong thái cũng diễm lệ xinh đẹp.Y phục màu trắng sạch sẽ.Tuổi tác xem ra cũng xấp xỉ với chủ nhân.

Còn bàn bên hữu, trừ cô gái mặc áo the mỏng, và một nữ lang mặc áo dài màu đỏ, trông chẳng khác gì một bức tranh mỹ nữ.

Chốc chốc nàng lại đưa mắt liếc nhìn Lư, như có điều gì muốn nói.

Lư ngồi giữa một đám người toàn là giai lệ, nên cảm thấy gò bó dẹt dẹt, không dám có cử chỉ phóng túng buông thả chút nào.

Vừa hết một tuần rượu, Lư đã cảm thấy hơi men chênh chóang, chàng lấy làm lạ, từ từ nhắm thêm một chút nữa.Thấy vị rượu trong chén đậm đà, nhưng sắc đậm nhạt, thuần hậu dị thường, bèn không

dám uống nhiều thêm, chỉ ăn đôi chút trái cây, để đáp lại thịnh tình mời mọc của chủ nhân.

Sáng đến tuần rượu thứ hai, người đàn bà cao tuổi nói :

-Uống rượu mà như trâu uống nước, thì dù có uống hết tám đấu, cũng nào có thú vị gì ?Vậy xin đề nghị chúng ta nên phỏng theo chuyện uống rượu vườn đào ngày xưa, mỗi người phải làm và ngâm một bài thơ ngắn, để trợ tửu hứng. Còn quý khách nghĩ thế nào ?

Lư " dạ, dạ" tỏ ý đồng tình.

Nhân thế, tất cả đều đề cử người đàn bà cao tuổi ngâm trước.Người đàn cao tuổi tỏ vẻ kiêu hãnh, không từ chối, tăng háng lấy giọng, rồi cất giọng ngâm một bài tứ tuyệt :

Tăng Triệu Bá đồ mâu hồi phụng

曾兆霸圖侔翮鳳

Canh phù thánh đạo tiêu minh hồng

更符聖道笑冥鴻

Hồng nhan lão khứ phong lưu tại

紅顏老去風流在

Mỗi hướng Nam dương hóa xích hồng

每向南陽化赤虹

Người đàn bà lớn tuổi ngâm xong, cả bọn đều vỗ tay khen. Chừng đến phiên Lưu, chàng từ chối ba bốn lần không được, cũng phải ngâm một bài :

Nhất viên hồng hạnh nguyên vô ngã

一園紅杏原無我

Mãn nhãn yêu đào tín thị thùy ?

滿眼天桃信是誰

Do tác quảng hàn hoa hạ khách

猶作廣寒花下客

Bất tu lư xướng thả thư mi

不須臚唱且舒眉

Các nàng nghe Lư ngâm xong, cảm tạ thưa :

-Bọn thiếp so với hăng nga thua xa, đâu dám so sánh, mà chàng quá khen như thế.

Tiếp đó, đến phiên ba cô khác, họ đều thoái thác không biết ngâm thơ, xin nhận lấy chén tống u rượu phạt. Chỉ có người con gái mặc áo hồng khe khẽ cất giọng ngâm :

Trường dạ vô đăng lân tự chiếu

長夜無燈磷自照

Đoạn hồn thù bạn nguyệt vi trừ

斷魂誰伴月為儔

Thê thê nhất thụ bạch dương hạ

淒淒一樹白楊下

Mai tận kim khuê vạn học sầu

埋盡金闈萬斛愁

Lưu nghe lời thơ ảm đạm nặng nề âm khí, lòng cảm thấy lo lắng, mặt mày biến sắc, đứng dậy. Các cô gái thấy thế, tức giận lớn tiếng trách mắng người con gái áo hồng :

-Cái con ranh con này, làm mất cả hứng vui của người ta !

Rồi cùng nhau chán nản bỏ đi.

Lư ra ngoài cửa, lòng bồn chồn bất an, tim đập thình thình. Có ý muốn rời khỏi nơi đây, thì trời đã khuya. Bốn bề đen tối mênh mông. Vả, cũng chẳng biết đi về đâu. Còn ở lại, thì e ngại về hành tung lạ kỳ bí hiểm của những người con gái. Nghĩ tới nghĩ lui, đành cứ để nguyên cả quần áo, nằm xuống ngủ

Giữa lúc Lưu còn trần trọc, xoay dọc xoay ngang, thình lình nghe có người búng ngón tay gõ vào cửa sổ gọi.Chàng nhồm dậy, nhìn ra ngoài.Chỉ thấy người con gái áo hồng, vụt như điện chớp, vội vã bước vào, bảo chàng :

-Nếu chẳng có bài thơ vụng về của thiếp, thì chàng nguy hiểm đến tính mạng rồi.Chồn này dữ dần còn hơn hang hùm ổ rắn. Sao còn muốn ở lại đây ?

Lưu ngạc nhiên, sợ hãi vặn hỏi, thì người con gái áo hồng nắm lấy vạt áo của chàng, vừa kéo vừa bảo với chàng :

-Đi, đi thôi !Đừng hỏi han gì nữa.

Lưu muốn nghĩ đến đứa gia bộc, và con ngựa, nhưng nàng nói :

-Nếu còn sống, sau này sẽ tính !

Rồi cứ thế kéo chàng chạy trốn .

Hai người chạy về hướng đông, được hơn một dặm, thì ngoắt về hướng tây. Mồ hôi trên lưng Lưu nhễ nhại, đầm đìa, chẳng biết phải làm gì.

Chừng đến chỗ có một gốc cây thật lớn, người con gái áo hồng bảo với Lưu :

-Chỗ này là nhà thiếp, hãy nghỉ ngơi thở một chút. Nếu bọn ma nữ ấy đến đây, thiếp sẽ có cách đối phó.

Lưu thở hổn hển, phủ bụi bặm trên người, rồi gạn hỏi nguồn cơn, thì người con gái trả lời :

-Thiếp tên Phụng Kiều, họ Điền, còn mẹ đàn bà gọi là dì Trần, cư ngụ ở Kỳ Châu, thực ra là một con gà rừng thành tinh. Còn ba đứa con gái kia đều là những con nhím tu luyện ngàn năm thành yêu nữ cả. Bọn chúng chuyên môn phục ở dưới địa hạ để rình hút tủy não người qua đường. Những ngôi mộ quanh đây, đều là của những người chết vì bọn chúng. Thiếp sinh thời, nhờ thành khẩn tụng niệm kinh Kim Cương, lúc chết, chôn kinh theo làm tuần táng phẩm, nên bọn yêu quái ấy chẳng những không dám xán gần đến mộ phần của thiếp, lại còn kết làm chị em, rong chơi sớm chiều, nhưng thực tế, bọn chúng chỉ muốn cướp đoạt báu vật của thiếp thôi. Tối qua, người nhà thiếp đem rượu thịt đến cúng, bọn chúng đánh hơi, biết tin, bèn dùng pháp thuật mang đi, rồi ép thiếp làm "đông đạo chủ". Chẳng ngờ, chàng lại cũng có mặt dự tiệc. Thiếp không đành vì miếng ăn, để chàng phải phơi gan đổ óc, cho bọn ma đói ấy, nên đã mấy lần đưa mắt ra hiệu cho chàng, mà chàng cứ lặng im làm ngơ. Cũng còn may, thiếp nhờ dịp ngâm thơ mà gửi ý, đánh động cho chàng biết để đề phòng, nếu không thì bây giờ chàng đâu còn sống nữa.

Lưu nghe nàng nói, càng thêm kinh hoàng sợ hãi, rợn cả người, ý muốn hỏi cho rõ thêm, thì thoáng thấy mấy đốm hỏa quang từ phía bờ rừng bay vụt tới.

Lúc đoàn hỏa quang bay gần tới gốc cây, người con gái bèn rút trong tay áo ra một quyển kinh, lâm lâm khẩn nguyện, khiến cho

những đốm hỏa quang ấy phải dừng lại, như có điều úy kỵ, không dám tiến tới. Hai phe dằng co không phân thắng bại, mãi cho đến lúc có tiếng gà gáy, thì những đốm hỏa quang mới chịu tản mát bay đi.

Lưu trốn nấp trong bụi cỏ, nín thở, không dám ho he lên tiếng, sợ toát mồ hôi, ướt đầm cả quần lẫn áo. Mãi cho đến lúc tang tảng sáng, người con gái mới mừng rỡ bảo chàng :

-Chàng may thoát chết! Xin hãy chờ mặt trời mọc rồi đi theo đường cũ mà trở về cố xứ, và nghiệm xem lời thiếp có đúng không. Thiếp là kẻ thuộc âm gian dị loại, không thể xuất hiện ban ngày được. Tối nay, khi chàng ngủ tại lữ quán, thiếp sẽ đến để cùng chàng truyện trò cạn kẽ. Vả, cũng còn ít việc quan trọng phải bàn cho hết.

Nói xong thì biến đi, không còn hình tích gì nữa.

Lưu nhìn xung quanh, chỉ thấy cỏ hoang ngập lối, khói sương lạnh lùng, bên cạnh có một ngôi mộ mới, dài ba thước, còn cả đồng tiền âm phủ, phía trên được chặn bằng một hòn đá. Bèn hướng về ngôi mộ chấp tay vái tạ, rồi men theo đường cũ, tìm đến căn nhà đã xin tá túc tối hôm trước, nhưng chỉ thấy mồ mả ngang dọc như bàn cờ. Tuyệt, không thấy nhà cửa làng xóm chi cả. Các vật dụng của chàng ngổn ngang tứ tán trên cỏ hoang. Chàng vội vã đi tìm đũa ở, té ra, đã chết từ lâu. Ở ngay giữa trán, có một lỗ sâu hoắm, bên trong không còn gì cả, óc chùng như đã bị yêu quái hút hết.

Lưu sợ quá, may tìm được lại con lừa, vẫn còn sống không hề hấn thương tích gì, bèn cưỡi lừa rời khỏi ngay nơi ấy. Đến trung ngộ, thì vào đến thị trấn. Chàng đem truyện đã gặp phải thuật lại cho người ta nghe. Ai nghe, cũng đều kinh dị, lấy làm kỳ quái, giữ chàng ở lại lữ quán, rồi trình báo quan huyện. Đến tối, Lưu nằm ngủ, thì mộng thấy người con gái áo đỏ đến bên cạnh. Chàng ngỏ lời cảm ơn nàng cứu mạng, và hỏi lý do vì sao thằng ở của chàng bị chết.

Người con gái trả lời:

-Lũ yêu quái ấy chiếm cứ ở dưới hoàng tuyền, nếu không thế thì không thể sống nổi. Nhưng hễ gặp người sống thì chúng hút hết não

tủy, công hiệu bằng mười lần của người đã chết. Chàng nhờ phúc trạch lớn, bọn chúng không dám lại gần, nên mượn tử sắc để mê cảm chàng, giả như chàng ngủ say không dậy nổi, bấy giờ chúng sẽ ra tay. May là chàng theo thiếp đào tẩu đấy, còn thàng ở vì ngủ say, nên chết vì chúng, thật cũng không có gì làm lạ.

Lưu lại hỏi xem có cách nào khu trừ yêu quái không, thì nàng trả lời :

-Lũ yêu này sống đã nhiều năm, linh dị khác thường, có thể đi về hàng mấy trăm dặm, ngay như bậc thần tiên cũng chẳng làm gì nổi chúng, huống chi người trần.

Rồi nàng bèn lên e dè bảo với Lưu :

-Thiếp đã gây thù kết oán với chúng rồi, thì không thể tiếp tục ở lại chốn này nữa. Chàng lại góa vợ, vậy thiếp tình nguyện xin theo chàng phụng thờ cầm sắt, đem kinh về nhà, trước dùng vật trấn yêu, sau là giữ cho hài cốt của thiếp được trường cửu lưu tồn. Chẳng hay chàng có bằng lòng không ?

Lưu thấy nàng nhan sắc diễm kiều, cũng đem lòng ái mộ, nhưng lại e nàng kẻ thuộc âm gian dị loại, mới đáp :

-Chịu ơn cứu tử của nàng, việc gì nàng muốn mà ta chẳng làm, duy có điều, nàng đã cứu sống ta, nay lại đẩy ta vào cõi chết, thế chẳng hóa ra lại làm mờ cái công đức của nàng đi sao? Thật, ta chẳng dám nhận.

Người con gái tư lự, trầm ngâm một hồi, rồi bảo với Lưu :

-Lời chàng nói thật cận nhân tình đạo lý, thiếp cũng chẳng ép. Ngày mai vào chốn quan nha, thiếp e chàng sẽ bị người ta nghi ngờ, khi ấy chàng cứ hô gọi tên thiếp ra, ắt sẽ được hỗ trợ.

Ngày hôm sau vào đến nha môn, quả nhiên Lưu bị quan huyện nghi là thủ phạm giết đứa ở. Lưu bị oan, lấy làm phẫn hận, lớn tiếng gào gọi tên Phụng Kiều. Quan huyện vô cùng kinh ngạc, cho bãi gấp công đường, rồi sai dẫn chàng đến trước mặt, gạn hỏi :

-Phụng Kiều là con gái ta, chết từ hai tháng nay, sao nhà người lại biết được nhũ danh của nó ?

- Lưu bèn đem truyện kỳ ngộ của chàng và Phụng Kiều, cùng cách phục sức của nàng thuật lại cho quan huyện nghe. Cái gì cũng đều phù hợp cả.

Quan huyện tỏ ra mừng rỡ, bảo chàng :

-Con gái ta, lúc sinh tiền rất thích niệm kinh Kim Cương, chẳng ngờ lại hữu ích.Điều này, trước đây ta không hề biết.

Nguyên lai, vị quan huyện này là người Phúc Kiến, nhân vì đường xá xa xôi cách trở, không thể đưa thi hài người con gái về quê được, đành an táng ở nơi nhiệm sở.Vả, theo tập quán, cổ nhân thường coi nhiệm sở là quê hương của mình.

Sau đó, quan huyện không còn nghi ngờ gì Lưu nữa, chỉ cho là đứa ở của chàng chết bất đắc kỳ tử, trình lên thượng cấp, và kết thúc vụ án.

Lưu đề nghị với quan huyện, đào quan tài của Phụng Kiều lên, đem để vào chùa, cho nàng khỏi lo lắng gì đối với bọn yêu quái nữa.

Quan huyện cũng đồng ý nghe theo.

Rồi chàng từ biệt, trở về quê.Chính lúc chàng vừa đặt chân vào nhà, thì mẹ chàng mang thai vừa đến thời sinh nở.Một hôm, Lưu mộng thấy Phụng Kiều hiện đến bảo chàng :

-Thiếp tuy chẳng được cùng chàng kết duyên phu phụ, thì xin kết làm huynh muội vậy !

Khi tỉnh dậy, thì nghe thấy mẹ chàng sinh được một đứa con gái, chàng cho đó là Phụng Kiều chuyển thế, bèn bám với cha mẹ, lấy tên nàng đặt cho em.

Lúc người em trưởng thành, ngoài cái tình huynh muội, Phụng Kiều trở nên người bạn chí đồng đạo hợp của Lưu.

Cho đến khi chàng ngoài ngũ tuần, mấy lần đi thi đều chẳng đỗ đạt chi cả, gia cảnh suy lạc, lâm vào cảnh túng thiếu, may nhờ có em lấy chồng đại phú, thường luôn tư trợ cho Lưu.

Vài hàng chú thích

Mạnh Thường Quân

孟嘗君

Mạnh Thường Quân, tên là Điền Văn, là quý tộc nước Tề thời Chiến Quốc, được tập tước của cha là Điền Anh, phong địa ở đất Tiết, xưng là Tiết Công, hiệu là Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân được vua Tề Mẫn Vương bổ làm Tướng Quốc, trong nhà nuôi hàng ngàn thực khách. Mạnh Thường Quân từ liên hợp với các nước Hàn và Ngụy đánh bại ba nước Sở, Tần và Yên. Có lần vào làm Tướng Quốc nước Tần, được ít lâu bỏ về. Năm Tề Mẫn Vương thất niên, tức 294 trước CN, nhân vì sự phản loạn của Điền Giáp, Mạnh Thường Quân chạy sang nước Ngụy và làm Tướng Quốc nước này, rồi chủ trương liên Tần phạt Tề, sau lại chủ trương hợp tung với các nước Yên và Triệu đánh Tề.

Tào Tháo

曹操

Tào Tháo sinh năm 155 CN mất năm 220 CN.

Ông là một nhà chính trị gia, quân sự gia, thi nhân đời Tam Quốc, người Bái Quốc, huyện Tiểu, vốn họ Hạ Hầu, cha tên là Tung, làm con nuôi hoạn quan Tào Đẳng, nên đổi ra họ Tào, tự là Mạnh Đức, tiểu tự là A Man. Tháo là người có hùng tài, lại giỏi quyền trá. Năm hai mươi tuổi đỗ hiếu liêm, rồi ra làm quan.

Cuối thời nhà Hán, nhờ trăn áp giặc Khăn Vàng mà khuyếch trương được lực lượng quân sự.

Năm 192 CN, Tào Tháo chiếm cứ Duyện Châu, phân hóa và dụ hàng được một bộ phận quân đội của giặc Khăn Vàng ở Thanh Châu rồi biên chế thành "Thanh Châu Binh", sau đó đón vua Hán Hiến Đế về Hứa Đô, và dựa danh nghĩa của Hiến Đế mà ra lệnh các chư hầu, đánh dẹp thế lực cát cứ của Lã Bố.

Năm 200 CN, tại Quan Độ (nay thuộc huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam), Tào Tháo đại phá quân phiệt thế tộc Viên Thiệu và Viên Thuật, thống nhất miền bắc Trung Quốc, đảm nhiệm chức Thừa Tướng, được phong Đại Tướng Quân.

Năm 208 CN, nhằm mục đích thống nhất miền nam Trung Quốc, Tào Tháo thống lĩnh hơn hai chục vạn quân đánh Tôn Quyền và Lưu Bị nhưng bị liên quân Lưu và Tôn đánh bại ở trận Xích Bích.

Trong thời gian cầm quyền ở miền bắc, Tào Tháo thiết lập đồn điền, hưng tu thủy lợi làm khôi phục nông nghiệp, xử dụng người có tài, đả phá quan niệm thế tộc môn đệ, chế chỉ hào cường, thâu nhận những nhân vật giai cấp địa chủ trung đẳng, và hạ đẳng, nhờ thế mà kinh tế và xã hội được phát triển.

Sau khi Tào Phi soán ngôi nhà Hán bèn truy tôn cha là Võ Đế.

Tiên phu

先夫

Người chồng đã chết gọi là tiên phu.

Đông đạo chủ

東道主

Từ ngữ "Đông đạo chủ" phát xuất từ điển cổ trong sách "Tả Truyện" như sau: Vào thời Xuân Thu, công tử Trùng Nhĩ nước Tấn, vì tranh chấp ngôi báu, phải chạy sang nước Trịnh, bị vua Trịnh Văn Công coi thường. Sau khi Trùng Nhĩ được trở về làm vua nước Tấn (tức Tấn Văn Công), vì muốn trả mối tư thù và cũng vì không đồng ý sự giao hảo giữa nước Trịnh và nước Sở, nên Trùng Nhĩ bèn liên hợp với nước Tần để đánh Trịnh.

Trịnh Văn Công phái Chúc Chi Võ sang thuyết Tần Mục Công thoái binh.

Chúc Chi Võ tâu với Tần Mục Công rằng : "Nước Tần và nước Trịnh đều là láng giềng của nước Tấn cả. Nếu nước Tấn diệt được nước Trịnh thì Tấn trở nên cường thịnh hơn, và ngược lại nước Tần sẽ nhỏ hơn so với nước Tấn, vậy chẳng lẽ bệ hạ muốn diệt nước Trịnh để tăng cường thực lực của nước Tấn hay sao ? Nếu như bệ hạ rút quân về, Trịnh quốc nguyện xin làm "đông đạo chủ", sau này khi sứ giả nước Tần đi qua Trịnh, Trịnh quốc tận tình tiếp đãi.

Tần Mục Công nghe thấy có lý, bèn rút quân về.

Sở dĩ Chúc Chi Võ nói Trịnh sẽ là "Đông đạo chủ " vì nước Trịnh nằm ở phía đông nước Tần.

Sau này, "Đông đạo chủ" được dùng để phiếm chỉ người làm chủ mời và tiếp đãi khách. Cũng có khi mời khách thì gọi là "Tác đông" hay "tác đông đạo".

Kim Cương Kinh

金剛經

Tên của kinh Phật, Phạm văn là Vajracchedikaprajnaparamitasutra, dịch trọn nghĩa là « Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh », kinh được tăng nhân Cưu Ma La Thập (tức Kumarajiva), người sáng lập phái Thiên Đài Tông ở Trung Quốc, thời Thập Lục Quốc, dịch ra Hán văn gồm một quyển.

Kim Cương Kinh cho rằng mọi sự vật ở trên đời đều không ảo 空幻, không có thật : “Thực tướng giả tặc thị vô tướng 實相者則是非相”, và cho rằng không nên chấp nê, lưu luyến đối với thế giới hiện thực.

Ngoài ra, Kim Cương kinh còn có những bản dịch cùng tên của Bồ Đề Lưu Chi, người triều Bắc Ngụy, và của Trần Chân Đế thời Nam Triều.

Bạo Khách

暴客

Tức đạo tặc, giặc cướp.

Thiếp

妾

Cổ thời, người đàn bà Trung Hoa tự xưng mình là thiếp 妾, để tỏ ý khiêm tốn, mà còn tỏ ý tôn kính đối với người đối thoại với mình. Còn đàn ông, ngoài người vợ cả, chính thê ra, còn có vợ bé, người vợ bé bị coi là địa vị thấp kém, nên gọi là thiếp.

Thiếp 妾 có nguyên nghĩa là người nữ nô. Còn nam nô là thần 臣

KIM TRÚC TỰ

Tác Giả: Tuyên Đình

Dịch Giả : Phạm Xuân Hy

Mỗ lúc hồi còn nhỏ để tóc trái đào, từng được nghe nói đến ngôi chùa Kim Trúc Tự ở Dương Châu, nhưng không hề biết rõ gốc gác do lai long mạch thế nào. Chỉ mới năm ngoái, may gặp được quan Đồn Điền Tư Mã là Dương Tuệ Sinh, người trong thân tộc, ngẫu nhiên đem chuyện Kim Trúc Tự ra kể.

Câu chuyện kể rằng:

Cuối đời Minh mạt, ở đất Hoãn, tức tỉnh An Huy ngày nay, có người tên là Tiêu Linh Oai, tuổi còn trẻ, nhưng tính tình hào hiệp, hay bênh vực kẻ yếu thế. Vì vậy nên thường hay mua oán kết thù với người đời, bị cừu nhân ám hại, suýt mạng vong, phải bỏ xứ mà đi, mai danh ẩn tích ở đất lạ xứ người mất hai năm liền.

Một tối, Tiêu một mình tản bộ dạo chơi dưới bóng trăng, chợt nghe có tiếng người nữ non khóc lóc phát ra từ một ngôi nhà lá. Chàng tiến lại han hỏi. Té ra đó là hai mẹ con một người đàn bà góa, thường vẫn sống bằng nghề se tơ, đánh sợi.

Hàng xóm của họ có tên hào phú Ngụy Hồ Nhi, thấy nhan sắc của người con gái diễm lệ yêu kiều, thì đem lòng thèm khát, muốn cưỡng chiếm lấy nàng. Nhưng người con gái xấu hổ, bực tức, khăng khăng một mực không chịu, đã có ý tự sát mấy lần. Vì thế, người mẹ không dám rời xa nàng nửa bước. Hôm ấy, Ngụy Hồ sai người đưa thư đến báo cho hai mẹ con nàng biết là đã chọn được ngày cát nhật, vài hôm sau sẽ cho kiệu đến rước dâu. Vì thế mà hai mẹ con chỉ biết ngồi nhìn nhau khóc lóc, kêu trời than thở mà thôi.

Tiêu được rõ câu chuyện, mới bảo với người góa phụ:

- Cho dù hai mẹ con bà có khóc đến sáng mai cũng không thể ngăn trở hấn đến cưỡng hôn được đâu!

Rồi quay trở về quán trọ, lấy một con dao thật sắc, dấu vào trong tay áo, ra đi.

Tiêu dò la tìm đến dinh cơ tên hào phú Ngụy Hồ, trèo qua lớp tường vây xung quanh nhà, vào bên trong, rồi tháo bỏ hài, nhảy lên mái ngói, lặng lẽ đi không để một tiếng động. Chàng đưa mắt nhìn bốn phía nghe ngóng, thấy từ gian phòng có ánh sáng rạng rỡ hơn cả phát ra những trận cười hoan lạc. Chàng tiến lại gần, du người dòm qua song cửa. Chính lúc đó, tên hào phú Ngụy Hồ đang ôm một nàng cơ thiếp trong tay, bên cạnh có tên bạn đồng xuồng rót rượu thù tạc, chén chú chén anh, phong thái rất là phóng đảng đậm dật.

Bỗng Tiêu nghe tiếng tên bạn đồng xuồng bảo với Ngụy Hồ:

- Đại ca ạ! Cô ả đông lân chỉ vờ vẫn khóc đấy thôi. Đệ sợ ngày mai được vào trường gắm với đại ca, được thưởng thức vị lạ rồi, e rằng có đuổi cũng không đi nữa.

Tiêu nghe tiếng Ngụy Hồ trả lời:

- Ả mà còn ngáng bước không chịu, thì cứ thả xuống cái hồ băng, cho chết lạnh là xong.

Tên bạn đồng xuồng tiếp:

- Đại ca là người biết thương hoa tiếc ngọc, lẽ nào lại buông lời tàn nhẫn đến thế, tính hù dọa kẻ yếu bóng vía đó sao?

Ngụy Hồ chỉ cười "ha ha," không đáp.

Tiêu biết chắc chắn đó chính là tên hào phú Ngụy Hồ, bèn lập tức nhảy phắt xuống đất, vung dao nhắm vào Ngụy Hồ, chém một nhát, y chết tươi.

Người cơ thiếp thấy thế hoảng sợ ngất xỉu.

Tên bạn đồng xuồng của Ngụy Hồ trong lúc cuống cuồng cũng bị Tiêu bồi cho một đao, hồn du địa phủ. Bọn đồng bọn nghe tiếng kêu chạy tới cứu cũng bị Tiêu giết hai tên, còn một tên bỏ chạy. Tiêu thấy trên bàn tiệc có một hồ rượu, chàng rót uống cạn một hơi ba chén tổng thật lớn.

Sau đó, lấy ngón tay nhúng vào máu, viết lên tường một hàng đại tự:

"Kẻ sát nhân chính là Tiêu Linh Oai. "

Viết xong, Tiêu lại nhảy lên nóc nhà, nhìn tứ phía, rồi lại nhảy xuống, nhắm hướng hoang dã ngoai thành mà đi. Tiêu đi được một lúc lâu, đến một vùng mà chàng không biết là đâu. Bất chợt Tiêu thấy một người mặc áo trắng, tay cầm chiếc đèn hoa sen chạy như phi ở phía trước dẫn lộ cho chàng. Tiêu nổi gót chạy theo. Mãi đến khi trời hưng hửng sáng, Tiêu mới nhận ra là nơi chàng đến đã xa hẳn dinh thự của tên Ngụy Hồ đến năm trăm dặm. Lúc để ý tìm người áo trắng, thì đã biến mất, không thấy tông tích gì nữa, tuy chỉ có chiếc đèn hoa sen bị bỏ lại nằm trong bãi cỏ hoang, ánh sáng chập chờn lay động như sắp tắt.

Tiêu rảo bước tiến lại gần, nhìn kỹ, té ra không phải đèn, mà là một đỉnh bạc lớn, thuộc loại châu đề, tính ra ước lượng vào khoảng bốn mươi lạng. Chàng cúi xuống lượm lên bỏ vào túi, để dùng làm tiền lộ phí. Hàng ngày, Tiêu ở trọ trong một lữ quán, nhưng những tin đồn việc tróc nã can phạm giết người ở nhà viên hào phú Ngụy Hồ càng lúc càng khẩn cấp, Tiêu sợ bị bọn bộ dịch tìm ra tông tích, vội vã thay đổi y phục và danh tính trốn sang bên kia sông.

Chàng nghe đồn núi Thiên Trúc Sơn thuộc tỉnh Triết Giang có vị Bồ Tát rất là linh hiển, bèn dốc lòng tìm đến đó để phần hương sám hối. Nhưng khi đến nơi, Tiêu thấy trai thanh gái lịch, áo quần hoa lệ, tụ tập đông như kiến, còn thì khuu, thượng tọa thì nghìn nghịt như đếm không xuể, nhưng đều chỉ có bề ngoài, không có ai là người đạo hạnh cao thâm cả.

Sau khi thắp hương cầu khẩn, Tiêu tạm trú trong sơn tự, phát nguyện cải hối, trong lòng thầm xin được tị hộ che chở, ngày ngày đem hết lòng thành trai giới tụng niệm.

Một hôm, Tiêu cảm thấy trong lòng cô đơn tịch mịch, bèn leo lên đỉnh núi, tìm niềm khuây khỏa.

Chàng bước vào trong một thạch động thì thấy một vị sư già, đang ngồi bắt hai chân lên đùi nhập định. Đôi mắt như mù. Nhưng khi thấy Tiêu vừa bước vào trong động, nhà sư đột nhiên lớn tiếng mắng:

- Tên hào phú ấy cưỡng chiếm nhi nữ, có liên can gì đến nhà người ?

Bị nhà sư cật vấn thành linh, toàn thân Tiêu như bị dội một gáo nước lạnh. Chàng sợ hãi, mắt ngậy ra, miệng há hốc, đứng đờ người, tưởng rằng việc giết người của chàng đã bị lộ, bụng nảy ý giết luôn vị sư già đó để diệt khẩu, thì tai lại nghe tiếng vị sư già lớn tiếng quát:

- Khoan! Người mặc áo trắng cầm đèn dẫn lối cho người chạy, lẽ nào người cũng lại coi là kẻ thù hay sao ?

Tiêu nghe vừa sợ, vừa cảm kích, vội vã phủ phục xuống đất, nói:

- Đệ tử biết tội mình rồi, đại bồ tát pháp lực hoàng thâm, xin giúp đệ tử thoát được nạn này!

Vị sư già đáp:

- Nơi đây không phải đất cho người dung thân đâu. Ta có lá thư này, người hãy cầm đến gặp vị phương trượng Kim Trúc Tự ở Dương Châu, xin ần nấu lại đây vài ba ngày, ắt tai qua nạn khỏi ;

Rồi rút trong tay áo ra một lá thư niêm phong kỹ càng, đưa cho Tiêu, và tiếp:

- Nhà người hãy cầm thơ này đi ngay đi, đừng quay lại nữa.

Tiêu dập đầu vái tạ, cầm thư ra đi.

Sau mười ngày đi thuyền, Tiêu đặt chân được đến Dương Châu.

Chàng hỏi han tìm kiếm khắp vùng, nhưng không có chùa nào là Kim Trúc Tự cả, lòng vô cùng lo lắng ưu tư, không dám vào cư trú trong thành, chỉ quần quanh ần nấu ở những nơi thôn xóm hẻo lánh, vắng người.

Một đêm, chàng men ánh trăng tản bộ đến cầu Phú Kiều ở cửa đông để dạo chơi. Bất chợt, Tiêu thấy có một vị hành cước tăng, vác trên lưng một cái túi, đằng trước có một chú tiểu cầm chiếc đèn lồng dẫn đường. Trên đèn có đề mấy chữ "Kim Trúc Thiền Viện. "

Tiêu chú ý nhìn, thấy ánh đèn lập lòe đi về hướng đông. Chàng vội vã cố chạy gấp theo phía sau. Chừng năm sáu dặm, đến một sơn cốc, thì bất kịp.

Vị hành cước tăng hỏi chàng:

- Chẳng hay thí chủ nghe gì, thấy gì, mà lại đuổi theo bản đạo vậy !

Tiêu vừa thở hồn hển vừa đem việc gặp vị sư già ở núi Thiên Trúc thuật lại cho vị hành cước tăng đó nghe, rồi đưa lá thư ra trình.

Vị hành cước tăng nói:

- Tưởng là ai, té ra là Bạch Y Khoát Cúc Tôn Giả. Như vậy, thí chủ từ xa đến đưa thư, vậy xin mời theo bản đạo cùng về chùa một thể.

Chẳng mấy chốc, thì hai người đi đến một vùng cây cối bao la, bát ngát. Dưới ánh trăng vàng lơ mờ, Tiêu thấy có một tự viện, kinh các, lầu chuông, nguy nga vòi vọi hùng vĩ. Bên trong chùa, vắng vắng tiếng mõ cầm canh. Tiếng niệm kinh ê a ngân dài, lạnh lẽo, tưởng chừng như thấm vào tận tâm can tì phế. Trong khi vị hành cước tăng vào trong để gặp phương trượng, Tiêu đến gần bên một khóm trúc đứng kính cẩn chờ đợi.

Chàng để ý nhìn, nhận ra đó là loại trúc phong hoàng, vỏ trắng, có vân đẹp, khi gió thổi, thân trúc cọ vào nhau buông ra những tiếng nghe leng keng như chuông ngọc khánh vàng.

Vị hành cước tăng đi ra báo cho Tiêu biết là phương trượng hiện đã nhập định, lá thư để lại án thư, và xin mời chàng vào liêu phòng nghỉ ngơi qua đêm, sáng mai sẽ hội kiến với phương trượng. Rồi dẫn Tiêu đến một gian phòng nhỏ, thật là trang nhã sạch sẽ. Lát sau, lại dọn cơm tối mời chàng ăn, cũng rất là ngon lành tinh mỹ. Ngày hôm sau, Tiêu có ý chờ, nhưng không được phương trượng mời đến. Chàng thấy đám tăng lữ diện mạo cổ lỗ, đi tới đi lui. Có già, có trẻ. Có xấu có đẹp, rất là khác biệt nhau. Nhưng đem so với đám quần chúng qui y ở Thiên Trúc Sơn thì chẳng giống nhau chút nào.

Chàng ở trong chùa đến ngày thứ ba. Đêm ấy, thành linh chàng nghe có tiếng trống, tiếng mõ vang rền, hòa với tiếng tụng kinh, niệm Phật. Tiêu cho là nhà chùa mở đại tràng, bèn khoác áo vào người, rón rén lê dép lại gần lén nhìn xem. Khi chàng vừa đến chính điện thì tiếng trống, tiếng mõ, tiếng tụng kinh, bỗng nhiên đều im bật, không nghe thấy gì nữa. Khắp trong điện, không có lấy một bước

tượng Phật nào. Nhưng đèn đuốc sáng trưng. Còn dưới đất được trải kín bằng những đệm lông êm ái. Từng đôi nam nữ nằm la liệt, trần truồng lỏa thể, đang cùng nhau soán suýt hành lạc. (Bỏ năm mươi lăm chữ)

Tiêu nhìn thấy cảnh tượng như thế, lúc đầu có ý ngạc nhiên, sau rồi cơn giận bùng bùng bốc lên, không cầm được, bèn thét thật lớn:

- Dâm loạn ô trọc như thế này, thì còn ra thể thống gì nữa!

Bỗng phía sau chàng có người quát bảo:

- Khoan! Ở trong bốn phương thiên địa, ở ngoài tứ phương thiên địa, tứ phương thiên sở thành, nơi nào mà chẳng nam hoan nữ ái. Duy có bọn tục tử mê muội mới cho đó là dị dạm khác thường mà thôi.

Tiêu quay lại nhìn, thấy đó là một vị hòa thượng mặc áo cà sa màu tím, đầu trọc, mặt như trắng rằm, bên cạnh có vị hành cước tăng mà Tiêu đã gặp, đứng hầu. Vị hành cước tăng bảo với Tiêu:

- Đây là vị phương trượng của bốn chùa, sao thí chủ chưa cúi đầu hành lễ bái kiến?

Bấy giờ trong lòng Tiêu còn mang nỗi bất bình, nỗi giận chưa tan, nhưng bỗng đứng không tự chủ nổi, như người đổ xuống, chắp tay phủ phục vái chào vị phương trượng.

Hòa thượng nâng Tiêu đứng dậy, dẫn chàng vào trong ngụ thất, dùng lời ôn tồn hỏi thăm tình trạng sức khỏe của vị sư già ở Thiên Trúc Sơn, lại ân cần giảng giải cho Tiêu nghe: -

- Cảnh tượng mà thí chủ vừa mới thấy, chẳng qua chỉ là ảo ảnh, nên bậc trí giả trông thấy, thì tâm thần trong sáng, hiểu rộng thêm ra, còn kẻ ngu muội thì hứng khởi thêm muốn. Điều đó, không có gì là lạ cả.

Tiêu im lặng cúi đầu thụ giáo, không dám hỏi han gì cả. Sau đó, hòa thượng quay sang dặn dò vị hành cước tăng:

- Hãy đưa Tiêu thí chủ trở lại chiêm ngưỡng thủy tinh vực, để thí chủ phát nguyện bồ đề tâm.

Tiêu cáo từ hòa thượng, rồi theo vị hành cước tăng trở lại chỗ đại điện. Chỉ thấy bên trong điện, đèn đuốc đều đã tắt hết, không còn một ai. Chỉ có chiếc đèn dầu ở chỗ khám thờ bức tượng Tam Thế Phật còn leo lét lập lòe mà thôi. Thành linh có tiếng gà gáy sáng. Tiêu nghe thấy tiếng vị phương trượng ra lệnh cho vị hành cước tăng đưa tiền chàng ra về.

Vị hành cước tăng hái một nắm lá trúc, đưa cho Tiêu và bảo:

- Xin tặng thí chủ ít lá trúc diệp này để làm vật tùy thân.

Tiêu cầm lấy nhét vào trong ống tay áo. Vị hành cước tăng đưa Tiêu ra khỏi cửa sơn cốc. Tiêu nhìn thấy những cảnh tượng so với lúc chàng đến hoàn toàn khác hẳn. Chàng bước thấp bước cao mò mẫm mà đi. Mãi đến khi trời sáng mới thấy rõ đường, té ra đã đến vùng núi Cam Tuyền.

Chàng ôn lại chuyện vừa xảy ra, tưởng như mơ vậy.

Nắm lá trúc do vị hành cước tăng tặng chàng, cũng bị rơi mất một nửa. Còn lại phân nửa đều là vàng cả.

Tiêu trở vào trong thành để hỏi han tin tức, thì ra chớp mắt đã ba năm trôi qua, bằng đúng ba ngày chàng sống ở trong Kim Trúc Tự. Chàng bèn đem số vàng bán đi lấy tiền mở một cửa tiệm buôn bán đồ cổ ở thành Dương Châu, sống cuộc đời sung túc, dư giả.

Một hôm, chàng gặp một bà lão ăn mày dắt đứa con gái đi xin ở dọc đường. Bà lão ăn mày trông thấy Tiêu thì phủ phục xuống đất khấu đầu kêu:

- Trời ơi! Ân công, sao còn sống đến ngày nay.

Tiêu nhìn kỹ lại, té ra chính là mẹ con người góa phụ, nạn nhân của tên hào phú Ngụy Hồ mà chàng đã cứu năm nào.

Chàng mừng rỡ dẫn hai mẹ con người góa phụ về nhà, hỏi han cặn kẽ tình cảnh, thì được người góa phụ thuật lại rằng:

- Sau khi Ngụy Hồ bị ân công giết, con Ngụy Hồ đem việc kiện cáo lên phủ, phủ bắt được một người giống hệt như ân công. Lúc đem người ấy đi chém, chỉ thấy cái đầu rơi xuống đất, còn thân mình chẳng biết vì lẽ gì biến đâu mất không tìm thấy. Thiếp vì cảm ơn lớn của ân công, nên trộm đem cái đầu ấy đi mai táng. Khi vừa

mới đào xong huyết thì cái đầu ấy bỗng đứng hóa thành một chiếc đèn hoa sen. Quan phủ biết chuyện, cũng bỏ qua, không tra cứu thêm gì nữa. Riêng mẹ con thiếp thì sợ liên lụy, dắt díu nhau trốn đến vùng này, phải đi ăn xin mà sống, tính đến nay cũng đã ba năm rồi.

Tiêu cũng đem những chuyện mà chàng trải qua thuật lại cho hai mẹ con người góa phụ nghe. Ai nấy đều ngậm ngùi rơi lệ.

Tiêu xin lấy người con gái của người góa phụ làm vợ, đối xử với bà ta một lòng tử tế, và quý trọng như thân mẫu của mình vậy.

Về sau, Tiêu nhập ngũ, nhờ có nhiều huân công, được tiến cử lên triều đình, quan đến chức Sùng Minh Thủ Bị.

Cả hai vợ chồng đều tin theo đạo Phật. Mỗi khi Tiêu có điều gì bất bình phát nộ, thì người vợ chỉ khẽ khàng bảo nhỏ chàng mấy câu: "Kim Trúc Tự. "

Thế là Tiêu hết giận, tươi cười lại ngay. Đối với mọi người, Tiêu luôn luôn xử sự ôn tồn, dịu dàng như con gái chưa chồng vậy. Khi mẹ vợ chàng mất, Tiêu ma chay chôn cất rất là trọng thể.

Trên đường trở về, chàng chợt nhìn thấy trong đám đông có đứa đầy tớ của Ngụy Hồ, bèn vội vàng bỏ luôn quan tước, dắt vợ ra đi.

Nhưng người đời không ai biết chàng đi đâu cả.

(Trích từ " Thiếp Bạc Mệnh " của Phạm xuân Hy, xuất bản năm 2002)

KÍNH NHI

敬兒


Tác giả : Trường Bạch Hạo Ca Tử

Bản dịch của : Phạm xuân Hy

Cóp da rách, làm áo cừu, nói khuấy U Minh câu chuyện cũ

Rót chén rượu, vắn quản bút, học theo Cô phần sách mười xưa

Liễu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

 Cao tăng Thiệu Bồn Nhất ở Linh Ẩn Tự, đạo hạnh tinh thông nghiêm túc, gốc người Thiểm Tây. Thuở còn trẻ từng là học trò trường huyện, nhân vì ái mộ vùng đất Giang Nam là nơi văn hoá phát đạt, nhân tình đông đúc, bèn thuê thuyền xuôi nam, để tìm thầy học bạn.

Được vài năm, thì ngộ đạo, mới cắt tóc vào chùa quy y. Sau khi đã tu qua một số chùa chiền, chùng đến vùng Chiết Giang thì trở thành một vị cao tăng danh vọng trong giới thiền môn. Người Hàng Châu mộ danh ông, mới đón ông về Linh Ẩn Tự. Ngày nay thường gọi ông là Định Tâm Đại Sư.

Trước đó, đại sư có một người con tên là Tục. Lúc ông rời Thiểm Tây, Tục còn đang chập chững học bò. Nên khi trưởng thành, Tục thường lấy làm ân hận không biết mặt cha. Chàng đã hết lòng hỏi han tìm kiếm suốt vùng Giang Hoài mà không gặp.

Sau, Tục nghe tin thân phụ trụ trì Linh Ẩn Tự ở Hàng Châu, mới đáp thuyền xuôi nam tìm đến.

Đi cùng thuyền với chàng, có một gã thiếu niên mặt mũi đẹp như con gái, tự xưng là họ Cung, từ kinh đô trở về quê ở Sơn Âm, thấy Tục có lòng hiếu thảo, thì đem lòng kính trọng, và cùng Tục trở thành đôi bạn tâm đầu ý hợp.

Khi đến Hàng Châu, Tục biết được ngôi chùa nơi phụ thân cư ngụ, nên vội vã tìm đến để gặp mặt ngay.

Cung xin được đi theo, Tục đồng ý cho đi. Lúc hai người vừa đến cổng chùa, đã thấy một nhà sư trẻ từ trong chùa đi ngược ra gặp, nói :

- Đại sư vừa mới nhập định tỉnh dậy, biết công tử từ xa tới đây, nhưng ngài không muốn Kính Nhi vào, xin vui lòng đứng ngoài chờ.

Tục nghe nói thế, chẳng hiểu mô tê gì.

Nhưng Cung thì biến sắc mặt. Tục lấy làm lạ, lại vì nóng lòng muốn được gặp thân phụ sớm hơn, chẳng tiện hỏi cặn kẽ. Bèn để Cung đứng chờ ngoài cổng, đi vào một mình. Chừng vào đến pháp đường, Tục thấy một vị thiền sư già đang ngồi bắt hai chân lên đùi nhập định. Chàng vốn chưa hề biết mặt cha bao giờ, thì vị sư trẻ bảo chàng :

- Đại sư đây, chính là thân phụ của công tử đây !

Tự nhiên, Tục cảm thấy một niềm xót sa thương cảm, bèn quỳ xuống ôm lấy chân vị sư già mà khóc rống lên.

Vị đại sư xoa tay, bảo chàng :

- Đừng reo mồm nghiệt căn, hãy đứng dậy. Ta đang an nhàn vui vẻ, con đáng lẽ phải lấy làm mừng, hà tất lại khóc lóc như thế.

Rồi bảo Tục ngồi xuống, vấn tất hỏi han tin tức về những thân tộc trưởng bối, cùng những bạn bè đồng học ngày xưa. Tục nhất nhất hồi đáp.

Bỗng đại sư chau mày, nói :

- Con từ xa đến đây vất vả, đủ rõ lòng hiếu thuận của con. Nhưng con muốn đến thì con cứ đến. Chứ sao dẫn theo Kính Nhi đến làm gì cho thêm phiền cha vậy ?

Tục vội vã phủ phục xuống đất, bầm bạch sự vô tình không biết, cùng xin được rõ duyên cớ.

Thiền sư nói :

- Cung chính là chồng của Kính Nhi, và Kính Nhi là vợ của Cung, nhưng đó là một con chồn đồng. Cả hai vì tình dục mà quần quýt, không rời được nhau. Chúng nhờ dựa tấm lòng hiếu thảo của con để độ giang đến đây, ý muốn mong ta ban cho mấy lời thành

toàn vĩnh hảo. Kính Nhi lúc nào cũng ở gần bên người Cung, mà phàm thai nhục nhờn như con, không thể nhìn thấy nó được đâu !

Ngừng một lát, ông lại tiếp :

- Con chồn đồng này, tuy vậy cũng có đôi chút tài năng phong nhã, biết được lòng hiếu thảo của con. Thôi ta cũng chẳng tiếc manh bùa giấy làm gì .

Rồi bảo đem ra một tờ giấy màu vàng, viết lên đó mấy chữ, trao cho vị sư trẻ đứng hầu, và dặn :

- Người đem tờ bùa này trao cho hấn, và bảo hấn thôi không được quấy nhiễu lâu ở chốn không môn này nữa.

Vị sư trẻ vâng lời, cầm lá bùa đi ra trao cho Cung. Cung tỏ ra mừng rỡ, bái tạ rồi biến mất.

Tục ở lại Linh Ẩn Tự hơn một tháng, thì vị thiền sư bảo chàng phải trở về quê.

Nói :

- Con trở về nhà trông nom phụng dưỡng mẹ con, cũng coi như là hầu hạ ta vậy. Nơi đây là chỗ ở của kẻ xuất gia, con không nên ở lại thêm nữa.

Tục có ý quyến luyến, không muốn trở về, bị thiền sư quở trách mới đành phải lên đường trở về Thiểm Tây. Khi gặp lại mẹ chàng, thì bà vẫn mạnh khỏe khang an như cũ. Chàng sống ở nhà với mẹ vài năm nữa, rồi lại nẩy lòng thương nhớ thân phụ, bèn lên đường đi Hàng Châu lần nữa. Nhưng đến nơi, thì cha chàng đã vân du xuống miền Nam rồi, không biết tỉnh nào. Chàng vì nhớ thương cha tha thiết, nên cũng theo tiếp xuống miền nam. Lúc đến Sơn Âm, giữa đường thành linh gặp một người cưỡi ngựa, áo quần hoa lệ, sang trọng, tòng bệc tiền hô hậu ứng, trông quen quen. Té ra, chẳng ai khác, chính là người đã cùng chung thuyền với chàng năm xưa.

Cung trông thấy Tục, lập tức xuống ngựa, phủ phục ở ven bờ đường, nói :

- Ân huynh, chẳng hay từ ngày cách biệt, có được mạnh khỏe không ?

Tục cũng vội vã cúi xuống nâng Cung dậy, đáp :

- Tình nghĩa cố tri, sao huynh lại khách khí với nhau như thế làm gì .

Cung đáp :

- Công đức của ân huynh và lệnh tôn đối với đệ, thật cao dày như trời đất. Mỗi khi nhớ đến, mà không có dịp báo đáp, đệ thường lấy làm ân hận. Lẽ đâu lại dám cao ngạo tự tôn.

Rồi cố khẩn khoản mời mọc Tục về nhà.

Tục lòng riêng, sẵn có ý muốn tìm hiểu những điều kỳ dị về Cung, vì thế hoan hỉ nhận lời đi theo ngay. Rồi lên một con ngựa khác, song song cùng đi với Cung. Từ chỗ đó, về nhà Cung còn nửa đường nữa.

Hai người vừa đi vừa trò chuyện. Nhân thế, Tục mới dò hỏi thử.

Cung cũng chẳng hề dấu diếm gì, đem chuyện mình thuật lại hết cho Tục nghe.

Nguyên lai, Cung vốn người Chiết Giang. Có người chú lên làm quan ở kinh sư, cho chàng cùng đi theo. Cung thuê mấy gian nhà ở trong núi phía tây bắc kinh thành để làm chỗ học tập. Chỗ này cảnh trí thật là tĩnh mịch và u nhã, nên Cung cứ đóng cửa ở trong nhà suốt ngày, cố công đèn sách.

Gặp hôm mùa đông tháng giá, bên ngoài tuyết đổ mù trời, Cung vừa mới đem sách ra ngồi bên lò sưởi i a ngâm vịnh, thình lình có một vật như bó lửa, màu đỏ chói lọi, cao hơn cả thước, từ trên cột nhà rớt xuống đất, quay long lóc liên hồi, khiến cho thư phòng của chàng trở nên ấm áp, rồi mỗi lúc một nóng hơn.

Cung thấy thế cả kinh, lo ngại nhà bị cháy, nên có ý chạy ra ngoài để trốn. Nhưng bó lửa bỗng tự đứng thu nhỏ lại, rồi hóa ra một bà lão tóc bạc, quần áo sơ sài giản dị, đến trước mặt Cung, chấp tay vái chào. Cung ngỡ là yêu núi tác sùng, càng thêm sợ hãi, muốn lẩn tránh cho lẹ, thì bà lão dang tay chặn lại, bảo chàng :

- Cậu đừng có sợ, lão không phải là kẻ làm hại người đâu. Lão thấy cậu sớm khuya sách đèn tịch mịch đơn chiếc, mà lão thì có đứa con gái tên là Kính Nhi, tính ham thích văn chương bút mực, ý muốn đem gả cho cậu về hầu hạ khăn lược, mong được tiến bộ về

sau, nên mới vội vàng hấp tấp đến tìm cậu. Chẳng biết cậu có bằng lòng hay không ?

Cung càng ngạc nhiên sợ hãi thêm, cố thoái từ, nói :

- Cháu là kẻ hạ sĩ bất tài, học hành chưa đạt, chỉ e làm lỡ con gái yêu của cụ. Vả, lai lịch tông tích của cụ kỳ bí khó hiểu, thêm điều canh cánh âu lo, lẽ đâu lại dám nhận lời. Mong cụ thương tình mà tha thứ cho !

Bà lão vốn tính nóng nảy, tựa hồ như không muốn nghe lời giải thích của Cung, giận giữ nói :

- Con ta như tiên nữ nhà trời, gả cho đứa tiểu tử như người, lại còn lẻo mép từ chối. Người há lại không thấy oai phong vừa rồi của ta, có thể đột người thành tro hay sao ?

Nói xong, hai mắt bừng bừng nhìn Cung, trợn trừng như mắt trâu. Càng làm cho Cung thêm sợ.

Giữa lúc Cung chưa biết xử trí cách nào cho thỏa đáng. Chợt có đứa tỳ nữ, trang phục hoa lệ, diện mạo xinh xắn, từ ngoài đi vào, vừa cười vừa bảo với bà lão :

- Cụ ép hôn như thế này, chỉ làm tổn cái tình kháng lệ, cái nghĩa vợ chồng của người ta. Đâu phải là phương cách hay. Thôi, xin cụ về đi, cô Kính sẽ tự đến.

Và bâng quơ nói tiếp :

- Cháu biết trước tính cụ nóng nảy, tất sẽ hỏng việc.

Rồi phò bà lão ra ngoài, nhưng bà lão vẫn còn tỏ vẻ hậm hực tức giận. Hai người ra khỏi cửa chừng vài bộ thì biến mất.

Lúc đó, Cung cảm thấy tinh thần, mặt gan tưởng chừng vỡ nát. Chàng tính xuống núi vào thành. Nhưng tuyết vẫn tiếp tục rơi lả tả dày trời, làm tắc nghẽn sơn đạo, ngựa xe không thể nào đi lại được. Còn người lão bộc của chàng thì đã vào thành mua sắm lương thực than củi mất rồi. Ở nhà, trừ chàng, chỉ còn đứa tiểu đồng hơn mười tuổi, đâu có thể làm gì được hơn. Bất đắc dĩ, chàng đành ngồi yên chờ đợi. Sống chết phó mặc trời đất.

Chừng đến chiều, tuyết đã hơi tan, chàng đóng cửa lên giường, tính tạm thời đánh một giấc, sáng mai dậy dọn đi nơi khác. Nhưng

tâm thần cứ phập phồng hồi hộp, trần trọc mãi không sao ngủ được, thì nghe có tiếng búng tay gõ cửa cạch cạch, rồi có tiếng người ca vọng vào.

Lời ca rằng :

Thán không khuê hề yếm cô kèn

嘆空闈兮掩孤檠

Vọng y nhân hề vi tố thành

望伊人兮違素誠

Phạt kha, phạt kha hề kỳ âm đình đình

伐柯伐柯兮其音丁丁

Quả đắc tương tùy hề ngã nguyện khanh khanh

果得相隨兮我愿卿卿

Thanh âm nghe yêu kiều uyển chuyển, mà dư vận du dương trầm bổng, chừng như vẫn vít mãi bên tai chàng không dứt.

Cung đoán thầm là Kính Nhi.

Chàng ghé mắt nhòm qua khe cửa. Chỉ thấy bên ngoài, giữa cảnh tuyết trắng mênh mông, trong sáng như trăng soi đêm rằm, có một người con gái, tóc vẫn buông lưng, yêu thon dáng nhỏ, vóc hạc hình mai, thướt tha dựa cột hiên ngoài, mà câu thơ của Đỗ Phủ "Thiên hàn thúy tụ bạc, nhật mộ ỷ tu trúc ", dùng mô tả người giai nhân tuyệt đại trong sơn cốc, chắc cũng chỉ đẹp như người con gái này thôi.

Cung thầm mừng trong bụng, nhưng nhớ đến sự dữ tợn của bà lão ban sáng, thì lại trừ trừ gan thỏ, im lặng chẳng dám ho he gì.

Một lát sau, lại nghe người con gái cất tiếng hát :

Tuyết dục tình hề vân vi

雪欲晴兮雲微

Điểu bất túc hề song phi

鳥不宿兮雙飛

Nại hữu nhân hề nguyện cô vi

奈友人兮愿孤幃

Ngã bất kiến hề hựu không quy

我不見兮又空歸

Hát xong, buông một tiếng thở dài nhè nhè, quay gót muốn trở về. Cung thấy thế, không dần lòng nổi, lớn tiếng gọi lại :

- Khanh muốn tìm tớ, thì tớ ở đây, sao lại phải đi tìm ở đâu ?

Người con gái nghe Cung gọi, bèn quay người lại, đứng ngoài song cửa, nói vọng vô :

- Thiếp bị người ta cự tuyệt mấy lần, thật cũng xấu hổ, chẳng lẽ không đi về, chứ nào có giận hờn gì ai !

Cung vội vã khoác áo, xuống giường, ra mở cửa, cầm tay người con gái mời vào. Lúc bấy giờ, ngọn đuốc tàn trong nhà vẫn còn lung linh, chưa tắt. Chàng bèn đưa tay sờ lần đùa cợt, thấy thịt da không béo, mà nhẵn mịn như ngọc. Mặt không thoa phấn, mà kiều diễm như hoa, mỗi lời nói là một tiếng cười, nhả ngọc phun châu Nhất nhất đều tỏ ra khả ái, làm quyến rũ mê động lòng người.

Khách phòng the, không dễ tìm được người thứ hai như thế.

Nhân vậy, mới hỏi :

- Khanh có phải là Kính Nhi không? Giả như bà lão đừng có quá hung hãn, thì hảo sự của đôi ta đã sớm thành rồi.

Kính Nhi cười :

- Chàng sao mà lớn mật nhỉ !Thiếp mà chẳng tự tìm đến, thì việc vui đó đừng có hòng !

Cung muốn dìu nàng lên giường, nhưng nàng thoái thác nói :

- Thiếp còn ít tuổi, chàng chớ có lộn xộn ồn ào.

Rồi lấy ra một tập bản thảo, bảo với Cung :

- Tập thơ này do thiếp viết ra, nhưng vẫn tự thẹn là không có người chỉ bảo, nay xin chàng sửa chữa lại cho, ba ngày sau thiếp xin lấy lại. Chớ có dùng những lời khen ngợi mà đánh lừa thiếp đấy nhé !

Rồi vái chào Cung, lui ra. Thoáng chốc không còn thấy đâu nữa.

Cung đọc những bài thơ nàng làm. Thấy văn từ tú lệ. Ngôn ngữ lưu loát, tình tứ, lấy làm đặc ý mê say. Sáng hôm sau dậy, Cung mở tập bản thảo của Kính Nhi ra, dùng bút son bình điểm, tử tế thêm vào những lời bàn luận cho rõ, rồi không còn có ý dọn nhà đi nơi khác nữa.

Đến tối hai ngày sau, quả nhiên Kính Nhi đến thật.

Cung hoàn trả lại tập thơ cho nàng, nói :

- Theo ý Khanh, ta đã sửa chữa đôi chút, nhưng lời thơ như hàng châu chuỗi ngọc, ta không thể không khen ngợi được !

Kính Nhi đọc lại những chỗ Cung đã bình, tươi cười nói :

- Quả danh bất hư truyền !

Nói xong, tính ra về. Nhưng Cung ngăn cản, kéo nàng lại, cởi bỏ giải quần cho nàng.

Kính Nhi vừa then thùng vừa nói :

- Con gái mới mười lăm mà đã vội gả cho Ngọc Xương rồi ! Thật rõ là nghiệt oan tiền kiếp.

Rồi cùng nhau lên giường mây mưa quấn quít, tận hưởng lạc thú trần gian.

Việc xong, Cung mới hỏi nàng về bà lão là người như thế nào.

Nàng đáp :

- Bà ấy là nghĩa mẫu của thiếp, họ Cổ, người ở trong thôn này .

Cung nói :

- Bà ấy oai phong dữ tợn quá, nhớ lại vẫn còn sợ.

Kính Nhi thú vị, trào phúng nói :

- Còn chàng tối nay, cũng oai phong dễ sợ, đâu có thua gì !

Rồi cả hai cùng phá lên cười, gối đầu chung, sát vào nhau mà ngủ.

Đến gần sáng, đứa nô tì gõ cửa vào. Cung nhân thể cảm tạ công nàng đã giải cứu.

Nó nói:

- Bà lão ấy đàn độn, vốn chẳng biết gì đến chuyện này, nên em đã bảo chính cô nương phải tự đến mới được.

Rồi đợi cho Kính Nhi mặc áo quần xong mới dìu nàng cùng ra về.

Từ đấy, đêm nào nàng cũng đến. Càng ngày càng quấn quýt quyến luyến không rời. Kính Nhi vốn tính ham thích thi văn, những sáng tác của nàng mang nhiều tình tiết âm vận. Căn nhà Cung thì quá chật hẹp, lại thêm có đứa tiểu đồng ở, khiến Kính Nhi không

thể làm những gì mình thích. Hai người chỉ dành chờ những lúc về đêm nằm giường ngủ, mà reo vắn tìm điệu, ngâm nga. Hoặc chọn những ngôn từ thanh nhã thú vị để cợt ghẹo nhau. Tiếng cười nói của hai người, thường khi kéo dài suốt đêm không ngủ.

Bấy giờ, người lão bộc già đã từ trong thành đã trở về. Lão nghe thấy vậy, lấy làm kinh dị. Lúc trời gần sáng, lão lên phục ở ngoài cửa rình nghe. Chỉ thấy chủ nhân một mình nằm ngủ co trên giường, mà cửa thì tự động mở. Rồi có tiếng chân bước rón rén khẽ khàng đi ra, thoảng theo một mùi hương phấn nhè nhẹ. Nhưng tuyệt không thấy nhân hình chi cả. Lão đâm ra hoảng sợ. Bụng nghi là ma quỷ, hay chồn tinh, nên hết lời khuyên bảo Cung dọn vào trong thành. Nhưng chàng không nghe. Lão bèn đem chuyện mách với người chú của chàng, nhất quyết cho rằng Cung bị chồn tinh mê cảm.

Người chú sai lại dịch đến bắt chàng về. Nhưng lại dịch chưa kịp lên đường, thì Kính Nhi đã biết trước.

Đêm ấy, nàng vừa khóc vừa bảo với Cung :

- Thiếp e hạnh phúc của đôi ta không thể vĩnh cửu được !

Cung lấy làm lạ, gạn hỏi. Nàng đáp :

- Chuyện của chúng mình, người lão bộc đã tiết lộ cho chú của chàng biết rồi. Chàng về, không trở lại nữa. Thiếp biết nương dựa nhờ ai ?

Cung bùi ngùi than thở, muốn Kính Nhi cùng về với chàng. Nàng từ chối nói:

- Thiếp những muốn ăn ở với chàng, nhưng thực không dám. Vì thiếp vốn là hồ ly. Mà kinh đô lại là nơi cư trú của thiên tử, thiếp không thể tự tiện đến đó được. Chàng như còn thương thiếp, xin cùng về nam mới được.

Lúc đó, Cung đã quen mùi ân ái tình trường, bỏ nàng không nữa, chỉ bảo Kính Nhi nghĩ kế vẹn toàn. Nàng đáp :

- Thiếp có chút tiền dành dụm, đủ để thuê thuyền và xe, có thể trở về quê nhà được, chứ chẳng nên quyến luyến chốn kinh thành này làm gì nữa.

Cung đồng ý ngay. Rồi bàn với nàng không mang theo một vật gì cả, nhân đêm khuya trời tối lẳng lẳng mà đi. Người lão bộc còn ở lại trong thành chưa về. Đứa thư đồng thì ngủ say như chết, nên chẳng bị ai cản .

Hai người đi chừng được hơn một dặm, chợt thấy trong đám âm u rừng rậm, có ánh đèn lấp lánh, lúc ẩn lúc hiện, như hai bó đuốc lớn. Cung cho đó là nhà ở của người ta, chỉ cho Kính Nhi biết.

Nàng cười bảo :

- Chàng thật là người nhát nhất trên đời !Làm mất cả thể diện.

Cung còn chưa hiểu ý nàng nói gì, thì nghe có tiếng hổ gầm vang núi, khiến Cung kinh hoàng sợ hãi, cơ hồ muốn rơi xuống đất. Kính Nhi vì vậy níu chàng lại, nói :

- Có thiếp ở đây, việc gì mà sợ như thế.

Sau đó lớn tiếng nói :

- Con và nhà con dọn đi nơi khác, xin nghĩa mẫu trợ giúp, khi trở về sẽ hậu báo.

Nói chưa dứt lời, thì hổ đã biến mất. Cung mới hơi hoàn hồn bình tĩnh, bèn khôi hài bảo với nàng :

- Lúc trước nàng làm cáo mượn oai hổ, nay thì là cáo phục oai hổ.

Chừng xuống đến chân núi, gặp một thôn trang, hai người bèn vào xin bữa cơm sáng. Tự xưng là vợ chồng, nên chẳng ai nghi hoặc gì cả.

Kính Nhi bỏ tiền ra mua sắm xe ngựa, y phục, rồi vòng qua kinh đô, thẳng tới Thông Huyện. Sau đó không lâu, thuê một chiếc thuyền theo đường sông mà về miền Nam. Đến khi những sai dịch của người chú của Cung đến, thì chàng đã rời nhà được ba hôm. Trên thuyền, Cung và Kính Nhi không còn bị ràng buộc, cấm kỵ gì nữa, thả cửa thoải mái. Khi thì cuộc cờ dưới nguyệt, thưởng trà bên đèn. Khi thì reo vận làm thơ, xướng họa trăng thanh gió mát, ghi lại những cảnh đẹp sơn xuyên sông nước. Hào sảng hơn so với khi mới gặp nhau.

Mới đầu, Cung còn phải nài ép Kính Nhi mới chịu xuống hạ. Sau dần dần nàng quen, ham thích quên cả mệt .

Khi thuyền đến Giang Tô, gần vào địa phận Triết Giang, bỗng Kính Nhi tỏ ra lo lắng bảo với Cung :

- Vùng này thủy thần cai quản rất là nghiêm khắc, thiếp không thể nào qua được. Phải chờ người nào có đại phúc, xin đi chung thuyền thì mới yên.

Cung gạn hỏi duyên cớ.

Đáp :

- Thủy thần vùng này là Ngũ Tử Tư và Phạm Lãi, nổi tiếng là oai linh, không giống như các vị thần khác. Thiếp lấy làm sợ lắm. .

Cung không tin, cứ tiếp tục cho thuyền đi tới. Lúc vừa trưa buồm lên, thì một cơn sóng lớn ào tới, trời đất bỗng tối sầm lại, không trông thấy gì. Cung vô cùng sợ hãi, phải đình thuyền lại, không dám tiến thêm nữa.

Năm ngày sau thì gặp được chiếc thuyền nhỏ của Thiệu Tục, Kính Nhi mừng rỡ, hơn hờ hiện lên sắc mặt, bảo với Cung :

- Người này đại phúc, hơn hẳn mọi người khác. Nếu chàng có thể chung thuyền quá giang được với ông ta, thì dù có gặp trăm vị thủy thần nữa, thiếp cũng không lo.

Cung y lời, thì gặp đúng lúc Thiệu Tục đổi thuyền, Cung vì thôi thúc thuyền nhân của mình hô gọi Tục. Và từ đó, Kính Nhi không hiện hình ban ngày nữa. Nàng dặn bảo với Cung :

- Đây là con người chí hiếu, được các thiên thần thiên tướng bảo vệ, ủng hộ. Thiếp nên ẩn tránh, giữ gìn hành tung, kéo xẩy ra điều không hay.

Vì thế, tuy cùng thuyền với Cung, nhưng Tục không hề hay biết là Cung mang vợ theo.

Vài ngày sau, thuyền đến Hàng Châu, Tục muốn lên bờ tìm cha. Kính Nhi bảo với Cung :

- Cha ông ấy là một vị cao tăng, thiếp về quê chàng chỉ lo thổ thần ở đây không chịu dung nạp, như được mấy chữ của vị cao tăng nói dùm, thì thiếp mới có thể ăn ở với chàng lâu dài được.

Cung đồng ý, hết sức thỉnh cầu với Tục cho đi theo vào gặp thiền sư.

Bấy giờ Kính Nhi mới dặn bảo chàng :

- Thiếp sẽ hoá thân là chiếc quạt trắng nằm trong tay chàng. Lúc gặp thiền sư thiếp sẽ bấm bạch, chàng đừng nói chen vào nhé.

Nhưng khi mới tới cổng chùa, Kính Nhi đã bị thiền sư phái người ra ngăn lại, bụng đâm ra lo sợ. Cũng may, lát sau vị tiểu tăng cầm ra đưa cho một tờ giấy, trên viết có mấy chữ : "Nhất thiết thủy thổ chư thần bất đắc lan trở ". Y hệt như lệnh của quan phủ. Cung đọc tờ giấy, hớn hở mừng rỡ, cùng Kính Nhi vội vã xuống thuyền về quê.

Về đến nhà, Cung nói ngoa là được người chú cưới vợ cho ở kinh đô. Bà con thân hữu chẳng ai nghi ngờ gì . Khi ấy cha mẹ Cung đều đã qua đời, nên mọi việc trong nhà, đều do Kính Nhi quán xuyến. Nàng bỏ vài trăm lạng bạc ra mua sắm thêm điền sản, phòng thất. Cung nghiêm nhiên trở thành giàu sang phú quý.

Câu chuyện này, Tục được nghe Cung kể hôm ấy trên đường đi. Mãi đến lúc trời tối hẳn mới về đến nhà Cung. Tục chỉ thấy nhà cao, cửa rộng, hoàng vĩ huy hoàng. Rõ là một bậc phú gia đại hộ. Cung mời Tục vào trong nhà, bày yến tiệc rất long trọng khoản đãi, rồi ẵm một đứa bé ba tuổi ra cho Tục coi, nói là con do Kính Nhi sinh. Đứa bé trông mi thanh mục tú, khác hẳn những đứa bé khác. Đủ có thể đoán được nhan sắc diễm kiều của mẹ nó.

Tối hôm ấy, hai người tiệc rượu chuyện trò đến mãi khuya, mới tan. Tục ngủ tại nhà Cung. Giường mừng, chăn chiếu rất là hoa lệ .

Hai ngày hôm sau, Tục từ giả lên đường. Cung không lưu giữ lại được, chỉ bảo :

- Miền Nam đất rộng, không chắc gì huynh kiếm được lệnh tôn dâu, nhưng khi về, mời huynh ghé lại chơi đàm đạo.

Rồi đưa tiễn Tục ra đến tận ngoài áp, cùng tặng cho Tục một trăm lạng bạc. Tục không từ chối được, đành phải nhận. Sau đó xuống thuyền xuôi Nam. Nhưng hải giác thiên nhai, Tục không tìm được phụ thân, trong lòng sầu muộn không vui, bèn quay trở về, ghé

vào nhà Cung, thì vừa may gặp người lão bộc của Kính Nhi, theo lời nàng dặn, trao cho Tục một cái gói nhỏ. Mở ra xem, té ra một chiếc ngọc Như Ý. Trắng như tuyết. Bóng loáng. Lại thêm lời nói rằng :

- Thiếp nhờ vật mọn này để báo ơn sâu. Vật biểu thị cái nghĩa trinh trắng như hoa và sự sự như ý Huỳnh nên cấp tốc hồi hương. Kẻo đã chẳng gặp được cha, lại không kịp thấy mẹ, mà ôm cái hận suốt đời.

Tục nghe nói thế, lấy làm kinh hãi, chẳng kịp chờ đợi Cung nữa, lên đường về quê ngay. Khi về đến nhà, mẹ chàng quả nhiên đang trên giường bệnh. Bệnh tình rất nguy cấp. Bà nhìn thấy Tục thì mỉm miệng cười, rồi vĩnh viễn an giấc ngàn thu. Mới hay những lời của Kính Nhi nhất nhất đều ứng nghiệm cả.

Mỗi khi chàng đem chuyện ra kể, ai cũng ngạc nhiên.

Về sau, Tục nhận được thư của Cung bảo là vì Kính Nhi ngại đường xa dặm thẳm, nên Cung không muốn lên kinh ứng thí cầu quan nữa, chỉ ở lại gia hương, vui thú ruộng vườn mà thôi. Tin tức về Thiên Sư, cha của Tục, cũng âm hao bản bật không thấy gì. Hoặc giả, ông đã đắc đạo thành tiên, lên chơi cõi Phật.

Còn làm con chí hiếu như Tục, mà cũng không được thành Phật như cha chàng, há chẳng phải là điều thật đáng tiếc trong kiếp nhân sinh này du ?

Vài hàng chú thích :

Không môn

空門

Không Môn có nghĩa là nhà chùa, chỉ chung Phật giáo. Sở dĩ Phật Giáo gọi là Không Môn là vì Nhà Phật cho rằng mọi sự trên thế gian nay đều là không cả.

Tiểu tử

小子

Có các nghĩa :

1-Tức tiểu nhi tử, trẻ con. thơ ấu

2-Người lớn tuổi gọi lớp người ít tuổi là tiểu tử

3-Con trai.

4-Tự xưng là tiểu tử, để tỏ ý khiêm nhường của mình.

5-Gọi người người khác là tiểu tử, tỏ ý xem thường. Như ta nói "chú lỗi", "nhóc con", nhãi nhép" v. v. . .

Ngũ Tử Tư

伍子胥

Ngũ Tử Tư là Đại Phu nước Ngô thời Xuân Thu, tên là Viên, tự là Tử Tư, con của Đại Phu ước Sở là Ngũ Xá. Năm Sở Bình Vương thất niên (tức 522 trước Công Nguyên), cha ông bị giết. Ông đến nước Ngô, trợ giúp Hạp Lư giết Ngô Vương là Liêu, chiếm đoạt đế vị, chinh đôn quân sự và võ bi, nước Ngô mỗi ngày trở nên một cường thịnh, ít lâu sau phá được nước Sở, và nhờ thế được phong ở đất Tư, nên còn gọi là Thân Tư.

Đến thời Ngô Vương Phù Sai,, Ngũ Tử Tư khuyên Phù Sai phạt Tề và không nên chấp nhận sự đầu hàng của Việt Vương, lời khuyên chẳng những không được nghe trái lại, dần dần bị Phù Sai xa lánh, .

Năm 484 trước Công Nguyên, Ngũ Tử Tư bị Phù Sai ban kiếm Chúc Lâu bắt phải tự sát. rồi vớt xác xuống sông. Theo truyền thuyết, Tử Tư bị chết oan linh hồn bất diệt, biến thành Thần Sóng, thường nổi sóng lớn hung dững làm ngập lụt sông Tiền Đường, nhân thế được người Tàu lập miếu thờ phụng cúng tế. Và có câu Ngũ Viên Nộ Đào (伍員怒濤) là do điển tích này mà ra.

Ngũ Tử Tư còn được nghề ăn mày thờ làm tổ sư, vì ông từng thổi tiêu ăn xin ở chợ nước Ngô (Theo sách Trung Quốc Hành Nghiệp Thần Sùng Bái).

Phạm Lãi

范蠡

Phạm Lãi tự Thiệu Bá là chính trị gia cuối đời Xuân Thu, người đất Uyển nước Sở, là Đại Phu nước Việt. khi nước Việt bị Ngô đánh bại, ông từng làm con tin ở Ngô hai năm. Khi trở về nước Việt, ông từng giúp Việt Vương Câu Tiễn khắc khổ để lo báo phục, diệt được nước Ngô. . .

Sau đó ông từ biệt Câu Tiễn chu du Ngũ Hồ. Đến nước Tề xưng là Si Di Tử Bì, đến đất Đào cải danh là Đào Chu Công, đến đâu cũng chỉ lo buôn bán làm giàu. Ông cho rằng thiên thời, khí tiết thay đổi biến hóa tùy vào sự mâu thuẫn của âm dương. Và việc nước thịnh suy cũng không ngừng thay đổi.

theo truyền thuyết thì người đời sau cho rằng Phạm Lãi mang theo Tây Thi cùng đi. Trong Sử Ký -Hóa Thực Liệt Truyện có truyện của ông.

Cũng theo sách « Trung Quốc Hành Nghiệp Thần Sùng Bái » thì Phạm Lãi được người làm nghề đồ gốm tôn làm tổ sư.

Hạ sĩ

下士

Lời nói khiêm nhường.

Tự xưng mình là hạ sĩ là tỏ ý khiêm nhường, cũng như chữ "hạ ngu", "hạ nhân" vậy. Chữ " hạ " có nghĩa là thấp kém, « hạ tiện », vì thế cũng gọi từ nữ là hạ nữ.

Người sống nơi thôn dã cũng gọi là hạ sĩ.

Đỗ Phủ

杜甫

Sinh năm 712 mất năm 770.

Tổ tiên của Đỗ Phủ vốn người Tương Dương (nay thuộc thành phố Tương Đàm tỉnh Hồ Bắc), đến đời ông nội mới thiên cư đến Cửng Huyện.

Đỗ Phủ là đại thi nhân đời Đường, tự là Tử Mỹ, nhân vì từng cư trú ở Đỗ Lăng (nay thuộc huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây, nên tự xưng là Đỗ Lăng Bồ Y, cũng còn gọi là Thiều Lăng Dã Lão. Về sau để phân biệt với Đỗ Mục, hậu thế gọi ông Lão Đỗ.

Hồi còn trẻ, Đỗ Phủ là người khắc khổ học tập, trí thức uyên bác, từng du lịch khắp vùng Giang Hoài, Sơn Đông, sau vào Trường An. Năm Thiên Bảo lục niên (năm 747) ông đi thi nhưng không đậu, phải sống vất vưởng ở Trường An gần mười năm. Đến năm 755 ông ra làm Hữu Vệ Xuất Phủ Trụ Tào Tham Quân (một thuộc quan của Thái Tử). Cùng năm, xảy ra cuộc phản loạn của An Lộc Sơn. Năm

sau trên đường đến Linh Võ, ông bị quân phản loạn bắt cầm tù. Năm 757, ông thoát thân đến Phụng Tường, được vua Đường Túc Tông dùng là Tả Thập Khiển. Ít lâu sau, vì dâng sớ để cứu tế thần Phòng Quán, ông bị biếm xuống làm Ty Quân Tham Quân ở Hoa Châu. Sau ông bỏ quan, vào đất Thục, dựng thảo đường ở Thành Đô để định cư. Hai năm sau, ông lại đến Tứ Xuyên làm mặc hữu cho Tiết Độ Sứ Nghiêm Võ, rồi được tiến làm Kiểm Hiệu Công Bộ Viên Ngoại Lang, vì thế người đời còn gọi ông là Đỗ Công Bộ. Sau khi Nghiêm Võ mất, Đỗ Phủ dời đến Quỳ Châu, sống ở đó ba năm. Năm Đại Lịch tam niên đời Đại Tông, tức năm 768, cả nhà dời đến Hồ Nam, vừa bệnh lại thêm nghèo, Đỗ Phủ chết ở trong một chiếc thuyền, trên sông Tương Giang ở Mạt Dương.

Xuất thân hàn vi, lại sống trong một hoàn cảnh xã hội hắc ám, loạn lạc của cuối đời Đường đang đến hồi suy bại, phiêu bạt rày đây mai đó, Đỗ Phủ đã cảm thấy nỗi đau khổ của người dân, viết ra những bài thơ phản ánh một cách trung thực cái thời đại của mình.

Những bài thơ của ông rất hùng hồn, cuộn cuộn, nổi danh cùng Lý Bạch, nên người đương thời xưng là "Lý Đỗ". Ông được tôn là Thi Sĩ và được coi là nhà thơ lớn của Trung Quốc về chủ nghĩa hiện thực.

Ông để lại các bộ "Đỗ Thiếu Lãng Tập" và "Đỗ Công Bộ Tập".

HỒNG TUYẾN

紅線

Tác giả : Viên Giao

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

Đời Đường trong phủ quan Tiết Độ Sứ Lộ Châu là Tiết Tung, có người tỳ nữ tên là Hồng Tuyến, gảy đàn Nguyễn rất hay, lại tinh thông kinh sử, vì thế nên được quan Tiết Độ Sứ rất là tín cẩn, giao cho chưởng quản các loại văn bản tấu chương, xưng là Nội Ký Thất.

Một hôm, trong quân mở đại yến, Hồng Tuyến thưa với Tiết Tung rằng :

- Tôi nghe tiếng trống đánh rất là bi ai, người đánh trống hẳn có tâm sự gì u uẩn !

Tiết Tung cũng là người am hiểu âm nhạc, nên đáp :

- Ta cũng thấy như vậy !

Bèn cho gọi người đánh trống đến hỏi, thì người ấy thưa rằng :

- Đêm qua vợ tôi qua đời, nhưng tôi không dám xin nghỉ !

Tiết Tung nghe người ấy nói vậy, lập tức thả cho về quê.

Bấy giờ là sau năm Chí Đức, đời Đường Túc Tông, các vùng Hà Đông và Hà Bắc chưa được yên ổn, triều đình sai Phù Dương làm Tiết Độ Sứ trấn thủ vùng này, và lệnh cho Tiết Tung giữ vững nơi ấy để không chế vùng đất phía đông núi Thái Hàng Sơn.

Sau khi hết loạn An Lộc Sơn, các cơ cấu quân chính mới được thiết lập, còn trong giai đoạn phôi thai, triều đình ra lệnh cho Tung đem con gái gả cho con trai của Tiết Độ Sứ Ngụy Bác là Điền Thừa Tự, còn con trai của Tung thì lấy con gái của Tiết Độ Sứ Hoạt Châu là Lệnh Cô Chương.

Nhờ vào mối thông gia như thế, các sứ giả của các Tiết Độ Sứ ba trấn thường qua lại với nhau.

Nhưng Điền Thừa Tự vì bị bệnh phổi, nên hay lo ngại. Mỗi khi gặp mùa nóng nhiệt nặng nề hơn, Tự thường bảo :

- Ta như được trấn nhậm vùng Sơn Đông, khí hậu mát mẻ, thì có thể sống thêm được ít năm nữa !

Vì thế, Tự cho chiêu mộ ba ngàn dũng sĩ trong quân đội, người nào võ nghệ và đảm lược cũng gấp mười lần người thường, mệnh danh là "Ngoại Trạch Nam". Tự lại đem ưu hậu bổng lộc để cung dưỡng họ, đêm ngày phòng vệ nơi chỗ ở của Trạch, chờ ngày lành tháng tốt, sẽ cất quân sang xâm chiếm Lộ Châu.

Tiết Tung nghe được tin ấy, ngày đêm trong bụng lo lắng không yên, miệng thường lầm bầm nói một mình, mà không tìm ra biện pháp đối phó.

Một tối, vào lúc sắp bắt đầu tiếng trống cầm canh, cửa viên môn trong quân trung đã đóng kín, Tung chống gậy thông thả tản bộ một mình ở ngoài đình viện, bên cạnh chỉ có người nữ tỳ Hồng Tuyền theo hầu.

Hồng Tuyền nó thưa với Tung :

- Từ một tháng nay con thấy chúa công ăn ngủ bất an, trong bụng hẳn có điều lo lắng, chẳng hay đó có phải chuyện nơi biên ải không ?

Tung đáp :

- Đây là chuyện liên quan đến sự an nguy của đất nước, khanh không hiểu nỗi đâu !

Hồng Tuyền nói :

- Thiếp tuy thuộc hạng thấp hèn ti tiện, nhưng có thể giúp chúa công giải trừ lo lắng ưu phiền.

Tung nghe Hồng Tuyền nói thế, lấy làm lạ, bèn đem việc Điền Thừa Tự chuẩn bị đánh chiếm Lộ Châu kể hết cho nàng nghe, rồi tiếp :

- Ta kế thừa công nghiệp của tổ phụ để lại, chịu ơn lớn của triều đình, một sớm một chiều để mất cương thổ, huân nghiệp trăm năm như thế là tiêu tan hết.

Hồng Tuyền nói :

- Việc này không khó, chúa công khỏi nhọc lòng, tạm cho thiếp đến Ngụy Thành quan sát tình hình và dò xét hư thực thế nào. Vào

lúc canh một đêm nay thiếp xin lên đường, thì canh hai sẽ trở về phúc mệnh. Ở nhà, xin chúa công chuẩn bị khoái mã và sứ giả cùng soạn sẵn một phong thư ngoại giao, còn những việc khác, xin chờ thiếp về tính sau.

Tung nghe nàng nói, rất lấy làm kinh ngạc, hỏi :

- Khanh quả không phải là như người thường, ta thật ngu muội hồ đồ. Nhưng nếu như việc này không thành, chẳng hóa ra lại chuốc họa đến cho mau hay sao. Vậy nên làm thế nào ?

Hồng Tuyền đáp :

- Thiếp đi chuyến này, mọi việc ắt phải thành công.

Rồi nàng trở vào khuê phòng, hóa trang để sang thành Ngụy Bác. Trên đầu, tóc nàng kết búi như người Ô Man, cài bằng cây trâm Kim Tước. Mình mặc một chiếc áo ngắn màu tím. Chân đi hài tơ xanh. Trước bụng, đeo con chủy thủ có khắc long vân. Ở giữa trán, viết tên thần Thái Nhất, sau đó ra vái Tung hai vái từ biệt.

Chớp mắt biến mất không thấy hình tích nàng đâu nữa.

Tung cũng đóng cửa, vào trong phòng, ngồi một mình lặng lẽ dưới ánh đèn. Bình thường, mỗi khi Tung uống rượu, chỉ một vài chén đã say rồi, nhưng tối hôm nay, Tung uống luôn cả chục chén mà vẫn tỉnh táo.

Ngoài cửa, chợt có tiếng tù và báo hiệu bình minh theo gió vọng vào, kèm với tiếng lá rụng trong sương mai ngoài thềm.

Tung kinh ngạc, đứng dậy. Chưa rõ chuyện gì, thì thấy Hồng Tuyền trở về.

Tung mừng rỡ, an ủi hỏi nàng :

- Sao, việc có xong không ?

Nàng đáp :

- Thiếp may mắn, đã không làm nhục mệnh của chúa công.

Lại hỏi :

- Khanh có phải hạ sát địch nhân không?

- Việc đó không xảy ra, nhưng thiếp có mang về đây chiếc hộp báu bằng vàng thường để dầu giường của Diên Thừa Tự, để làm bằng chứng

Rồi nàng thuật lại đầu đuôi công việc sang thám sát tình hình bên phía Điền Thừa Tự cho Tung nghe.

Nguyên sau khi từ giã Tung, thì khoảng gần giờ tỵ, Hồng Tuyền đến thành Ngụy Bác, rồi vượt qua mấy lớp cửa, vào được chỗ ở của Điền Thừa Tự. Nàng nghe tiếng ngáy như sấm của bọn "Ngoại Trạch Nam" từ trong trú phòng của họ vọng ra, rồi tiếng bọn binh sĩ phòng vệ đi lại ở ngoài sân đình hô gọi nhau như truyền trong gió.

Nàng khê đẩy cửa bên trái tấm thất, lên vào đến chỗ màn ngủ của Điền Thừa Tự.

Nàng thấy Tự nằm trong màn, gác chân ngủ như chết. Đầu kê trên một chiếc gối làm bằng da tê giác. Râu và tóc được bọc bằng một chiếc túi bằng tơ màu vàng. Thanh Thất Tinh Bảo Kiếm dẫu bên cạnh gối đầu hơi lộ ra chuôi ngoài. Bên đó là chiếc hộp báu hờ nắp. Nàng thấy trong hộp ghi tám chữ sinh thần của Tự và tên Bắc Đẩu Thần. Những hương liệu quý, cùng những báu vật đẹp mắt phủ đầy tán loạn trên nắp hộp. Cho thấy Điền Thừa Tự mong muốn lúc sinh tiền được tận hưởng mọi giàu sang phú quý. Tự ngủ yên trong giấc mơ đẹp. Trong căn ngọ thất đầy hương thơm như thế.

Bình thường trong quân doanh, Tự tỏ ra uy thế lắm liệt, không nể sợ ai. Nhưng lúc này, Tự đâu biết rằng tính mệnh của mình đang nằm trong tay Hồng Tuyền.

Còn nàng cũng chẳng bận lòng đến việc thả, hay bắt Tự làm gì.

Bấy giờ, dưới ánh đuốc mờ tỏ lập lòe, hương lư khói tạnh tro tàn. Bốn phía bố trí thị nữ, vệ sĩ canh gác nghiêm mật. Giáo mác, binh đao la liệt. Tuy nhiên, cũng có đứa dựa đầu vào bình phong mà ngáy, lại có đứa cầm phát trần vươn tay duỗi chân mà ngủ.

Hồng Tuyền bèn thaó lấy những chiếc khuyên tai của bọn thị nữ, còn áo, quần thì buộc lại một túm. Nhưng bọn chúng đều ngủ say mê mết, chẳng đứa nào hay biết gì. Sau đó, nàng mới lấy đến chiếc hộp báu của Điền Thừa Tự, rồi theo lối tây môn ra khỏi thành Ngụy Bác.

Đi được gần hai trăm dặm, Hồng Tuyền nhìn lại, chỉ thấy dài Đồng Tước cao sừng sừng nguy nga. Con sông Chương Hà cuộn

cuộn đông lưu. Trên cây trăng tà lơ lửng. Thỉnh thoảng đó đây văng vẳng tiếng gà gáy sáng.

Lúc ra đi, Hồng Tuyền lòng đầy phần hận bao nhiêu, thì nay trở về lại tràn trề hân hoan phần khởi, khiến cho nàng nhất thời quên hết nỗi lao lụy dọc đường. Nàng nghĩ đến cái tình tri ngộ Tiết Tung mà muôn đáp đền muôn một.

Nay thì tâm nguyện đã thành.

Hồng Tuyền thuật đến đây, bèn đổi giọng nói với Tung :

- Sở dĩ giờ tý canh ba đêm qua, thiếp phải trở đi trở về bảy tám trăm dặm, tiến nhập vào nơi nguy hiểm, vượt qua năm sáu tòa thành, là chỉ mong sao chúa công được giảm bớt ưu phiền, chứ thiếp nào có quản chi tâm khổ !

Tung nghe lời Hồng Tuyền, sai sứ giả cầm thư sang trao cho Điền Thừa Tự.

Trong thư viết rằng :

" Tôi qua, tôi có người gia khách từ Ngụy Bác thành trở về, mang theo chiếc hộp báu của nguyên soái thường vấn để đầu giường, tôi không dám giữ lại, nay xin kính cẩn phụng hoàn. "

Sứ giả của Tung phi ngựa như bay, chỉ nửa đêm đã sang đến thành Ngụy Bác. Bảy giờ trong thành, khắp nơi đều thấy người ta sưu tra để tìm chiếc hộp báu của Điền Thừa Tự. Toàn thể binh lính đều tỏ vẻ lo âu sợ hãi.

Sứ giả của Tiết Tung đến cửa Ngụy Thành, xin vào yết kiến Điền Thừa Tự ngay.

Tự vội vã ra đón vào.

Lúc sứ giả của Tung, dâng hộp báu trả lại cho Tự, Tự không cảm nổi sự kinh ngạc và sợ hãi, cơ hồ suýt té xuống đất. Sau đó, Tự mời sứ giả vào trong nội thất của mình nghỉ ngơi. Lại mở đại yến thết đãi để mua chuộc tình cảm, tặng tống lễ vật rất nhiều cho họ.

Ngày hôm sau, Tự phái người của mình đem ba vạn tấm tơ lụa, vải vóc, và hai trăm con ngựa tốt, cùng vô số những vật dụng quý báu trân kỳ khác, sang biểu cho Tung, và thưa rằng :

"Đầu tôi chưa rơi, mạng sống vẫn còn, đó là nhờ ơn riêng của tướng quân. Tôi nguyện sửa đổi lối,, thay cách cư xử, không còn gây điều phiến nhiễu . Từ nay, một lòng một dạ tuân theo sự chỉ huy khu xử của tướng quân, không còn dám nhận là thân gia của tướng quân nữa. Xin tướng quân cho tôi được làm kẻ theo sau ngựa hầu tướng quân, mỗi khi tướng quân xuất hành, hoặc làm kẻ cầm roi dẫn ngựa, khi tướng quân hồi thành. Việc tôi nuôi dưỡng bọn dũng sĩ "Ngoại Trạch Nam", vốn chỉ để đề phòng trộm cướp đạo tặc, thật không hề có dị chí mưu đồ chuyện khác, nay cũng xin giải giáp và cho chúng hoàn hưởng cây ruộng. "

Từ đấy, Nam Bắc hai miền, cứ hai tháng một lần, lại phái sứ giả sang thông tin với nhau.

Một hôm, thành linh Hồng Tuyền đến từ biệt Tung để ra đi.

Tung bảo với nàng :

- Khanh sinh ra ở nhà ta, sống với ta, nay sao lại có ý đi đâu ? Vả, lúc này là lúc ta cần nhờ đến Khanh, lẽ nào lại bỏ ta mà đi ?

Hồng Tuyền thưa :

- Kiếp trước, thiếp vốn là nam tử, bôn tẩu giang hồ cầu học, đọc được sách Thần Nông Dược Thư, chữa được bệnh tật cho đời. Thuở đó, có người đàn bà mang thai, thành linh trong bụng bị ký sinh trùng, thiếp dùng Nguyên Hoa Tửu để trị, chẳng ngờ cả mẹ lẫn hai con đều bị chết.

Vì tội ấy, thiếp bị Diêm Vương ở dưới âm ty trách phạt, phải đầu thai làm con gái, mang kiếp nô lệ tỳ tiện, khổ sở. May nhờ thác sinh vào cửa chúa công, đến nay cũng mười chín năm rồi. Ăn no mặc đẹp, lụa là mỹ vị phủ phê, thương yêu hết mực. Vinh huy đến thế là cùng. Huống hồ, nay triều đình đã trung hưng, lập xong pháp điển, bọn loạn thần ắt phải chu diệt hết. Việc thiếp sang Ngụy thành mới đây, thiếp chỉ mong sao báo được đôi chút, ân dày nghĩa cả của chúa công mà thôi. Nay nam bắc hai xứ đã hòa hiếu, thành trì được bảo toàn, vạn dân an cư lạc nghiệp, tướng sĩ mong được cởi giáp buông đao. Thiếp thấy, thân phận nữ nhi như thiếp, mà làm được việc ấy, cũng đủ xóa bỏ được tội kiếp trước, chuộc lại nguyên bản. Nay đã

đến lúc thiếp nên trốn bỏ cõi tục, tu hình luyện khí, tìm cõi trường sinh bất tử.

Tung nói :

- Nếu khanh chẳng muốn lưu lại chốn bụi hồng này, thì ta xin tặng ngàn vàng làm phí khoản xây dựng đạo quán để khanh làm chỗ ẩn cư tu trì !

Hồng Tuyền đáp :

- Việc tu trì là việc liên quan đến hậu kiếp sau này, làm sao thiếp có thể tính trước được !

Tung thấy không thể giữ nàng ở lại được, bèn mở dạ yến trong đại sảnh đường, mời tất cả tân khách đến dự để tiễn nàng.

Tung vừa uống rượu vừa ca.

Lại mời người tân khách là Lãnh Triều Dương làm bài từ để ngâm :

Thái Lăng ca oán mộc lan chu

采菱歌怨木蘭舟

Tống khách hồn tiêu bách xích lâu,

送客魂消百尺樓

Hàn tự Lạc phi thừa vụ khứ

還似洛妃乘霧去

Bích thiên vô tế thủy không lưu

碧天無際水空流

Tung ca xong, không cầm được nỗi lòng bi lụy sụt mướt. Hồng Tuyền chấp tay vái Tung, cũng hai hàng nước mắt đầm đìa, rồi giả rượu say rời tiệc đi ra.

Sau đó chẳng ai biết nàng đi đâu.

Vài hàng chú thích

Tác giả : Viên Giao

袁郊

Viên Giao tự là Tử Nghi, người Lang Sơn Sái Châu (nay thuộc huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam, niên hiệu Hàm Thông đời Đường Ý Tông, Viên Giao được bổ nhiệm làm Từ Bộ Lang Trung, sau thăng

nhệm là Thứ Sử Quốc Châu. Đến đời Đường Thiệu Tông, Viên Giao làm Hàn Lâm Học Sĩ.

Về sáng tác, Viên Giao có viết tiếu thuyết truyền kỳ « Cam Trạch Dao », một quyển. Truyện « Hồng Tuyền » là một truyện trong tác phẩm này.

Ngoài ra, Viên Giao còn có các tập « Nhị Nghi Thực Lục », « Y Phục danh Nghĩa Đồ »...

Tiết Độ Sứ

節度使

Tên chức quan.

Vào thời kỳ đầu nhà Đường duyên theo chế độ nhà Bắc Chu và nhà Tùy thiết lập chức Tổng Quản tại những vùng đất trọng yếu, sau lại đổi là Đô Đốc, coi mọi việc quân sự của một số châu.

Sang đến đời Đường Dục Tông mới gọi là Tiết Độ Sứ.

Đầu niên hiệu Thiên Bảo, nhà Đường lập ra 9 Tiết Độ Sứ ở ngoài duyên biên. Mỗi Tiết Độ Sứ lấy một số châu làm một trấn, tổng lãnh hết mọi quyền quân sự, dân chính, tài chánh, và quyền giám sát. Nhân vì những viên quan này lúc nhậm chức được triều đình ban cho hai lá cờ tinh 旌 và hai cờ tiết 節 nên mới có danh xưng là Tiết Độ Sứ. Bên dưới quyền Tiết Độ Sứ có các thuộc quan là Hành Quân Tư Mã, Phán Quan, Chưởng Thư Ký, Thôi Quan. Mới đầu Tiết Độ Sứ chỉ thiết lập tại những nơi biên phòng và những trấn trọng yếu. Sau loạn An Lộc Sơn, Tiết Độ Sứ được đặt ra quá nhiều, đến nỗi cha truyền con nối, lại mang quá nhiều chức vị, có quyền tuyển bổ liêu thuộc, xưng ùng xưng bá một phương, hình thành một cục diện phiên trấn cát cứ nghiêm trọng cuối thời kỳ nhà Đường.

Đến thời Ngũ Đại, việc thiết lập Tiết Độ Sứ quá lạm dụng, và các Tiết Độ Sứ lại càng hoành hành ngang ngược hơn.

Đến thời nhà Tống, bãi bỏ các phiên trấn, quyền hành trả về cho các châu, Tiết Độ Sứ chỉ còn là vinh hàm của các tướng, tướng và họ hàng nhà vua, hoặc không đi nhậm chức, hoặc có đi cũng không có quyền hạn gì.

Đến các đời Liêu, và Kim vẫn còn tồn tại.

Nhưng đến đời Nguyên thì phế bỏ.

Lộ Châu

潞州

Lộ Châu, tức Thượng Đảng Quận, tên một châu đời Đường. trị sở tại thành phố Trường Trị tỉnh Sơn Tây ngày nay.

Nội Ký Thất

內記室

Cổ đại có chức Ký Thất. Nội Ký Thất như ngày nay gọi là Bí Thư riêng.

Đường Túc Tông

唐肅宗

Đường Túc Tông là con thứ ba của Đường Huyền Tông, mẹ họ Dương sinh năm 711, đến năm 756 tức vị. Đường Túc Tông ở ngôi được 7 năm thì mất, có bốn niên hiệu là Chí Đức (756-758), Càn Nguyên (758-760), Thượng Nguyên (760-762) và Bảo Ứng (762)

Ngụy Bác

魏博

Ngụy Bác là tên một phương trấn đời Đường, một trong ba trấn của Hà Bắc lúc bấy giờ, được đặt ra để chủ yếu nhằm mục đích để phủ dụ võ về tàn dư của An Lộc Sơn. Ngụy Bác Tiết Độ Sứ cai trị Ngụy Châu (nay thuộc huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc, thống hạt bao quát sáu châu như Ngụy Bác, Bối Châu, Vệ Châu.

Điền Thừa Tự

田承字

Điền Thừa Tự (704-778) người Lư Long Bình Châu (nay thuộc huyện Lư Long tỉnh Hà Bắc), nguyên là cựu bộ hạ của An Lộc Sơn. Trong cuộc loạn An Sử, Điền Thừa Tự thường đi tiên đạo. Sau khi loạn bình, Điền Thừa Tự xin hàng triều đình, và từng được bổ nhiệm Tiết Độ Sứ các châu Bối Bác Thương, Doanh, sau chiếm cứ bảy châu, trở thành một phiên trấn cát cứ trọng yếu thời kỳ cuối của nhà Đường.

Tiết Tung

薛嵩

Tiết Tung là cháu của danh tướng Tiết Nhân Quý nhà Đường, người Long Môn (nay thuộc Hà Tân tỉnh Sơn Tây), từng nhậm các chức Tiết Độ Sứ, Hình Bộ Thượng Thư, Hữu Bộc Xạ, phong Bình Dương Quận Vương.

Nguyễn

阮

Tức đàn Nguyễn. Tương truyền đàn này do Nguyễn Hàm đời Tấn sáng chế ra, vì thế mang tên đàn Nguyễn. Hình trạng như đàn nguyệt, chia ra ba loại là Đại Nguyễn, Trung Nguyễn và Tiểu Nguyễn.

Ngoại Trạch Nam

外宅男

Nghĩa tương đương như con nuôi.

Thái Ất Thần.

太乙神

Tên một vị tôn thần của Đạo Giáo, cũng còn gọi là Thái Nhất, Bắc Cực Thần

Thất Tinh Bảo Kiếm

七星寶劍

Thất Tinh tức Bắc Đẩu Thất Tinh, Ngũ Tử Tư người nước Ngô thời Xuân Thu, thường đeo bên người thanh bảo kiếm này.

Tý Dạ Tam Khắc

子夜三刻

Tý dạ, tức nửa đêm giờ tý, tương đương với giờ bây giờ từ 2 3 giờ đêm đến đầu 1 giờ sáng hôm sau. Khắc 刻, cổ nhân dùng hồ lậu漏 đựng nước, để đo giờ giấc, và trong hồ có một mũi tên khắc một trăm số tương đương với 24 của một ngày, như vậy một khắc bằng 14 phút 40 .

Đồng Tước Đài

銅雀台

Đài này do Tào Tháo cất vào năm 210 thời Tam Quốc ở tại huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc, gồm hơn một trăm gian, dùng làm chỗ cư ngụ cho các sủng phi của Tào Tháo. Và thường lên đây yến ẩm, tiếp đãi tân khách, ngắm nhìn phong cảnh. Vì trên nóc đài, có

một con chim lớn bằng đồng, xòe hai cánh, và đuôi như cổ muốn bay lên trên không, vì thế mới thành tên là Đồng Tước.

Con Tháo là Tào Thực có làm một bài phú là "Đăng Đài Phú", rất được người đời truyền tụng.

Đỗ Mục đời Đường có bài "Đồng Tước Đài Hòa Cổ", có câu nổi tiếng:

东风不与周郎便,

铜雀春深锁二乔

Đông phong bất dĩ Chu Lang tiện

Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều

HÓA LANG NHI

化郎兒

Tác giả : Tuyên Đình

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

Hắn chỉ rờ rũa căn nhà, người, trời vẫn chưa dày quả phúc

Mà mới gió đưa rơi rụng, giận bùn nên nổi tử thân hoa

Liễu Tuyên Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH



Nhà sĩ họ Chung, người đất Hàn Giang, có người con gái tên là Tiểu Liên, diễm lệ tuyệt trần, nhưng vì cảnh nhà bần hàn cùng túng, lại thêm nỗi cô đơn, nên họ Chung hết lòng yêu thương Tiểu Liên, coi như ngọc quý trên tay, thường đem thư pháp và toán thuật truyền thụ cho nàng. Nàng nhờ thông minh, nên học hành nhanh chóng.

Khi lên mười bốn tuổi, mẹ nàng qua đời, Tiểu Liên phải âm thầm thêu thùa vá may cho người ta, để kiếm thêm tiền độ nhật qua ngày. Nhờ thế, hai cha con không đến nỗi chết đói.

Những lúc họ Chung thấy con gái ngồi trong khuê phòng cầm bàn tính, tính toán, lòng khắp khởi mừng thầm, thường

cao hứng bảo với mọi người :

- Nhà tôi có nữ Vương Nhung, chỉ tiếc là gái mà thôi !

Bèn mua một đứa tiểu tì, trông đoan trang thanh tú, tên là A Dung, đem về phục thị hầu hạ Tiểu Liên, nhưng thực tế, là làm bạn khuê phòng với nàng. Việc kén rể cho con, họ Chung tỏ ra rất là khe khắt, nên chẳng mấy ai hợp với ý ông cả.

Năm Tiểu Liên lên mười sáu tuổi, thì cha nàng qua đời.

Nàng phải đứng ra tự lo liệu ma chay chôn cất cho cha, xem ra còn chu đáo tươm tất, hơn cả con trai nữa. Khi vừa mãn tang, người đến mai mối hỏi nàng làm vợ đầy ngõ, đếm không xuể. Có kẻ là con quan Thái thú. Có kẻ là con quan Thị Trung. Nhưng Tiểu Liên chỉ cười, từ chối không nhận, bảo riêng với người mối rằng :

-Người chồng mà cháu chọn, chỉ cần trông tuấn nhã một chút, hợp với tuổi tác của cháu là được, dù có mồ côi, bần hàn cũng chẳng sao.

Người mối ra về, mấy ngày không thấy hồi âm.

Lúc đó, có người con trai họ Thái, cha mẹ mất sớm, sống một mình, không nơi nương dựa, và nghèo phải bỏ cả học, đến giữ kế toán sổ sách cho một tiệm bán vải vóc tơ lụa, diện mạo trông cũng tuấn mỹ, tuổi lại còn trẻ, từng hâm mộ nhan sắc Tiểu Liên, bèn bỏ tiền ra mua chuộc bà mối.

Bà mối cười bảo với chàng :

- Cậu đừng có mơ mộng viễn vông. Cóc nhái dưới ao, mong gì được ăn thịt thiên nga ở trên trời cơ chứ !

Thái đáp :

- Thì bà cứ đi hỏi hộ coi, thành bại, đâu quan hệ !

Bà mối không làm sao được, miễn cưỡng ra đi.

Đến nơi, chỉ thấy cổng đóng im ỉm, trước ngõ lê rơi đầy, trắng xóa như tuyết. Dưới thềm, rêu xanh phủ kín, tròn như những đồng tiền, thưa thớt đôi ba dấu chân người. Bèn nhặt một viên đá lên, gõ vào cổng gọi. Một lát, bên trong có tiếng người trả lời, rồi một con hầu ra mở cửa đón vào.

Bà mối cười, hỏi :

- A Dung và cô Liên hẳn là còn nòng giắc xuân, mới dậy phải không ?

A Dung nhoẻn miệng cười không đáp, dẫn bà mỗi vào trong nội thất.

Gặp lúc Tiểu Liên đang ngồi khóac chần bên cửa sổ, đọc thơ Lý Thương Ẩn. Làn tóc mây đen nhánh, vẻ mặt hơi gầy trông thanh nhã, trông càng yêu kiều khả ái.

Bà mỗi đến ngồi bên cạnh Tiểu Liên cười bảo nàng :

- Giai nhân kiều diễm mỹ lệ thế này, chẳng biết cậu trai nhà nào, có phúc được làm chồng nàng đây !

Tiểu Liên nghe nói thế, chỉ tùm tùm cười, không đáp.

A Dung xen vào, hỏi bà mỗi :

- Việc hôn nhân của cô cháu đến đâu rồi hở bà ?Tối qua, cháu thấy hoa đèn kết nhị, chắc là việc thành phải không ?

Bà mỗi vỗ tay cái độp, lớn tiếng cười nói :

-Mụ quên hẳn đi. Có chuyện cười muốn chết cô Liên ạ . Cái cậu học trò họ Thái, đã nghèo, chẳng có mảnh đất cắm dùi, phải đi giữ sổ sách kế toán cho người ta, lương bổng hàng năm bất quá được hai chục lạng, lại có ý muốn cưới vợ đẹp. Cũng may là mặt mũi, phong độ bảnh bao, bằng không thì mụ đã cho ăn mấy cái tát rồi.

Tiểu Liên cười, nói :

- Nghèo thì cháu chẳng sợ. Cháu có thể làm nên giàu được. Nhưng chẳng biết phong tư diện mạo người ta có quả đúng như bà nói không đấy !

Bà mỗi hết lời khoa trương khen ngợi vẻ bảnh trai tuấn tú của Thái, khen chàng đẹp như Vệ Giới đời Tấn.

Tiểu Liên nói :

- Bà hỏi thử cậu ta có chịu ở rể để nối dõi tông đường nhà cháu không?Như nếu bằng lòng, thì phiền bà đưa người ta đến trước cửa, để cháu lên nhìn mặt một lần cho biết.

Bà mỗi mừng thầm trong bụng, cáo từ ra về.

Ngày hôm sau, vào quãng buổi trưa, bà mỗi trở lại, mặt mày mờ hôi nhể nhại, hớn hở nói :

- Cô Liên ơi ! Cậu ta đang đến kia kìa, cô ra mà xem mặt !

Tiểu Liên bèn đóng cửa lại, nấp ở phía sau, qua khe hở, nhìn ra ngoài. Quả nhiên thấy một thiếu niên mặc chiếc áo kép trắng, mặt đẹp như thoa phấn, điệu bộ ung dung tiêu sái, tay cầm chiếc quạt phe phẩy, đi đi lại lại ở trước cửa, tựa hồ như không hề biết có người đang nhìn trộm mình.

Bà mối bèn chạy ra, cố ý gọi lớn :

- Này, cậu Thái ơi, đi đâu đấy ! Sao lại tới lui như lừa kéo cối xay vậy ? Thôi, đi đi, đừng làm chướng mắt người ta nữa.

Thái đành tùm tùm, bỏ đi.

Khi vào trong buồng, Tiểu Liên bảo với bà mối :

-Cậu Thái này, trông người cũng có phúc phận lớn đấy, chỉ hiềm phải chịu bôn ba khổ lụy mất mấy năm, âu cũng là mệnh số cả !

Rồi nhờ bà, đứng ra làm mai.

Bà mối hỏi :

- Cậu ấy vốn chẳng có gia đình nhà cửa chi cả, đến ở rể cô có chịu không ?

Tiểu Liên gật đầu, tỏ ý bằng lòng. Sau đấy, chọn ngày lành tháng tốt để cử hành hôn lễ.

Những lúc ái ân, hai người tỏ ra rất mặn nồng khắng khít, quần quýt trăm bề, như uyên ương rỡ nước, như phỉ thúy hí lan thiều, cực kỳ hoan lạc. Tuy nhiên, thỉnh thoảng Thái lại tỏ vẻ lo lắng về nỗi nhà thanh bần. Ngoài lúc ân ái nhàn hạ, chàng thường thở ngắn than dài với vợ. Tiểu Liên cũng đoán hiểu ý chồng, an ủi bảo Thái :

-Mình muốn lấy vợ đẹp, em cũng muốn có chồng bảnh. Nay thì tâm mãn ý túc, ước nguyện đã thành. Nhà em tuy không có ruộng cả liền mây, nhưng các cụ cũng để lại cho em đôi chút tiền bạc đủ để rau cháo độ nhật vài năm cho ba người, mình hà tất lại cứ ủ rũ buồn rầu không vui như vậy?

Nhưng rốt cuộc, vẫn không thấy Thái vui, Tiểu Liên bực mình, sắc mặt giận giữ, sẵn giọng bảo Thái rằng :

- Ở đời mỗi người một phận, nếu như mình muốn làm gì, đi đâu thì cứ tùy ý, đừng để cho người ta chê mình còn trẻ, vì quyền luyến

vợ, không dám bỏ nhà đi làm ăn xa. .

Bấy giờ Thái mới nguôi ngoai, thay đổi thái độ, cảm ơn Tiểu Liên vul về trở lại.

A Dung bèn bày rượu ở trong khuê phòng để hai người đối ẩm hoan hợp, cho đến lúc rượu say mới lên giường cùng nằm. Vợ chồng ân ái càng thêm đắm thắm kháng khí.

Sau đó hơn một tháng, Thái nhận được thư của người bác đồng đường từ Phúc Kiến gửi về. Trong thư viết :

"Bác đã tìm được chỗ làm ăn cho cháu rồi, cháu hãy thuê thuyền đi Phúc Kiến ngay, vạn nhất đừng vì bi lụy, quyến luyến gia đình mà chậm trễ mất công nhá "

Thái đọc xong, trao cho Tiểu Liên xem. Nàng cũng lấy làm mừng rỡ, đặt tiệc để tiễn hành Thái, lại đưa cho chàng ít tiền làm lộ phí. Nhưng trong lúc cùng nàng nâng chén biệt ly, Thái tỏ ra buồn bã, nét mặt không vui.

Tiểu Liên thấy thế nói :

-Ngày mai mình lên đường, đi xa làm giàu, đó là một việc quang minh lỗi lạc, cũng giống như Phạm Lãi xưa kia. Hà tất lại nhi nữ thường tình bi lụy như thế !

Thái thở dài đáp:

-Chao ôi !Ta đi, chỉ sợ để em ở nhà ngủ một mình tịch mịch, lỡ làng tuổi xuân. Chẳng hoặc có sơ sẩy, tình nghĩa vợ chồng bị sút mẻ, ví như ngọc quý bị rạn nứt, làm sao có thể hàn gắn lại được !

Tiểu Liên nghe Thái nói thế thì cười như nắc nẻ, không kịp bùm miệng, rồi mới bảo với chàng :

-Té ra, là mình ghen, lo em phản bội, tặng mình cái sừng trên đầu phải không ?. Mình hãy cứ yên lòng ra đi, chừng nào y cảm hoàn hương, bấy giờ sẽ biết người con gái của nho sĩ họ Chung như thế nào !

Sáng hôm sau dậy, Thái thu xếp mọi việc gia vụ, nhà cửa, rồi rầu rầu từ biệt vợ lên đường.

Tuy vậy, Thái chưa vội xuống thuyền ngay, chàng vào trọ mười ngày trong một lữ quán gần nhà để rình quan sát động tĩnh của vợ.

Sáng nào Thái cũng chỉ thấy con thị nữ A Dung mở cửa đi chợ mua thức ăn. Khi về, thì đóng cửa ngay lại. Chàng không hề thấy Tiểu Liên lộ mặt ra ngoài bao giờ. Bấy giờ, Thái mới yên bụng xuống thuyền.

Thời gian vùn vụt vèo trôi, Kim Liên độc cư ở nhà thoáng chốc đã gần hai năm, mà chẳng hề thấy Thái gửi một chữ về thăm nàng. Còn A Dung, thấy cảnh nhà mỗi ngày một cùng túng, nghèo khó, trong bụng cũng hơi lấy làm lo lắng .

Sau đó ít lâu, hàng xóm cách vách với nhà Tiểu Liên, có người đàn bà góa chồng, bán hạt châu, tên là A Tuyền, phấn son trang điểm rất là đom đóm. Sáng sáng vẫn thường cùng A Dung bắt chuyện gẫu, nhờ vậy mà làm quen được với Tiểu Liên rồi trở nên thân.

A Dung vốn ăn nói khéo léo, lại giỏi chuyện trò, gặp những đêm trời đẹp, thường ở lại nhà Tiểu Liên chuyện gẫu đến thâm canh bán dạ mới chịu ra về. Những phẩm vật thô thừa của Tiểu Liên, đều do A Dung đứng ra bán hộ, nên được giá cao. Về sau, nhân vì thiếu người trông coi cửa ngõ, Tiểu Liên bèn mở một cửa ngách nhỏ ở trên tường cho A Dung để đi lại. Những đêm trời mưa gió, A Dung thường ở lại, gác chân ngủ chung giường với Tiểu Liên rất là thân mật, tưởng chừng không thể xa nhau đến một giây.

Một hôm, Tiểu Liên và A Dung ngẫu nhiên đứng trước cửa xem trẻ con rước thần, thành linh có một thiếu niên, quần áo sặc sỡ đi ngang qua cửa, thấy Tiểu Liên thì mắt nhìn hau háu, cơ hồ chân bước không nổi. Tiểu Liên vội vã đóng sập cửa lại, và kéo A Dung vào trong nhà.

Gã ấy vốn là con một gia đình phú hào ở Hoa Đình, vàng chất đầy kho, bạc chôn từng hũ, giàu ngang với Vương Khải, Thạch Sùng cổ đại ngày xưa, tính tình hiếu sắc, ham thích săn hoa gheo nguyệt, nghe đồn đất Dương Châu này là nơi nổi tiếng có nhiều mỹ nhân, bèn mang một số tiền thật lớn đến đây để ăn chơi du hí. Nhưng các cô gái trong các câu lan kỹ viện nhan sắc chỉ thuộc loại phấn son tầm thường, chẳng cô nào vừa mắt gã. Hôm ấy, gã ngẫu nhiên đi qua

cửa nhà Tiểu Liên, thấy nàng mặc chiếc áo ngắn màu hoàng hạnh, đầu búi tóc cao, chân đi hài đỏ, trông tư thái thật vô cùng diễm tuyệt, lấy làm kinh ngạc, cho là tiên nữ lạc trần gian, mừng thầm trong bụng, tự nhủ : "Chuyến này thật bổ công xem cảnh đẹp Dương châu".

Tuy thế, chẳng biết Tiểu Liên là ai, nên không có nơi mà dò hỏi.

Ngày hôm sau, gã Hoa Đình lại đi qua nhà Tiểu Liên một lần nữa. Gã thấy ngôi nhà hàng xóm mé trái nhà nàng, cửa hé mở, thì vừa lúc A Tuyền ở trong đi ra, gã nhận ra là người đứng với Tiểu Liên hôm qua, bèn vội vã tiến tới, chấp tay vái chào.

A Tuyền cũng khép nép, hỏi :

-Chẳng hay công tử có điều gì cần hạ vấn ?

Gã nói :

- Tiểu sinh nhà ở Hoa Đình, đến đây tìm người thân không gặp, muốn ở lại chờ, nhưng sợ khách xá ồn ào, không tính dưỡng được, nghe nói quý phủ có nhiều phòng trống, xin cho tiểu sinh mượn một gian, giá bao nhiêu cũng không ngại !

A Tuyền nghe nói đến tiền thì tham, bèn cười đáp :

-Nhà nghèo không có bực dịch đầy tớ chi cả, thẳng hoặc có việc vặt cần sai bảo thì biết làm thế nào ?

-Đồng bực, tiểu sinh có người rồi !

Mặc cả xong giá thuê phòng thì đi.

Một lúc sau, quả nhiên có nhiều người khiêng hành lý hòm dương đến. Cái nào xem ra cũng nặng chịch. Lại có một đứa đồng bực đi cùng, diện mạo trông rất là tuấn mỹ bảnh bao.

Gã Hoa Đình chọn một gian phòng mé đông để ở, suốt ngày chỉ ngồi đọc sách, ngắm nghía, thưởng ngoạn các loại cổ vật, chẳng mấy khi đi ra ngoài.

Một hôm gã bảo với A Tuyền :

-Tiểu sinh thấy a di ở goá một mình, lẻ loi sẫm tịch, thật đáng thương, mà tiểu sinh thì cha mẹ không còn, nay xin nhận a di làm giả mẫu, như vậy nhất cử lưỡng toàn, có được không ?

A Tuyền nghe gã nói vậy thì hoảng hốt, há hốc miệng, ngạc nhiên :

-Công tử nói như thế, không sợ làm tôi tổn thọ hay sao ?

Nhưng gã Hoa Đình đã vội vã quỳ xuống đất, dập đầu bình bịch, đổi ngay cách xưng hô, gọi A Tuyền là mẹ.

A Tuyền cúi xuống đỡ gã dậy, từ đây hai người xưng hô với nhau là mẹ con.

A Tuyền thấy trong phòng của gã Hoa Đình bày biện toàn những bảo vật quý giá. Cổ ngoạn thứ nào cũng đáng cả trăm lạng. Bàn ghế, giường trông đều được che phủ bằng gấm đoạn. Còn thức ăn trong bếp, toàn là trân tu hải vị.

Gã thỉnh thoảng lại bảo với A Tuyền rằng : "A di có con làm con nuôi, thì cuộc sống sau này sẽ sung sướng".

Ở chưa tròn hai tháng, gã biếu A Tuyền một số đồ vật, trị giá đến ba bốn trăm lạng. Rồi nhân đó hỏi A Tuyền :

- Mỗi ngày mẹ đều sang chơi nhà cô hàng xóm, chẳng hay mỹ nhân bên ấy là ai vậy, mẹ có thể giúp con kiến diện một lần được không ?

A Tuyền đáp :

- Không thể gặp cô ấy được đâu .

Rồi hết lời khen ngợi Tiểu Liên là người chẳng những diễm lệ xinh đẹp, lại còn thủy chung nữa, ai cũng nghe tiếng.

Ngày hôm sau, gã thình lình ngoạ bệnh. Hai đứa đồng bọn lo âu lộ ra nét mặt. A Tuyền cũng hoảng hốt, đích thân đến tận đầu giường để hỏi han bệnh tình, thăm nom gã.

Gã nghẹn ngào nức nở, bảo với A Tuyền :

-Con nay lâm bệnh trầm kha, nổi tương tư làm con hao tổn tâm thần, chắc là không còn sống được nữa, nhưng sau khi chết, nhờ mẹ đưa hài cốt con về quê nhà dùm.

A Tuyền hỏi :

- Vậy cậu thương nhớ ai mà mua sầu chuốc nã đến nông nỗi này. Cậu không muốn nói cho ai biết, nhưng chẳng lẽ cũng không cho mẹ biết được sao ?

Gã chỉ lẩm bẩm : "Khó lắm ! Khó lắm !"

A Tuyền gặng hỏi :

-Dù khó khăn thế nào, thì mẹ cũng nghĩ cách giúp cho con, con cứ nói đi !

Gã bèn nắm lấy tay A Tuyền, chỉ sang hướng tây, bảo :

-Chính nhan sắc diễm kiều của cô hàng xóm nhà mẹ đã thu bắt mất hồn phách của con. Như quả được gần gũi nàng một lần, thì bệnh con ắt khỏi.

A Tuyền suy nghĩ một hồi lâu, rồi nói :

-Thôi thì để mẹ thử nói dùm con. Nhưng con cũng nên bảo trọng thân mình.

Gã Hoa Đình bèn cúi đầu tạ ơn ba bốn lần.

Ngay tối hôm ấy, A Tuyền sang nhà Tiểu Liên, gặp chính lúc nàng đang ngồi thêu túi gấm. Mười ngón tay nhỏ bé xinh xắn, đẹp như mười chiếc đũa ngọc, cũng vừa ngừng vẽ mẫu thêu.

A Tuyền làm bộ ái ngại thương tiếc, lên giọng an ủi nàng, bảo :

-Phải chi em mà lấy được người chồng giàu có, thì bây giờ cũng có ít ra là ba bốn chục đũa bệch để mà sai bảo, đâu đến nỗi nghèo khổ túng bần thế này, thật là tức quá.

Tiểu Liên cười cười nói :

-Mệnh số như vậy, việc chi mà phải oán trách !

Sau đấy, A Dung mang trà lên mời, nói :

-Tối nay xin dì Tuyền ngủ lại làm bạn với cô Liên nhé, cả đêm qua cô Liên nằm ngủ, miệng luôn u ớ gọi tên cậu Thái, cháu lay gọi thế nào cũng không tỉnh, cháu sợ muốn chết.

A Tuyền nói :

-Chắc là tại khi nằm ngủ đè tay lên ngực chứ gì. Ma bệnh đấy !

Rồi buông tiếng thở dài, tiếp :

-Mệnh cung của tôi tọa cô hự, phận phải ngủ một mình đã đành, chứ như cô Liên mà lấy được người chồng trẻ thì có khác gì một đôi ngọc bích. Ai lại vì ham lợi mà bỏ vợ ngủ một mình ở nhà thế này.

Sau đấy, hai người tắt đèn lên giường ngủ. A Tuyền ép Tiểu Liên gối chung một gối, rồi lấy tay vân vê đầu nhũ hoa của Tiểu Liên đùa nghịch, lại cầm cổ tay nàng sờ lần nắn bóp.

Tiểu Liên nói :

-Bà tử động húng !Trở đầu lại mà ngủ đi, đừng quấy rầy người ta nữa.

A Tuyền nói :

-Chỉ tiếc thân này chẳng phải là con trai, nên không có « chày ngọc », bằng không, thì tôi nay sẽ không tha cô mình đâu .

Tiểu Liên chỉ se se cười, không trả lời.

Đột nhiên A Tuyền lại lên tiếng hỏi :

-Liên à, có bao giờ em tưởng nhớ chồng không ?

Tiểu Liên vừa cười vừa thở dài, im lặng. A Tuyền biết là Tiểu Liên lòng đã bị mình khiêu động, nên càng dùng những ngôn từ khinh mạn, phóng dãng. Sau cùng hỏi :

-Em có uống rượu được không, Liên ?

Tiểu Liên đáp :

- Một hai chén thì được.

- Để tối mai mình mua một bình Mai Hoa Xuân Tửu đến cho em giải sầu nhé Tiểu Liên không đáp, cứ nhắm mắt ngủ yên.

Tối hôm sau, quả nhiên A Tuyền mang sang nhà Tiểu Liên một bình rượu. Thị nữ A Dung bưng lên một mâm đồ nhắm thật là tinh mỹ cho hai người đối ẩm. Nhưng chỉ sau vài chén, Tiểu Liên đã ngà ngà say, hây hây má đỏ, khóe hạnh long lanh tình tứ, trông càng yêu kiều khả ái. A Tuyền bè diu nàng vào giường nằm.

Rồi nhân lúc vắng, đem nỗi tương tư của gã Hoa Đình nói với A Dung, cầu nàng giúp cho thành việc. Nhưng A Dung cảm thấy bối rối khó khăn, thì A Tuyền nói :

-Không sao đâu, đêm qua ta đã thấy cô ả xuân tâm giao động rồi, ta cứ đem việc này hỏi thẳng ả, được hay không là tùy, em cứ giúp cho một tay nhé !

A Dung gật đầu đồng ý.

A Tuyền vào ngồi bên cạnh Tiểu Liên, rồi nói :

-Chị có người con nuôi, thuộc một gia đình giàu nhất vùng Hoa Đình, rất ái mộ nhan sắc của em, nay đang tạm trú ở nhà chị. Gần đây, vì tưởng tư em mà thành bệnh nặng, nếu được thân cận với em một lần thì bệch tất khỏi. Em như đồng ý, đó thật là một âm đức lớn. Chị với em đều là phụ nữ, việc này sẽ chẳng ai biết được. Vả, em vì tưởng nhớ đến chồng mà thân hình tiêu tụy. Đàn ông bỏ lâu, cố nhiên bất lợi. Còn đàn bà trường kỳ một mình phòng không, cũng không tốt. Chị nghĩ, đây là vì con nuôi chị một phần, và vì cả em nữa.

Tiểu Liên nghe A Tuyền nói thế, chỉ im lặng không nói gì.

A Dung đứng gần đấy, cũng lên tiếng hòa theo. Tiểu Liên nói :

-Chẳng biết cậu ta có thật lòng yêu em không ? Nhưng chỉ một lần thôi đấy, chứ không thể tái hồi đâu nhé. Cậu ta đã giàu có, thì một khắc hoan lạc, cũng phải có đủ năm ngàn lượng mới được. Việc xong, đừng ai nấy đi, không nói năng nhiều lời.

A Tuyền đáp :

-Để chị về thương lượng lại xem, sẽ báo cho em biết sau.

Rồi theo lối cửa ngách mà về. Gã Hoa Đình lòng đang nôn nóng, thấy A Tuyền về, bèn hỏi ngay xem sự có thành không.

A Tuyền đáp :

-Việc thành rồi !

Và đem lời yêu cầu của Tiểu Liên nói cho gã biết. Gã đáp :

-Điều ấy đâu có khó khăn gì. Dễ mà ! Dễ mà !

Rồi lập tức mở ngay hòm, lấy ra năm ngàn lượng cho bộc dịch theo lối cửa ngách vận chuyển sang nhà Tiểu Liên, để ở dưới gầm giường của nàng.

Khi ấy, Tiểu Liên mới gọi thị nữ A Dung đến gần, lấy bút vẽ lông mày, tô son điểm phấn cho lộng lẫy, rồi bảo lên giường nằm thay mình. Còn nàng thì để hờ cửa, đèn sáng lơ mờ, xong xuôi đâu đó lên sang ngủ ở một gian phòng khác.

A Tuyền đưa gã Hoa Đình đến đứng ở trước cửa phòng, rồi đi vào, vén màn lên coi thử, thấy rõ ràng là Tiểu Liên, không sai mảy may, bèn nói :

-Người ta đến rồi đây !

Sau đó đi ra.

Gã Hoa Đình rón rén bước vào trong phòng, khêu đèn cho sáng rõ hơn, và từ từ tiến đến bên cạnh giường để xem cho tỏ dung nhan người đẹp. Quả nhiên, người nằm trên giường chính là Tiểu Liên, mỹ nhân đứng dựa cửa mà gã đã thấy ngày nào. Gã mừng rỡ cuống cuồng, không cầm lòng kịp, vội vàng cởi bỏ quần áo, hùng hục mây mưa, chẳng hề nói năng một lời, còn A Dung cũng chẳng hỏi một tiếng.

Việc xong, gã xuống giường, sỏ dép vào chân, vội vã chuồn thẳng.

Chừng về đến nhà, gã nghe thấy tiếng A Tuyên rên rỉ trên giường. Gã cúi dòm qua khe hở, lòng kinh hoàng choáng váng. Té ra, nhân lúc gã vắng nhà, A Tuyên đã dụ dỗ được đứa tiểu đồng bảnh trai của gã, và đang cùng nó lâm ly cá nước trong cõi dương đời.

Gã bảo thầm trong bụng :

-Mẹ nuôi ta như thế này, thật đúng là kỹ nữ đứng cửa đón khách, còn Tiểu Liên mới thật là con nhà lương gia, vưu vật hiếm có trên đời, ta đã được cùng nàng một lần thịt da thân cận, là mãn nguyện rồi, không nên quyến luyến ở lại đây làm gì nữa, chỉ tổ cho thiên hạ chê cười !

Rồi gọi tên tiểu đồng ra, lấy năm trăm lạng để tạ ơn cho A Tuyên. Sáng sớm hôm sau, mặt trời vừa tỏ, gã vội vã cho ngựa phản hồi quê nhà.

Còn A Tuyên, trong lòng cũng lấy làm áy náy, ân hận, không khắc chế được, bèn sang nhà Tiểu Liên xem, chỉ thấy nàng đã sớm trang điểm xong xuôi, tỏ ra như chẳng có sự gì. Những lúc rảnh rang, vẫn tiếp tục thêu thùa khâu vá sinh nhai như thường nhật. A Tuyên bụng riêng rất lấy làm kỳ lạ.

Quang âm thấm thoát, bỗng chốc đã đến ngày cuối năm, chàng Thái phải trở về quê ăn tết, hai gánh hành trang, một thân sơ xác. Tiểu Liên mừng rỡ ra đón chồng về, hỏi :

-Minh đi xa về, có gì thú vị không ?

Thái đáp :

-Cũng chỉ là tha hương cầu thực mà thôi, ta vẫn là ta, như Tô Tần vẫn là Tô Tần, đã công khanh gì đâu, mong nàng đừng bỉ bôi ta như vợ Tô Tần nhé!

Tiểu Liên chỉ mồm mỉm cười, không hỏi gì thêm nữa. Rồi sai thị nữ A Dung bày tiệc rượu để Thái tẩy trần. Người ta thường nói : "Cửu biệt thắng tân hôn ", tối hôm đó, hai vợ chồng cùng nhau hoan hợp như cá gặp nước, mây mưa quán quýt, hết sức nồng nàn thắm thiết. (Bỏ tám chữ)

Chợt Kim Liên bảo với Thái :

-Từ nay em xin mình đừng lo gì đến chuyện bần hàn nữa nhé!Mình thử nhìn dưới gầm giường xem có phải tiền cả khối sáng loá ra đấy không ?

Thái kinh ngạc, hỏi Tiểu Liên lấy tiền đó ở đâu ra. Nàng đáp :

-Do phép thuật của em cả đấy !

Thái khoác vội áo vào người, xuống giường cầm đèn soi, quả nhiên bạch kim lóa mắt, chất đầy gầm giường, lòng dâm ra hoảng hốt, gắt gao cật vấn Tiểu Liên. Nàng đành đem chuyện gã Hoa Đình thuật lại cho Thái nghe, nhưng chưa kịp kể đến việc vẽ mây hoá trang cho A Dung, thì Thái đã dậm chân giận giữ máng mả :

-Ta biết mà, người chỉ là đứa dâm loạn, chứ trình tiết gì !Việc sờ sờ ra đấy. Lời nói với ta lúc lâm biệt còn văng vẳng bên tai đây, nay mặt mũi nào mà nhìn nhau nữa. Chao ôi !Con gái nho sĩ họ Chung, bất quá cũng chỉ vậy mà thôi !

Tiểu Liên muốn bộc bạch giải bày, nhưng Thái đã mở cửa ra ngoài.

Từ đấy, hạc vàng nhất khứ bất phục phản;không trở gặp lại Tiểu Liên nữa.

Sau này, Tiểu Liên được những người lái dò kể cho biết là ngày hôm ấy Thái đã thuê thuyền đi Giang Nam rồi. Nàng lấy làm hối hận vì đã hồ đồ, thiếu tế nhị, dẫu vậy, việc không còn thể lấy lại được nữa, mới riêng bảo với thị nữ A Dung rằng :

-Với tài nghề của ta, ta nhất định không chịu làm gái già giữ phòng the, Thái lang phần khí bỏ đi, không thể một ngày mà quay trở về được, tất phải chịu cảnh bôn ba gian khổ vài năm, điều này ta đã dự đoán khi chàng ra đi lần trước rồi. Thầy trò mình nay hãy cải nam trang, dùng số tiền của gã Hoa Đình làm vốn đến Tô Châu buôn bán, làm giàu, trở thành Nữ Thạch Sùng cũng dễ thôi.

A Dung cũng cho ý kiến ấy của Tiểu Liên là phải.

Đến lúc tối, trời đã thật khuya, mới khóa hết cửa nẻo lại, rồi theo lối nhà A Tuyên, thuê mấy người phu lực lưỡng khuân hết tiền bạc cùng những đồ dùng xuống thuyền, xuôi Nam. Sau khi thuyền đến Tô Châu, Tiểu Liên dắt A Dung dạo gót dạo chơi phố phường, ai thấy hai người áo quần hoa lệ, mặt mày tuấn tú đẹp trai, thái độ phong lưu nho nhã, đều cho hai người thuộc loại thế gia công tử. Có vài tay từng trải già dặn, đến làm quen bắt chuyện, mới hay hai người đến đây để học tập buôn bán. Lại ngộp vì thấy vàng bạc của cải rủng rinh, bèn thuê giúp cho hai người một gian phòng ở vùng Hồ Khâu.

Tại đây, Tiểu Liên mở một tiệm chuyên mua bán các loại hàng gấm vóc tơ lụa. Và nàng nghiêm nhiên thành ông chủ tiệm, thâm cư trong nội thất. Còn việc giao dịch với khách hàng thì giao phó cho viên hỏa kế trông coi. Tối đến, nàng mới đem bàn tính ra tính toán. Không hề mảy may sai sót. Bọn người làm công tranh nhau khen ngợi thán phục tài nghệ của nàng.

Chỉ trong vòng hai năm, Tiểu Liên đã kiếm được một số tiền lời lên đến năm sáu nghìn lượng.

Năm sau nữa, trong cung của Trịnh Quý Phi thôi thúc tỉnh Tô Châu phải cung cấp gấp áo quần múa hát, tiệm của Tiểu Linh còn vừa vừa số, nhờ đó cũng kiếm được món lợi là hai chục vạn lượng. Lúc bấy giờ, các chủ hàng ở chợ Hồ Khâu, ai cũng lấy làm hãnh diện được làm quen với nàng. Nhiều nhà giàu có tranh nhau gả con gái cho nàng, nhưng nàng chỉ cười ti tã.

Một hôm trời lát phát mưa, Tiểu Liên đầu đội khăn the xanh, mình mặc áo lụa trắng, chân đi hài da, ngồi trong chiếc ghế lớn, sau

bức rèm the mỏng, để xem người đi lại ngoài đường phố. A Dung cũng ăn vận đẹp đẽ, đứng bên cạnh hầu trà. Bất chợt có một gã bán hàng rong tới tiệm, đặt gánh xuống, bỏ tiền ra mua những món tạp phẩm linh tinh của phụ nữ, ước chừng độ mười lạng, thì vừa đầy gánh.

Tiểu Liên thấy dung mạo gã có vẻ quen quen, chừng nhìn kỹ lại, nàng không khỏi sửng sờ kinh ngạc, khẽ bảo thầm với A Dung :

-Không biết có phải Thái lang, chồng ta không ?

A Dung cũng chú ý nhìn, quả nhiên là Thái thật. Duy nét mặt phong trần mưa nắng, áo quần nhiều miếng vá chằng đụp.

Nguyên từ hôm xuống thuyền xuôi Nam, Thái nhất quyết đoạn tuyệt liên hệ với vợ, đến Phúc Kiến mưu sinh. Chẳng ngờ, khi đến Phúc Kiến thì người bác đã qua đời, chủ quán lại từ khước không chịu cho chàng ở. Thái tính trở về Can Giang, chừng đến đất Tô Châu này, thì túng quẫn cùng cực quá, chẳngkém gì đưa ăn mày. Cũng may có người đồng hương, sẵn tính hào hiệp, thấy Thái như vậy, bèn chu cấp cho mười lạng bạc, để Thái làm vốn bán hàng rong, kiếm tiền độ khẩu. Trải qua mấy năm tân khổ gian lao, nhưng vốn ít nên cũng chẳng lời lãi gì. Lúc nãy vào tiệm của Tiểu Liên tính mua ít hàng, lại gặp chính lúc nàng ngồi ở đây.

Một lát sau, trời mỗi lúc một nặng hột, mưa to. Đường phố trở nên lầy lội. Thái ngồi co ro chờ mưa ngoài cửa tiệm, ngơ ngác chờ dẫn như con gà gổ, khiến Tiểu Liên cảm thấy xót sai, không đành lòng.

Chừng mưa tạnh, Thái gánh hàng lên vai, tính ra về, chợt có đứa bộc dịch đẹp trai ở trong tiệm đi ra gọi giật lại, hỏi :

-Này anh bán hàng rong! Có phải người Dương Châu không đấy ?

Thái đáp :

- Bẩm vâng, tôi người Dương Châu.

Đứa bộc dịch nói :

-Thế thì đồng hương với chủ tôi rồi. Chủ tôi muốn gặp anh, anh hãy theo tôi.

Quanh co dẫm khúc, đến một gian phòng nhỏ, Thái thấy một vị thiếu niên ngồi ngay ngắn trên chiếc hồ sàng, y phục rực rỡ hoa lệ. Rồi nghe gã bộc dịch bảo với người thiếu niên :

-Anh bán hàng rong đã đến, xin bái yết lang quân!

Thái nghe nói thế, rất lấy làm lạ, bất giác khom người cúi xuống vái chào.

Tiểu Liên cũng cố tình trịnh trọng tiếp thụ, rồi bảo Thái ngồi xuống một bên, nói mấy câu khách sáo, hỏi :

-Anh ở Dương Châu, nhà ở vùng nào?

Thái đáp :

-Nhà tôi ở phía nam, cách Lôi Đường khoảng trăm bộ.

Lại hỏi :

-Bán hàng rong thế này, có lời không ?

Đáp :

-Cũng được chút đỉnh.

-Như thế thì khổ cực vất vả quá, không bằng mấy kẻ bộc dịch trong nhà này. Ta lấy làm ái ngại. Anh có muốn làm cho ta không ?

Thái chưa kịp trả lời thì A Dung đã vội vã kéo chàng, nhanh miệng nói dùm -Xin đa tạ chủ nhân có lòng thấu dụng.

Rồi dẫn Thái ra ngoài, chờ đợi sai bảo. Riêng lòng Thái cũng cho là mình gặp hạnh vận.

Tối hôm ấy, Thái phụng thị chủ nhân ăn cơm tối xong, đóng cửa phòng, tính lên giường ngủ. Chợt có lệnh chủ nhân đòi lên gặp ở tấm thất. Chỉ thấy trong phòng đèn đóm huy hoàng, màn thêu trướng gấm. Chủ nhân đã bỏ khăn trên đầu xuống. Trên giường chăn gối đã trải sẵn. Chủ nhân cùng chàng đàm đạo chuyện văn một lúc, thỉnh thoảng thấy chủ nhân đứng dậy, mở rương lấy ra một đỉnh bạc thật lớn, đặt lên bàn, nghe kêu keng một tiếng, rồi cầm lấy tay áo chàng ra chiều âu yếm, bảo :

-Thú thực cùng huynh, đệ có máu mê nam sắc, mà cái vị "đào dư", đâu phải không ngọt, còn ca khúc "hậu đình hoa " cũng là du dương say đắm. Nay thấy huynh diện mạo tuấn tú, đệ không cầm

lòng nổi, xin có nén bạc lớn này để đổi lấy một đêm ân ái. Âu cũng là duyên phận trăm năm, mong huynh đừng từ khước!

Thái nghe nói vậy, nín thở, hai má đỏ ửng vì xấu hổ, tâm thần dao động. Nhưng tự nhủ thầm, thân bán hàng rong, chùng nào mới có được số tiền lớn như thế này? Chi bằng tạm thời thất thân một lần để có thể cải thiện cảnh cùng túng cũng là hợp lý thôi. Huống hồ, chủ nhân lại là một mỹ nam tử.

Bèn khẽ mỉm cười.

Tiểu Liên liền dặt tay Thái vào trong màn gấm (Bỏ mười bảy chữ)

Một lát, Thái bỗng thấy chủ nhân phất vào mông chàng cả chục cái đau điếng, chàng vừa ngạc nhiên vừa kêu la, thì chủ nhân nói :

-Hảo nam nhi gì mà dê tiện đến nổi này nhỉ !Ngày trước, em nhờ tì nữ thay hình bồi khách, mà kiếm hàng chục đỉnh bạc lớn. Còn bây giờ, chàng là trai ,vai ba thước rộng thân mười thước cao mà chỉ đáng giá một đỉnh thôi.

Tì nữ A Dung nghe thấy thế phì cười, chạy vào phòng thì Thái đang ôm mông, vội vã can ngăn Tiểu Liên :

-Xin cô bớt giận làm lành, cũng tội nghiệp cho Thái lang !

Bây giờ Thái mới ngồi bật dậy, nhìn kỹ chủ nhân và đưa bịch dịch, buột miệng nói :

-Có lẽ nào ta đang ở trong mộng sao ?

A Dung nói :

-Thực chứ không phải là mộng đâu !

Thái càng lấy làm xấu hổ hơn. Tiểu Liên bèn bảo với chàng :

- Từ nay mình sẽ đứng ra làm chủ nhân, có được không ?

Thái chỉ còn biết gật đầu đồng ý. Tiểu Liên lại nói :

-A Dung đã thay em bồi khách, công ấy cũng không thể phụ được !

Thái bèn nhận A Dung làm thiếp. Sáng hôm sau dậy, Tiểu Liên cải lại nữ phục như cũ. Đầu dặt đầy ngọc thoa châu thụy, áo gấm quần là, hài son nho nhỏ. Còn A Dung cũng ăn bận hoa lệ, rồi cho gọi tất cả bọn bịch dịch làm công trong nhà đến gặp.

Tiểu Liên ngồi ở sau rèm bảo với mọi người rằng :

-Ta đây thực là nữ tử. Chồng ta đã trở về, từ nay tiệm có chủ nhân đích thực trông coi, xin các người cứ ai giữ việc nấy, lo cho tròn bổn phận. Mọi việc trong tiệm có điều gì cần hỏi, thì hỏi thẳng với chồng ta, còn ta đàn bà không dám dự bàn vào nữa.

Bọn bộc dịch đều lấy làm ngạc nhiên, sau mấy năm làm cho chủ, nay mới biết nàng là nữ giới. Rồi kéo nhau ra chào Thái, trình bày sổ sách. Lúc đó, vốn liếng của tiệm đã lên đến gần mười hai vạn lượng.

Một tối, Thái đi uống rượu say trở về, thấy Tiểu Liên đang ngồi thêu thùa, dáng chừng như đang tư lự điều gì. Thái lại gần nựng nịu, chỉ thấy nàng cười tủm tỉm, bèn dắt vào giường ân ái. Chợt từ bên ngoài có người cầm hồng đăng tiến vào. Thái nhìn xem, Té ra là Tiểu Liên, dung mạo so với người nằm trên giường chẳng khác gì nhau. Tiểu Liên đến gần, lấy tay xoa sạch mày ngài của người nằm trên giường. Thái nhìn lại, thì ra là A Dung. Bấy giờ chàng mới hiểu rõ lời giải thích của Tiểu Liên về việc xử dụng A Dung thay thế nàng không phải là ngoa vậy.

Sau, lại có người cho biết là lúc còn sinh tiền, Chung nho sĩ từng ăn nằm với một người con gái là chồn tinh hóa ra, và Tiểu Liên chính là con của chồn sinh ra.

Do đó, Tiểu Liên mới có pháp thuật thần thông đến thế.

Vài hàng chú thích:

Vương Nhung

王戎

Sinh năm 234 CN mất năm 305 CN.

Vương Nhung là người thời Tây Tấn, quê ở Lang Nha huyện Lâm Nghi (nay thuộc thành phố Lâm Nghi tỉnh Sơn Đông), tự là Tuấn Xung, một trong Trúc Lâm Thất Hiền(Sơn Đào, Nguyễn Tịch, Kê Khang, Hướng Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm)

Thời Tấn Huệ Đế, Vương Nhung làm đến Thượng Thư Lệnh, Tư Đồ, nhưng tinhhs tình tham lam hà tiện, mua ruộng vườn khắp nơi,

tiền bạc tích lũy đếm không hết, nhưng ngày nào cũng cầm bàn toán mà tinh, đến tận khuya, nên bị người đương thời mỉa mai điệu cợt.

Thái Thú

太守

Tên gọi một chức quan.

-Nhà Tần đặt chức Quận Thú, trông coi mọi việc cai trị.

-Đến đời Cảnh Đế nhà Hán thì đổi Quận Thú là Thái Thú, là vị quan đứng đầu coi việc hành chánh, trật nhị thiên thạch. (Thái Thú đầu tiên của quận Giao Chỉ là Thạch Đới, do Hán Võ Đế phái đến, và Thái Thú nổi tiếng là tàn ác là Tô Định, bị hai Bà Trưng đánh đuổi về Tàu)

-Đời nhà Tùy đổi quận ra là châu, đặt quan Thứ Sử đứng đầu coi một châu.

-Đời Đường lại đổi châu thành quận, thì vị trưởng quan lại gọi là Thái Thú. Sau đó lại đổi là châu, thì lại gọi là Thứ Sử.

-Đời Tống đổi quận làm phủ hoặc là châu, vì thế cũng gọi là tri phủ, hay tri châu, là thái thú.

Thiên nga

天鵝

Là một loại chim, hình trạng giống con ngỗng nhưng thân thể to hơn, toàn thân màu trắng, mỏ chia ra hai phần màu vàng và màu đen. Chân và đuôi ngắn. Chân màu đen, có màng ngón chân, sống ở ven hồ và bờ biển, ăn côn trùng và thực vật, biết bay, cũng còn gọi là chim học. Ta quen gọi là ngỗng trời.

Phạm Lãi

范蠡

Phạm Lãi tự Thiệu Bá là chính trị gia cuối đời Xuân Thu, người đất Uyển nước Sở, là Đại Phu nước Việt. khi nước Việt bị Ngô đánh bại, ông từng làm con tin ở Ngô hai năm. Khi trở về nước Việt, ông từng giúp Việt Vương Câu Tiễn khắc khổ để lo báo phục, diệt được nước Ngô.

Sau đó ông từ biệt Câu Tiên chu du Ngũ Hồ. Đến nước Tề xưng là Si Di Tử Bì, đến đất Đào cải danh là Đào Chu Công, đến đâu cũng chỉ lo buôn bán làm giàu. Ông cho rằng thiên thời, khí tiết thay đổi biến hóa tùy vào sự mâu thuẫn của âm dương. Và việc nước thịnh suy cũng không ngừng thay đổi.

Theo truyền thuyết thì người đời sau cho rằng Phạm Lãi mang theo Tây Thi cùng đi chu du Ngũ Hồ. Trong Sử Ký - Hóa Thực Liệt Truyện có truyện của ông. .

Cũng theo sách « Trung Quốc Hành Nghiệp Thần Sùng Bái » thì Phạm Lãi được người làm nghề đồ gốm tôn làm tổ sư.

Vương Khải

王愷

Vương Khải sinh năm 234 CN mất năm 305 CN.

Vương Khải tự là Quân Phu, người Đông Hải Đàm Quận, con của Lan Lăng Hầu Vương Túc thời Tào Ngụy, và là cậu của Tấn Võ Đế Tư Mã Viêm, từng được phong là Huyện Công, từng đảm nhiệm Long Tướng Tướng Quân, Hậu Quân Tướng Quân, nổi tiếng là thế gia hào phú, coi châu bảo như đất bùn, tính tình rất xa xỉ tàn bạo, từng tranh đua giàu có với Thạch Sùng, lấy mật ra rửa sông chảo, và lấy lụa ra trải lối đi, dài hơn bốn chục dặm.

Một lần, Khải bày tiệc đãi khách, sai thị tỳ rót rượu mời khách, nhưng khách không chịu uống hết, thế là Khải lôi người thị tỳ ấy ra đánh chết. Trong một lần tiệc khác, Khải sai một kỹ nữ ra thổi tiêu để trợ hứng rượu, nhưng người kỹ nữ này thổi sai vận, bèn bị Khải lôi ra giết để mua vui.

Sau Vương Khải bị bệnh mất, bị người đời chê là kẻ tàn ác, xấu xa.

Thạch Sùng

石崇

Sinh năm 429 CN mất năm 308CN.

Thạch Sùng tự là Quý Luân, sinh quán Thanh Châu huyện Nam Bì (nay là tỉnh Hà Bắc, Bì Huyện), người cùng thời với Vương Khải, làm thứ sử Kinh Châu, rồi thăng Vệ Uý, giàu sang xa xỉ, xây cất một

ngôi biệt dã hết sức là hoa lệ đặt tên là Kim Cốc Viên , để làm nơi uống rượu, hưởng lạc, và làm nơi "đấu phú", đua giàu với Vương Khải. Trong nhà Sùng có người ái cơ là Lục Châu, bị Tôn Tú muốn chiếm đoạt, nhưng Lục Châu không chịu, nhảy xuống lầu tự tận. Tôn Tú tức giận, rèm pha với Triệu Vương Tư Mã Luân, Thạch Sùng bị Tư Mã Luân xử tử hình. Lúc lâm hình, Sùng nói : "Bọn Tôn Tú và Tư Mã Luân muốn cướp đoạt gia sản của ta ". Người chấp pháp mới khôi hài trả lời : "Ông biết giàu có là có hại, sao không sớm đem tài sản mà phân phát cho người ta ".

Thạch Sùng á khẩu không nói gì, chờ đao phủ hành hình.

Tô Châu

蘇州

Tô Châu là một trong 13 thành phố thuộc tỉnh Giang Tô ngày nay.

Vùng đất này về thời Xuân Thu được vua Ngô là Hạp Lư xây thành. Đến thời Chiến Quốc thì thuộc nước Việt, và nước Sở. Sang đến nhà Tần đặt là Ngô huyện, là trị sở của quận Cối Kê. Từ sau thời kỳ Tần Hán, gọi là Ngô Quận, có khi còn gọi là Ngô Châu.

Tên Tô Châu chỉ bắt đầu có từ năm Khai Hoàng đời Tùy Văn Đế Dương Kiên, tức năm 589 CN. Khi quân nhà Tùy xuống phía nam diệt vương triều nhà Trần, bèn phế bỏ Ngô Quận, đổi tên là Tô Châu.

Tô Châu cũng được gọi một cách văn vẻ là Cô Tô 姑蘇, bởi lẽ có núi Cô Tô Sơn. Thi nhân Trương Kế đời Đường có làm một bài thơ nổi tiếng là "Phong Kiều Dạ Bạc ", trong đó có câu :

Cô Tô thành ngoài Hàn Sơn tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

姑蘇城外寒山寺

夜半鐘聲到客船

Và hai câu này đã được cụ Trần Trọng Kim dịch là :

Con thuyền đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.

Tô Châu từ xưa đến nay vốn là thành phố nổi tiếng phồn thịnh về thương mại và thủ công nghiệp, có nhiều phong cảnh đẹp đẽ ưu mỹ, cùng với Hàng Châu mang danh thơm là "Thiên đường hạ giới", nên có câu ngạn ngữ lưu truyền trong dân gian là : "Thiên thượng thiên đường, địa hạ Tô Hàng, bất đáo Tô Hàng, nhất thế oan uổng ". Tô Châu nổi tiếng có nhiều phong cảnh sơn thủy, viên lâm nghệ thuật. Tự cổ đã có câu nói : "Vườn cây ở Giang Nam đẹp vào hàng bậc nhất thiên hạ, nhưng vườn cây ở Tô Châu lại đẹp nhất Giang Nam", như vườn Thương Lăng Đình xây cất thời Bắc Tống, Sư Tử Lâm thời Nguyên, Chuyết Chính Viên và Lưu Viên thời Minh, Vồng Sư Viên, Di Viên, Ngẫu Viên đời Thanh. .

Tô Châu còn là nơi có nhiều di tích văn hóa, lịch sử như Huyền Diệu Quán, Tam Thanh Điện, Trung Vương Phủ của Thái Bình Thiên Quốc. Nơi đây, cũng là nơi lưu lại dấu chân của biết bao nhiêu thi nhân nổi tiếng với những bài thơ mô tả những thắng cảnh ở đây.

Lý Thương Ẩn

李商隱

Sinh năm 812 mất năm 858.

Lý Thương Ẩn là thi nhân đời Đường, tự là Nghĩa Sơn, hiệu là Ngọc Khê Sinh, người Hoài Châu Hà Nội, (nay thuộc tỉnh Hà Nam), đậu tiến sĩ năm Khai Thành nă (836-840) đời vua Văn Tông, từng làm huyện úy, rồi Bí Thư Lang, Đông Xuyên

Tiết Độ Sứ Phán Quan. Nhân vì bị ảnh hưởng của sự tranh giành quyền lực của hai họ Lý và Ngưu, Lý Thương Ẩn bị lấn áp chèn ép, cả đời lận đận lao đao. Thơ của ông thường phơi bày cùng phê phán tình trạng phiến trấn cát cứ, và sự thối nát hủ bại của tập đoàn thống trị thượng tầng, cùng bộ hoạn quan chuyên quyền. Thơ ông có phong cách độc đặc, cấu tứ tinh vi, nhưng dùng nhiều điển tích, khiến cho ý tứ trở nên mập mờ không rõ rệt.

Trên thi đàn thời vãn Đường, thơ của Lý Thương Ẩn chiếm một địa vị quan trọng, ông còn để lại tập thơ "Lý Nghĩa Sơn Thi Tập".

BÌNH ẨN TỬ

瓶隱子


Tác giả: **Tuyên Đình**

Bản dịch của : **Phạm xuân Hy**

Sân nhà vắng lạnh như buồng sứt

Bút mực kiếm ăn như cái bát

Liễu Tuyên Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

Hiếu liêm họ Hàng, người Nam Dương, tính tình khảng khái, gia đình giàu có, nên trong nhà rất đông thực khách, nổi danh là Khổng Bắc Hải, thích hợp với câu thơ :

Tọa thượng khách thường mãn,

坐上客常滿

Tôn trung tửu bất không.

樽中酒不空

Vào những lúc rảnh rảnh nhàn hạ, Hàng thường dắt ngựa, cùng với tên hề đồng, rong chơi những nơi quán rượu ngoài thôn dã.

Một hôm, Hàng vô tình gặp một lão ngư ông, mày râu xồm xoàm, cổ quái, áo quần rách rưới tiêu sơ, đậu thuyền ở bên bờ sông, đang bị một chủ quán rượu đánh đập hành hung, một cách tàn nhẫn.

Hàng thấy thế, hỏi han duyên cớ. Mới hay, lão ngư ông tính rất ham rượu, mà lại chẳng có tiền để trả. Lão ta thường vào quán rượu đó uống chực. Lúc chủ quán đòi tiền, không trả nổi, đành phải chịu ăn đòn trừ nợ.

Hàng bèn khảng khái lấy tiền ra trả thay cho lão. Vậy mà lão chẳng hề một lời cảm ơn, cứ dựa vào gốc cây, lớn tiếng ca hát :

Liên nhật vô ngư khiếm tửu tiền

連日無魚欠酒錢

Từ gia trao chú diều ngư thuyền

酒家抓住釣魚船

Kỷ phiên dục thoát thoa y đáng

幾番欲脫蓑衣當

Hựu khùng minh triều thị vũ thiên

又恐明朝是雨天

Chàng cho là bậc dị nhân. Chừng hỏi tên tuổi, thì chỉ cười, không đáp. Cố gắng lắm, lão mới nói:

-Lão làm gì có họ tên, túc hạ cứ gọi là « lão câu nát rượu » cũng được rồi !

Hàng mời lão đến uống ở một tửu điếm ở ngoài ngoài thành. Thấy lão tửu lượng rất cao, nói năng lại hào sảng, chàng mới dặn dò bảo với chủ quán rằng:

-Chủ quán, cứ bán chịu rượu cho ông ấy, bao nhiêu ta cũng trả, không thiếu đâu mà sợ !

Lão câu cũng chẳng hề cảm ơn một lời.

Rồi men say chuểnh choáng, sách cành câu đi thẳng.

Hơn một tháng sau, Hàng vô tình trở lại quán ấy. Hỏi đến lão câu say rượu thì tiền rượu đã nợ lên đến bạc ngàn.

Chàng móc tiền ra trả ngay. Lại dặn cứ bán chịu cho lão. Mấy tháng trời liền như vậy, không hề gián đoạn.

Một hôm lão câu sách một con cá và vác một bầu rượu, đến cửa nhà Hàng, xin được vào yết kiến. Chàng mời vào.

Lão lập tức chễm chệ ngồi trên ghế.

Nói :

-Lão có máu tham ăn uống, may được túc hạ thương tình chiếu cố, lòng vẫn lấy làm áy náy chưa báo đền mảy may, nay lại sắp phải từ biệt túc hạ rồi, xin có con cá và chén rượu đậm bạc bày tỏ lòng thành.

Hàng bảo nhà bếp làm cá, hâm rượu để cùng lão đối ẩm, truyện trò rất là tương đắc, sảng khoái

Hàng hỏi lão câu :

-Thế cụ tính đi đâu ?

Đáp :

-Lão như bèo nước bình bông, góc biển chân mây, nay đây mai đó. Mấy lần, lão quan sát túc hạ, thấy khí tượng bất phàm, nhưng chỗ hai chân mày hơi bị phong bế, chẳng hay túc hạ có ẩn khúc gì, có thể cho lão biết được chẳng,Lão tuy quê mùa dốt nát, nhưng biết đâu chẳng giúp được túc hạ đôi lời.

Hàng nói :

-Cụ thật đã thấu rõ những ẩn khúc của tiểu sinh. Suốt cuộc đời, tiểu sinh chẳng có điều gì là không đặc ý cả. Duy có ba điều ân hận, nên cứ âm ức mãi trong lòng.

-Túc hạ có thể cho lão nghe được chẳng ?

Hàng đáp :

-Tiên phụ tiểu sinh, lúc sinh thời, có mua và cất giữ được một cây đàn cổ, toàn thân trạm khắc hoa mai rất đẹp.Mỗi khi đàn, thì âm thanh lay động ngũ nhạc, quỷ thần rơi lệ, sét giạt sấm ran, vàng đá tả tơi. Một lần tiên phụ tiểu sinh, ngẫu nhiên mang đàn đi qua sông Dương Tử Giang, bị thủy thần sai hai con giao long kẹp sát hai bên thành thuyền, đòi lấy cho kỳ được chiếc đàn ấy. Tiên phụ không cho, tức thì nó cho sóng nổi lên như núi, làm cho thuyền cơ hồ bị lật, tiên phụ đành phải mở túi, lấy đàn thả xuống sông, sóng gió mới êm lại. Đó là mối hận thứ nhất. Hồi thanh niên, tiểu sinh có đem lòng yêu một nàng kỹ nữ, tên là Ngọc Trâm, cực kỳ thông minh mỹ lệ, dự định hôn nhân, hẹn ngày thoát khỏi nơi kỹ viện. Chẳng ngờ, thành linh nàng bị tên biên tướng là Sa Sa Đảo cướp mang đi. Đối với tiểu sinh, nàng có khác nào như danh kỹ đời Đường rơi vào tay Sa Tra Lợi, mà đời nay tìm đâu ra người hiệp sĩ Cổ Áp Nha để cứu nàng về được nữa. Từ đấy, tiểu sinh đối với Ngọc Trâm trở thành khách qua đường. Đây là mối hận thứ hai của tiểu sinh. Bình sinh, tiểu sinh vốn là kẻ yêu thích cảnh trí Hồ Tây ở Hàng Châu, mà nơi cư trú lại quá xa xăm cách trở, lòng muốn dời cư đến đó, lại ngại vì mấy chục gian phòng ốc ở nơi đây, là của tổ tiên xây dựng, không thể bỏ được. Giang Nam là đất trần tục khó kham, những muốn học phép Cát Hồng dời cư, mà rồi không được. Đó là mối hận thứ ba.

Sau khi nghe Hàng tâm sự, lão câu vỗ hai tay lên trán, nói :

-Việc này thật là khó !

Rồi ngẫm nghĩ hồi lâu, hốt nhiên cười ha hả :

-Không khó !Không khó !Pháp lực của lão tuy không thể làm được việc này, nhưng có thể mượn tay một bậc dị nhân làm thì xong. Ở phía nam ngoại thành, có cây thông già, hình dáng như rồng nằm uốn khúc, cành xoè như bay lượn. Túc hạ đi đến cách cây thông đó khoảng một thước bốn tấc về hướng đông, thì đào đất lên, sâu hơn một tấc, sẽ được một chiếc bình cổ, trên nắp gắn một lá bùa, viết lối chữ triện. Túc hạ nhớ đừng làm sứt mẻ chiếc bình ấy nhé. Khi đào lên đem về nhà, túc hạ giữ lòng cho an tĩnh, rồi niệm một ngàn lần kinh Lăng Nghiêm, lá bùa sẽ tự biến mất, nắp bình được mở cho một dị nhân đi ra. Chớ nói là do lão tiết lộ, việc sẽ không thành, lại còn có hại cho lão nữa đấy.

Nói xong thì từ biệt mà đi.

Ngày hôm sau, Hàng ra ngoại thành tìm lão, nhưng không còn thấy tông tích gì nữa.

Chàng sai đầy tớ vác thuổng, cuốc cùng chàng đến chỗ lão câu đã chỉ. Thì quả nhiên, đào được một chiếc bình cổ. Chàng đem về nhà, đặt lên án thờ, ngày ngày khấn vái tụng niệm.

Chiếc bình có nắp kiên cố chắc chắn như trường thành. Bên trên lại khắc bùa chữ triện màu đỏ, thật sâu. Sau khi Hàng đọc đủ số kinh như đã dặn, nắp bình thành linh bật tung, bay lên cao, rồi rơi xuống đất. Chàng thấy một vị thần Kim giáp tay vác một món binh khí đầu bằng, vội vã chạy ra giữa trung đường, bắt chợt hét lên một tiếng như sét, rồi vọt lên không trung, khiến chàng giật mình kinh sợ.

Hàng tính nhòm vào bên trong xem cho rõ nguyên nhân, thì bắt chợt đằng sau nghe có tiếng ngọc bội leng keng. Chàng chú mắt nhìn. Té ra là một nữ lang, tuổi khoảng đôi tám, diện mạo rạng rỡ, điểm lệ như tiên nữ trên cung đình.

Nữ lang chấp tay vái chào thi lễ. Hàng mời nàng vào ghé ngồi, chuyện trò hỏi han.

Nàng tự giới thiệu là chôn tiên, và nói :

-Thiếp đắc đạo từ thời nhà Đường, tính ham rong chơi trần thế. Khi nhà Tống thua chạy xuống phương Nam, chính mắt thiếp đã thấy bà vợ Kỳ Vương Hàn Thế Trung ở đất Yên, vì bản cùng nghèo khổ phải dệt chiếu mưu sinh. Bà ấy sống mũi cao, mặt bầu bĩnh, hơi lấm chấm rỗ hoa. Còn Kỳ Vương là người đẹp trai. Dích thân ông bắt được bọn giặc Phương Liệt, khi ấy mới có hai mươi bốn tuổi.

Sau này, thiếp vì rượu say mà giết lầm người, nên bị Doãn Chân Quân thâm nhốt vào trong bình, đem chôn dưới gốc tùng. Vị thần Kim Giáp mà chàng vừa thấy, chính là sứ giả trông coi buà gấn trên nắp bình đấy. Thân thiếp bị giam trong đó, trầm muộn chẳng khác gì dưới địa ngục. Nếu chẳng nhờ tài sức của công tử thì chẳng biết đời kiếp nào mới ra khỏi. Nhưng không biết công tử nghe ai chỉ bảo, xin chàng làm ơn nói cho thiếp, để thiếp có thể báo đáp luôn thể.

Hàng đáp :

-Tiểu sinh nhân di đào vị thuốc phục linh mà được thôi.

Nàng nói :

-Bùa ấy, nếu không biết niệm kinh chú, thì không mở ra được. Còn như nếu đập vỡ bình, ắt thân thiếp cũng sẽ thương tích, đau đớn không chịu nổi. Việc làm ấy, nếu chẳng phải bậc thần tiên thì không thể hiểu được nổi bí quyết.

Nhưng Hàng nhất định cố dẫu, không nói.

Lại hỏi danh tính của nàng, thì nàng trả lời :

-Thiếp chẳng có tên, cũng không có tự. Xin cứ gọi thiếp là Bình Ân Tử cũng được.

Từ đấy, nữ lang ở luôn tại thư trai của Hàng. Đêm đêm vào ngủ trong bình. Ngày ngày cùng chàng rượu trà, thơ văn, ngâm vịnh, rất vui vẻ tương đắc, chẳng hề thân cận ý ôi, làm loạn lẽ nghĩa.

Ít lâu sau, Hàng mới đem những uẩn khúc ở trong lòng ra bày tỏ với Bình Ân Tử.

Nàng nói :

-Việc cũng dễ thôi. Nhưng thiếp sẽ bị giảm thiểu mất một ngàn năm tu luyện. Mà thôi, cũng là số cả, thiếp đành vì công tử đi một chuyến vậy.

Ngày hôm sau, nữ lang vác bình ra bờ sông, rồi niệm chú, một lúc thì thấy một con tiểu long nữ, nhỏ như con sứa nổi trên mặt nước, dạt vào bờ. Nàng vội nhón lấy, bỏ vào trong bình, vác lên vai, hộc tốc chạy về nhà. Thành linh sấm vang sét giạt, gió bão nổi lên ùng ùng. Lão Long Vương dẫn giáp binh đuổi theo truy cản. Nữ lang rút kiếm nghênh chiến. Lão Long Vương địch không nổi, khẩn khoản nói với nàng :

-Lão với nương tử, từ trước giờ chưa có hiềm oán chi nhau, sao lại cướp con gái yêu của lão mang đi vậy.

Nàng đáp :

-Thì ra, ông cũng biết vô duyên vô cớ lấy của người ta là điều không hợp tình lý à? Thế chiếc cổ cầm, báu vật mấy đời của Hàng hiếu liêm, tại sao ông lại dùng oai lực mà cướp đi. Ông muốn được trả con gái yêu, thì nên hoàn trả đàn cho người ta trước đã.

Lão Long Vương đồng ý nhận lời, đem đàn ra trao cho nữ lang. Còn nàng thì thả tiểu long nữ ra giữa sông, rồi mang đàn về đưa cho Hàng, bảo với chàng:

-Mối hận thứ nhất của công tử, như thế là giải quyết xong.

Hàng cẩn thận xem xét kỹ lại đàn một lúc lâu, rồi nói :

-Đàn này không phải !Chiếc đàn của gia đình tiểu sinh có khắc mười sáu chữ "Sơn thâm khí thanh, vạn lại tiêu tiêu, cổ vô nhân tông, duy thạch tiêu nghiêu " để ghi nhớ.

Nữ lang nghe Hàng nói thế, nổi giận ùng ùng, biến ngay đi như một cơn gió. Nàng đến bờ sông liên tục vừa niệm chú, vừa lấy bình múc nước, khiến cho nước dưới sông cứ cuộn cuộn bị hút vào trong bình. Một thoáng sau, thì sông cạn, trông suốt đến tận đáy.

Lão Long Vương sợ quá, sai thế tử đến điều đình. Nhưng nữ lang chẳng những không chịu, lại thâu ngay thế tử vào trong bình. Tính mang đi, thì Lão Long chạy vội đến, nói :

-Nương tử tính đem con lão đi đâu ?

Đáp :

-Trả ngay đàn cho ta ! Đầu bếp sắp đổi món ăn bằng thịt con của lão đây.

Lão Long Vương nói :

-Lão chỉ muốn đùa với nương tử một chút thôi .

Rồi bùng đàn thật ra. Nữ lang kiểm nghiệm những chữ khắc ở đằng sau lưng đàn cho rõ, mới chịu thả thể tử xuống sông. Sau đó, đem đàn trao lại cho Hàng. Quả nhiên đó là đàn thật.

Mấy ngày sau, nữ lang đột nhập vào doanh trại của viên biên tướng Sa Sa Đảo, quả thấy có một thiếu nữ ở trướng sau đi ra, tuổi khoảng mười bảy mười tám, cài chiếc trâm trắng, trông thật cực kỳ phong chí mỹ lệ. Nàng ngỡ là Ngọc Trâm, bèn niệm chú cho hôn mê, rồi thu vào trong bình, vội vã quay trở về nhà, đặt lên giường, bảo Hàng kiểm nghiệm lại.

Hàng nói :

-Người này đẹp thì đẹp thật, nhưng không phải Ngọc Trâm.

Bình Ân Tử nói :

-Nếu chẳng phải Ngọc Trâm thì để thiếp đem trả lại.

Rồi vội vã thu thiếu nữ vào trong bình, vác lên vai, dằng vân đem đi trả. Chừng đến nơi, nghe tiếng người hô hoán, ồn ào sôi nổi, tranh nhau đi tìm thiếu nữ.

Bình Ân Tử từ trên mây nói vọng xuống :

-Hỡi người hạ giới, đừng sợ hãi gì nữa, ta là thị nữ hầu sách trên Nguyệt Phủ. Nữ công tử cũng là thị nữ quét hoa ở trên nguyệt phủ với ta. Vừa rồi, ta vâng chỉ dụ của Cát Lân Phi Tử, tạm đưa nàng đi một lúc. Nay xin hoàn lại.

Nói xong, nhảy xuống đất. Cũng vừa lúc thiếu nữ tỉnh lại.

Viên biên tướng Sa Sa Đảo gặp lại được con, tiến đến tạ ơn Bình Ân Tử. Quân sĩ lại được dịp reo hò mừng rỡ, âm âm như sấm đng. Sau đó, viên tướng Sa Sa Đảo ân cần mời Bình Ân Tử vào nhà Đại trướng, hỏi han chuyện trên nguyệt phủ.

Rồi hô gọi :

-Mau mời Ngọc Trâm Nương Tử ra nghe kể chuyện cũ trên nguyệt phủ.

Lát sau, một thiếu nữ khoảng mười tám mười chín, dung mạo đẹp như tiên nữ, từ trong đi ra, hỏi :

-Chiếc bình trên vai của cô nương dùng làm gì ?

Bình Ân Tử đáp :

-Đây là chiếc bình tiên, dùng hứng ngọc lộ, nhưng ai vào được đây, ắt trường sinh bất tử .

Sa Sa Đảo hỏi :

-Bình nhỏ như vậy, làm sao có thể chứa được người ta ?

Lại đáp :

-Tất phải có thuật. Ngay to lớn khôi ngô như tướng quân, vào trong bình này, cũng sẽ nhỏ như con kiến!

-Vậy xin cho và thử xem nhá ?

Nói xong, liền nhảy vào trong bình. Lát sau đi ra. Quân sĩ thấy thế, đều tranh nhau chui vào. Nhìn vào trong, chỉ thấy nhỏ như những hạt gạo. Nhưng lúc ra ngoài, thì lại khôi phục như cũ.

Sa Sa Đảo lại hỏi :

-Nữ nhân con gái có vào được không ?

Ân Bình Tử đáp :

-Thân thể đàn bà thuộc ngũ ác, ô trọc, e sẽ làm cho bình không được thanh khiết nữa.

Sa Sa Đảo cố nài nỉ.

Bình Ân Tử nói

-Như vậy, thì khi đã vào rồi, phải để tôi đem bình đến bờ Thiên Hà rửa cho hết ô uế. Tạm thời cho nữ công tử và Ngọc Trâm vào thử trước đã .

Ngọc Trâm nghe nói thế, thì mừng rỡ như mở cờ trong bụng, bèn nắm tay nữ công tử tiến vào trong bình. Lập tức, bình biến mất, không thấy đâu nữa. Cả doanh trại Sa Sa Đảo trở nên huyền ảo âm ỉ, đều cho là Ngọc Trâm và nữ công tử đã bay lên trời, lát sau sẽ trở lại. Nhưng chờ đợi mãi, vẫn âm hao bản bật, không thấy tăm hơi gì.

Bình Ân Tử đem bình về nhà, bảo với Hàng rằng :

-Nay thì điều thứ hai của chàng đã hoàn tất.

Rồi đặt Ngọc Trâm và nữ công tử xuống . Lát sau cả hai đều tỉnh lại. Còn Hàng, một lúc vừa được trùng phùng với người tình cũ, lại vừa có giai nhân mới, lòng mừng vô hạn. Nhưng vẫn nơm nớp lo

ngại viên biên tướng cho người đi tìm, nên càng có ý muốn rời chỗ ở đến Hàng Châu gấp, bèn bàn với Bình Ân Tử. Nhưng nàng tỏ ý e ngại.

Hàng nói :

-Nàng đã vì ta mà lao lực vất vả. Ba việc nay thiếu một, e ngọc bích không hoàn chỉnh ?

Nàng đáp :

-Ba niềm u khuất của chàng đều rất khó khăn, nay còn thiếu một, xin chàng giữ lại, coi như khiếm khuyết chung của thiên hạ.

Hàng cố nài nỉ, nhưng nàng quyết không thuận.

Đêm ấy, Hàng ngủ cùng hai mỹ nữ. Bất chợt nghe nhà cửa chấn động, âm âm như sóng gió ba đào ngoài biển cả. Rồi nghe tiếng binh khí giao phong, tiếng ngựa hí, tiếng người hò hét đâm chém nhau. Hàng kinh hãi. Lén nhìn qua khe cửa, chỉ thấy bên ngoài tối đen như hắc yểm. Lát sau, nghe xa xa có tiếng chuông chùa vọng lại, cùng với tiếng gà gáy sáng te te. Sau đó, âm thanh tắt ngấm. Tịch tịch. Im vắng. Không nghe động tĩnh thấy gì nữa.

Sáng hôm sau, Hàng thức dậy, ra ngoài cửa nhìn. Thấy tứ phía là những thắng cảnh đẹp của Hàng Châu, nào là Linh Ân Tự, Thao Quang Tự, Phi Lai Phong, Suối Lãnh Tuyền hiện ra trước mắt chàng. Té ra Hàng đã được dời cư đến đây.

Riêng Ân Bình Tử với chiếc bình tiên biến mất, không thấy đâu.

Năm sau, Hàng vác chiếc cổ cầm cùng hai mỹ nhân đến du ngoạn vùng núi Thiên Thai và Nhạn Đãng Sơn, chợt thấy một đóa mây từ trên đỉnh núi bay gần lại. Trên mây có tiếng nói vọng xuống :

-Hàng công tử, lâu nay vẫn được an khang vui vẻ chứ ?

Hàng nhận ra là Bình Ân Tử, cố gạn hỏi chuyện cũ, thì Bình Ân Tử nói :

-Vì muốn giúp chàng toại nguyện điều mong ước thứ ba, mà thiếp suýt nguy đến tính mạng. Cái hôm thiếp dời nhà của công tử, lúc ngang qua Dương Tử Giang, gã Long Vương ngu dần ấy, vẫn còn mang hận cũ, đem binh ra đánh cướp, bị thiếp chém cụt một tai. Sau khi an bài cho công tử xong, thiếp tính trở về Nam Hải thì bị Bồ

Tát biết được, phạt tám trăm trượng, đến nay vết thương vẫn còn chưa khỏi. Công tử là người nhân nghĩa, xin tụng cho thiếp vạn quyển "Lãng Nghiêm Kinh", thì thật mang ơn lắm. Cũng xin có hai chữ khuyên công tử : "Du hí" là điều đáng sợ .

Nói xong thì bay đi.

Khi trở về nhà, Hàng tụng cho đủ số kinh Ấn Bình Tử căn dặn. Sau đó, học được tiên thuật, cùng hai mỹ nhân đi dâu.

Không ai biết cả.

Vài hàng chú thích:

Khổng Bắc Hải

孔北海

Tức Khổng Dung (153-208), người thời Đông Hán nước Lỗ, tự là Văn Cử, hậu duệ của Khổng Tử, nổi tiếng là bậc tài tuấn, nhân vì nhậm chức Bắc Hải Tướng thời Hán Hiến Đế, nên người đời gọi là Khổng Bắc Hải. Danh vọng rất lớn.

Có lần vì gây sự tức giận cho Tào Tháo, nên bị Tháo cải nhậm làm Thái Trung Đại Phu, một chức nhàn quan.

Khổng Dung tính tình khoan dung, độ lượng, hiếu khách và yêu chuộng bậc hiền tài, trọng nho sĩ. Đặc biệt thích tán thưởng những người trẻ tuổi. Năm 40 tuổi ông từng làm quen và tiến cử Nễ Hành lúc đó mới hơn hai mươi tuổi.

Tuy bị thất thế, sống tại gia, nhưng ngày nào trong nhà cũng đầy tân khách. Ông thường nói :

"Tọa thượng khách thường mãn, tôn trung tửu bất không, ngô vô ưu hĩ 坐上客常滿, 樽中酒不空, 吾無憂矣 Chỗ ngồi khách luôn đầy, trong chén không thiếu rượu, thế là ta không còn phải lo phiền nữa. "

Sau Khổng Dung bị Tháo giết vì nghi kỵ. Trong văn thơ, người ta thường dẫn dụng câu nói này của Khổng Dung để chỉ sự ân cần hiếu khách.

Cát Hồng

葛洪

Sinh năm 283 mất năm 363

Người thời Đông Tấn, nổi tiếng là Đạo Giáo học giả, Luyện đan gia, tự là Trĩ Xuyên, hiệu là Bảo Phác Tử, người Đan Dương Câu Dung (nay thuộc Giang Tô), đời gọi là Tiểu Tiên Ông, xuất thân trong một thế gia đại tộc, quảng lãm chư tử bách gi, ham thích phép thần tiên đạo dưỡng. Tư Mã Duệ dùng làm duýện thuộc, tham quân, sau nhờ có công trấn áp cuộc nổi dậy của Thạc Bãng thắng làm Phục Ba Tướng Quân, tước Quan Nội Hầu.

Đầu năm Hàm Hòa đời Tấn Thành Đế, nghe đất Giao Chỉ có nhiều đan sa, ông xin được làm Câu Lậu lệnh (nay ở phía nam tỉnh Quảng Tây.), rồi đem con cháu đến Quảng Tây, lên núi La Phù Sơn hái thuốc luyện đan tu hành ở đấy.

Ông chủ trương rằng muốn sống lâu người theo đạo học phải đa văn quảng kiến, biết khí pháp, đạo dẫn, luyện kim đan, phòng trung thuật. . . mới có thể trường thọ thành tiên được. Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh phải lấy trung hiếu, thuận hòa, nhân tín làm căn bản, còn không tu trì đạo đức, mà chỉ chuyên vào phương thuật không thôi, không thể đạt đến chỗ trường sinh được.

Trứ tác của ông để lại hiện nay còn có : « Bảo Phác Tử nội biên », « Bảo Phác Tử ngoại biên », « Đạo Tạng », «Thần Tiên Truyện ».

An Nam Chí Lược của Lê Tắc chỉ viết rất sơ sài về ông.

Hàn Thế Trung

韓世忠

Sinh năm 1089 mất năm 1151.

Hàn Thế Trung là danh tướng thời Nam Tống, người Diên An (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, thành phố Diên An), tự là Lương Thần, kiêu dũng thiện chiến.

Năm 18 tuổi, Hàn Thế Trung nhập ngũ tòng chinh, đánh bại quân Tây Hạ, sau tham gia trấn áp cuộc khởi nghĩa của Phương Liệp, lập nhiều chiến công, nhậm chức Gia Châu Phòng Ngự Sứ.

Khi Tống Cao Tông Triệu Cấu chạy xuống miền nam, bị Miêu Truyền và Lưu Chính Ngạn làm chính biến, ép nhường ngôi cho con là Triệu Phu, Hàn Thế Trung bèn cùng với Trương Tuấn, Lã Di Hạo

tấn công Hàng Châu, bắt được Miêu và Lưu ở Ngự Lương rồi đem giết.

Mùa đông năm 1129 CN, Kim Ngột Truật thống lĩnh mười vạn quân vượt Trường Giang xuống miền nam đánh Tống, Hàn Thế Trung dẫn tám ngàn quân sĩ đi thuyền vượt biển đến Trấn Giang, chặn đường về của Kim Ngột Truật, dằng co nhau mười bốn ngày, rồi đánh bại Kim Ngột Truật ở núi Hoàng Thiên Đãng.

Về sau khi Tần Cối được Tống Cao Tông Triệu Cấu đưa lên nắm chính quyền chủ chương hòa nghị với quân Kim, Hàn Thế Trung nhiều lần thượng sớ phản đối, lại vì cái chết oan uổng của Nhạc Phi mà cật vấn tội trạng của Cối, nên bị Cối thù hờ binh quyền, bèn tự xin bãi chức, về nhà đóng cửa tạ khách, ẩn cư ở Tây Hồ.

Sau khi Hàn Thế Trung mất được phong là Kỳ Vương.

Túc hạ

足下

MÃN DỰ

閱預

Tác giả : Hòa Bang Ngạch

Bản dịch : Phạm xuân Hy

Đêm vắng canh khuya, đèn tàn vạc bắc

Buồng vãn giá lọt, án lạnh ngò băng.

Liểu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH



Mãn Sinh tên là Dự, con một gia đình thế gia đại tộc ở miền tây Chiết Giang, diện mạo tuấn tú, phong độ tốt tươi, lại giỏi phần son trang điểm, tuổi vừa hai mốt, đi theo người chú tên là Thanh lên kinh dự thí. Sau khi người chú vào trường thi, còn lại mình, Sinh không chịu nổi cảnh tịch mịch nơi quán lữ. Trước đó, chàng từng nghe tiếng đồn về cái ao Kim Ngư Trì ở ngoài cửa Sùng Văn Môn, bụng cho là một nơi thắng cảnh u nhã, bèn nảy ý tìm đến đó du ngoạn.

Khi chàng đến nơi, chỉ thấy nước trong hồ đục ngầu, cá vàng trốn sâu dưới đáy. Trên bờ, chỗ bãi đất hoang, cỏ thu khô héo, nửa vàng nửa xanh. Tuy nhiên, chỗ này chỗ kia, lác đác dăm căn gác cỏ, có rèm xanh che cửa. Bên trong người tới kẻ lui, khá là nhộn nhịp. Nhưng đa số là bọn tửu đồ đến mua rượu trắng, bè nhè phiến nhiều, không đáng lưu luyến. Chàng bỗng nhiên cụt hứng, bồi hồi muốn quay về.

Thình lình, có người đi tới. Mặt mũi tuy khó coi, không đẹp, nhưng quần áo, mũ mấn bảnh bao tề chỉnh. Người ấy trịnh trọng chấp tay vái chào Sinh, nói :

-Hôm nay ông anh dạo chơi có vui không ?

Lúc Sinh còn ở nhà, một bước cũng không ra khỏi thư phòng, bây giờ đất khách xa lạ, nên thấy ai cũng e thẹn, thêm không giỏi ăn nói, hễ gặp người lạ không quen, thì càng lắp bắp lúng búng, khiêm tốn ngại ngẩn.

Người ấy lại hỏi :

-Nghe khẩu âm của huynh, hình như người Chiết Giang phải không ?

Sinh gật đầu đáp :

-Vâng, đúng thế !

Người ấy lập tức nói bằng giọng Chiết Giang :

-Như vậy, thân hay không thân, thì cũng là chỗ đồng hương cả. Giải cầu tương phùng nơi đây, có thể đàm đạo tình quê một chút. Kiếm quán nào ngồi nhé.

Nói xong, cứ khoác vai Sinh kéo đi, chàng không sao từ chối được, đành đi theo người ấy vào một quán rượu chỗ thị tứ náo nhiệt, trông rất là tinh nhã sạch sẽ.

Người ấy gọi rượu, hết lòng rót mời Sinh. Chàng vốn tửu lượng thấp, bất đắc dĩ phải cạn liền mấy chén thì hai mắt đã hoa lên, lờ mờ không thấy rõ.

Người ấy chọc ghẹo, nói :

-Huynh thật không phải dân nhậu rồi ! Đệ có thuốc giải rượu đây. Uống vào, lát sau có thể uống tiếp nữa.

Rồi cho tay lần vào trong đẫy, lấy ra một viên thuốc màu đỏ, tẩm vào rượu, đưa cho Sinh uống. Sinh uống xong thì hôn mê bất tỉnh, không biết sự gì nữa.

Chừng đến khi tỉnh lại, thấy đèn đuốc sáng trưng, dọi vào bốn vách nhà, trông như phấn trắng. Riêng chàng nằm trong màn the, tô hô trên giường, không một tác vải che thân, mà nệm hồng, gối phượng, mềm mại như mỡ, ấm áp hương thơm, giống như trong khuê phòng của một quý gia đại tộc.

Sinh kinh hãi, ngồi dậy, lần tìm giày dớ quần áo khắp nơi, nhưng chẳng thấy đâu cả. Chàng bàng hoàng, lên giường ngồi đực người ra như thảng ngốc. Rồi trầm tư suy nghĩ những việc xảy ra trong ngày. Hầu như quên mất quá nửa. Chỉ nhớ rằng, đã vào trong quán ngồi uống rượu với một người, không biết vì sao lại ở nơi đây. Đây là đâu. Tại sao lại ở trường nằm trên giường. Y phục, hài vớ của chàng không thấy đâu cả. Càng nghĩ càng nghi ngờ. Nỗi sợ hãi càng ghê gớm. Chàng nghiêng tai lắng nghe tứ phía. Không một tiếng gà gáy. Không một tiếng chó sủa. Một lúc thật lâu, mới nghe có tiếng cười khúc khích loáng thoáng từ từ đến gần. Lúc gần đến cửa sổ, chàng cảm thấy như là tiếng đàn bà con gái. Càng tăng thêm sợ hãi. Một lát sau, có tiếng kéo then mở cửa. Sinh thấy hai người nữ đạo sĩ vén màn đi vào. Một cô khoảng hai mươi. Một cô khoảng mười tám mười chín. Trọc đầu mặt trắng. Thái độ cử chỉ, cả hai trông đều phong nhã tuyệt trần. Một cô cười tủm tỉm, rón rén đến tắt ngọn đuốc. Cô kia cầm đèn đặt trên ghế. Hình như đã biết trước có Sinh nằm trên giường, nên sợ làm chàng giật mình tỉnh dậy, chỉ hạ thấp giọng bảo nhau :

-Giờ này chẳng biết đã tỉnh chưa ?

Sau đó lại nói :

-Cứ đến coi xem !

Rồi cả hai tiến đến trước giường Sinh nằm. Chàng vừa xấu hổ, vừa sợ hãi, luống cuống không biết phải làm gì, đành kéo chăn lên phủ kín đầu. Nín thở. Không dám cử động. Hai nàng nữ đạo sĩ mở chăn ra, cùng âu yếm ve vuốt sờ lần trên người chàng. Sinh biết

không thể thoát khỏi, bèn quỳ bên gối, rập đầu van lạy xin tha mạng. Khiến hai nàng cùng nhìn nhau mà cười, nói :

-Cái anh chàng mọt sách này, mặt nhỏ như hạt đậu, làm gì mà co rúm lại như thế. Chị em thiếp đâu phải loại ma hút máu người. Đừng sợ chi cả.

Sinh thấy hai nàng nói năng ôn tồn, không có ý gì là ác, bụng cũng hơi yên, mới dần dần tỉnh ra, biết là mình bị người dụ dỗ, mắc bẫy, đem đến nơi đây để hành lạc, thế tất khó mà thoát ra khỏi. Thôi thì, cứ yên lặng chờ động tĩnh.

Hai nàng nữ đạo sĩ thấy Sinh nghi ngại, ngơ ngác, bèn tự cởi giây lưng, rồi thay phiên nhau cùng chàng vắn vít hoan lạc. Sinh lần đầu tiên mới được nếm cái thú gió mưa chấn gối, lòng cũng lấy làm ưa thích. Từ đấy, đêm bất kể ngày. Còn hai nàng nữ đạo sĩ cũng đắm đuối mê mẩn. Lại dẫn thêm hai người bạn nữ đạo sĩ khác. Một người khoảng tứ tuần. Một người khoảng hơn ba mươi. Họ được Sinh như cá gặp nước, tận tình truy hoan, có phần hứng thú cuồng dã hơn.

Gặp lúc ở không, Sinh mới hỏi riêng hai nàng nữ đạo sĩ trẻ :

-Nơi đây là đâu ? Các khanh là người thế nào mà cả gan dám đem dẫu người ở trong nhà, sao không sợ tiếng đời dị nghị à ?

Hai nàng nữ đạo sĩ trẻ đáp :

-Chàng là người thật thà chất phác, nói cho biết cũng chẳng ngại gì. Nơi đây là am tu của nữ đạo sĩ. U tịch kín đáo, không có đâu đẹp bằng. Thiếp kêu là Cảnh Sơ. Còn đây là sư muội của thiếp tên là Cảnh Mặc. Nữ đạo sĩ lớn tuổi là sư phụ của thiếp, hiệu là Minh Tâm. Và nữ đạo sĩ trung niên là sư thúc của thiếp, hiệu là Minh Ngô. Người mà chàng cùng ngồi uống rượu ở tửu điểm ngoài chợ là thầy lang họ Úc, cư ngụ ở phía sau am này. Ông ấy được bọn thiếp cho tiền bạc, đi tìm những chàng trai đẹp trong kinh thành mang về. May mà gặp được người tuấn tú như chàng. Thôi thì, cũng do duyên trời xe lại, chàng yên lòng sống ở nơi đây. Đây chính là gia hương khoái lạc của chàng, đừng bỏ trốn đi nhá.

Bấy giờ Sinh mới hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện.

Ít lâu sau, Sinh muốn về nhà để đi tìm người chú. Nhưng các nàng nữ đạo sĩ chỉ cười, không đáp. Lại ngâm câu thơ của Ngũ Huyền Cơ cho Sinh nghe, chọc ghẹo chàng :

Dịch câu vô giá bảo .

Nan đắc hữu tình lang

易求無價寶

難得有情郎

(Châu báu còn dễ tìm hơn là kiếm được tình lang)

Sinh chẳng biết làm sao hơn.

Các nàng nữ đạo sĩ sau mỗi lần tan giấc Vu Sơn xong thì đi ra, đều khóa trái cửa lại. Ngày ngày hai bữa ăn, đều do người nữ đạo sĩ trẻ đích thân mang đến cho chàng. Có đủ cả cá thịt. Mùi vị tinh khiết thơm ngon. Không phải ăn đồ chay như người xuất gia. Đêm đêm Sinh lại cùng bốn nàng quây quần uống rượu . Cho đến lúc thật túy lúy, mới lên giường nằm chung, cùng nhau vui vầy hoan lạc cho đến sáng.

Bốn nàng còn có thể luân phiên nghỉ ngơi, riêng Sinh lao động liên liên, ứng thù không nghỉ. Vì thế, chẳng bao lâu quá mệt mỏi, vật riêng không dùng được nữa, thân thể gầy còm, chỉ còn da bọc xương, lại thêm ho hắng triền miên không dứt. Cái vẻ tuấn tú đẹp trai của chàng ngày trước không còn nữa. Hôm nào được nằm trên giường nghỉ ngơi một khắc thì mừng như đến được lạc thổ.

Một hôm, Sinh vừa lên giường nằm, thì nữ đạo sĩ Minh Tâm đến. Thấy chàng da bủng mặt vàng, lấy tay lần xuống vế của chàng, mà vật riêng vẫn không cử động, lòng nảy sinh chán ghét, bèn ra về âm thầm bàn với ba nàng rằng :

-Mẫu Sinh bệnh hoạn ốm yếu, chi bằng giết quách đi cho mất tông tích !

Cảnh Sơ nghe nói thế sợ hãi, vội vã ngăn lại, nói :

-Xin sư phụ nhẫn nại một chút, để em chữa chạy, ít lâu sau có thể dùng lại được, không nên giết đi !

Rồi chạy ngay đến phòng của Sinh, hét lời võ về an ủi chàng, lại còn dạy cho chàng cái thuật "đề nhiếp dương tinh " để giữ gìn sức

khỏe cho khỏi mệt.

Từ đây các sư nữ không đến nữa.

Những nhu cầu hàng ngày, đều do Cảnh Sơ ân cần mang đến. Sinh cũng có lòng cảm động, biết ơn. Nhưng nổi nhớ nhà thường thúc bách từng giây.

Trong phòng của Sinh, có cái khám thờ đức Quan Âm ngày trước bỏ lại, Sinh sáng chiều cầu khẩn van xin, mong cho được thoát ra khỏi cái hầm " ăn thịt người " này. Rồi tìm được trên kệ sách có cuốn Quan Âm chú, chàng cầm lên một lòng thành khẩn tụng niệm, mỗi ngày vài ngàn lần. Về sau, nằm ngủ mà đọc cũng không lầm lẫn.

Một đêm, Sinh đang tụng niệm thì có người gọi tên chàng. Sinh sợ hãi nhìn. Té ra là một bà lão đang đứng ngoài màn, vẫy tay, bảo :

-Mau mau ra khỏi giường, ta sẽ đưa ngươi về nhà, chậm trễ tất hỏng việc.

Sinh vừa mừng vừa sợ. Không kịp hỏi han cho rõ, cứ khoác áo vào người, bước thấp bước cao mà chạy. Bà lão đi trước, dùng tay phẩy một cái. Cửa bèn mở. Sinh chạy theo sau, thấy toàn thân bà lão bạch quang sáng như trăng rằm. Bà lão đi đến đâu, sáng đến đó.

Hai người chạy một mạch, không ngừng nghỉ. Hai bên vách tường cao như vách thành. Trải qua mấy lần cửa, đều bị bà lão triệt khai, không khó khăn trở ngại gì. Đột nhiên đến một cửa, bà lão dừng lại, bảo Sinh :

-Hãy ra lối cửa này lập tức, chớ có quay đầu lại nữa nhé !

Sinh định nói lời cảm tạ, thì bà lão đã biến đâu mất.

Lúc đó chàng mới tỉnh ngộ, bà lão là đại sĩ hóa thân, cứu người gặp nạn. Bèn âm thầm khẩn khứa, cứ ba vái một tụng, thất tha thất thểu mà đi, được chừng vài dặm, xa khỏi am đạo sĩ. Sinh ngẩng đầu nhìn trời, thấy trăng tà sao đổi, cầm chừng vào khoảng quá canh tư, bèn ngồi xuống một gò đất nghỉ ngơi.

Lát sau, trời sáng bạch. Sinh nhìn bốn chung quanh, té ra chỗ chàng ngồi là mé tường phía bắc của Thiên Đàn. Đếm đốt ngón tay, chàng đã bị giam trong am đạo sĩ hơn một tháng. Bây giờ trời đã tàn

thu, người chàng đã bệnh, áo lại đơn y, hơi thu lạnh lẽo, làm chàng co rúm lại như con dím.

Còn người chú của Sinh, chẳng biết trú ngụ nơi nào.

Liên tìm đến hội quán hỏi thăm thì mọi người nói rằng người chú vì bị lạc mất cháu, lại không thi đỗ, mấy phen đi tìm cái chết, may nhờ có người hương thân khuyển giải, nay đang ngồi dạy trẻ tại tư gia một viên quan người Mãn ở trong thành.

Sinh mượn hương thân quần áo, hài vớ, rồi theo sự chỉ của người ấy đi tìm người chú. Cuối cùng thì chú cháu gặp lại nhau.

Người chú vừa ngạc nhiên, vừa mừng, vừa đau xót, sau nổi giận dưng dưng, tra hỏi Sinh đã đi đâu. Sinh phủ phục xuống đất bi ai khóc lóc, cặn kẽ thuật lại một tháng trời bị các nữ đạo sĩ dâm loạn, hãm hại khổ sở.

Người chú nghe xong hồi lâu gật lệ, bảo :

-Kinh thành đất đai rộng rãi như biển, những tay lão luyện từng trải, da sổ còn bị bịp, huống hồ non choẹt như cháu, cả gan cùng người lạ giao hoan, để rơi vào lưới của họ. Nếu chẳng phải Đại Sĩ linh ứng, thì liệu cái thân của cháu có được toàn vẹn nữa không ? Hãy bảo trọng sức khỏe, đừng để cha mẹ cháu trách chú đưa cháu đi xa không trông nom cháu đầy nhá.

Sinh giải hội họa. Người chú bảo chàng vẽ hình Đại Sĩ, cúng dưỡng tại thư trai. Viên quan chủ nhà, biết tin người chú đã tìm lại được Sinh, bèn đặt tiệc chúc mừng. Đến khi nghe thuật chuyện các nàng nữ đạo sĩ, ông thường thở dài luôn.

Vài hàng chú thích

Sùng Văn Môn

崇文門

Sùng Văn Môn là một cửa thành của Bắc Kinh, thời Minh gọi là Cáp Đức Môn, cửa thông đạo để vận chuyển rượu vào trong cung. Cho nên tác giả mới thuật là nơi đây chỉ thấy toàn là bọn tửu đồ đến mua rượu. .

Bắc Kinh có nhiều cửa và mỗi cửa đều có tên gọi khác nhau, cùng sự sử dụng khác nhau, chia ra bên trong có 9 cửa, bên ngoài có 7 cửa, thành môn có 4 cửa.

A-Chín cửa ở trong chỉ chín toà thành môn là Đông Trực Môn, Tây Trực Môn, Triều Dương Môn, Ấp Thành Môn, Sùng Văn Môn, Tuyên Võ Môn, Tiền Môn, Đức Thắng Môn, An Định Môn.

-Tây Trực Môn thời Minh gọi là Hoà Nghĩa Môn, là cửa mở để vận chuyển nước, mỗi buổi sáng sớm nước được vận chuyển từ Ngọc Tuyên Sơn đến Bắc Kinh rồi đưa vào Hoàng Thành.

-Đông Trực Môn thời Minh gọi là Sùng Nhân Môn, là cửa vận chuyển những củi than, còn gọi là Sài Đạo

-Triều Dương Môn thời Minh gọi là Trai Hoá Môn, cửa này dùng để chuyên chở lương thực.

-Sùng Văn Môn, thời Minh gọi là Cáp Đức Môn, là cửa dùng để vận chuyển rượu vào vào trong cung.

-Tiền Môn, thời Minh gọi là Chính Dương Môn, là cửa dành riêng cho vua ra vào, dân chúng không được quyền vãng lai, chỉ được đi lại lối cửa nguyệt môn ở hai bên

-Tuyên Võ Môn, thời Minh gọi là Thuận Trị Môn, cửa này dành riêng để áp giải những tử tội đem ra Thái Mễ Khẩu để chém đầu

-Ấp Thành Môn thời Minh gọi là Bình Trắc Môn dùng để vận chuyển than đá vào trong Bắc Kinh.

-Đức Thắng Môn là cửa dành cho quân đội mỗi khi thắng trận trở về để vào Bắc Kinh.

-An Định Môn là cửa dành cho quân đội mỗi khi xuất chinh.

B-Bảy cửa ở bên ngoài, bao quát gồm có Quảng Cừ Môn, Quảng An Môn, Tả An Môn, Hữu An Môn, Đông Tiệp Môn, Tây Tiệp Môn, Vĩnh Định Môn. Những cửa này dành cho dân chúng ra vào thành buôn bán lẻ, và làm việc ngắn thời gian, hoặc thăm thân thích.

C-Bốn cửa Hoàng Thành gồm có Đại Minh Môn, Địa An Môn, Tây An Môn, bốn cửa hoàng thành này dành riêng cho các quan văn võ ra vào cung đình.

Đề nhiếp dương tinh pháp

提攝陽精法

Danh từ Đạo Giáo. Chưa biết là thuật gì.

Nhưng các nhà Phòng Trung Gia cổ xưa của Trung Hoa có đề cập đến những phương pháp, làm cho tinh dịch không tiết ra ngoài mà đi ngược trở lên trên để bổ óc gọi là Hoàn Tinh Bổ Não (还精補腦), vì họ cho rằng tinh dịch là tối tinh quý đối với con người.

Giải cầu tương phùng

邂 遘 相 逢

Vô tình mà gặp nhau thì gọi là giải cầu " 邂 遘 ". Trong Kinh Thi

:

Giải cầu tương ngộ

Thích ngã nguyện hê

邂 遘 相 遇

適 我 愿 兮

(Vô tình gặp nhau, thật đúng hợp với ý nguyện của ta)

Quan Âm

觀 音

Quan Âm là một vị Bồ Tát trong Phật Giáo Đại Thừa, Người Trung Hoa vốn dịch là Quan Thế Âm, nhưng vì tị húy tên của Đường Thái Tông là Lý Thế Dân nên chỉ đọc là Quan Âm. Lúc Phật Giáo mới truyền nhập vào Trung Quốc, hình và tượng của Quan Âm thường là hình, tượng người nam, nên có tên gọi là " Thiên Nam Tướng 天男相 ", nhưng nhà Phật dạy là Quan Âm quảng hoá chúng sinh, có thể hiện thành dưới mọi hình tượng, do đó tượng Quan Âm có thể khắc, hay hoạ thành người nữ. Hơn nữa, Phật Giáo ít nữ thần, nên người Trung Hoa nữ hoá Quan Âm thành người đàn bà mỹ lệ, đại từ đại bi. Tại đời Đường, tượng nữ Quan Âm dần dần phổ biến rất nhiều.

Ngoài ra, khi chùa Thiên Phúc Tự 天福寺 ở Trường An xây xong, Tần Quốc Phu Nhân, người chị thứ ba của Dương Quý Phi, nhờ hoạ sĩ tài danh là Ngô Đạo Tử vẽ cho một bức tranh để dâng vào chùa Thiên Phúc Tự thờ làm Bồ Tát. Ngô Đạo Tử thấy trong Hoa Nghiêm Kinh có câu " Dũng Mãnh Trượng Phu Quan Tự Tại 勇猛丈夫

夫觀自在", vì thế, ung dung vẽ một bức hình Bồ Tát đàn ông, lại thêm có bộ râu ở miệng nữa.

Đường Huyền Tông xem xong thì lập tức nổi giận, muốn hạ chỉ bắt tội Ngô Đạo Tử. May lúc đó có Hoà Thượng Đạo Tuyên đến. Hoà Thượng Đạo Tuyên vội vã tiến đến giảng giải :

-Thật ra, Bồ Tát không thể nói là nam hay là nữ, trong kinh Phật giảng rằng Bồ Tát có ba mươi ba thân, khi phổ độ chúng sinh, thì tùy cơ biến hoá, như thế là thần, là tiên.

Đạo Tuyên Hoà thượng là một danh tăng đời Đường, tư cách thật lớn, nên khi ông nói như thế thì Đường Huyền Tông không thể phản đối được, nhưng nói :

-Từ nay về sau, khi vẽ hình Bồ Tát, nên theo tục nhà Đường, vẽ thành tượng hình người nữ.

Vì thế, những tượng, hình Quan Âm mà người ta thấy ngày nay là tượng hình người nữ.

(Theo Trung Hoa Văn Hoá Bảo Khố)

Lạc thổ

樂土

Chỗ yên vui an lạc. Nhà Phật gọi lạc thổ là cõi Tịnh Độ Cực Lạc.

Dại Sĩ

大士

Danh từ Phật giáo. Dịch âm của chữ " Ma ha tát ", có nghĩa là " người vĩ đại ", người đại lực, đại từ, cứu nạn, cứu khổ chúng sinh, thường dùng thay cho chữ Bồ Tát. Do đó, Quan Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát cũng được gọi bằng danh xưng Đại Sĩ.

Hương thân

鄉紳

Người đã làm quan về sống hưu trí ở nhà quê, thôn dã, thì gọi là hương thân.

Nguồn gốc bức trang : lấy trên site chinaer

Phạm xuân Hy - Một đêm lạnh cuối năm

THIÊU TÚ

挑 綉

Tác giả : **Trường Bạch Hạo Ca Tử**

Bản dịch : **Phạm Xuân Hy**

Một ngọn đèn xanh lửa đóm, hắt hiu tranh sáng với loài ma

Bao phen dẫm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ

Liễu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

*T*ường Châu có nho sinh Trâu Đại Nhậm, tuổi khoảng hai

mười, dáng người tuấn tú, mặt mũi trắng trẻo xinh tươi, nhưng tính tình trì độn, ngốc nghếch, thường đóng cửa ở trong nhà đọc sách ngâm thơ. Còn chuyện trai gái nam nữ , thì mù tịt , chẳng biết gì . Nên thường bị các bạn đồng học trêu chọc , để cười đùa.

Một hôm, Nhậm đi ra chợ, gặp một đám rước dâu, kèn trống inh ỏi. Tần khách và bệch tòng nối đuôi nhau đi theo không dứt. Chàng không hiểu gì cả , mới hỏi một người bạn, thì người bạn nói dối, bảo :

-Thế ra huynh không biết sao ? Trong quận có người mới ra làm quan, nên khoa trương cho mọi người biết đấy thôi

Nhậm tin ngay, không ngờ vực chi cả. Vả, vốn có bụng công danh, bèn vui vẻ đi theo sau đám rước. Khi đến trước cổng nhà cô dâu, Nhậm thấy chú rể và cô dâu làm lễ giao bái, nghi thức có vẻ rườm rà phức tạp, trong lòng đâm ra tò mò , đứng lại xem hồi lâu, không chịu dời bước đi chỗ khác.

Một lát sau, tiếng kèn tiếng trống lại nổi lên om sòm, rước kiệu hoa của cô dâu lên đường. Nhậm nghe có tiếng người khóc tỉ tê bi thiết, từ trong kiệu hoa khe khẽ vọng ra. Chàng vỗ tay cười lớn, nói :

-Việc tốt lành tốt lành đến thế, có gì thương tâm dâu mà khóc ?

Những người xem, đều lấy làm kỳ quái, đưa mắt nhìn chàng, nhưng Nhậm chẳng hề may mắn biết gì . .

Ngày hôm sau, Nhậm lại ra chợ , gặp, một đám ma. Kèn trống cũng inh ỏi , phảng phất như đám cưới hôm trước, nhưng khóc lóc có phần bi ai thống thiết hơn. Nhậm lại càng không hiểu gì, nói với mọi người :

-Đáng vui mà lại bi thiết, thế này là cái điềm sui sẻo bất tường cận kề rồi !

Ai nghe, cũng phải ôm bụng mà cười.

Đại loại, những cái ngổ của Nhậm đều như thế.

Một hôm mùa hạ năm Canh Ngọ, Nhậm đến một ngôi chùa để đọc sách. Chùa này địa thế nằm sát vùng núi. Thường có nhiều ma quỷ xuất hiện quấy phá. Các chủ trì, sư sãi chịu không nổi, đều phải bỏ đi chỗ khác.

Các bạn đồng môn của Nhậm, thấy chàng ngờ nghệch ngốc nghếch, xúi chàng đến đó ở. Chàng cũng chẳng sợ gì.

Lúc chàng dọn đến, thấy mạng nhện giăng mắc khắp nơi. Đài giai, bậc thềm, cột dơi lả tả, vải dầy . Bèn rửa ráy quét dọn sạch sẽ. Rồi đóng cửa, cố công khổ học. Ngay cả vườn, cũng không bước ra.

Ở liền ba hôm, chẳng thấy hiện tượng quái gở nào khác xảy ra. Các bạn đồng môn của chàng , cho rằng thánh nhân dãi kẻ khù khờ, không ai khuyên chàng rời đi nữa.

Nhưng từ khi Nhậm vào cư trú ở trong chùa, tối tối đọc sách, luôn luôn nghe có tiếng cười, không biết ở chỗ nào. Mới đầu chàng lơ đi, không để ý đến. . Mấy tối sau, khí trời oi bức , nồng nực, chàng cởi áo, ở trần, ngồi bên song cửa cầm sách ngâm nga vi vút, mãi tới tận khuya, cũng không chịu rời quyển. Thành linh, bỗng nghe một tiếng "bình" vang dội. Rồi cửa phòng chàng tự động mở tung ra. Chàng giật mình, ngoảnh nhìn tứ phía.

Té ra là hai người con gái. Trông son phấn rạng rỡ, đẹp như người vẽ trong tranh. Quần áo thì mỏng như cánh ve sấu. Trên tay mỗi cô đều cầm một chiếc quạt lụa nhỏ, tha thướt bước vào. Nhậm lơ đi. Không để ý đến, cứ tiếp tục đọc sách như cũ.

Hai người con gái đến gần bên Nhậm, dùng những ngón tay thon nhỏ , vỗ vỗ vào da thịt chàng nghịch ngợm, rồi cười đùa bảo với

nhau :

-Gớm !Cái anh chàng này, thịt da cứ như bạch ngọc thôi.

Khẩu khí ra chiều âu yếm, quyến rũ.

Nhậm vẫn cứ làm thinh như không nghe thấy. Lại lớn tiếng ngâm nga lớn hơn trước.

Hai người con gái mò mẫm, sờ soạng người chàng một hồi lâu, thấy Nhậm vẫn cứ nguội giá thờ ơ, đành rút tay lại, có phần xấu hổ. Rồi bỏ đi ra ngoài cửa. Thoáng chốc, không thấy hình tích gì nữa.

Nhậm cũng chẳng lấy làm quái gỡ , chỉ nói .

- Quái, chuà trong núi, đêm khuya thế này, chẳng biết hai cô ấy từ đâu đến, mà sao ngón tay vừa nhỏ lại vừa gầy, làm ta chịu hết nổi !

Nói xong, gấp sách lại, có ý muốn đi ngủ. Chợt lại nghe có tiếng nói. Thanh âm nhỏ nhẹ, dễ yêu, cười hỏi Nhậm :

-Thiếp đến xem lang quân ngủ chưa ?

Rồi một cô gái bước vào. Tuổi khoảng hai tám. Tóc đen bồng bênh. Hồng hồng đôi má , rất là khả ái diễm lệ. Nhưng trên người không có một mảnh vải. Trắng như tuyết. Nàng lấy tay che miệng, đến sát gần trước mặt Nhậm, cười tủm tỉm.

Nhậm thấy nàng, dung mạo như hoa nở , thịt da nõn nường , mũm mĩm. Mà bụng vẫn giá tanh, không động tà niệm, lại còn cười khẩy, nói :

-Nàng tính bắt chước Nễ Hành đời Tam Quốc, đem tấm thân trần truồng trắng trẻo mà khoa trương với ta phải không ? Thân khu của Nhậm này, há không trắng sao !

Nói rồi, tụt luôn khố trong người xuống, đứng đối diện với người con gái. Trông phơi phới như hai con hạc trắng đang múa.

Người con gái thấy thế, dâm ra xấu hổ. Lắm bầm một mình :

- Cái anh chàng ngổ này, chỉ hợp đôi với con quỷ ngổ Thiều Tú được thôi.

Nhậm vẫn cứ tự như, thản nhiên cười, từ từ kéo quần lên, nói :

-Cuối cùng thì trắng như tuyết, không bằng trắng như ngọc !

Sau đó , quyết phản đi ngủ, chẳng chút sợ hãi nào.

Cái sự ngờ nghệch thật thà của Nhậm, đến như thế, thật cũng khó ai có thể sánh kịp.

Sáng hôm sau, chẳng có bạn bè nào đến hỏi han, Nhậm yên lòng học tập. Chừng đến chiều, thành linh trời đổ mưa lũ lụt. Nước ngập bờ hè tới cả gang tay, Nhậm đang đốt đèn, sửa soạn mở sách ra đọc, thì nghe có tiếng cười ríu rít, rồi tiếng người bảo chàng :

-Chị em thiếp đưa con nhỏ ngổ này đến làm bạn với chàng, xin đừng hoàn trả lại nhé !

Nhậm ngửng mặt lên nhìn. Té ra, cũng vẫn hai người con gái đêm qua , thêm vài người nữa. Trong đó, có cả cô gái ở truồng, nhưng xiêm y rạng rỡ, tề chỉnh. Họ cùng nhau dìu một cô gái khác, còn nhỏ tuổi, thật kiều diễm, đến gần Nhậm, nói :

- Cho con nhỏ này làm vợ chàng, chàng có chịu không ?

Nhậm không cự tuyệt, nhưng hỏi ngược lại :

-Làm vợ ta , thế là thế nào, thật ta không hiểu !.

Cả đám đều nói :

-Phu thê quan hệ, há chẳng phải giềng mối thứ ba trong đạo làm người sao ?

Nhậm bèn mở sách ra tìm tòi, rồi giật mình tỉnh ngộ, nói :

-Thật quả đúng thế. Ta là chồng và cô ấy là vợ. Có phải ý nghĩa như thế chẳng ?

Cả đám con gái lại cười ồ lên, vang âm cả phòng, đáp:

-Đúng !Đúng !Đúng !

Nhậm cũng hài hước gọi người thiếu nữ ấy là vợ, và chẳng suy nghĩ gì, nói :

-Ta còn phải tìm hiểu xem cái đạo thần tử, cái nghĩa phu thê cho rõ . Các nàng cứ mang vợ ta về đi.

Đám con gái lại ồn ào, lao nhao phản đối. Rồi đó, có bọn tỳ nữ từ ngoài bước, bày biện cỗ bàn, ép Nhậm và thiếu nữ ngồi kề bên nhau, uống rượu hợp cần, và thất giải đồng tâm. Nhậm ngắm nhìn thiếu nữ, thấy nước da rạng rỡ, mịn màng như châu bảo. Thân hình mềm mại thướt tha như hoa liễu. Bụng cũng lầy lăm thấy thích, khảng khái nói :

-Được người đẹp thế này làm vợ, đủ mãn ý ta rồi !

Thiếu nữ cũng ngậy thơ khờ khạo, chẳng hề một chút thẹn thùng, đưa mắt nhìn Nhậm chăm chăm, vừa cười vừa nói :

-Cái ông chồng em vô lại quá , cơ hồ thân em bị nhìn thấy hết !

Và quay sang bảo với đám con gái :

-Chồng của em, cũng là chồng của các chị, sao chẳng chia "chén chè" này ra cùng chung nhau hưởng mà lại để mình em hưởng vậy ?

Cả bọn lại ôm bụng cười ngặt nghẽo, không sao ngừng lại được.

Chừng nghi lễ hoàn tất, họ quây quần ngồi vào bàn. Nâng ly. Cát chén. Vừa uống vừa cười đùa hài hước. Riêng Nhậm và thiếu nữ, cứ bốn mắt nhìn nhau đơng đưa ngấm nguyệt, chẳng ăn uống gì , ngậy ngô cười khờ khạo.

Nhậm thấy mọi người gọi thiếu nữ là Thiều Tú, chàng cũng gọi như vậy. Trên bàn còn có quyển sách riêng của Nhậm, chàng bèn cầm lên đọc một : "Nghĩa vợ tình chồng, ta phải bàn với Thiều Tú .

Chẳng mấy chốc, nghe tiếng trống đổ canh hai, cả bọn đều nửa say nửa tỉnh, đứng dậy nói :

-Thôi bọn ta đi về chứ, để cho cô dâu chú rể còn nghỉ ngơi hoan hợp !

Sau đó, tíu tít đi ra.

Nhưng có hai cô trở lại, bảo nhau :

-Đôi vợ chồng ngốc này, chưa biết về chuyện nam nữ dâu, phải giúp chúng mới được !

Rồi thay Nhậm , giải chăn mền, cởi áo quần cho hai người, và vỗ vào chiếc gối đầu, nói :

-Đêm nay chung ngủ gối này, thế nào sang năm cũng có con bé !

Nói xong cười mủm mủm đi ra, nhanh như gió thoảng. Chớp mắt không thấy gì nữa.

Nhậm với Thiều Tú tuy cùng chung gối nằm ngủ, nhưng "cái việc ấy", chưa hề nếm thử bao giờ. Nằm một lúc, thì ngồi dậy, bảo với nàng:

-Vợ chồng có chỗ khác biệt, ta không thể không giữ lễ !

Rồi ngồi quay mặt về hướng đông. Thiều Tú nghe Nhậm nói thế , cũng nhồm dậy, ngồi quay mặt về hướng tây . Hai người đều nhắm nghiền mắt lại, nín hơi, dưỡng thần. Im lặng không nói năng gì. Cho đến lúc mệt mỏi quá, muốn ngủ , dựa vào vách tường khò khè chớp mắt được một lát, đã thấy phương đông le lói ánh mặt trời. Rồi nghe tiếng rì rào như cơn trùng nổi lên, cả đám thiếu nữ đã ào ào bước vào cửa.

Họ thấy Nhậm với Thiều Tú, cả hai đang ngồi cúi đầu nhìn đất, trông chẳng khác gì đôi tượng gỗ, đều không sao nín được cười, bảo nhau :

-Đôi vợ chồng nhà ngổ này, quả không có tình dục !

Thiều Tú thấy họ tới, thì vội vã rời khỏi giường, có ý muốn theo họ cùng về, nói :

-Buồn chịu hết nổi, ở với chồng chẳng bằng về nhà vui đùa với các chị.

Cả bọn con gái đều cười rộ lên, nói :

-Con tì tử này, còn ngổ hơn anh chàng nữa. Đã lấy chồng rồi , còn đòi về với bọn ta làm gì ?

Thiều Tú nghe nói thế , nước mắt hai hàng, thút thít khóc như con nít, khiến bọn con gái phải nín bụng cười, chỉnh trang quần áo, tóc tai lại cho Thiều Tú, rồi đi ra.

Từ đó, Thiều Tú ăn ở với Nhậm. Ngày ngày khâu vá quần áo, giầy vớ , trông lo cơm nước sáng chiều, cùng pha trà hâm rượu cho Nhậm. Mặt không hề lộ sắc mỗi mệt. Những lúc rảnh rỗi, thì lấy đất sét trộn lẫn với nước, nặn những đồ vật như trẻ con chơi. Thật chẳng giống những cô gái thành niên con nhà khuê các một chút nào.

Những vật mà nàng sáng tạo ra, đa số là những ngoạn cụ như bình rượu, chén tách, lư đỉnh dùng trong cung đình. Trông thập phần tinh xảo. Nhưng chẳng biết để làm gì. Nhậm cũng chẳng hề hỏi han cật vấn đến. Cứ tiếp tục việc đèn sách như thường nhật .

Vả, từ khi chung sống với Thiều Tú , dù gặp ngày nắng hạ oi bức, Nhậm chưa từng giải y lộ thể trước mặt Thiều Tú. Lại đối đãi với nàng , coi như tân khách.

Ban đêm, tuy cùng nàng chung giường, nhưng đông tây hai nẻo. Ai ngủ mất người ấy. Mấy đêm liền như vậy, mà việc riêng nam nữ, vẫn chạy tịnh hư không.

Nhậm vốn hàn sĩ cảnh nghèo, trong nhà chỉ có một người chị dâu goá buạ, nên thường phải cư trú ở chùa. Tuần lễ, mới về thăm chị một lần.

Có lần trên đường trở về, Nhậm gặp một người bạn ở giữa đường. Người bạn hỏi Nhậm về việc học. Nhậm nhanh nhẩu khoe ngay :

-Huynh nên mừng cho đệ. Việc học tiến bộ nhiều lắm. Gần đây, đệ đã hiểu rõ ý nghĩa của câu "Phụ phụ dã" trong sách Lễ ký rồi.

Người bạn nghe Nhậm nói thế, lấy làm lạ. Hỏi thêm. Thì Nhậm rành rọt thổ lộ. Không dấu diếm gì. Người bạn này, vốn tính tình trung hậu, nên khuyên bảo :

-Thế này là do ma hay chồn rồi. Nó có thể reo tai họa cho huynh đấy. Huynh mau tránh xa đi !

Nhậm không lãnh hội được ngay ý của người bạn, nên chỉ thuận khẩu đáp cho xong : "ờ, ờ, được".

Rồi không trở về thăm người chị dâu nữa. Vội vã quay lại chùa.

Lúc bước vào cửa, gặp Thiều Tú, liền nói :

-Ta có người bạn bảo nàng là ma. Phải vậy không ?

Thiều Tú chỉ quắc mắt lờm Nhậm. Không trả lời. Nhậm bèn giở sách ra tìm chứng cứ , thì thấy câu "Quý thần không có hình thể, không có tiếng nói". Bèn bực mình, nói :

-Cái thằng bạn này đánh lừa ta. Người con gái trước mặt ta đây, chẳng những có hình hài, lại còn nói năng chuyện trò được.

Rồi lại giở đến trang sách có câu "Hồ ly ăn thịt hấn ", càng bực tức thêm. Từ đấy , không chú ý gì đến lời nói của bạn bè nữa, cứ ăn ở với Thiều Tú như cũ.

Sau đây, các bạn bè chàng đều được nghe biết truyện. Họ hẹn nhau cùng đến chùa để xem cho rõ. Cũng may, khi bước chân vào phòng, không có mặt Thiều Tú, những người bạn bèn dò hỏi Nhậm, thì được Nhậm rành rõ kể lại hết cho nghe. Rồi họ lại khăng khăng muốn gặp Thiều Tú.

Nhậm nói :

-Nhà tôi mới ra vườn trồng hoa, lát nữa trở về !

Quả nhiên, lát sau Thiều Tú trở về. Đầu quấn khăn đỏ. Vạt áo đựng đầy hoa tươi. Bước đi uyển chuyển, tha thướt.

Cả bọn đều liếc nhìn, thấy đẹp chẳng khác gì tiên nữ.

Thiều Tú thấy khách lạ, trong lòng chẳng chút e dè tránh né. Nàng đặt hoa xuống đất , rồi lại cúi người dựng hoa lên, tựa hồ như không thấy ai. Những người bạn của Nhậm thấy Thiều Tú tuy áo quần rách vá , nhưng hình hài, âm sắc, không dấu điểm gì, nên chẳng dám cho nàng là dị loại. Bèn ngồi lại chuyện trò với Nhậm cho tới tối. Chốc chốc lại thấy Thiều Tú đi ra đi vô, nhưng không cùng khách đàm đạo. Chỉ lo sửa soạn bữa ăn.

Chứng khách khứa ra về, Nhậm và Thiều Tú lại vui vẻ tương hoan, mình mình, tổ tổ như trước.

Một người bạn của Nhậm, vốn có tật trào phúng, mới hỏi Nhậm :

-Huynh với tôn tẩu sống chung với nhau , thì đã chung "chăn chiếu" bao giờ chưa ?

Nhậm thật thà, đáp :

-Chưa !

Người bạn cười hỏi :

-Tại sao chưa ?

Thì đáp :

-Đệ đọc thiên "nội tắc", thấy sách nói "Thất niên nam nữ bất đồng tịch". Chiếu còn chưa chung, huống chi đến chăn ?

Người bạn lại cười :

-Ai cha !Như thế là huynh hiểu sai rồi. Đạo vợ chồng không thể sánh như quan hệ trai gái được. Kinh Thi chẳng có câu rằng : "Giác

đam xán hê, cảm khâm lạn hê", không được đáp chẵn chung, như thế trong Kinh Thi mới có lời than oán của người đàn bà phải ngủ đêm một mình chứ ?

Nhậm nghe bạn giải thích, mới nghiêm nét mặt, cảm tạ :

-Đệ xin theo lời chỉ dạy của huynh.

Rồi về bàn với Thiều Tú :

-Bạn ta bảo phải nằm chung chẵn với khanh, khanh không được từ chối đấy nhá !

Thiều Tú cũng tỏ ý đồng tình, nhưng hỏi :

-Thế trong sách có dạy không ?

Nhậm đáp :

-Sách không nói đến điều ấy, nhưng trong Kinh Thi thì có.

Thế là, ngay đêm hôm ấy, hai người cùng ngủ chung chẵn, nhưng vẫn không cởi bỏ áo quần, nên xoay sở bất tiện.

Sáng hôm sau , Nhậm đến gặp người bạn, thổ lộ :

-Quá nghe lời huynh, cả đêm qua không sao ngủ được !

Người bạn gạn hỏi. Nhậm cứ thực kể lại. Người bạn cười :

-Ngủ chung chẵn mà không cởi bỏ áo quần, thì có khác gì mỗi người đắp một chẵn, làm sao huynh ngủ yên được ?

Nhậm ngạc nhiên, hỏi :

-Sao ?Có thể cởi bỏ quần áo mà ngủ chung được à. Bằng cố đâu . Điều này, đệ chưa từng nghe nói đến bao giờ.

Người bạn nói :

-Huynh đọc sách không thông. Nên mới ngốc đến thế. Sách Mạnh Tử chẳng dạy rằng :Nàng là nàng, ta là ta, nhưng vì nàng xích thân loã thể nằm cạnh, nên mới có sự vi vu hứng thú.

Nhậm cười :

-Sách quả có lời ấy, nhưng e rằng chép đi chép lại mà sai chẳng ?

Người bạn cố nhịn cười , hồi đáp :

-Đúng , chứ không sai đâu.

Nhậm bèn tin, không nghi ngờ gì nữa.

Rồi nhân có việc khác phải làm, khi về đến chùa thì trời đã nhá nhem tối, không kịp duyệt đọc sách vở nữa, mà đem chuyện ra hỏi Thiều Tú :

-Bạn ta bảo phải cởi bỏ áo quần mà ngủ chung chăn với khanh , như vậy có được không ?Mới đầu Thiều Tú lộ vẻ không bằng lòng, hỏi Nhậm xem sách giảng thế nào, thì chàng thở dài :

-Ta đọc sách mà không biết cách đọc, từ trước ta đã lãng phí mất nhiều . Nếu không có lời bạn ta chỉ bảo, thì ta chẳng biết gì ?

Rồi cố ép Thiều Tú cởi bỏ y phục, lên giường cùng đắp chăn ngủ. Lúc sờ lần, Nhậm thấy thịt da nằng mịn màng trơn nhẵn, khiến thần chí tê mê điên đảo, bèn đánh một giấc ngon lành cho đến sáng.

Ngày hôm sau, gặp người bạn, Nhậm cảm tạ, nói :

-Lời huynh dạy, quả thật đúng quá. Đệ ngủ một giấc thật say.

Người bạn nói :

-Chắc huynh chưa được hưởng cái thú tiêu hồn "Ôn nhu hương" rồi phải không ?

Nhậm lại ngạc nhiên hỏi :

- Thú ấy như thế nào ?

Người bạn, nhân thế mới đem cái bí quyết của lạc thú gối chăn mà giảng giải cặn kẽ cho Nhậm . Nhậm chăm chú say sưa lắng nghe, nói :

-Quan hệ vợ chồng như vậy thì thâm uế quá.

Người bạn giải thích :

-Huynh không biết Kinh Dịch có câu "Nam nữ cấu tinh, nhi nữ hoá sinh" à ?Nếu không thế, thì tổ tiên của huynh đã tuyệt mất hương hỏa rồi.

Nhậm nghe xong, rất ấy làm kính phục người bạn, chấp tay vái một vái dài, nói :

-Đệ thật ngốc quá, nên không nhận ra việc ấy. Chẳng những đệ được lời dạy bảo của huynh, mà ngay tổ tiên của đệ cũng mang ơn huynh nữa.

Nói xong thì lẩn thẩn như người vừa mất một cái gì, đi trở về chùa. Còn người bạn thì được một mẻ cười nghiêng ngửa.

Nhậm về đến chùa, trời vẫn còn sáng, nhưng cứ đem chuyện ra bàn với Thiều Tú, muốn nàng lên giường đi ngủ ngay.

Nàng nói :

-Trời còn sáng mà, ngủ được sao ?

Nhậm đáp :

-Đêm ngủ được, thì ngày cũng ngủ được.

Thiều Tú chiều theo. Nhậm bèn cứ y lời người bạn mà hành sự. Mới vô việc, Thiều Tú đã tỏ ra đau đớn rên rỉ, tránh né. Nói :

-Hôm nay mình chẳng tử tế với em. Em chẳng thèm ở với mình nữa.

Nhậm cố nài ép. Thiều Tú chỉ đành cố gắng chịu đựng, mà hai hàng châu rơi. Bình thời, Nhậm chẳng thấy nàng như thế bao giờ. Lòng đâm ra ái ngại, bắt nấn, mới hơi lỏng tay ôm. Thiều Tú liền thừa cơ chạy thoát. Nhậm tông ngông đuổi theo. Một thoáng, đã mất hút, không thấy tông tích gì. Giữa lúc Nhậm còn đang đứng bơ vơ ngơ ngác, thì người bạn thành linh xuất hiện, thấy Nhậm như vậy, cười bô bô , hỏi:

-Sao lại tông ngông thế này ?

Nhậm nghiêm mặt, trả lời :

-. Đệ muốn cùng nàng chẵn gối, để có con nối dõi tông đường. Đây cũng là nhiệm vụ lớn trong đạo luân thường, sao huynh lại cười chế diễu đệ ?

Người bạn vỗ tay, kéo Nhậm vào trong nội thất, đợi cho Nhậm mặc quần áo, mới cùng ngồi chuyện vãn, mãi đến lúc trời tối hẳn mới ra về.

Nhậm bị mất vợ, trong lòng muôn phần buồn phiền rầu rĩ. Chừng mờ điểm canh khuya, thì thấy đám thiếu nữ ngày trước dẫn Thiều Tú bước vào cửa, vừa cười vừa nói :

-Cậu làm khổ con bé nhà chúng tôi, chúng tôi đâu có chịu !

Nhậm bướng bỉnh, lên giọng :

-Ngày trước cô ấy chưa lấy ta, việc do các nàng làm chủ. Nay đã là vợ ta , thì việc phải do ta quyết định. Bằng lòng hay không bằng lòng thì làm quái gì nhau !

Cả bọn thiếu nữ cùng cười ồ, nói :

-Cậu cả ngố, sao mà ngang bướng thế.

Rồi cùng nhau dùng sức đẩy Thiều Tú xuống giường, bảo Nhậm

:

-Kẻ đào tẩu đã tìm lại được, nay hoàn trả cho cậu đây. Lần sau nó có trốn nữa, đừng có hỏi chị em tôi đấy nhé !

Xong, bỏ ra về.

Nhậm đóng cửa lại, cởi bỏ áo quần, muốn cùng Thiều Tú gần gũi, thì nàng lùi lại, không dám. Nhưng Nhậm cố ép. Đoạn cùng nhau hoan lạc, vu sơn một giấc mê ly.

Việc xong, Nhậm vui vẻ bảo Thiều Tú :

-Hôm nay, ta mới được hưởng cái món này , thật là khoái tử !

Từ đó về sau, đêm nào cũng như thế.

Thiều Tú dần dần được hưởng thú dương đài, không còn khước từ Nhậm như trước nữa. Còn chàng tự cho là một điều thú vị, hễ gặp ai cũng đem ra khoe, khiến người nghe đều buồn cười. Có lần chàng về nhà thăm người chị dâu, cũng đem cái thú đó ra tường tận kể lại. Người anh của người chị dâu cũng có mặt lúc đó, nghe Nhậm kể, thì biến sắc mặt bừng bừng nổi giận, hỏi :

-Chú nói như thế nghĩa là gì ?

Nhậm cười, ngổ ngáo đáp :

-Điều gì có thể nói được cho mọi người nghe, há lại không nói được cho chị tôi nghe hay sao ?

Rồi điềm nhiên coi như thường, không cho là lạ.

Sau này Thiều Tú có thai, Nhậm tính dọn về nhà, thì Thiều Tú dặn phải mang theo hết những đồ chơi bằng đất sét mà nàng nặn .

Người chị dâu thấy thế phì cười bảo :

-Vật dụng của cô chú trông giống như các hộp trang sức, phong phú quá nhỉ !

Thiều Tú chẳng hề may mắn xấu hổ, vẫn chơi nghịch với những đồ bằng đất như trước. Nhưng đối với người chị dâu rất mực cung kính. Sang năm sau , nàng sinh được một đứa con trai. Gia cảnh mỗi ngày một bản cùng thêm. Thiều Tú bảo Nhậm đem những vật

bằng đất sét của nàng ra chợ bán, và phải đòi giá cao. Người chị dâu cho rằng nàng dở người, bị bệnh tâm thần.

Nhưng đến chiều, Nhậm trở về mang theo cả ngàn lạng ngân tiền, mà hàng chỉ mới bán được chưa đầy phân nửa. Bấy giờ người chị dâu mới lấy làm ngạc nhiên, nhìn kỹ. Té ra , những vật bằng đất sét của Thiều Tú, đều là cổ ngoạn cả. Từ đó, coi Thiều Tú như thần. Còn Nhậm cư xử với vợ cũng không còn khờ nữa.

Liên ba năm , Thiều Tú đẻ ba đứa con trai. Gia đình trở nên sung túc giàu có.

Như vậy được năm năm, bỗng một hôm Thiều Tú bảo Nhậm :

-Duyên xưa đến đây là hết rồi, em phải vĩnh biệt mình ra đi thôi.

Nhậm kinh ngạc, hỏi lý do. Nàng đáp :

-Em vốn không phải người ta, mà là ma. Sinh tiền vì thiên tính ngu khờ, bị nhân thế coi rẻ, nên buồn mà chết. May có các chị ấy dậy bảo mới dần dần thông minh ra. Tuy thế, cái gốc khờ vẫn chưa tuyệt. Lại vì túc duyên tiền kiếp nên phải lấy mình. Nay, sắp dầu thai vắng sinh vào một gia đình giàu có phú quý, vậy xin mình đừng vì em nhớ nhung buồn rầu nhé ! Nhậm hỏi ở gia đình nào. Nàng chỉ cúi đầu không đáp, chau mày nói :

-Người kiếp sau này, bắt tất phải biết nhau làm gì !

Đoạn biến mất, mong manh như sương khói.

Nhậm đêm ngày nhớ nhung không nguôi, bèn giao ba đứa con cho người chị dâu, rồi đến vùng Tương, Hồ ngao du sông nước, , không còn thiết gì đến việc tục huyền nữa.

Cuối cùng, Nhậm chẳng hiểu duyên tác hợp chàng với Thiều Tú là ma hay là quỷ, và mỗi khi nghĩ đến những điều chưa kịp hỏi rõ nàng, thường lấy làm tiếc.

(Dịch xong ngày 21-5-02 Phạm xuân Hy)

Vài nét về tác giả:

Trường Bạch Hạo Ca Tử (长白浩哥子) :

Cũng còn gọi là Hạo Ca Tử, là một tác giả gốc Mãn Châu đời Càn Long, tên họ thật và đời sống bất tường. Nhưng theo "Bát Kỳ

Nghệ Văn Biên Mục" ghi chú thì Huỳnh Song Dị Thảo do Khánh Lan người Mãn Châu soạn.

Khánh Lan tên chữ là Tự Thôn, là một văn sĩ nghèo, từng giao thiệp với văn học gia nổi tiếng đương thời là Viên Mai. Tuy sống âm thầm không được người đời biết đến, nhưng phụ thân ông là Doãn Kế Thiện là một đại thần nổi tiếng của Thanh triều, lịch nhậm các chức Tuần Phủ, Tổng Đốc, sau đến Văn Hoa Điện Đại Học Sĩ kiêm Quân Cơ Đại Thần.

Tác phẩm "Huỳnh Song Dị Thảo" gồm có một trăm ba mươi tám truyện ngắn, viết theo lối văn ngôn.

Mặc dầu mô phỏng theo phong cách của Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai Chí Dị, nhưng Huỳnh Song Dị Thảo không phải là không có những tác phẩm ưu tú, tư tưởng và nghệ thuật tương đối cao. Cốt truyện thường có khuynh hướng đề cao nam nữ tự do luyện ái, và đả kích cái lễ giáo của phong kiến hủ bại, nên từ lâu đã được độc giả hoan nghênh ưa thích.

Một số truyện trong Huỳnh Song Dị Thảo đã được chúng tôi phiên dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Vài hàng chú thích:

Tương Hồ (湘湖):

Trong văn thơ và tiểu thuyết cổ Trung Hoa, các nhà văn thường gọi những tỉnh bằng những tên gọi tắt. Chẳng hạn gọi tỉnh :

-Hồ Nam là Tương hay Hồ.

-Sơn Đông là Lỗ

-Thượng Hải là Lô, Hồ

-Quảng Đông là Việt

-Phúc Kiến là Mân

-Sơn Tây là Tấn

-Thiên Tân là Tân

-Hà Bắc là Ký

-Giang Tây là Cống

-Tứ Xuyên là Thục, Xuyên

-Trùng Khánh là Du
-Hà Nam là Dự
-Hồ Bắc là Ngạc
-Cam Túc là Lũng, Cam
-Vân Nam là Điền
-An Huy là Hoãn
V. v.

Nễ Hành (祢衡):

Nễ Hành sinh năm 173 mất năm 198.

Ông là người cuối thời Đông Hán, tự là Chính Bình, là một nhà từ phú nổi tiếng, có tài biện luận, nhưng tính tình cương nghị ngạo mạn, lại thích hời nhục bọn quyền quý. Vì cự tuyệt Tào Tháo chiêu thỉnh, chê văn võ thủ hạ của Tháo là loại bình dong, khiến cho Tào Tháo phẫn hận, phạt bắt phải đánh trống trước yến tiệc để làm nhục Hành. Tả hữu của Tháo bảo Hành :

-Đánh trống thì phải mặc áo mới !

Nhưng Hành lại cố ý mặc áo rách cũ. Bọn thủ của Tháo lại hỏi :

-Sao không thay áo mới ?

Hành lập tức trước bữa tiệc, tụt bỏ hết quần áo ra, đứng lỏa thể tòng ngông.

Tháo mắng là vô lễ. Hành phản đối, nói :

-Lừa vua dối chúa mới là vô lễ. Còn ta để lộ cái hình hài của cha mẹ là để cho thấy sự trong sạch của thân thể !

Tháo cảm lời lẽ của Hành có vẻ châm chích, bèn hỏi :

-Vậy người nói ai là kẻ ô trọc, dơ bẩn !

Hành trào lộng, chửi Tháo :

-Mày không biết kẻ tài người ngu, thế là mắt mày bẩn. Không đọc Thi, Thư, thế là miệng bẩn. Không nghe lời trung, thế là tai bẩn. Không hiểu cổ kim, thế là thân bẩn. Không dung nạp chư hầu thế là bụng bẩn. Lòng thường mang chí soán đoạt, thế là tâm bẩn .

Tháo cay lắm, nhưng lại sợ mang tiếng ác là hại người hiền, bèn đẩy đi Kinh Châu để nhờ tay người khác giết. Sau Hành mạo phạm Thái Thú Giang Hạ là Hoàng Tổ nên bị Tổ giết.

Tác phẩm đại biểu của Nễ Hành là bài "Anh Vũ phú", là một bài phú ưu tú thời Hán mạt, được người ngâm vịnh lưu truyền.

Ngoài ra, Nễ Hành còn có hai tập là "Tùy Thư Kinh Tịch Chí" và "Nễ Hành tập", nhưng đều thất truyền.

Tam Quốc (三國):

Tên gọi một thời đại Trung Hoa.

Sau nhà Đông Hán, ba nước Ngụy, Ngô, Thục chia nước Trung Hoa thành thế đình vạc, sử gia gọi thời kỳ này là thời Tam Quốc. Gồm có nhà:

-Nhà Ngụy. Năm 220 CN, do con Tào Tháo là Tào Phi, phế Hán Hiến Đế tự lập làm vua, lấy quốc hiệu là Ngụy, kiến đô ở Lạc Dương. Chiếm hữu lưu vực sông Hoàng Hà, và hạ du sông Trường Giang, cùng các tỉnh Cam Túc, Thiểm Tây, Liêu Ninh.

Đến năm 265 CN, Tư Mã Viêm thay nhà Ngụy lập ra nhà Tấn. Nhà Ngụy mất. Trải 5 đời vua cộng 45 năm.

-Nhà Thục. Năm 221 CN, Lưu Bị tại đất Thục xưng đế, lấy quốc hiệu là Hán, cũng gọi là Thục Hán, kiến đô ở Thành Đô. Chiếm hữu toàn bộ các tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu ngày nay và địa khu Hán Trung và tỉnh Thiểm Tây. Năm 263 CN nhà Thục Hán bị Ngụy diệt. Trải hai đời vua, cộng 43 năm.

-Nhà Ngô. Năm 222 CN, Tôn Quyền xưng vương. Đến 229 CN thì xưng đế, lấy quốc hiệu là Ngô, cũng gọi là Đông Ngô, kiến đô ở Kiến Nghiệp (nay là Nam Kinh tỉnh Giang Tô). Chiếm hữu trung hạ du sông Trường Giang, các tỉnh Trết Giang, Phúc Kiến, Giang Tây, và vùng Lưỡng Quảng, Việt bắc bộ và trung bộ nước ta.

Năm 280 bị nhà Tấn tiêu diệt, trải 4 đời vua, cộng 59 năm.

Tính từ Tào Phi xưng đế năm 220 CN, đến khi năm 280 nhà Ngô mất, thời kỳ Tam Quốc kéo dài được 61 năm.

Ôn nhu hương (溫柔鄉):

Cổ nhân xưa, khi nói đến việc trai gái ngủ với nhau, thường tránh những từ ngữ thô tục, mà dùng những từ ngữ văn hoa đề thế vào. Ôn nhu (溫柔) có nghĩa là mềm mại. Hương (鄉) là nơi chốn,

chỗ. Ôn nhu hương là chỗ mềm mại của nữ sắc làm đắm mê lòng người.

Dịch Kinh (易經):

Dịch 易, cũng gọi là "Chu Dịch", hay "Dịch kinh", là cuốn sách bói toán cổ xưa của người Trung Hoa, có 64 quái 卦, ta thường gọi là quẻ. Mỗi quẻ chia làm 2 bộ phận trên và dưới. Thượng quẻ có 3 hào 爻. Hạ quẻ có ba hào, cộng là 6 hào. Hào có hào âm và hào dương không giống nhau. Quái thì có quái từ 卦 辭 (lời của quẻ), hào có hào từ 爻 辭 (lời của của hào), cổ đại hào từ và quái từ mông lung lờ mờ khó hiểu, và vẫn tự lại giản đơn, Khổng Tử mới nghiên cứu những quái từ và hào từ rồi giảng giải tương tận, làm thành tư tưởng triết học của Nho gia để truyền thụ cho học trò. Những lời giảng của Khổng Tử được ghi chép, về sau được các người chuyên môn về Dịch bổ sung gọi là Dịch truyện 易傳, hay là Thập Dực 十翼.

Tự序, tức tự quái 序卦, giải thích ý nghĩa chung và thứ tự của 64 mươi quẻ. Tượng象, tức tượng từ 象辭, là những câu luận đoán đại ý của quái từ, rõ ràng hơn lúc nguyên thủy, trong đó đại tượng 大象 căn cứ vào ý của quẻ đưa ra những điều nên tránh. Thuyết quái 說卦, thì tự thuật về sự biến hóa của bát quái 八卦 (tức tám quẻ chính).

Văn Ngôn 文言, chuyên giải thích những quái từ của hai quẻ Càn và Khôn 乾坤;

Dịch bao hàm những yếu tố đơn sơ tự phát của tư tưởng biện chứng pháp, đó là cái căn bản của triết học của Khổng Tử.

Dịch được người Trung Hoa xếp vào trong lục nghệ là Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, và Xuân Thu.

"TÔ HUỆ VÀ “CHỨC CẨM HỒI VĂN THỊ”

Phạm Xuân Hy

Về Tô Huệ có khá nhiều truyền thuyết khác nhau, một trong các thuyết được thuật lại như dưới đây:

Tô Huệ, tự Nhược Lan, người Võ Công, sinh khoảng năm Vĩnh Hưng nguyên niên triều Tiền Tần Tuyên Chiêu Đế Phù Kiên, tức năm 357.

Lúc bấy giờ vào cuối đời Tây Tấn, triều đình hủ nát, thiên hạ đại loạn. Các thiểu số dân tộc ào ào nổi dậy, tranh cướp thôn tính đất đai lẫn nhau, tạo nên thời kỳ mà sử gọi là “Thời kỳ Ngũ Hồ Thập Lục Quốc”.

Mỹ Dương Huyện luôn bị thay đổi kẻ thống trị.

Trước cảnh binh hoang mã loạn, dân chúng chịu muôn ngàn nỗi khổ cùng bi thảm, sáng sống chiều chết không biết được trước.

Phù Hồng là quý tộc người Đê tộc, năm 350 bèn nổi lên chiếm giữ vùng đất Quan Lũng, xưng Tần Vương. Năm sau con là Phù Kiên 苻健 xưng đế lấy quốc hiệu là Tiền Tần, đóng đô ở Trường An.

Đến đời Phù Kiên 苻堅 lên làm vua, Kiên được coi như một ông vua tài ba thao lược, trọng dụng người Hán là Vương Mãnh làm Lục Thượng Thư Sự, giúp Phù Kiên củng cố nền phong kiến thống trị, tiêu diệt các vương triều khác như Tiền Yên, Tiền Lương, thống nhất một phần lớn miền bắc nước Tàu, đất Quan Lũng nhờ vậy phần nào được ổn định.

Tô Huệ từ nhỏ dung mạo mỹ lệ, thông minh hơn người, hàng xóm xa gần ai cũng đều ca ngợi là thần đồng. Những con nhà phú gia tử đệ đến nhà cầu hôn rất nhiều. Nhưng đều bị nàng từ chối, cự tuyệt.

Năm 16 tuổi, Tô Huệ lấy An Nam Tướng Quân nhà Tiền Tần là Đậu Thao.

Theo sách “Tấn Thư- Đậ Thao Thê-Tô Thị truyện” và “Chức Cẩm Hồi Văn Thi Tự” trong “Biệt Phú” của Giang Yểm, thì sau khi Phù Kiên lên ngôi, Đậ Thao làm quan cai trị có nhiều thành tích, thăng đến Thứ Sử Tần Châu, sau bị nịnh thần dèm công đổ kỹ, hãm hại bị giáng chức và đày đến Lưu Sa (nay là vùng sa mạc Bạch Long Thán ở Tân Cương).

Đậ Thao từ biệt vợ lên đường. Tô Huệ thề nguyện một lòng chung thủy không tái giá, cho dù đá khô biển cạn, cũng không thay lòng đổi dạ, rồi Đậ Thao gặt lệ từ biệt Tô Huệ ở trước cửa chùa A Dục Vương , ngoài cổng thành phía bắc.

Rồi ra đi.

Tô Huệ ngày đêm tưởng nhớ chồng, hôm nào cũng làm thơ, để tả nỗi lòng thương nhớ chồng của mình. Ngày tháng trôi đi, năm này qua năm khác, nàng viết được hơn 7900 bài.

Chẳng ngờ, lòng người thay đổi, sớm muộn tới đào, Đậ Thao ở Lưu Sa lại lấy một người sủng thiếp khác là Triệu Dương Đài, một người con gái xinh đẹp và có tài ca múa.

Tô Huệ được tin đó, nên từ thương nhớ, chuyển ra đau thương phần hận. Một mình trước hoa dưới nguyệt, cô phòng tịch mịch, lẻ loi đơn chiếc, sáng tác ra những khúc tình thi, uyển chuyển thê lương ai oán.

Một hôm nàng vô tình, rầu rĩ ngồi uống trà, cầm trên tay một chiếc bình trà nhỏ tinh xảo, ngắm nghía cho khuây khỏa làm vui, thấy trên thân bình trà có khắc mấy chữ:

“Khả Dĩ Thanh Tâm Dã-可以清心也- Có thể làm cho tâm hồn thanh tịnh trong sáng” .

Nàng đọc đi đọc lại năm chữ đó. Chợt nhận ra rằng bất luận bắt đầu đọc từ một nào trong năm chữ này, đều có thể tạo được một câu có ý nghĩa, Tô Huệ nảy ra ý nghĩ dựa vào hình thức của năm câu này, để viết thành một thể tài thơ văn đặc biệt và lạ lùng quái đản.

Nàng bỏ công mấy tháng trời, dùng những sợi tơ ngũ sắc để dệt thơ của mình trên gấm, thành một tấm khăn tay, vuông vắn n 8

thôn, gồm 841 chữ, tạo thành một bức đồ hình bằng lụa gọi là “Tuyền Cơ Đồ 璇璣圖”.

Tuyền Cơ 璇璣, nguyên có nghĩa là những ngôi sao tạo thành Bắc Đẩu Tinh ở trên trời. Nên Tô Huệ đặt tên bức hình đồ đó là “Tuyền Cơ”, là vì 841 chữ dệt trên bức khăn đó, trông giống như những ngôi sao xếp thành hàng, một cách kỳ diệu và lý thú. Ai đọc được thì biết; không đọc được thì mơ hồ lung tung. Đó chính là những ngôn từ của người vợ chung thủy âm thầm thương nhớ chồng.

Sau khi dệt xong bức đồ hình “Tuyền Cơ Đồ”, Tô Huệ lập tức phái người đem đến Tương Dương đưa cho Tần Thao.

Những người ngoài cuộc, thấy bức đồ hình này thì không hiểu nó hàm ý nghĩa gì, nhưng trái lại, đối với Tần Thao, tuy chỉ là một viên tướng võ, thì lại hiểu ra được ngay.

Đó là tấm chân tình của Tô Huệ đối với mình.

Tần Thao lập tức trả nàng Triệu Dương Đài về nhà, và phái người về Trường An để đón Tô Huệ đến sống với mình.

Tự đó phu thê hết mực ân ái mặn nồng như cũ.

Dưới đây là bức đồ hình “Tuyền Cơ Đồ”, cũng còn gọi là “Chức Cẩm Hồi Văn Thi”, gồm 841 chữ, xếp thành hình chữ nhật 井 như dưới đây :

Như trên đã trình bày, “Tuyền Cơ Đồ”, hay “Chức Cẩm Hồi Văn Thi” là một chiếc khăn tay vuông vắn, ngang rộng 8 tấc, có 841 chữ, được dệt bằng những sợi tơ ngũ sắc là : hồng hoàng, lam, bạch, hắc, tím, xếp thành 29 hàng, được phân ra thành 17 phần khác nhau.

-Ngoại vi và nội bộ xếp theo hình chữ nhật 井, bằng những chữ màu đỏ.

- Ở bốn góc, là bốn phần hình vuông, hàng ngang và hàng dọc, mỗi hàng 6 chữ màu đen

- Ở phía trên và bên dưới, là 2 phần hình chữ nhật, hàng ngang 6 chữ, hàng dọc 13 chữ, màu lam.

- Ở bên tả và bên hữu là hai phần, hàng ngang có 6 chữ, hàng dọc 13 chữ, màu vàng.

- Ở trung tâm là chữ tĩnh, ở giữa lại chia ra hai phần trên và dưới, hàng dọc có 4 chữ, hàng ngang có 5 chữ,
- Hai phần tả và hữu, hàng dọc có 5 chữ hàng ngang 4 chữ;
- Trung tâm chữ của chữ Tĩnh, mỗi hàng dọc ngang có ba chữ, màu vàng.

Nếu đọc theo các chiều ngang dọc, quay tròn, ngược xuôi, thuận nghịch, đều có thể thành văn cả, hoặc thuộc loại thơ tam ngôn, tứ ngôn, ngũ ngôn, lục ngôn và thất ngôn, cộng được 7958 bài. Mỗi bài thơ tiết tấu đều hòa, đối xứng hoàn chỉnh, âm luật hòa hài, đọc lên nghe như lời than thở trách móc ai oán, tình cảm thật thà, ý tứ tha thiết, khiến người đọc có thể rơi lệ, thật là một thể thơ tuyệt diệu quái dị, tưởng do trời ban.

“Tuyền Cơ Đồ 璇璣圖” của Tô Huệ làm oanh động giữa thời kỳ hỗn loạn đó. Người ta tranh nhau sao đi chép lại nhiều lần, thi nhau tìm ra các cách đọc lối thơ đó, giải thích các thi thể, tuy thế người hiểu được, đọc được hiếm hoi như sao buổi sớm (寥若晨星).

“Tuyền Cơ Đồ” truyền đến hậu thế, đã làm hao tổn tâm cơ trí óc không biết bao nhiêu là các bậc văn nhân nhã sĩ đi tìm hiểu.

- Võ Tắc Thiên nhà Đường đã từng để ý nghiên cứu “Tuyền Cơ Đồ”, tìm ra được hơn 280 bài thơ.

- Đến thời Tống, cao tăng Khởi Tông, thì tìm được 3752 bài.

- Đến đời nhà Minh, có Khang Vạn Dân, đã bỏ hết cuộc đời để nghiên cứu “Tuyền Cơ Đồ” và viết ra tác phẩm “Tuyền Cơ Đồ Độc Pháp”.

Theo sự nghiên cứu của Khang Vạn Dân thì phương pháp đọc “Tuyền Cơ Đồ” của Tô Huệ có thể chia ra các cách đọc là :

Chính Độc, Phản Độc, Khởi Đầu Độc, Trục Bộ Thoái, Nhất Tự Độc, Đảo Số Trục Bộ Thoái, Hoàn Độc, Tà Độc, Tứ Giác Độc, Trung Gian Phụ Sạ Độc, Giác Độc, Tương Hướng Độc, Tương Phản Độc, cộng 12 cách đọc và có thể có được các thể loại thi ca như ngũ ngôn, lục ngôn, thất ngôn, gồm 4206 bài.

Bài nào đọc lên nghe cũng u oán, bi thống, khiến người đọc phải động lòng trắc ẩn.

“Tuyên Cơ Đồ” và câu truyện ái tình ly hoan bi hợp của Tô Huệ và Đậu Thao đã để lại cho đời sau một ảnh hưởng sâu đậm, cho đến ngày nay, vùng Chu Nguyên, và các quận huyện thuộc vùng tây bộ Quan Trung, trai gái thanh niên lấy nhau, có tục lệ là phía nữ giới phải dệt những chiếc khăn tay, ít nhất là ba màu trở lên, để tặng chú rể và thân hữu, mục đích cảnh cáo chú rể đừng có nhị tâm hai lòng. Yêu đương phải chuyên nhất, phải tâm niệm tình nghĩa phu thê.

Việc đó đã hình thành truyền thống lễ tục địa phương.

Nhưng ngày nay, nữ giới không sử dụng phương pháp dệt khăn bằng tay nữa, mà thường mua khăn dệt bằng máy dệt.

“Tuyên Cơ Đồ” của Tô Huệ cũng để lại một ảnh hưởng trường cửu trên nền văn học Trung Quốc. Một ngàn năm sau Tô Huệ, không thiếu những văn nhân thi sĩ cũng sáng tác ra “hồi văn thi từ”. Như dưới triều nhà Tề thời Nam Triều có Vương Dung. Nhà Đường có Phan Mạnh Dương, Trương Tiến. Nhà Tống có Vương An Thạch, Tô Thức, Lý Ngụ. Nhà Minh có Thang Hiến Tổ, Trương Phân. Nhà Thanh có Trương Hoài, Khâu Quỳnh Sơn, Tạ Mặc Khanh.

Nhưng trước mắt, chưa hề thấy ai sáng tác được như “Tuyên Cơ Đồ” của Tô Huệ, có thể đọc ra được mấy ngàn bài thơ khác nhau, là một điều kỳ thú.

Người ta có thể nói là Tô Huệ là “sư tổ” của loại thơ “Hồi Văn Thi-回文詩”.

Căn cứ theo Võ Tác Thiên ghi lại, thì Tô Huệ còn sáng tác hàng năm ngàn bài thơ, nhưng trải qua những chiến loạn thời nhà Tùy, toàn bộ bị thất lạc. Hồi Văn Thi của Tô Huệ có một ảnh hưởng thật lớn với hậu thế, trở thành một thể thơ đặc biệt, chẳng những thế, nghệ thuật sáng tạo dệt chữ thành gấm của Tô Huệ đối với lịch sử nghệ thuật của Trung Quốc cũng để lại ý nghĩa quan trọng.

Tô Huệ mất năm nào không rõ, nhưng theo một số sử gia suy đoán, thì Tô Huệ đến năm 379 Công Nguyên vẫn còn tại thế.

“Triển Cơ Đồ” như đã được giải thích ở trên rồi. Về cách đọc loại thơ này cũng không phải đơn giản, dễ dàng, vì thế cũng chỉ có

841 chữ, trên một tấm lụa vuông vắn, nhỏ bé, bằng cá khăn tay, mà có người đọc thành 7969 bài thơ, có người đọc thành 4206 bài, có người chỉ đọc được 280 bài, tùy theo sự cảm nhận của mỗi người.

Còn “Hồi Văn Thi” nghĩa là gì ?

Một học giả Trung Quốc đã giải thích rằng hai chữ “Hồi văn”, làm cho người ta liên tưởng đến hai chữ “Hồi hoàn”, “Hồi tín”, tức là một nghệ thuật sắp xếp các chữ theo thứ tự luân chuyển, hồi hoàn, để có thể đọc thuận cũng thành một câu thơ, đọc ngược lại cũng thành một câu.

Có thể nói, “Hồi Văn Thi”, là nghệ thuật làm thơ theo lối luân chuyển “hồi hoàn”, theo sự sắp xếp thứ tự của các chữ. Người ta chia làm ba cách đọc khác nhau chia ra :

- Cách thứ nhất của Hồi Văn Thi : Bất luận đọc thuận hay đọc ngược, thì câu thơ hay bài thơ, được đọc theo cách này vẫn chỉ là một thôi.

Thí dụ bài thơ dưới đây,

霧鎖山頭山鎖霧

Vụ tỏa sơn đầu sơn tỏa vụ

絕塞關心關塞絕

Tuyệt tắc quan tâm quan tắc tuyệt

月為無痕無為月

Nguyệt vi vô ngânvô vi nguyệt

雪送花枝花送雪

Tuyết tống hoa chi hoa tống tuyết

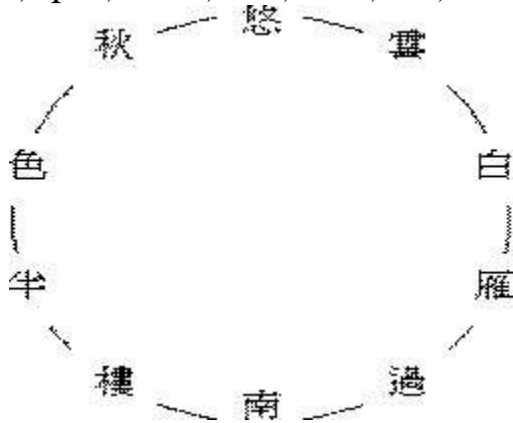
別離還怕還離別

Biệt ly hoàn phà hoàn biệt ly

Chúng ta thử đọc “thuận” câu đầu của bài thơ này, nghĩa là từ trái qua phải, thì chúng ta có “Vụ tỏa sơn đầu sơn tỏa vụ”. Còn nếu đọc “ngược” lại, tức đọc từ phải sang trái, thì chúng ta vẫn có câu “Vụ tỏa sơn đầu sơn tỏa vụ”. Cả bốn câu khác của bài thơ cũng vậy thôi.

Thể thơ “Hồi Văn Thi” làm theo cách thứ nhất này dễ dàng nhận ra

-Cách thứ hai, của thể thơ « Hồi Văn Thi », đòi hỏi tác giả và độc giả đều phải hao tổn đôi chút suy nghĩ, cân nhắc. Thí dụ chúng ta có một câu, gồm 10 chữ là 悠,雲,白,鴈,過,南,樓,半,色,秋 (Du, vân, bạch, nhạn, quá, nam, lâu, bán, sắc, thu), sắp trên vòng tròn như dưới đây :



Thì mười chữ này người ta có thể đọc thành bốn cách thuận, ngược, thành bốn câu khác biệt nhau :

(一) 悠雲白鴈過南樓

Du vân bạch nhạn quá nam lâu

(二) 雁過南樓半色秋

Nhạn quá nam lâu bán sắc thu

(三) 秋色半樓南過雁

Thu sắc bán lâu nam quá nhạn

(四) 樓南過雁白雲悠

Lâu nam quá nhạn bạch vân du

- Cách đọc “ Hồi Văn Thi ” cuối cùng khó khăn hơn cả, vì khi đọc thuận, chúng ta có một bài thơ, đọc “ ngược ”, chúng ta lại có một bài thơ khác, cảnh và ý của hai bài thơ không giống nhau. Thậm chí, đôi khi độc giả không khám phá được hai bài thơ này là từ thể “ Hồi Văn Thi ” mà ra.

Thí dụ như bài “ Đề Chúc Cẩm Đồ 題织錦图 ” của Tô Đông Pha như dưới đây :

春晚落花餘碧草，
夜涼低月半梧桐
人隨雁遠邊城暮
雨映疏簾繡閣空。

(Xuân vãn lạc hoa dư bích thảo; Dạ lương đê nguyệt bán ngô đồng, Nhân tùy nhạn viễn biên thành mộ, Vũ ánh sơ liêm tú các không)

Đọc ngược từ dưới lên trên và từ phải qua trái, chúng ta sẽ được một bài “ Hồi Văn Thi ” khác:

空閣繡簾疏映雨
暮城邊遠雁隨人。
桐梧掩月低涼夜，
草碧餘花落晚春

(Không các tú liêm sơ ánh nguyệt, Mộ thành biên viễn nhạn tùy nhân, Đồng ngô yếm nguyệt đê lương dạ. Thảo bích dư hoa lạc vãn xuân)

Vì là một thể thơ không dễ làm, nên chúng tôi thấy rất ít xuất hiện những bài thơ “ Hồi văn thi ” xuất hiện trên thi đàn Việt năm. Nhưng nói như thế, không có nghĩa là không có.

Paris, ngày 19-10-2013

Phạm Xuân Hy

ĐÀM CỬU

譚九

Tác Giả : Hòa Bang Ngạch

Bản Dịch của : Phạm Xuân Hy

*Đ*àm Cửu là con một nhà bán hoa ở Bắc Kinh. Một hôm, Cửu vâng lời cha mẹ đi thăm một người thân tộc sống ở Yên Giao, ngoại ô phía Đông thành phố. Lúc chàng cưỡi ngựa ra khỏi cổng thành, thì trời đã về chiều.

Giữa đường, chàng gặp một bà lão, áo quần chấp vá, cưỡi một con bạch mã, yên cương rất là hoa lệ, đi cùng đường với Cửu khi trước, khi sau.

Bà lão hỏi Cửu:

- Cậu Hai đi đâu đấy ?

Cửu cho bà lão biết là mình đi ra ngoại ô thăm người nhà .

Bà lão nói:

- Từ đây đến Yên Giao, còn cả mười dặm nữa. Đường nhiều chỗ lầy lội không dễ đi đâu, cậu Hai không nghe người ta nói hay sao? Vả, bây giờ chuông chùa đã đổ, trời đã xế chiều , nơi đây lại hoang dã tịch liêu chắc gì cậu sẽ không gặp đạo tặc cơ chứ ? Tệ xá cũng gần đây, mời cậu ghé nghỉ đỡ đêm nay, mai dậy đi cho thư thả...

Lúc đó, trong lòng Cửu cũng đã nơm nớp lo âu, nghe bà lão bàn như vậy thì chịu ngay.

Bà lão cho ngựa vượt lên trước. dẫn đường cho Cửu. Hai người đi theo một con lộ nhỏ hoang vắng, chừng hơn hai dặm thì đến một khu rừng có ánh đèn thấp thoáng. Bà lão cầm roi ngựa chỉ về hướng đó và bảo Cửu:

- Đến nơi rồi!

Hai người buông cương cho ngựa chạy thẳng đến đấy.

Cửu thấy có hai gian nhà thấp le tè lụp xụp, tường bằng đất cả , vừa tầm vai chàng.

Bà lão xuống ngựa, mở cửa mời Cửu vào. Chàng thấy trong nhà trống rỗng chẳng có đồ đạc chi cả, ngoài chiếc đèn lồng treo trên vách tường. Một người thiếu phụ đang nằm ở trên bục bếp, vạch ngực cho con bú. Bà lão bảo với thiếu phụ:

- Có khách đến chơi kìa. Dậy mau đi chứ!

Người con dâu từ từ đứng dậy, đưa tay vấn lại mái tóc . Đứa bé đang bú, bị bỏ rơi, bật khóc oe oe.

Bà lão bèn móc trong túi ra một chiếc bánh nướng đưa cho nó , thì nó nín ngay không khóc nữa.

Cửu thấy người thiếu phụ khoảng hai chục tuổi. Đôi mắt ươn ướt như vướng lệ, trông sầu thảm, u buồn, chẳng có gì là vui vẻ hoan lạc.

Bà lão lại bảo với người con dâu:

- Con đi đun nước pha trà, u đem trả ngựa rồi về ngay.

Nói xong thì ra ngoài, giắt ngựa đi.

Người con dâu lấy một nhúm rơm châm vào đèn để lấy lửa . Bấy giờ Cửu mới để ý nhìn kỹ. Nàng mặc một chiếc áo ngắn bằng vải bố màu hồng. Một chiếc quần cộc màu lục. Một chiếc yếm che ngực màu lam. Đôi hài thì chiếc cao chiếc thấp, cũ rách. Tất cả đều tề nát, để hở cả khuỷu tay , bắp chân và hai gót chân.

Cửu còn trẻ, nói năng chậm chạp, nên không thể hỏi han thiếu phụ nhiều hơn, nhưng trong lòng thì âm thầm thương nàng vô hạn.

Một lát sau, bà lão trở về bảo với Cửu:

- Lại đi trả ngựa lại cho chủ, để cậu phải ngồi một mình tịch tịch , ở trên ấy, nghe nói có khách, cũng muốn mở tiệc khoản đãi cậu một bữa, nhưng tôi từ chối, lấy cớ là trời đã quá trễ. Họ đều gửi lời hỏi thăm cậu đấy.

Cửu dạ, dạ, đáp lại.

Bà lão lại tiếp:

- Bôn trì suốt cả nửa ngày, chắc là cậu đói bụng lắm rồi . Con ơi, mau dọn cơm đãi khách đi. U xuống cho lừa ăn.

Cửu nói:

- Quấy rầy cụ thế này , cháu thật chẳng yên lòng chút nào . Ngày mai lên đường nhất định xin cụ cho cháu hoàn lại phí tổn.

Bà lão xoa tay bảo chàng:

- Cậu đừng khách sáo nữa , ít thảo liệu cho lửa ăn có đáng gì! Rồi đi cho lửa ăn.

Một lát đã xong. Người con dâu cũng đã đem rượu và đồ nhậu ra bày. Cữu thấy bát đĩa rất là thô lậu , xấu xí. Lại phải bẻ cành cây để làm đĩa, và dùng cái bồn để làm hồ đựng rượu. Còn đồ nhắm tinh là thịt cá, nhưng nguội tanh, lạnh ngắt, Cữu không thể nào ăn nổi.

Bà lão bê đèn lại gần, khuyên mời Cữu uống chút rượu , nhưng chàng từ chối, nói là không biết uống, bèn đem cơm lên. Cơm cũng nguội lạnh băng giá. Cữu cố gắng lắm mới ăn hết một chén.

Chàng ăn xong thì người con dâu đến dọn dẹp , mang bát đĩa đi. Còn bà lão thì ngồi lại đàm đạo với Cữu.

Một lát sau, người con dâu trở ra, nơi dưới ánh đèn bắt chấy cho con.

Cữu hỏi bà lão:

- Cháu nghe giọng nói của cụ , hình như không phải là người Bắc Kinh. Còn nương tử, quần áo, trang phục lại giống như người Mãn Châu, chẳng hay thuộc bang tộc nào vậy ?

Bà lão đáp:

- Quả đúng như cậu nói. Tôi người phủ Phụng Dương, tỉnh An Huy, họ Hầu . Cái năm trời làm mất mùa, tôi bỏ xứ, lưu ly trôi dạt đến Bắc Kinh, phải may thuê vá mướn cho người ta để mưu sinh. Sau đó tôi cải giá, lấy một người nhà quê ở vùng này, tên là Hắc Tử, đã gần ba chục năm, nay ông nhà tôi cũng đã già rồi. Tôi có hai người con. Một gái. Một trai. Đứa con gái đã lấy chồng, còn đứa con trai đi làm thợ nề ở trên tỉnh. Ông nhà tôi tuy tuổi già sức yếu vẫn phải đến làm công trong một cửa tiệm, gánh nước rửa đồ cho người ta. Ngày mai cậu đi qua đó, hãy thấy người nào có chòm râu bạc, da mặt nhăn nhúm như da gà , đằng sau tai có một cái bướu to bằng quả trứng, chính là ông nhà tôi đấy. Còn đứa con gái này là con dâu

tôi họ Từ . Thật ra thì đi ở cho một nhà giàu ở trên kia. Chủ của nó là một vị Tham Lãm họ Ba, về hưu đã lâu để cho con thừa tập chức vị. Chính là nơi tôi vừa đến mượn ngựa để đi đấy .

Cửu nói.

- Cháu thấy nhà cụ thanh bần, nghèo khổ , việc gì mà phải đãi khách một cách thịnh soạn thế này ?

Bà lão cười, đáp:

- Khách đến bất thành linh , nhà lại nghèo, thì lẽ nào ho một tiếng mà thành cỗ ngay được? Chẳng qua là gặp dịp tiết Trung Nguyên, nhà giàu trên ấy họ chiếu lệ cho ít đồ ăn thừa. Vừa rồi mạo muội mời cậu, thật là xấu hổ, đâu dám gọi là thịnh soạn! Cửu ngồi lâu cũng cảm thấy mệt mỏi. Lại không tiện nằm xuống nghỉ , bèn lấy dọc tẩu và thuốc phiện ra hút. Người con dâu thấy Cửu hút, chốc chốc lại liếc nhìn chàng, tỏ vẻ muốn xin được hút. Bà lão chiều ý, bèn vỗ tay bảo với Cửu:

- Con dâu tôi thêm thuốc, đến chảy cả nước miếng kia . Cậu có thể cho em nó vài điếu được không ?

Cửu lấy một nang thuốc đưa cho người con dâu. Bà lão tiếp:

- Máy lúc gần đây bần bách túng quẫn. Không có cái thứ này đã già nửa năm nay rồi, thì lấy dọc với tẩu ở đâu ra !

Cửu bèn đưa nốt dọc tẩu của mình .

Người con dâu hút xong một điếu , tỏ vẻ rất khoan khoái. Mặt mày tươi tỉnh , rạng rỡ xinh đẹp hẳn ra.

Bà lão nhìn thấy vậy , gật gật cái đầu , tỏ ý hài lòng,nói :

- Tôi sống đến nay đã hơn sáu chục rồi , chưa hề nếm thử cái thứ này lần nào. Thật không biết mấy người ghiền, vì lẽ gì lại mê say đến thế ?

Cửu nói:

- Cháu cũng chẳng biết nữa , thứ này nếu không hút thì thôi, còn đã hút vào rồi thì một phút cũng không rời ra được. Có thể bỏ ăn, chứ không thể nào bỏ hút được.

Bà lão nghe nói thế thì cười ha hả.

Cửu tiếp:

- Nếu nương tử đã thích hút , thì lần khác cháu sẽ mua cả thuốc và dọc tẩu đem đến, gọi là có chút quà mọn để biếu nương tử.

Bà lão gật đầu , đồng ý .

Cửu ra ngoài đi tiểu. Thấy giải ngân hà lấp lánh ở mé trời Tây. Một vầng trăng bạc chênh chếch núp sau những lùm cây đen xì. Chàng ước chừng là vào khoảng canh tư.

Bà lão từ trong nhà lớn tiếng nói vọng ra:

- Từ khi khách đến chơi, chưa hề lúc nào được thư thả, xin mời khách vào nhà nghỉ ngơi cho khỏi mệt.

Cửu vào trong nhà, nói với bà lão:

- Cũng chưa trễ lắm , để cháu ngồi chuyện trò thêm chút nữa.

Bà lão nói :

-Cậu chẳng nên gắng gượng làm gì, ngày mai dậy còn phải lên đường Tôi lại có việc cần nhờ cậu giúp, mong cậu lưu ý cho. Cửu nói:

- Cụ yên chí đi, cháu xin hết lòng?

Bà lão lại tỏ ra xấu hổ, nói:

- Nhà tôi nghèo túng quá, chần mèn chẳng có, khiến cho cậu phải chịu gò bó.

- Cụ cứ cho cháu mượn cái chiếu trải xuống đất là ngủ qua đêm được rồi , đâu có dám làm phiền cụ nhiều hơn nữa.

Rồi ai nấy đều đi ngủ.

Cửu đi đường mệt mỏi, nên vừa đặt mình xuống giường là ngủ say. Chừng tỉnh giấc thức dậy, thì nghe bên tai có tiếng côn trùng rên rỉ, cỏ cây thì thào, đom đóm lập lòe trước mắt. Cửu hoảng hồn đứng dậy. Té ra là chàng vừa nằm giữa một đám rừng, toàn tòng và bách. Con lừa chàng buộc ở gốc cây lúc trước, vẫn tiếp tục gặm cỏ đều đều . Sương thu ngấm ướt đầm áo quần. Cửu cảm thấy khí lạnh thấu đến tận xương tủy. Duy nhà cửa , bà lão, và mẹ con thiếu phụ đều biến đâu mất. Gần đó, lại có một ngôi cổ mộ đã sứt một nửa, nằm đìu hiu giữa cỏ lau và gai sậy chằng chịt. Bất giác, người Cửu nổi da gà, vội vã dắt lừa ra ngoài rồi phi nước đại.

Chạy chùng bốn năm dặm thì trời gần sáng, bấy giờ chàng mới hơi định thần lại.

Sau khi đến Yên Giao, đi thăm hỏi người bà con xong, Cữu lại theo đường cũ trở về. Chàng dừng ngựa nghỉ ngơi trước một cửa tiệm thì thấy một ông già làm công đứng rửa những đồ lặt vặt, hao hao tựa như người chồng của bà lão họ Hầu kể. Chàng đến bên hỏi thăm thì quả nhiên tên Hắc Tử. Lòng càng lấy làm lạ, bèn dẫn ông lão ra một chỗ vắng, đem những việc đã gặp đêm trước thuật lại cho ông ta nghe.

Ông lão ứa nước mắt, nói:

- Cứ như những gì cậu kể, thì quả đúng là vợ và con dâu và cháu tôi đã quá cố rồi đây. Nhà tôi mất cách đây hai năm. Còn đứa con dâu năm ngoái vì nan sản, nên hai mẹ con cùng mất trong một đêm. Chẳng lẽ họ lại có thể cùng nhau xum họp ở dưới địa hạ hay sao ?

Cữu cũng cảm thấy thắc mắc hỏi :

- Vậy còn Ba Tham Lãnh là người như thế nào ?

Hắc lão đáp:

- Là người thuộc một trong Bát kỳ , và là cha của viên Tá Lãnh họ , chết đã hơn mười năm nay rồi. Từ đây đi thẳng về phía chỗ chiếc cầu gỗ chính là nơi mộ phần của ông ta đây . Con dâu tôi đi ở cho nhà ấy, còn vợ chồng tôi vốn là người thủ mộ cho họ. Năm ngoái vì mưa dầm, nhà cửa phòng ốc bị xiêu vẹo đổ nát. Viên Tá Lãnh không thể tu bổ sửa chữa lại được, tôi không có đất dung thân, phải đi làm mướn ở đây sống qua ngày vậy.

Hôm qua là ngày tiết Trung Nguyên, viên Tá Lãnh về thăm mộ, nhân dịp đốt vàng mã và thuyến giấy, duy không biết nhà tôi mướn ngựa đi đâu và đi việc gì ?

Cữu cảm thán một hồi lâu , rồi cởi bọc lấy ra năm trăm quan tiền tặng Hắc lão, bảo đi mua những đồ dùng , vật tư cúng dường chốn âm gian, chớ để cho những hồn ma phải đói khổ lạnh lùng.

Hắc lão cảm động đến rơi lệ, hết lời cảm tạ Cữu.

Sau khi trở về nhà, Cữu không muốn thất hứa với ma, Cữu bèn đi mua hai xấp giấy và hai phong thuốc trở lại nơi mồ của mẹ con

Hầu thị , khẩn vái rồi đốt đi. Lại hỏi thăm ngôi mộ của Ba Tham Lãnh thì quả nhiên về hướng Bắc độ mười võ có một tấm bia đá vỡ, nằm giữa đám tòng bách um tùm già cội .

Vài nét về tác giả:

Hòa Bang Ngạch (和邦額)

Tác giả " Dạ Đàm Tùy Lục " là Hòa Bang Ngạch,tự là Nhân Trai,hiệu là Tế Viên Chủ Nhân,người Mãn tộc,sinh khoảng năm Càn Long nguyên niên,tức năm 1736,chết năm nào không rõ.Cuộc đời của ông chu du nhiều nơi,từ Thiểm Tây ,Thanh Hải,Cam Túc,Triết Giang,Phúc Kiến,Kinh đô đều có lưu lại dấu chân ông.Ông lại là người có kiến thức rộng,thích thâm nhập những truyện dân gian kỳ lạ.Ông là một tiểu thuyết gia nổi tiếng vào đời nhà Thanh.

Dạ Đàm Tùy Lục, gồm có 12 quyển, 160 đoạn biên tiểu thuyết, viết theo lối văn ngôn. Nội dung tuy là các chuyện nói về ma, quỷ, chồn tinh, yêu quái, nhưng phản ánh xã hội hủ bại đương thời, chỉ trích các thế lực gian tà hắc ám, đề cao chân thiện mỹ , ca tụng những mối tình trai gái thủy chung.Các nhân vật thần tiên, quỷ quái, thơ sinh, kỹ nữ... đều được tác giả mô tả rất sinh động như sống thật,văn vừa phong trong sáng.

Trong lịch sử văn học Trung Quốc, Dạ Đàm Tùy Lục chiếm một địa vị quan trọng,và được vinh dự coi là Liêu Trai Trí của Mãn tộc.

Một số truyện trong Dạ Đàm Tùy Lục đã được chúng tôi tuyển dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh, và Thúy Thúy Truyện trước đây

Chú Thích

Bắc Kinh (北京)

Bắc Kinh là một danh thành có lịch sử lâu đời, và tùy theo sự biến thiên của lịch sử, Bắc Kinh thay đổi theo, và có những tên gọi khác nhau.

-Vào thời thượng cổ, vùng đất Bắc Kinh có tên gọi là U Lăng.

- Nhà Hạ gọi là Ký Châu.
- Nhà Chu gọi là Kế.
- Thời Xuân Thu Chiến Quốc gọi là Yên.
- Nhà Tần đặt Quảng Lăng, Ngự Dương.
- Nhà Tây Hán gọi là U Châu.
- Đông Hán gọi là Quảng Hữu, Phạt Nhung.
- Bắc Ngụy gọi là Yên Quận.
- Nhà Tùy lại đổi là Trác Quận.
- Nhà Đường gọi là Phạm Dương Quận.
- Nhà Liêu đặt Nam Kinh ở đây, và gọi là Yên Kinh.
- Nhà Kim đặt Trung Đô, rồi đổi là Đại Hưng Phủ.
- Nhà Nguyên gọi là Đại Đô.

-Cho đến năm Vĩnh Lạc nguyên niên tức 1403 vua Thành Tổ , nhà Minh mới gọi là Bắc Kinh, và đặt Thuận Thiên Phủ, đến năm 1421 đổi là Kinh Sư.

- Đến nhà Thanh tiếp tục gọi theo như nhà Minh.
- Đến thời Dân Quốc lại gọi là Bắc Bình.

Còn theo sách Vật Nguyên Bách Khoa Từ Điển, viết về Bắc Kinh như sau :

Bắc Kinh là có tên gọi sớm nhất là Kế. Cách đây 3000 năm người ta đã thấy Kế thành được ghi bằng văn tự. Từ khi Tần Thủy Hoàng thống nhất toàn quốc, lập ra một quốc gia phong kiến trung ương tập quyền, qua các triều đại Hán, Tùy, Đường , trước sau một ngàn năm, Kế thành là một trọng trấn, có địa vị thập phần quan trọng cả về quân sự, lẫn kinh tế... Về sau người Khiết Đan kiến lập vương triều nhà Liêu , lập bồi đô ở đây, đổi Kế thành gọi là Nam Kinh, rồi lại gọi là Yên Kinh. Năm 1153, người Nữ Chân ở lưu vực sông Tùng Hoa trở nên cường thịnh, kiến lập vương triều nhà Kim, nhà Kim chính thức đặt kinh đô ở Kế thành và gọi là Trung Đô. Và từ đây, Bắc Kinh trở thành nơi đặt kinh đô của các triều đại phong kiến.

Đến triều Nguyên, dời đô từ cao nguyên Mông Cổ về Bắc Kinh, rồi tại đây, xây cất lại một thành thị khí thế hùng vĩ, mỹ lệ nhất thế

giới vào thời bấy giờ, đặt tên là Đại Đô Thành.

Trên thực tế, Bắc Kinh thành ngày nay phát triển trên cơ sở của Đại Đô thành nhà Nguyên.

Khi Chu Nguyên Chương đánh đổ nhà Nguyên, lập ra nhà Minh, kiến đô ở Nam Kinh ngày nay, và đổi Đại Đô thành là Bắc Bình.

Năm 1403, con của Chu Nguyên Chương là Yên Vương Chu Lệ soán đoạt ngôi vị, thiên đô từ Nam Kinh đến Bắc Bình, và đổi tên là Bắc Kinh. Danh xưng Bắc Kinh chính thức xuất hiện từ đây, cho đến nay được gần 600 năm lịch sử. Đến nhà Thanh vẫn tiếp tục gọi tên là Bắc Kinh.

Đến thời Dân Quốc mới lại gọi là Bắc Bình.

-Và thời Trung Cộng ngày nay lại khôi phục lại danh xưng là Bắc Kinh.

Trung Nguyên Tiết (中元節)

Trung Nguyên tiết , tức ngày 15 tháng 7 Nông Lịch. Là ngày

- Tiết Trung Nguyên của Đạo Giáo

- Lễ Vu Lan Bồn của Đạo Phật

-Và lễ Quỷ Tiết của tín ngưỡng dân gian Trung Quốc.

Tương truyền là vào ngày cửa dưới địa ngục được mở ra. Các quỷ ở dưới âm ty được giải phóng. Các con cháu tế tự cho các linh hồn được trở về nhà để thụ hưởng đồ cúng dường

Ngòai ra, có những linh hồn vô chủ vất vưởng lang thang đi kiếm thức ăn, nên người ta tranh nhau bày biện thức ăn siêu độ các linh hồn này, và cầu các linh hồn này phù hộ chữa trị bệnh tật. Vì thế trở thành tập tục của Người Trung Hoa, nên gọi ngày 15-7 được gọi là ngày " Trung Nguyên Phổ Độ - 中元普渡 ", sau phát triển rộng rãi gọi là " Vu Lan Thắng Hội 盂蘭勝會).

-Theo giải thích của Phật Gia, thì ngày 15 tháng 7 Âm Lịch là ngày các Phật Tử cử hành lễ " Vu Lan Bồn Pháp Hội 盂蘭盆法會 " để cúng phụng Phật Tổ và Tăng Nhân, tế độ lục đạo khổ hạnh, đồng thời để báo công ơn nuôi nấng của cha mẹ.

Theo " Phật Thuyết Vu Lan Bồn Kinh " thì Vu Lan Bồn là dịch âm của chữ Phạn " ullambana "

" Vu Lan 盂 蘭 "có nghĩa là " treo ngược ", tức cảnh khổ nạn nguy cấp.Còn " Bồn 盆 " có nghĩa là " vật dùng để cứu ", vì thế " Vu Lan Bồn 盂 蘭 盆 " được diễn dịch là vật cứu vớt chúng sinh trong cảnh khổ nạn nguy cấp.

Tương truyền rằng, Mục Kiền Liên, một đệ tử của Đức Phật, nổi tiếng thần thông, mẫu thân của bà khi sống làm nhiều điều ác, nên chết hóa thành Ngạ Quỷ.Mục Kiền Liên nhờ pháp thuật của mình trông thấy cảnh khổ của mẹ nên rất thương tâm.Mục Kiền Liên nghe lời khuyên của Phật Thích Ca, tụ hội các tăng lữ,mỗi năm vào tháng bảy đem bách vị ngũ quả để trong bồn cúng dường thập phương tăng chúng, nên cứu được mẹ ra khỏi cảnh khổ nạn .

Lễ Vu Lan Bồn bắt đầu có từ đời Lương Võ Đế thời Nam Bắc Triều.

-Còn Đạo Gia mỗi năm có ba ngày đại lễ gọi là Tam Nguyên, là các ngày :

-15 tháng giêng Âm Lịch gọi là Lễ Thượng Nguyên, chủ yếu là nghi thức chúc phúc.

-15 tháng giêng Âm Lịch gọi là lễ Trung Nguyên.Người Trung Hoa tin rằng tháng 7 thì dưới Địa Ngục mở cửa thả các cô hồn vô chủ ở dưới Âm Gian trở về dương thế để thụ hưởng đồ cúng tế.

-15 tháng 10 Âm Lịch gọi là lễ Hạ Nguyên, nghi thức giải trừ những tai họa cho người có lỗi.

Đến thời nhà Tống, do xu hướng dung hợp của Nho Giáo, Đạo Giáo, Phật Giáo phát triển mạnh, dẫn đến sự kết hợp Tiết Trung Nguyên , Tiết Vu Lan Bồn, và tập tục sùng bái linh hồn tổ tiên của người Trung Hoa làm một.

Bát Kỳ (八 旗)

-Tổ chức quân đội và biên chế hộ khẩu của Mãn tộc nhà Thanh, dùng cờ làm hiệu.Chia ra 8 loại cờ hiệu là Chính Hoàng, Chính Bạch,Chính Hồng, Chính Lâm, Tương Hoàng, Tương Bạch, Tương Hồng, Tương Lam.

Sau lại thiết lập thêm Mông Cổ Bát Kỳ, và Hán Quân Bát Kỳ, là những người Mông Cổ , và Hán qui phụ gia nhập quân đội của nhà

Thanh.

Những con cháu của Bát Kỳ, được gọi là Bát Kỳ Tử Đệ, thường ý vào công lao của tổ tiên để du thủ rong chơi.

-Trong quá trình thống nhất các bộ tộc Nữ Chân, Nỗ Nhĩ Cáp Xích đem Ngũ Lục 牛录, và tổ chức quân sự, sẵn sẵn có sẵn cải tạo thành " Cố Sơn 固山 ", (có nghĩa thành từng Kỳ 旗 theo Hán ngữ).

Đến năm 1601, Nỗ Nhĩ Cáp Xích đã thiết lập được Hoàng Kỳ, Bạch Kỳ, Hồng Kỳ, và Lam Kỳ.

Đến năm 1615, Nỗ Nhĩ Cáp Xích chính thức thiết lập Bát Kỳ Chế Độ, qui định là

-300 người lập một Ngũ Lục 牛录 .

-5 Ngũ Lục lập một Trát Lan Ngạch Chân 扎蘭額真 .

-5 Trát Lan Ngạch Chân lập một Cố Sơn Ngạch Chân 固山額真, tức là một Kỳ 旗 (một màu cờ).

Đồng thời tại 4 Kỳ đã có sẵn là Hoàng Kỳ, Bạch Kỳ, Hồng Kỳ, Lam Kỳ tăng gia thêm 4 kỳ nữa là Tương Hoàng Kỳ 黃, Tương Bạch Kỳ, Tương Hồng Kỳ, Tương Lam Kỳ (có nghĩa là ở biên duyên của bốn màu cờ sẵn có, viên thêm một màu khác, như Hoàng, Bạch, Lam thì ở biên duyên viên thêm màu Hồng, còn màu Hồng thì ở biên duyên viên thêm Trắng. Tương 鑲 có nghĩa là viên).

Sau khi Hoàng Thái Cực lên ngôi, lại đem người Mông Cổ, và người Hán biên chế thành Mông Cổ Bát Kỳ, và Hán Quân Bát Kỳ. Sau nữa lại đem những thiểu số dân tộc ở vùng đông bắc lập thành Bộ Đặc Cáp Bát Kỳ.

Lúc mới đầu, Bát Kỳ Chế Độ có ba chức năng về ba phương diện quân sự, hành chánh, và sinh sản.

Sau này, chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa; mới dùng màu vàng là màu đặc biệt dành riêng cho Hoàng Đế, nhân thế Chính Hoàng Kỳ, và Tương Hoàng Kỳ là Kỳ do hoàng đế nhà Thanh đích thân thống lãnh.

Đến đời Thuận Trị, thêm Chính Bạch Kỳ thuộc quyền của nhà vua, gọi là Thượng Tam Kỳ, địa vị cao trọng hơn năm Kỳ khác.

*Tá Lãn*h (佐領)

Tá Lãn h còn gọi là Ngũ Lục Ngạch Chân là tên gọi một chức quan của nhà Thanh triều.

Vào thời kỳ đầu nhà Thanh, người Mãn tộc xuất quân, hoặc lúc đi săn thú, dựa theo tổ chức đội ngũ của gia tộc, hay sơn trại , cứ mỗi mười người chọn một người làm thủ lĩnh gọi là "Ngũ lục ngạch chân". Năm Minh Vạn Lịch nhị thập cửu niên, tức năm 1601 CN, Nỗ Nhĩ Cáp Xích tổ chức ba trăm người làm một "Ngũ lục", để làm cơ bản hộ khẩu, và đơn vị biên chế quân đội, và do một "Ngũ lục ngạch chân" trông coi, sau trở thành tên gọi của một chức quan. Đến năm Thiên Tông bát niên, tức năm 1634 CN, Thanh Thánh Tổ tức vua Khang Hy, cải tên là "Ngũ lục chương kinh", dịch ra Hán văn là "Tá Lãn h", có nhiệm vụ trông coi các việc hộ khẩu, điền trạch, binh tịch, tổ tụng.

LIÊU THANH KHANH

柳青卿

Tác giả : Trường Bạch Hạo Ca Tử

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

Một ngọn đèn xanh lửa đóm, hắt hiu tranh sáng với loài ma

Bao phen dậm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ

Liêu Tuyên Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

Đới Kính Thần người huyện Văn An, học hành uyên bác, nhưng diện mạo xấu xí, mình thô bụng phệ, lưng to, mà tuổi thì chưa đến ba chục, râu ria xồm xoàm mọc đầy cả mặt, nhân thể người ta mới đùa gọi là "mao bạn" - anh mập lông.

Năm Canh Tí đời Khang Hy, Đới với tư cách cống sĩ đi thi đậu tiến sĩ, chờ bổ làm huyện lệnh Mạt Dương, dân bản địa thấy tướng mạo xấu xí của Đới, đều bảo Đới là Bàng Thống đời Tam Quốc tái sinh. Còn tiểu thư khuê các khi nghe nói đến Đới, đều chau mày, lắc đầu, xua tay.

Cái xấu tướng của Đới bị người đời khinh bỉ đến như vậy.

Sau khi đến nhiệm sở được một năm, Đới có việc phải lên tỉnh, đêm ngủ trọ trong nhà một hương thân. Nhà hương thân có một ngôi lầu bỏ hoang đã lâu ngày, thường khóa kín cửa, nhân quan huyện đến, mới được quyết dọn sạch sẽ để lấy chỗ nghỉ ngơi, và để hành lý.

Đới và viên hương thân ngồi uống rượu mãi khuya mới cùng một đứa đầy tớ lên lầu ngủ, còn lại thì ngủ dưới nhà. Đới rượu say, không ngủ ngay được, nằm trần trọc mãi cho đến trống điểm canh ba, bỗng ngửi thấy mùi dị hương bay đến bên giường.

Chàng ngửi thử, thấy man mát như mùi quế, lại nồng nồng như mùi xạ hương, bụng cho là do từ cây hoa trồng ở đằng trước lầu đưa tới, nên cũng không lấy làm lạ. Lát sau, lại nghe có tiếng cười hích hích, bèn vội vã mở mắt ra nhìn. Té ra là một thiếu phụ, trông diễm

lệ tuyệt trần, đang bung miệng đứng cười khúc khích dưới ánh đèn. Đói cho là yêu quái, chẳng cần hô gọi đầy tớ, đột ngột tung người nhảy xuống giường, cứ tồng ngồng vồ ngay lấy thiếu phụ.

Thiếu phụ hoảng hốt muốn bỏ chạy, lấy vạt áo che miệng cười, nói :

- Chàng " đểu " như thế kia, không xấu hổ với mỹ nhân à ? Thiếp xin chạy xa thôi.

Nói rồi, vội vã đào tẩu.

Chẳng may tấm vải bó chân của nàng hơi lỏng ra, vướng vào thành giường của Đói, khiến nàng té xuống, bị Đói túm ngay được, không chạy nổi.

Đói kéo thiếu phụ đến bên giường, hỏi nàng từ đâu đến.

Thiếu phụ hai má ửng hồng , bẽn lẽn đáp :

- Thiếp họ Liễu, tên chữ là Thanh Khanh, thật ra là hồ ly. Thiếp phục dịch trên núi Hành Sơn, nay đã mãn nhiệm trở về cố hương, thấy ngôi lầu này phong cảnh u nhã, nên tạm thời làm chỗ trú chân, chẳng ngờ chàng cũng đến đây.

Hơi thở từ miệng son của nàng phả ra, Đói thấy thơm phức như mùi hoa bách hợp. Bất giác tình xuân dao dăng, phơi phơi như cờ gặp gió, cố ép thiếu phụ cởi quần áo.

Người thiếu phụ, cười nói :

- Phàm là hồ ly, thường mê hoặc và hại người ta, ai gặp phải ắt bị chết. Chàng là người có phẩm hạnh, mệnh còn chưa hết, sao lại bỏ chỗ sống mà tìm cái chết vậy ?

Nói xong cầm vạt áo hồng lên che miệng, cười hích hích.

Đói vốn tự ghét mình vì diện mạo xấu xí, nay lại bị hồ ly cự tuyệt, chê mà không nhận, càng buồn giận hơn. Bèn cứ sấn đến gần, tự tay cởi những nút quần áo của nàng ra, rồi cảm khái nói :

- Chết thì chết ! Sống mà hình hài xấu như ma mút, thà chết quách dưới bàn tay của hồ ly cho xong. Chịu sao nổi sự khinh miệt của người đời mãi được.

Liễu lấy ngón tay thon nhỏ , gõ gõ vào cái bụng da của Đói, nói

:

- Bụng to như cái túi năm dẫu, lại còn ép người ta giao hợp. Chàng thật không biết lượng sức mình.

Đối không nghe, càng ra sức ôm nàng cho chặt. Khi yếm của Liễu vừa cởi bung xong, Đối đã nghe mùi hương cỏ dại bay ra ngào ngạt, rồi từ toàn thân nàng tán phát ra khắp chung quanh, khiến cho Đối thần hồn điên đảo. Liễu cũng không dẫu nỗi sự xấu hổ, bèn tự động lên giường, chui vào trong chăn của Đối, kéo lên phủ kín đầu mà nằm. Đối dần không nổi cơn dục vọng đang như lửa cháy, không nhìn được nữa, cũng mở chăn chui vào.

Rồi cùng nàng âu yếm.

Việc xong, Liễu lấy tay vuốt hàm râu của Đối, cười tủm tỉm, nói :

- Râu ời là râu ! Ria ời là ria ! Trận chiến đã tàn rồi, thì nên chia tay nhau thôi chứ

Đối cũng cười theo, nói :

- Râu ời là râu ! Ria ời là ria ! Từ nay đừng lia xa nhau nữa nhé .

Sau đó, cả hai đều cười sáng khoái.

Liễu xoay người sang, nói :

- Dương Quý Phi với An Lộc Sơn ân ái, so với cuộc ái ân của đôi ta ngày nay xem ra cũng là một điều khó.

Thình lình nghe có tiếng gà gáy rạng đông, Liễu đứng dậy mặc quần áo, ý muốn giã từ Đối ra về. Nhưng Đối nắm tay giữ lại, nhất định đòi phải có lời hẹn hò tái ngộ.

Liễu nói :

- Trong lúc hồi hã, thiếp đã đem tấm thân trinh bạch này hiến cho lang quân, thì từ nay thân này sẽ là của lang quân. Nay thiếp rời khỏi nơi đây cũng chẳng biết đi về đâu. Mà lang quân lại đang có công vụ, thiếp nào dám quấy rầy. Xin đợi chừng nào lang quân về huyện sở, thiếp sẽ tự đến, lúc đó sẽ xin cùng " ông râu ria " bạch đầu giai lão.

Nói xong, bèn lấy ra một túi hương thơm tặng cho Đối, rồi trân trọng từ giã.

Sáng dậy, Đới ém nhem không thuật gì với hương thân chuyện đã xảy ra đêm trước. Cứ một mạch đi lên phủ, vào yết kiến thượng ty.

Sau khi công việc xong xuôi, Đới vội vã trở về nhà ngay, chỉ sợ lỡ hẹn với Liễu. Lúc đi qua nhà hương thân, chàng không xin vào tá túc nữa, chỉ hướng về ngôi lầu, đọc mao thi, lâm râm khẩn khứa : " Xin nàng đừng vì ta xấu xí râu ria, mà vội vã bỏ nhau nhé ! "

Khẩn xong, lại tiếp tục đăng trình.

Về đến huyện sở, Đới ra ngủ ở ngoài tầm thất để chờ đón Liễu. Qua nhiên, vào quãng nửa đêm, Liễu đến. Nàng vén rèm đi thẳng vào trong phòng, mუმ mუმ cười bảo với Đới :

- Gái phòng the, cô nào cũng sợ ông bụng phệ, chỉ riêng mình thiếp là yêu chàng râu ria thôi !

Rồi đến ngồi gần Đới, kề vai sát cánh, hài hước cười đùa, mặn nồng còn hơn cả ân ái.

Từ đấy, buổi tối thì nàng xuất hiện, ban ngày thì ẩn tàng, không hề có lìa xa Đới nữa. Cả huyện không ai hay biết gì cả.

Một hôm, nàng bảo Đới :

- Các chị em trên Hành Sơn, có ý muốn mời lang quân dự yến để biểu thị lời chúc tụng, liệu tối mai chàng có thể đi được không ?

Đới hỏi :

- Thế yến tiệc thết ở đâu ?

Thiếu phụ đáp :

- Ở trên thiên đình.

Đới cười, cho Liễu là nói chơi. Nàng nghiêm sắc mặt, trịnh trọng nói :

- Lang quân không tin thiếp có thể lên thiên đình được sao ? Câu " nhất bộ thanh vân ", chỉ là lời nói khoa trương của người trần thế như chàng, nên nói đến việc thiếp lên thiên đình lại chολà giả, không có thật.

Rồi tiếp :

- Nếu chàng muốn đi, thì mày râu diện mạo phải trang điểm lại cho bảnh bao, chứ bụng phệ núm nính, râu ria rậm rạp như thế kia,

tất bị chị em họ cười cho, thiếp không chịu nổi đâu !

Đói chỉ gặt đầu cho xong, lòng không tin gì lắm.

Tối hôm sau, Liễu lấy ra một vật như cái túi dùng để bọc, bảo với Đới :

- Thiếp vì chàng mà làm cái vật này, mất bao tâm trí, chàng hãy mặc vào cùng thiếp đi dự yến.

Đới mở bao ra xem kỹ. Té ra là một tấm da người, tương tựa như ve sần thoát xác, đủ cả mắt mũi, xương cốt, tứ chi phân minh rõ ràng, khiến chàng giật mình sợ hãi.

Liễu thấy thế, bảo chàng nhìn kỹ lại. Thì ra tấm da người ấy được làm bằng một loại lụa bạch, không thấy một vết khâu nào, tưởng chừng như do Chức Nữ ở trên thiên đình may cho.

Bấy giờ chàng mới tin Liễu là người có pháp thuật thần dị.

Liễu bảo Đới cởi bỏ quần áo, mặc bộ da người đó vào. Nhưng chiếc áo da người ấy chỉ lọt qua được một nửa tấm thân núng nính đầy thịt của chàng, đến chỗ bụng phệ thì ngừng lại. Liễu phải dụng thuật án ma vừa xoa bóp cho Đới vừa niệm : " Đỗ phủ ! Đỗ phủ ! Hữu nhục vô cốt, tiêu dã ta nhi, tổng nhữ qui Thục ".

Đới nghe vậy thì cười sặc sụa, bụng bèn bé lại.

Sau khi mặc xong áo, Đới ra đứng trước ánh đèn, lấy kính soi, thấy diện mạo nhất thời thay đổi sạch sẽ, sáng sủa, mi mục phân minh, râu ria không còn xồm xoàm hỗn tạp nữa , lòng không dần được, vút ngay kính xuống đất, vui mừng như điên như cuồng.

Liễu lại lấy ra một bộ quần áo mới để chàng mặc vào, trang sức tô điểm, nghiêm nhiên trở thành bảnh bao đẹp đẽ.

Xong việc, Đới muốn đi ngay, nhưng Liễu căn dặn :

- Tối đó, xin chàng chớ có ham mà quá chén, uống vừa đủ thôi, kéo lúc say, lại lậu chuyện của thiếp ra.

Đới gặt đầu đồng ý.

Lúc rời khỏi phòng ngủ, ra đến ngoài, đêm tối đen như mực. Chàng thấy hoảng hốt như đi trên mây. Chốc chốc Liễu lại lấy tay nắm lấy tay chàng, từ đằng sau thổi gió tới, khiến chàng bay dần dần lên cao, không tự chủ được, phảng phất như người leo trên một

chiếc thang, có hàng ngàn bậc. Khoảnh khắc thì đến một nơi, cửa sơn rộng mở, sơn phết vàng ngọc, có hai con sư tử bằng đá nằm hai bên tả hữu, cao hơn một trượng. Trên hai cây cột ngoài cửa, cắm những bó đuốc to, soi rõ từng con kiến. Lại treo một tấm biển, đề mấy chữ "Hành Đế Tham Loan Chi Quán".

Thì ra, đây là ly cung của vị thần núi Hành Sơn.

Liễu dẫn Đới đi vào bên trong cửa, chẳng thấy một ai. Lên sảnh đường. Cũng chẳng thấy một ai. Bèn quẹo sang phía tây, có một căn trắc thất riêng rẽ, mới bước vào. Chỉ thấy hành lang quanh co, lan can uốn khúc. Chỗ nào cũng treo đèn lồng bằng lụa màu đỏ. Bên trong sân, cỏ hoa tre trúc sầm uất, u nhã. Hương thơm nực mũi. Trung ương có năm căn phòng, đèn đuốc sáng trưng, chiếu ra đến tận ngoài.

Liễu và Đới chưa kịp bước lên bậc thềm, đã nghe có tiếng người từ trong nói vọng ra :

- Ty Hương Nữ dẫn khách đến !

Lập tức, bốn năm người con gái, ăn mặc theo lối cung nữ, xiêm y cực kỳ diễm lệ, từ trong rèm tha thướt bước ra chào đón, nói với Đới :

- Quan lớn gác bỏ việc công, vất vả quang lâm, chị em thiệp thật vô cùng ngưỡng mộ !

Đới bất đắc dĩ phải nói mấy câu khiêm tốn tạ từ.

Rồi vào bên trong, thấy hương rượu, hương trà ngào ngạt. Các loại cổ ngoạn chuông, đỉnh, thư họa bày biện khắp nơi, trông rất ngăn nắp trang trọng. Ở hướng nam, kê sẵn hai bàn tiệc. Bát đĩa sắp xếp tề chỉnh.

Mọi người đều nhường cho Đới ngồi vào ghế đầu, rồi đưa mắt ra hiệu nhìn nhau, như có vẻ có điều còn e ngại trong lòng chưa hết.

Đới cũng cảm nhận ra những điều đó, nên thản nhiên ngồi vào ghế đầu, lấy tay sờ nệm bọc, thấy toàn bằng thứ gấm loại ưu dị, vừa mềm vừa thơm, khác hẳn loại bình thường.

Các cô gái lại thúc ép Liễu phải ngồi sánh vai với Đới, cười bảo nàng :

- Đã là vợ chồng cả mấy chục ngày, đêm nay mới uống rượu hợp cần, không thể bảo là không trễ được !

Liểu cũng cười, đáp lễ :

- Đêm tối thẳng thốt, không tìm đâu ra rượu, đành phải lấy nước miếng thay vậy. Đêm nay định hợp mặt với các chị, tuy là trễ nhưng đâu ngại gì !

Các cô gái nghe nói thế đều đỏ hồng hai má e then, nói :

- Con ranh này, ăn nói đều thế !

Rồi kéo nhau vào tiệc, ngồi đối diện , cất chén mời nhau uống.

Chừng rượu đã ngà ngà say, các cô gái đến gần bên Đới thấy mùi thơm phức, đều không biết là Đới có đeo túi hương mà Liễu tặng trong người. Có cô đùa bảo Đới :

- Kể gần kề hương thảo, quả nhiên không còn có mùi thối nữa !

Liểu cũng cười đáp lại :

- Bẩm tính tương đồng, thì tự nhiên là như thế. Còn như gặp các chị, e mười năm sau mùi thối vẫn không hết.

Cả bọn đều nhao nhao lên nói :

- Thế thì từ nay người cũng lẫn vào đám mua dầu cá thối rồi đấy nhá .

Rồi lại hỏi tiếp :

- Người nói là tướng mạo chàng trông khó coi lắm mà, sao hôm nay lại thấy khác hẳn vậy ?

Lúc đó Đới đã say mèm, bèn bè nè trả lời thay Liễu :

- Muốn xấu thì xấu, muốn đẹp thì đẹp, xấu đẹp đều do người làm ra cả , việc gì các Khanh phải ồn lên vậy !

Liểu vội vã đưa mắt ra hiệu cho Đới đừng nói nữa. Nhưng có cô đã nhận thấy, càng cố cật vấn Đới thêm, lại lấy một bát rượu lớn đặt trước mặt chàng, nói :

- Nếu không khai thì phải uống chén rượu phạt này !

Đới sợ sức rượu không kham nổi, mới kể lại qua loa sự tình.

Các cô gái bèn đùa rỡ bóc lần da ngoài trên mặt Đới, phát ra tiếng kêu sột soạt. Chừng đến cảm, thì lộ nguyên hình trạng. Các cô

gái chú mục nhìn, chỉ thấy xòm xoàm như cỏ rôi, đều ôm bụng cười ngặt nghẽo.

Liều lấy làm xấu hổ, vội vã dìu Đới đứng dậy rời khỏi ly cung, bảo với chàng :

- Người say mắt khôn, để lộ cho họ thấy hết.

Đới mơ mơ màng màng, cảm thấy thân thể như rơi từ trên trời xuống. Lúc tỉnh dậy, té ra đang nằm trong thư trai ở nhà.

Còn Liều và tám da người không thấy đâu nữa.

Hơn một năm sau, cha chàng mất, chàng vội vã trở về quê để chịu tang. Lúc đi đến Nghi Dương, chàng thấy Liều cùng đi với một thiếu niên tuấn tú trẻ đẹp, phía sau có mấy chục đứa tòng bộc theo hầu, đang cười ngửa đi trong vùng cây cỏ rậm rạp. Liều thấy Đới, bèn sai người ra nhắn bảo Đới :

- Thiếp là Liều Thanh Khanh có lời thưa với quan lớn rằng : Thiếp không phải là hồ ly, mà là Ty Hương Nữ của sơn thần núi Hành Sơn. Từ hôm chàng để lộ chuyện, khiến thiếp bị bè bạn chị em cười chê, nên không dám giữ cựu tình với chàng được nữa. Nay thiếp đã cải giá lấy Chi Huy họ Quách rồi, vợ chồng rất là tương đắc thuận hòa. Vậy xin chàng đừng thương nhớ gì đến nhau nữa .

Nói xong , thì ra roi cho ngựa lẩn vào rừng . Biến mất.

Vì thế, gia nhân của Đới mới biết chuyện. Về sau, thành thoảng Đới cũng đem chuyện mình ra kể lại cho người ngoài nghe. Lại còn bỏ túi hương ra làm bằng.

Có người thấy túi hương ấy rất tinh xảo, đẹp đẽ , đều tin là của tiên làm ra.

(Dịch xong lúc 23 :49- ngày 27- 6- 2003 Phạm xuan Hy)

Vài nét về tác giả:

Trường Bạch Hạo Ca Tử

長白浩哥子

Cũng còn gọi là Hạo Ca Tử, là một tác giả gốc Mãn Châu đời Càn Long, tên họ thật và đời sống bất tường. Nhưng theo “Bát Kỳ

Ngệ Văn Biên Mục” ghi chú thì Huỳnh Song Dị Thảo do Khánh Lan người Mãn Châu soạn.

Khánh Lan tên chữ là Tự Thôn, là một văn sĩ nghèo, từng giao thiệp với văn học gia nổi tiếng đương thời là Viên Mai. Tuy sống âm thầm không được người đời biết đến, nhưng phụ thân ông là Doãn Kế Thiện là một đại thần nổi tiếng của Thanh triều, lịch nhậm các chức Tuần Phủ, Tổng Đốc, sau đến Văn Hoa Điện Đại Học Sĩ kiêm Quân Cơ Đại Thần.

Tác phẩm “Huỳnh Song Dị Thảo” gồm có một trăm ba mươi tám truyện ngắn, viết theo lối văn ngôn.

Mặc dầu mô phỏng theo phong cách của Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai Chí Dị, nhưng Huỳnh Song Dị Thảo không phải là không có những tác phẩm ưu tú, tư tưởng và nghệ thuật tương đối cao. Cốt truyện thường có khuynh hướng đề cao nam nữ tự do luyện ái, và đả kích cái lễ giáo của phong kiến hủ bại, nên từ lâu đã được độc giả hoan nghênh ưa thích.

Một số truyện trong Huỳnh Song Dị Thảo đã được chúng tôi phiên dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Vài hàng chú thích :

Năm Canh Tý

庚子

Tức năm 1720.

Khang Hy

康熙

Là niên hiệu của vua Thánh Tổ nhà Thanh, từ năm 1661 đến năm 1772. Không như các vua các triều đại trước, thường dùng nhiều niên hiệu trong thời gian cai trị của mình, từ đời nhà Minh qui định, các vua chỉ dùng một niên hiệu để ghi thời gian trị vì của mình, nhà Thanh duy trì tục lệ này, nên thường gọi vua bằng niên hiệu. Như gọi vua Minh Võ Tông là vua Chính Đức, hay vua Minh Thế Tông là vua Gia Tĩnh. Vua Thánh Tổ nhà Thanh có một niên hiệu Khang Hy, nên được gọi là vua Khang Hy. Vua Thanh Thế Tổ cũng chỉ có một niên hiệu là Càn Long, nên cũng được gọi là vua Càn

Long. Sự sử dụng một niên hiệu kéo dài đến vua chót nhà Thanh là Tuyên Thống (Phổ Nghi), khi xảy ra cuộc Cách Mạng Tân Hợi năm 1911 thì chấm dứt.

Các vua nước ta phỏng theo những nghi thức vua Tàu. Trước đó, các triều đại Lý, Trần, Lê, triều nào cũng có các ông vua với tên là Thái Tổ, Thái Tông, đó là lối dùng miếu hiệu để đặt tên, nhưng từ vua Lê Thuần Tông là ông vua đầu tiên nhà Lê, phỏng theo nhà Thanh, chỉ sử dụng một niên hiệu, và đến đời vua Mẫn Đế cũng có một niên hiệu là Chiêu Thống, nên thường gọi là vua Lê Chiêu Thống. Vua nhà Tây Sơn, Nguyễn Nhạc có một niên hiệu là Thái Đức, nên gọi là vua Thái Đức. Nguyễn Huệ là vua Quang Trung. Các vua triều Nguyễn, Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đều là những niên hiệu được dùng để gọi tên, mặc dầu vẫn còn gọi tên bằng những miếu hiệu.

Bàng Thống

龐統

Bàng Thống sinh năm 179 chết năm 214, tự là Sĩ Nguyên, người huyện Tương Dương (nay là Tương Phần tỉnh Hồ Bắc). Thời Tam Quốc, Bàng Thống làm mưu sĩ cho Lưu Bị, nổi danh cùng với Gia Cát Lượng, hiệu xưng là Phượng Sồ. Khi Lưu Bị chiếm được Kinh Châu, Bàng Thống và Gia Cát Lượng đều bổ nhiệm làm Quân Sư Trung Lang Tướng, sau đó theo Lưu Bị vào đất Thục. Bị nghe kế của Bàng Thống đánh chiếm Thành Đô, năm Kiến An thập cửu niên (tức 214), lúc tấn công Lạc Thành, Thống bị trúng loạn tên chết.

Dương Quý Phi

楊貴妃

Sinh năm 719 chết năm 756, tức Dương Thái Chân, người Bồ Châu Vĩnh Lạc (nay là Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây) tiểu tự là Ngọc Hoàn, thông hiểu âm luật, trước là vợ của của Thọ Vương Mạo, con của vua Đường Huyền Tông. Về sau nhập cung, được Huyền Tông sủng ái phong làm Quý Phi. Người anh họ của Quý Phi là Dương Quốc Trung thao túng triều chính, khiến cho chính sự bại hoại. Năm Thiên Bảo thập tứ niên (tức năm 755), An Lộc Sơn nổi loạn và lấy cớ là diệt

Dương Quốc Trung. Khi Đường Huyền Tông chạy đến trạm Mã Ngôi (nay là Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây), quân sĩ đổ lỗi cho gia đình họ Dương, bắt giết Dương Quốc Trung, còn Dương Quý Phi thì bị thất cổ chết. (Nhưng đến nay, cái chết của Dương Quý Phi vẫn còn là một nghi án trong lịch sử Trung Quốc- Xin coi bài Nghi án về cái chết của Dương Quý Phi của Phạm Xuân Hy).

An Lộc Sơn

安祿山

An Lộc Sơn người Liễu Thành , Doanh Châu đời Đường, dân tộc Hồ, lúc trước tên là Yết Lạc Sơn, vốn họ Khang. Về sau theo mẹ lấy người Đột Khuyết là An Đình Yển mới đổi ra họ An thành An Lộc Sơn.

An Lộc Sơn biết được chín ngôn ngữ của các rợ phiên, lại khỏe mạnh, kiêu dũng, thiện chiến, được U Châu Tiết Độ Sứ là Trương Thủ Khuê nuôi làm con. Nhân có chiến công được bổ làm Doanh Châu Đô Đốc, sau mua chuộc được sự tín nhiệm của Đường Huyền Tông và Dương Quý Phi, kiêm nhậm Tiết Độ Sứ ba châu là Bình Lô, Phạm Dương, Hà Đông, trong tay có một trăm năm mươi ngàn binh.

Năm Thiên Bảo thập tứ niên, tức năm 755, An Lộc Sơn nổi lên làm phản, đem quân nam hạ công phá Lạc Dương. Quân đội của An Lộc Sơn rất tàn bạo. Dân chúng Hà Bắc rủ nhau đề kháng, tụ tập có nơi đông đến hai vạn người.

Năm sau, An Lộc Sơn xưng là Hùng Võ Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Yên, kiến nguyên Thánh Võ, cho quân phá vỡ Đồng Quan, tiến vào Trường An, thẳng tay cướp bóc và tàn sát nhân dân.

Năm 757, An Lộc Sơn bị con là Khánh Tụ giết vì muốn chiếm đoạt đế vị.

(An Lộc Sơn được Dương Quý Phi nhận làm con nuôi, về chuyện tình Dương Quý Phi và An Lộc Sơn người đời sau thích nghe , kể cả loại cảm thư , e cũng chỉ là giả tưởng tục điệu mà thôi - Đọc thêm bài viết " Nghi án về Dương Quý Phi " do Phạm Xuân Hy viết và "Dương Thái Chân ngoại truyện " của Nhạc Sử - do PXH dịch)

Hương thân

鄉紳

Người đã làm quan về sống hưu trí ở nhà quê gọi là hương thân.

Mao thi

毛詩

Sách Kinh Thi do Mao Hưởng, người thời nhà Hán, chú thích nên gọi sách đó là Mao Thi.

NGÂN CHÂM

銀針

Tác giả : Trương Bạch Hạo Ca Tử

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

Một ngọn đèn xanh lửa dóm, hắt hiu tranh sáng với loài ma,

Bao phen dẫm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ

Liểu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

N

ăm Thiên Khải đời nhà Minh, Tôn Đại Liêm người Đồng

Thành, tỉnh An Huy, sau khi đỗ hiếu liêm, sửa soạn lên kinh để dự thi tiến sĩ, thì lâm bệnh , đi không được. Đến khi phát bệnh, thấy người này đỗ tiến sĩ, người kia đỗ tiến sĩ, vốn là những kẻ mà Sinh coi thường, bụng dâm ra phần hận, bệnh vì thế càng thêm nặng thêm, khiến cho mẹ chàng lấy làm lo lắng.

Thầy lang thấy thế, mới bảo :

- Bệnh cũ của công tử đã hết rồi, hiện nay là do uất ức mà sinh ra, chỉ cần công tử đi ra ngoài du lãm danh thắng cổ tích, thì uất ức tan đi, không cần thuốc thang chi cả và bệnh sẽ khỏi .

Sinh cho lời thầy lang là đúng, bàn với mẹ. Mẹ chàng cũng cho là phải. Bèn thuê cho chàng một chiếc thuyền nhỏ, sắm sửa hành trang kỹ lưỡng , chuẩn bị để Sinh đi du ngoạn những thắng cảnh ở vùng Đại Giang Tam Giáp.

Sinh từ giã mẹ lên đường, mang theo một đĩa đầy tớ và một đĩa tiểu đồng để gánh dụng cụ và sách vở.

Lúc sửa soạn lên thuyền, có một ông già đợi sẵn ở đấy, đến nài nỉ xin Sinh cho đi theo để phụ chèo, vì không chịu nổi đi bộ nữa. . Chàng thấy ông ta tuy tuổi khoảng lục tuần, nhưng người trông hồng hào quá thước, bụng có ý thương hại, nên gật đầu nhận lời.

Ông già bước vào trong thuyền, vái chào Sinh, xưng là họ Hồ, hiệu là Duyệt Am, người Trục Lệ Hà Bắc, tính đến Kim Lăng để làm ăn.

Sinh hỏi ông lão làm nghề gì, thì ông ta chỉ cười , không trả lời trực tiếp, mà từ tốn đáp :

- Nghề của lão, bậc nho gia không thích nghe đâu, xin công tử miễn cho !

Sinh cho là nghề chơi bởi bí mật trong chốn phòng the, nên không hỏi tiếp ;

Thuyền nhỏ neo. Một lèo thuận buồm xuôi gió.

Buổi trưa ngày hôm sau, Sinh mệt nằm nghỉ ở khoang sau, chợt nghe có tiếng cười đùa hoan lạc từ song cửa khoang trước vọng lại. Chàng lấy làm lạ, không biết thằng ở và đứa thư đồng vì sao lại ôm bụng mà cười rữ ra như vậy. Chàng lạng lẽ, bước xuống giường, lén đến xem. Chỉ thấy trong khoang thuyền dang trước, ông lão họ Hồ đang ngồi xỏm trên một cái ghế thấp, ở trần từ vai đến bụng, lấy bút vẽ một hình người bé tí tẹo lên người.

Hình người vẽ vừa xong, lập tức đứng thẳng dậy, khe khẽ phát xuất âm thanh, lú lú lo lo như tiếng chim con ca hót nhảy múa. Thằng ở và đứa thư đồng của Sinh thì khoái trá, ôm tai , ôm cổ, cười ngặt nghẽo.

Sinh biết ông lão thuộc hạng dị nhân, không phải người thường , bèn âm thầm trở về giường nằm, không dám hỏi han phiến nhiều gì.

Sáng hôm sau, chàng chuẩn rượu thịt, rau dưa, rất là thịnh soạn, để mời ông lão. Trong tiệc rượu, chàng tính cầu xin ông lão đem pháp thuật truyền cho mình. Ông lão đoán được ý định của Sinh, nói :

- Công tử trong tương lai sẽ lên như điều, không nên học cái thuật giáng hồ « cầu cơm » này làm gì. Còn cái ơn công tử cho phụ chèo, lão không thể không báo được. Năm ngày nữa sẽ cùng công tử chia tay nhau, lão nhất định sẽ có cái để tặng công tử.

Do đấy, sinh không hỏi thêm gì nữa, cùng ông lão uống cho túy lúy, rồi mới về khoang thuyền của mình.

Chừng đến ngày hẹn, thuyền sắp đến Nam Kinh, ông lão thừa lúc đêm tối, tìm đến gặp Sinh, nói :

- Sang mai thì lão từ biệt công tử. Cái điều hứa hôm trước, lão không nuốt lời được, nay xin đem hậu lễ kính tặng công tử.

Sinh cảm tạ, và hỏi vật đó ở đâu.

Đáp :

- Ở trong bụng lão đây !

Sinh không nín được cười, nói :

- Cụ tính đùa cháu đây à?Moi gan móc ruột, chỉ là lời nói thí dụ, chứ lẽ nào ai có thể moi ruột gan của mình mà tặng cho kẻ khác được.

Ông lão chỉ mỉm mỉm cười, không biện giải gì, cởi bỏ cái áo khoác ngoài ra, để lộ cái bụng trần, bảo với Sinh :

- Công tử hãy thử gọi một tiếng xem, thể nào trong bụng cũng có người đáp lại !

Sinh càng cười rũ ra, kiên quyết không chịu gọi.

Ông lão bèn vỗ vào bụng mình, hô lớn :

- Ngâm Châm đâu con !Mau ra tiếp khách, việc chi mà phải khép nép thẹn thùa như gái nhà quê vậy ?

Sinh nghe thế lại càng cười ngặt nghẽo, cong cả người xuống.

Bỗng có tiếng con gái nũng nịu, từ trong bụng ông lão trả lời :

- Con không thích người lạ, sao ép con quá vậy.

Âm thanh vừa trong trẻo vừa nhỏ nhẹ như tiếng sáo, tiếng tiêu, uyển chuyển mà cao vút, ngọt ngào tưởng chừng như mật rót vào tai.

Sinh đâm hoảng sợ. Nín bật không dám cười nữa. Mà chờ đợi.

Ông lão lại vỗ bình bịch vào bụng, thôi thúc :

- Ta đã hứa gả con cho Tôn công tử rồi, đâu phải kẻ lạ ngoài đường. Bé đừng e thẹn nữa !

Sinh không thấy có tiếng trả lời.

Ông lão lại dục.

Thì có tiếng đáp :

- Bố lẽ nè như thế, chúng tớ bố hồ đồ rồi. Thôi bố cứ mở hé cửa , con xin ra ngay.

Lúc đó Sinh càng sợ, hai mắt mở trừng trừng như con gà gổ.

Ông lão lấy tay đập thật mạnh vào bụng, làm bụng rách ra một lỗ nhỏ, rộng khoảng gang tay, mà chẳng chảy một giọt máu nào. Sinh càng kinh hãi, nhắm nghiền mắt lại.

Đột nhiên, Sinh ngửi thấy có mùi hương thơm kỳ lạ, ngọt ngào, tấp vào mũi. Bên tai sột soạt như tiếng người xé lụa. Chàng hé mắt nhìn thử. Té ra là một người con gái. Quần trắng, áo hồng, dung nhan diễm lệ, mái tóc lò xo, đang giận dỗi đứng trước ánh đèn. Còn ông lão đi nhờ thuyền biển đâu mất, không thấy tung tích gì.

Sinh sợ quá, cho người con gái là yêu quái. Nhưng nhìn kỹ lại, thấy dáng dấp xinh đẹp khả ái, lòng hơi xiêu xiêu dao động, bèn lấy can đảm, hỏi :

- Này, nhà ngươi là loại yêu quái nào vậy ? Cả gan dám đến dụ dỗ. Mổ đây là Tống Quảng Bình, không để bị lụy vì sắc đẹp đâu nhé. Có biển ngay đi tức khắc, bằng không mổ cho một dao chết tươi.

Người con gái thấy Sinh bên ngoài thì oai, bên trong thì nhát, không nín được cười, bèn vén áo khép nép, thi lễ :

- Thiếp xin nói thật, thiếp là chồn tiên. Cha thiếp vâng lệnh Ngọc Hoàng sai đến Trường Lãng giữ mộ cho Cao Đế, nhưng sợ thiếp không có nơi cậy nhờ, nên cho đi theo. Mấy hôm trước đây, lúc đi qua sông, chẳng may gặp thủy thần. Ông ta thấy thiếp là người có chút nhan sắc, muốn ép làm vợ. Cha thiếp coi thủy thần chỉ là loại cóc nhái, không chịu gả, bèn dấn thiếp vào trong bụng. Nhờ phúc ấm của công tử cho quá giang. Nay sắp đến nơi, cha thiếp mang ơn công tử, nên gả thiếp cho công tử, để hầu hạ chiếu chẵn, đền đáp ơn dày, Thiếp không dám tác quái. Xin công tử đừng nghi ngại chi cả.

Sinh thấy nàng không có vẻ gì là ác ý, lòng cũng nao nao, nói :

- Ta bệnh đã lâu ngày không khỏi, lòng dạ nào mà lấy vợ.

Người con gái cười tủm tủm, bảo Sinh :

- Chuyện đó dễ! Xin chàng cứ gồi cao ngủ yên, trước hết thiếp sẽ đuổi hai con ma ấy đi, để chàng thấy thiếp không phải loại yêu quái hại người.

Sinh rất lấy làm mừng, cất hỏi :

- Khanh còn biết cả thuốc nữa à. Nếu có thể chữa dùm ta căn bệnh nặng này, thì ta tiếc gì mà không vì tình mà chết.

Người con gái không đáp, nhưng Sinh vừa đặt lưng xuống giường, thì nàng thình lình biến mất, không thấy đâu nữa. Duy cảm thấy một luồng nhiệt khí thổi qua lỗ rốn, đi vào trong bụng. Rồi từ từ đi lên lá lách, nhập vào gan. Sau chạy khắp tạng phủ. Một lát sau, mồ hôi trong người Sinh xuất ra như chùng nước. Tinh thần, trí óc, nhất thời sáng khoái, nhờ thế mà bệnh tiêu tan, như trút được gánh nặng.

Chàng ngủ thiếp đi không còn biết gì, ngay cả người con gái cũng không biết biến đi đâu mất.

Chừng tỉnh dậy, thuyền đã đậu vào bến. Đứa thư đồng vào báo là ông lão đã đi rồi, có để một lá thư lại. Sinh mở ra đọc, lời thư dặn Sinh nên đổi dãi tử tế với người con gái.

Nhưng Sinh biết nàng ở đâu mà tìm. đành lên bờ, đi xe vào thành, đến tá túc trong gia đình một người bạn.

Bằng hữu từ lâu không gặp, cùng nhau truyện trò yến ẩm rất lâu, mà Sinh chẳng hề mệt mỏi. Các bạn bè đều mừng cho chàng. Riêng chàng cũng rất lấy làm khoan khoái trong bụng. Mãi cho đến thật khuya, Sinh mới về buồng nằm nghỉ. Lòng tưởng nhớ người con gái, hy vọng được gặp lại nàng, nên bảo đứa thư đồng và thằng ở sang ngủ buồng khác. Nhưng chờ mãi chẳng thấy tung tích người con gái đâu, trong lòng buồn buồn lên giường, còn đang trần trọc, chợt bên tai có tiếng người nói khe khẽ :

- Thiếp đến bầu bạn với chàng nhé! Lòng chàng thật sắt đá, chẳng nhớ gì đến nhau sao ?

Sinh cảm thấy mùi thơm son phấn từ miệng người con gái phả ra gần kề. Chàng vừa đưa tay lên sờ, thì người con gái đã chui tọt vào trong chăn.

Sinh cảm lòng không được, bèn cùng nhau âu yếm.

Sáng dậy, chàng tính mưu dẫu nàng vào một chỗ, nhưng nàng cương quyết không chịu.

Rồi không thấy đâu nữa.

Tối lúc lên giường đi ngủ, mới lại thấy nàng trở lại.

Thời gian vùn vụt như tên bay, sau khi đã đi xem khắp những danh lam thắng cảnh vùng Nam Kinh, Sinh chợt nhớ đến quê nhà, nhân dịp vua mới dâng quang, cho mở ân khoa, chàng bèn trở về Đông Thành.

Người con gái đưa tiễn Sinh đến bờ sông, sùi sụt gạt lệ bảo chàng :

- Cha thiếp ở đây, thiếp phải ở lại, không thể đi theo chàng được !

Sinh quyến luyến không rời, cố ép nàng cùng đi. Nhưng người con gái đã biến mất.

Năm sau, vào kinh thi xong, Sinh trở lại Nam Kinh tìm lại nàng , nhưng không gặp lại nhau nữa.

(Paris dịch xong lúc 21:44 ngày 12-6-2003 - PHAM XUAN HY)

Vài nét về tác giả:

Trường Bạch Hạo Ca Tử

長白浩哥子

Cũng còn gọi là Hạo Ca Tử, là một tác giả gốc Mãn Châu đời Càn Long, tên họ thật và đời sống bất tường. Nhưng theo "Bát Kỳ Nghệ Văn Biên Mục" ghi chú thì Huỳnh Song Dị Thảo do Khánh Lan người Mãn Châu soạn.

Khánh Lan tên chữ là Tự Thôn, là một văn sĩ nghèo, từng giao thiệp với văn học gia nổi tiếng đương thời là Viên Mai. Tuy sống âm thầm không được người đời biết đến, nhưng phụ thân ông là Doãn Kế Thiện là một đại thần nổi tiếng của Thanh triều, lịch nhậm các chức Tuần Phủ, Tổng Đốc, sau đến Văn Hoa Điện Đại Học Sĩ kiêm Quân Cơ Đại Thần.

Tác phẩm "Huỳnh Song Dị Thảo" gồm có một trăm ba mươi tám truyện ngắn, viết theo lối văn ngôn.

Mặc dầu mô phỏng theo phong cách của Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai Chí Dị, nhưng Huỳnh Song Dị Thảo không phải là không

có những tác phẩm ưu tú, tư tưởng và nghệ thuật tương đối cao. Cốt truyện thường có khuynh hướng đề cao nam nữ tự do luyến ái, và đả kích cái lễ giáo của phong kiến hủ bại, nên từ lâu đã được độc giả hoan nghênh ưa thích.

Một số truyện trong Huỳnh Song Dị Thảo đã được chúng tôi phiên dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Vài hàng chú thích :

Thiên Khải

天啟

Thiên Khải là niên hiệu của vua Hy Tông (tên là Chu Do Hiệu) nhà Minh, làm vua từ năm 1621 đến năm 1627

Trường Giang Tam Giáp

長江三峽

Giáp là chỗ hai vách núi kẹp giữa nước, thường dùng để chỉ địa danh, như Tam Môn Giáp ở Hà Nam, Thanh Đồng Giáp ở Ninh Hạ.

Trường Giang Tam Giáp bao gồm Dịch Đường Giáp, Vu Giáp, Tây Lăng Giáp nằm trên thượng du sông Trường Giang khoảng từ huyện Phụng Tiết tỉnh Tứ Xuyên đến huyện Nghi Xương tỉnh Hồ Bắc, dài 190 kilomet. Trường Giang Tam Giáp nổi tiếng có nhiều danh thắng cổ tích, hai bên vách núi thẳng đứng nguy nga hung hiểm, được nhiều văn nhân thi sĩ mô tả ngâm vịnh.

Kim Lăng

金陵

Nhà thơ Lý Bạch có hai bài thơ nổi tiếng nhắc đến Kim Lăng, ở hai hoàn cảnh khác nhau là Đăng Kim Lăng Phụng Hoàng Đài, và Kim Lăng Tửu Tứ Lưu Biệt.

Kim Lăng nay là thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô.

Theo tác giả Cô Vong Ngôn thì Kim Lăng bị đổi nhiều tên gọi khác nhau, theo từng triều đại. Thời Xuân Thu, Kim Lăng thuộc nước Ngô, thời Chiến Quốc thuộc nước Việt, sau thuộc nước Sở. Vì vua Sở Uy Vương dựng lăng chôn vàng để trấn yểm đất đó, nên mới gọi là Kim Lăng.

Đền đời Tần Thủy Hoàng thì đổi là Mạt Lăng. Thời Tam Quốc, năm 212 CN Tôn Quyền xây cất Thạch Đầu Thành và đến năm 229 Quyền đóng đô ở đó mới đổi Kim Lăng là Kiến Nghiệp. Đời Tây Tấn, vì tị húy Tư Mã Nghiệp đổi Kiến Nghiệp là Kiến Khang. Các đời Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, và Nam Đường đều đóng đô ở đó. Đời Tùy là Trường Châu. Đời Tống là Kiến Khang Phủ. Đời Nguyên là Tập Khánh .

Đến Minh Thái Tổ lại đổi là Ứng Thiên Phủ.

Năm 1421 CN, Minh Thành Tổ rời đô đến Bắc Kinh, Ứng Thiên Phủ mới gọi là Nam Kinh

Năm 1853 CN, Nam Kinh trở thành quốc đô của Hồng Tú Toàn và gọi là Thiên Kinh.

Năm 1927 Trung Hoa Dân Quốc thành lập, đến năm 1930 lại gọi là Nam Kinh Thị

Trường Lăng

長陵

Tên ngôi mộ của Hán Cao Đế Lưu Bang. Lưu Bang chết năm 195 trước Công nguyên, chung niên 62 tuổi, miếu hiệu Cao Tổ, thụy hiệu là Cao Hoàng Đế, chôn ở Trường Lăng, nay là phía đông thị trấn Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây.

Ngọc Hoàng

玉皇

Theo thần thoại truyền thuyết, Ngọc Hoàng là vị vua ở trên trời, cũng còn gọi là Ngọc Đế, hay Ngọc Hoàng Đại Đế. Tương truyền thì Ngọc Hoàng có pháp lực vô biên, coi quản mọi sự cát hung , họa phúc ở tam giới 三界 (thượng giới, trung giới, và hạ giới), thập phương thập 十方 (đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, thượng, hạ), lục đạo 六道 (thiên, nhân, quỷ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ), tứ sinh 四生 (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh).

Trong nhiều tác phẩm văn học của Trung Quốc, như Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, đã mô tả Ngọc Hoàng là vị thần linh chủ tể của cả trên trời, dưới đất, và nhân gian.

Công tử

公子

1-Cổ xưa, ngoài người con đích của chư hầu vương, thì những người con khác được gọi là công tử, chẳng hạn như trong sách "Sử Ký-Ngụy Công Tử Liệt Truyện" thì Ngụy Công Tử Vô Kỵ là con út của vua Ngụy Chiêu Vương, và là em của vua Ngụy An Hy Vương, người anh cùng cha khác mẹ với Ngụy Công Tử Vô Kỵ.

Tề Hoàn Công khi chưa lên ngôi được gọi là Công Tử Tiểu Bạch. Tấn Văn Công khi chưa tức vị cũng gọi là Công Tử Trùng Nhĩ.

Về sau, người ta thường gọi con các quan lại là công tử, rồi dần dần tôn xưng con người khác cũng gọi là công tử.

2-Trong cách xưng hô, gọi người đối thoại với mình là công tử là để tỏ ý kính trọng người đó.

Cao Đế

高帝

Tức Hán Cao Tổ Lưu Bang . Năm 206 trước CN, tức Cao Đế nguyên niên, đến năm Cao Đế thập nhị niên, tức năm 195 t CN thì mất, chung niên 62 tuổi, miếu hiệu là Cao Tổ, thụy hiệu là Cao Hoàng Đế, táng ở Trường Lăng.

Nam Kinh

南京

Thành phố này là một trong sáu kinh đô cổ của Trung Hoa, thường giản xưng là Ninh, nằm ở phía nam tỉnh Giang Tô. Theo lịch sử, thỉ vào năm 427 trước công nguyên, sau khi diệt nước Ngô, Việt Vương Câu Tiễn kiến lập Việt thành ở đây.

-Năm 333 trước công nguyên, Sở diệt Việt, dựng Kim Lăng ấp. - Tần đổi là Mạt Lăng.

-Thời Tam Quốc, năm 211 công nguyên , Tôn Quyền cải danh là Kiến Nghiệp, đến năm 222 CN, Tôn Quyền xưng đế thiên đô từ Vũ Xương về Kiến Nghiệp, Nam Kinh trở thành quốc đô từ đó. Trong thời gian cai trị, trừ xây dựng Thạch Đầu Thành trở thành căn cứ thủy quân , nhà Ngô tu bổ xây dựng Kiến Nghiệp thành khu vực

phồn hoa nhất, rộng khoảng ba bốn trăm cây số. Nhất là, dọc theo sông Tản Hoài, là nơi thị tứ, tập trung dân đông nhất

-Nhà Tấn, năm 313 CN vì tị húy Tư Mã Nghiệp đổi ra Kiến Khang.

-Từ Đông Ngô đến Đông Tấn, và các vua Nam Triều, như Tống, Tề, Lương Trần, đều đóng đô ở đây, tổng cộng 322 năm. Sử gọi là "Lục Triều Đô Hội "

-Năm 937, Nam Đường đổi tên là Giang Ninh Phủ .

-Đến thời Minh, Chu Nguyên Chương thống nhất nước Tàu, năm 1368 định đô ở đây, mới gọi tên là Nam Kinh. Năm 1421, Minh Thành Tổ dời đô về Bắc Kinh, Nam Kinh gọi là Lưu Kinh.

-Đầu nhà Thanh đổi là Giang Ninh phủ, thuộc tỉnh Giang Nam.

-Năm 1853, Thái Bình Thiên Quốc định đô ở đây gọi là Thiên Kinh.

-Năm 1912 , Tôn Trung Sơn tự nhậm Lâm Thời Tổng Thống lại gọi là Nam Kinh phủ

-Năm 1927 Chính Phủ Quốc Dân Đảng chính thức lấy Nam Kinh làm thủ đô. Nam Kinh là một thành thị có rất nhiều cổ tích danh thắng nổi tiếng, như :Bán Sơn Tự, Trung Sơn Lăng, Minh Hiếu Lăng, Linh Cốc Tự, Thạch Đầu Thành, Bạch Lộ Châu, Yến Tử Ki, Thê Hà Tự, Cổ Lâu, Minh Cố cung. Mạc Sầu Hồ, Vũ Hoa Đài, Mai Viên Tân Thôn. Chẳng những có nhiều danh lam thắng cảnh, Nam Kinh còn là nơi lưu lại nhiều những sử tích, dật sự, của các văn nhân học sĩ.

PHẤN LANG

粉郎

Tác giả : Tuyên Đình

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

*Cóp da rách, làm áo cừu, nói khuấy U Minh câu chuyện cũ,
Rót chén rượu, vắn quẩn bút, học theo Cô Phấn sách người xưa.*

Liểu Tuyên Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

Uc Sinh tên Bình Nam, tự Vân Khanh, người Cát An Tam Cổ

Sơn, mồ côi cha từ lúc còn nhỏ, phải sống nhờ người anh với chị dâu. Đến khi người anh mất, Sinh bị người chị dâu bạc đãi, vì thấy chàng chỉ lo lê lỏi, không chịu học tập buôn bán, suốt ngày rong chơi cùng bọn vô loại, cờ bạc đồ bác, nói năng hồ đồ, nên đóng cửa đuổi Sinh ra khỏi nhà, không chịu nhìn mặt nữa.

Một hôm, Sinh ngẫu nhiên trở lại nhà người chị dâu xin cơm ăn. Ăn xong, Sinh vào Lư Lãng thành để tìm những người bạn thường ngày vẫn lê lỏi chơi bời với chàng, nhưng không gặp. Đành lủi thủi áo tàn, mũ rách, một mình cô đơn, lang thang độc hành trong nội thành. Thành linh, Sinh thấy một chiếc xe trang hoàng hoa lệ, lọc cọc chạy ngang qua. Trong xe có một người con gái đẹp, mũ ngọc, áo thêu, nghi dung thái độ tỏ ra con nhà quyền quý. Mùi son phấn yên chi thơm ngào ngạt sực vào mũi chàng.

Người con gái miệng nhai trầu tía bồm bồm, rồi nhả bã vào lòng bàn tay, như có ý phơi nắng cho khô. Sinh thấy những ngón tay búp măng của nàng thon nhỏ, trắng như ngọc, lấm tấm những quết trầu hồng, trông cực kỳ xinh đẹp, bèn chạy đuổi theo, rồi bắt chợt, vịn vành xe, chộp lấy miếng bã trầu trong tay người con gái, bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến.

Chỉ thấy người con gái tùm tùm cười, tựa hồ như không để ý gì đến hành vi khinh bạc của chàng.

Chốc sau, Sinh còn đang thẳng thốt thì xe đã chạy mất hút.

Đến tối, chàng lần vào một ngôi chùa bỏ hoang ngủ tạm, bắt đom đóm làm đèn, ngả lưng trên một manh chiếu cói. Trong lòng mơ màng tưởng nhớ lại dung nhan diễm tuyệt của người con gái đã gặp ban ngày, thấy không có nét gì là giận dữ, bụng bảo thậm biết đâu chẳng có tình ý chi đây.

Còn đang suy nghĩ vẫn vợ, thành linh bụng cảm thấy đau quặn, thế rồi bao nhiêu thức ăn buổi sáng ở nhà người chị dâu cùng với bã trà, Sinh đều nôn thốc nôn tháo ra đầy đất, ướt cả áo quần. Đầu óc thì như muốn vỡ tung ra. Nôn đến lần sau, chỉ có nước rãi và máu. Mắt Sinh hoa lên, đầu dao động như búa bổ. Giữa lúc ấy, tai chàng bỗng nghe có tiếng ngọc bội leng keng, rồi có người bước qua cửa ngạch, yếu điệu tiến vào. Tưởng ai. Té ra là mỹ nhân ngồi xe mà Sinh đã thấy ban ngày. Theo sau có một đứa thị nữ, trông cũng uyển chuyển tuyệt luân. Chàng nghĩ thầm trong bụng. Việc chàng ngộ độc như thế này, hẳn là vì cái hành vi khinh bạc vô lễ sáng nay nên bị trừng phạt. Nay, mỹ nhân đem người đến để hỏi tội chàng đây.

Nghĩ vậy, bèn phủ phục xuống đất, khấu đầu bái tạ, tự trần lòng hối lỗi, xin nàng tha cho cái kiếp sống thừa tàn tạ.

Mỹ nhân tủm tỉm cười, bảo :

- Chàng đừng có sợ, thiếp đây là tiên nhân. Người chị dâu của chàng ghét chàng vì cho rằng chàng là kẻ hư hỏng, không nên người, nên đã nghiền thạch tín trộn vào cơm cho chàng ăn. Vì thiếp có người em gái sau này thế nào cũng cùng chàng kết nghĩa phu thê, vì thế, thiếp đã nhai trà hòa với nước bọt để làm thuốc để chữa trị cho chàng, bằng không, thì tên của chàng đã được ghi trong sổ Diêm Vương rồi, há còn mong sống được sao? Nếu chẳng phải vậy, thì cái tội hỗn láo của chàng ở ngoài đường sáng nay, lẽ nào có thể tha thứ được? Những gì ối mưa ra, chàng phải lập tức hót đi, đổ xuống khe rãnh, đừng để chó hay mèo ăn phải, mà hại đến tính mạng chúng.

Bấy giờ Sinh mới hiểu ra là được tiên nhân cứu trợ, bèn vái tạ lần nữa, nói :

- Tấm thân hư hỏng này, không đất cắm dùi, không nơi nương tựa, tương lai chẳng biết trôi dạt về đâu, cầu xin tiên nương rộng lòng chỉ giáo cho !

Mỹ nhân nói :

- Chàng nên lên kinh đô, ở đấy ắt có kỳ ngộ, và lấy được vợ đẹp. Song phải tự cải hối, nếu không sẽ gặp nguy hiểm.

Sinh cảm tạ, nói :

- Tiểu sinh một thân một mình, tiền bạc không có, đường xa dặm thẳm, biết lấy gì làm lộ phí ?

- Việc đó, thiếp cũng đã lo rồi.

Rồi lấy tay chỉ vào hòn núi giả sơn ở trong sân chùa, bảo Sinh :

- Chàng ra chỗ kia, đào sâu chừng hơn một tấc, sẽ được một số tiền nhỏ, đủ để ăn đường.

Sinh cảm kích :

- Giả sử sau này được phát tích, không còn bị người chị dâu mắt trắng khinh thị thì sẽ hương hoa tế tự, xin tiên nương cho tiểu sinh được biết phương danh quý tính ?

Mỹ nhân đáp :

- Thiếp tên là Bạch Vân Anh !

Nói xong phất tay áo một cái, vóc ngọc biến mất, không còn thấy hình tích gì nữa.

Sáng sau thức dậy, Sinh lên ra chỗ hòn giả sơn, rêu xanh che phủ, đào hơn một tấc, quả nhiên được một khối bạc, ước chừng năm sáu lạng. Chàng bèn ra chợ ở Lư Lăng Thành, phao ngôn nói rằng :

- Úc Vân Khanh này cũng là kẻ mày râu nam tử, lẽ nào không thể tự lập cánh sinh được, lại phải xin ăn một người đàn bà, đến nỗi không mảnh đất cắm dùi, mang mang trời rộng, góc không nổi đầu ? Từ nay, Úc này nhất định đi xa, thề không xe cao ngựa tốt, quyết không trở về.

Có người nghe thấy vậy, hỏi chàng đi đâu.

Đáp :

- Ta như ngọn bèo trên sóng, nổi trôi theo gió, không có đâu là nhà, mà chỗ nào cũng là nhà, đến đâu hay đến đấy !

Hôm sau, Sinh theo một vị quan phủ vào triều lên Bắc Kinh. Chàng âm thầm ghi nhớ lời nàng Bạch Vân Anh đã nói. Lúc mới tối, chẳng có nơi nhờ vả. Tiền dất lưng cũng dần dần cạn hết, Sinh bèn ra ngồi ở bên cầu Lư Cầu Kiều, bói chữ cho khách qua đường, mỗi ngày kiếm trăm quan, có khi chỉ vài chục quan, đủ để sống cầm hơi. Sau, nhờ linh nghiệm, tiếng thần diệu tranh nhau đồn đãi, Sinh dời vào trong nội thành. Từ đấy lấy nghề bói chữ độ khẩu.

Hàng ngày, Sinh đem giấy mực đến ngồi hành nghề ở trước cửa một tiệm chuyên tô thiếp trang hoàng lại những bức tranh cũ, rồi sống khắc khổ tiết kiệm, dần dà trở nên sung túc.

Hơn một năm sau, bạc trắng có cả trăm lạng, bèn ký gởi chủ tiệm, không ăn lời.

Một hôm, chủ tiệm đi vắng, trong tiệm có người hỏa kế, ngày ngày thường vẫn cùng Sinh trò chuyện. Hôm ấy, bỗng có một người thuộc loại thể gia vọng tộc ngày trước, đem một bức tranh cũ đến nhờ gởi bán. Lúc giở tranh ra coi, thấy giấy vẽ đã điêu linh tàn rạc, màu sắc thì tối ám ảm đạm. Người hỏa kế cười bảo :

- Bức tranh này chỉ có ném vào sọt giấy thôi, chứ các nhà thưởng tranh có màng gì đến.

Sinh đứng cạnh đấy, ghé mắt coi trộm xem tranh thuộc loại gì. Té ra là một bức thủy mặc vân long. Vẽ rồng và mây. Vây rồng thì ở phía đông mà móng rồng thì lại tận phía tây, trông sống động như thật. Ở bên dưới, còn rành rành dấu ấn đỏ, ghi hai chữ "Sở Ông".

Sinh say sưa ngắm nghía, biết không phải giả, bèn hỏi xem giá bao nhiêu.

Người ấy trả lời :

- Bức tranh này là bảo vật trân tàng của ông tổ tôi, nay gấp muốn bán, nhưng cũng phải đủ trăm lạng mới được.

Người hỏa kế nghe nói thế, khước từ không muốn giữ tranh lại.

Sinh ân cần trả giá năm chục lạng, thì người ấy bằng lòng. Chàng bèn bảo hỏa kế lấy phân nửa số tiền chàng gửi trong tiệm

trao cho người bán tranh. Người ấy cầm tiền ra đi.

Hỏa kế cho Sinh là đầu óc bị mê muội. Nhưng chàng không nói gì, chỉ nhờ anh ta trang hoàng tô thiếp lại bức tranh để gửi bán. Tranh đã treo cả tháng trời, mà chẳng có người khách nào chịu hỏi giá.

Lại một hôm, có người mang đến một bức "bạt mặc sơn thủy họa" nhờ bán hộ. Sinh thấy nét vẽ chỗ thưa chỗ đậm, lãng dãng thần tình, tác giả tất phải là bậc đại gia. Khi nhìn kỹ đến đề bạt, mới hay là một kiệt tác đặc ý của Phòng Sơn Cao Thượng Thư. Tuy vậy, giấy vẽ đã cực kỳ cũ nát. Bèn bỏ nốt năm mươi lạng mà mua, rồi treo chung với bức "thủy mặc vân long", để nhờ bán.

Hai tháng sau, chủ tiệm trở về, thấy hai bức tranh trên tường, trầm trồ ngạc nhiên khen là chí bảo. Hỏi đến sở hữu chủ và giá cả, thì gã hỏa kế thưa :

- Hai bức tranh này đều là của Úc tiên sinh cả đấy, ông ta đem hết tất cả số tiền đã dành dụm được trong năm ra để mua.

Chủ nhân vừa mừng vừa kinh ngạc, nói :

- Nào ngờ, Úc tiên sinh lại thông thạo rành cả nghề giám thưởng tranh nữa !

Bèn mời Sinh đến ăn cơm tối. Và bảo với Sinh rằng :

- Trước đây, tôi thật là kẻ mày trần mắt thịt. Bậc nhĩ sĩ tài cao ở trước mặt mà không biết. Từ nay, xin nhờ tiên sinh thay tôi thu mua những bức thư họa cũ. Tiền gạo củi mỗi năm xin biểu tiên sinh một trăm lạng. Riêng về hai bức tranh kia, tôi sẽ bán hộ tiên sinh, giá định là hai trăm lạng. Kỳ dư, tiên sinh khỏi lo gì hết!

Sinh mừng như mở cờ trong bụng. Rồi đến tiệm trông coi công việc cho chủ nhân.

Hôm sau, chủ nhân mang hai bức tranh của Sinh đến các nhà giàu sang phú quý. Tức thì bán được ngay năm trăm lạng, đem về trả cho Sinh hai trăm lạng như đã thỏa thuận. Lại đem tiền đó mà kinh doanh dùm. Nhờ thế mà Sinh trở nên khấm khá, y thực phong túc. Mỗi ngày đều ba bữa chu đáo, không giống cảnh lạc phách cùng đồ như ngày trước.

Được hơn một năm, giữa Sinh và chủ nhân ý hợp tâm đầu, trở thành tri kỷ.

Một hôm, vào lúc trung ngộ, Sinh đang ngồi ở trước cửa tiệm, đột nhiên có chiếc xe nhà quan đi qua, đằng sau có ba bốn đứa tiểu đồng mặt mũi xinh xắn cầm roi ngựa chạy theo. Trong xe là một người đàn ông, mặt mày tuấn tú, áo quần mũ mấn sanh trọng. Người ấy thấy trong những thư họa treo trên vách tường, có bức "quyên thể mỹ nhân họa", của Cố Khải Chi, rất là vừa mắt, bèn hạ lệnh đình xe, bảo Sinh đem tranh đến cho xem.

Sinh tháo tranh xuống, cầm đến tận xe, khúm núm kính cẩn đưa cho người ấy coi. Người ấy hỏi giá.

Sinh thưa :

- Bức tranh này phải giá một ngàn lượng mới bán !

Người ấy cười, nói :

- Mỹ nhân thật ở Tô Châu, giá bất quá cũng chỉ đến hai ba trăm lượng là cùng. Huống hồ là người đẹp trong tranh, sao giá lại đắt thế ?

Sinh biện giải :

- Đẹp như vương phi Trịnh Tự nước Sở ngày xưa, chẳng qua cũng chỉ là cái hoa thơm chốc lát. Trong khi, nàng danh kỹ Thôi Vy đời Đường, được vẽ vào tranh, thì lại lưu truyền thiên cổ. Hà huống, đây là bút tích linh diệu thần thông, cực hiếm trên đời của Cố Khải Chi, cho nên, dù giá hai ngàn lượng cũng chưa xứng. Giá bán chừng ấy mà quan nhân còn cho là đắt sao ?

Sau một hồi thương nghị, cuối cùng ngã giá bức tranh là tám trăm lượng.

Người ấy cuộn bức tranh cho vào trong tay áo, bảo với Sinh :

- Ngày mai ta sẽ sai tiểu cung giám đem tiền đến trả.

Lúc đó, Sinh chưa kịp hỏi đến tính danh và trú sở, thì xa phu đã giương roi quất ngựa bôn đặng. Xe vùn vụt viễn khứ. Mắt hút.

Gã hỏa kế từ khi thấy Sinh hốt nhiên trở thành khâm khá thì đem lòng đố kỵ ghen ghét, hấn trách móc chàng :

- Anh không biết người ta, sao lại để cho họ lấy tranh đi? Kinh đô ngựa xe như nước, người làm quan nhiều như mây trên trời, anh biết đến đâu mà đòi tiền chứ. Có thợ bằng ông Bành Tổ, thì cũng chẳng tìm ra.

Sinh lo lắng trong bụng, âm thầm dò hỏi người trong chợ. Có người cho chàng biết người đó là một vị Vương gia, phủ đệ nằm ở phía tây một phố nọ. Sinh ghi nhớ kỹ trong lòng.

Chàng chờ đợi liền ba hôm, vẫn bóng chim tăm cá, không thấy có người mang tiền đến trả, bèn lội bộ lần đến phủ đệ của vị Vương gia ấy. Chỉ thấy trước cửa có ba bốn tay kiện nhi, bụng bè bè to lớn, mặt mũi dữ tợn như hổ báo, đi lại canh gác.

Sinh tiến đến bên hỏi thăm, nhưng bọn họ chẳng nghe biết tí gì về vị Vương gia ấy cả. Lát sau, mặt trời đứng bóng, từ bên trong có tiếng báo cơm vọng ra. Bọn kiện nhi lục tục kéo nhau đi. Sinh bèn lẩn vào bên trong cửa. Chàng thấy phòng thất, sân vườn quả nhiên tráng lệ hùng vĩ vô cùng. Vượt thêm mấy lớp cửa nữa, thì nào kèo khắc lâu cao, trông rực rỡ như tranh vẽ. Phía tường mé tây, có cái cửa ngách gắn gạch hoa xung quanh, còn cánh cửa lớn thì sơn son đỏ, nửa khép nửa mở. Sinh lén nhòm vào, thấy hoa đẹp bay lả tả đầy thềm. Văn thạch chất chồng thành một ngọn giả sơn có tư trúc vây quanh. Một con tiểu lộ vòng vèo ruột dê lát bằng những viên đá to như trứng ngỗng. Lan can trạm trổ, khắc thành hình chữ vạn. Lầu các hoa lệ uyển chuyển. Sinh biết đó là một tiểu viên lâm, bèn đi lén lỏi tắt, đến chỗ lục giác đình. Chàng thấy một người đàn ông ngồi dựa bên chiếc kỷ đánh cờ với một người môn khách.

Người ấy chính là vị Vương gia đã mua bức tranh của chàng.

Chàng nhè nhẹ bước lại gần, thì vị Vương gia đang cầm quân cờ trên tay, trù trù chưa biết đặt vào vị thế nào, e lạc nước bị thua. Sinh bỗng nổi hứng nghề riêng, khe khẽ bảo với vị Vương gia :

- Sao Vương gia không đặt quân vào chỗ kia, ắt chuyển bại thành thắng. Thế này, kỳ phổ gọi là "Vương Tích Tân đoạt chức pháp"

Vị Vương gia vừa kinh ngạc vừa mừng, hỏi chàng từ đâu lại.

Sinh quỳ bái, thưa :

- Tiểu sinh đến để xin Vương gia tiền đã mua bức tranh của Cố Khải Chi !

Vị Vương gia cười, bảo :

- Ta suýt quên mất việc ấy !

Rồi gọi một đứa tiểu đồng đến, sai cầm tám trăm lạng bạc ra trả cho chủ tiệm, nhưng lưu Sinh lại cho đứng xem cờ.

Lát sau tan cuộc, quả nhiên vị Vương gia thắng, càng làm cho Vương gia vạn phần cao hứng, quay đầu lại hỏi Sinh :

- Môn này nhà người cũng rành à !

Sinh đáp :

- Bẩm Vương gia, tiểu sinh lúc nhỏ ở nhà quê cũng có học đòi được đôi chút, chứ chưa được rành lắm !

Wương gia nói :

- Vậy thử với ta một bàn, xem cao thấp thế nào nhé!

Sinh khước từ, không dám nhận. Nhưng Vương gia nhất định muốn đánh với chàng một bàn. Sinh không thể từ chối được nữa, đành chia quân đen trắng mỗi người một bên.

Cờ xong, Sinh rất được Vương gia hài lòng. Bèn mời chàng ở lại uống rượu, rồi hỏi ngọn nguồn quê quán. Sinh khúc triết bày tỏ lai lịch của chàng. Nói năng ôn tồn. Ngữ điệu uyển chuyển. Vương gia bảo chàng nghỉ thôi không làm cho chủ tiệm nữa, vào trong vương phủ làm mộ khách. Nhân thế mà được gần vương gia, sớm tối hầu cờ, bàn luận kim cổ, hoặc giám định châu tàng thư họa, ra xe vào ngựa, hiển quý như một vương thân vậy.

Ngẫu khi, Vương gia cao hứng, đi du lãm danh thắng cổ tích, đều cho Sinh đi theo, như bóng với hình, không rời một khắc.

Một tối, Vương gia phải vào triều trực ban, thị hầu hoàng thượng ngự yến, mãi đến canh ba vẫn chưa về. Sinh ngồi một mình trong phòng đọc sách. Bỗng nghe có tiếng người búng ngón tay gọi cửa. Chàng ra mở xem, thì thấy một thiếu phụ trung niên, quần hồng, dép thêu, ăn mặc rất là hoa lệ.

Thiếu phụ hỏi chàng :

- Úc tiên sinh có phải người Tây Giang không ?

Đáp :

- Thưa vâng !

Lại hỏi :

- Quận nào vậy ?

- Quận Lư Lăng .

Thiếu phụ ra khép cửa lại, rồi ngồi vào ghế, thì thào bảo Sinh :

- Người ái cơ thứ chín của Vương gia là Thuý Phù, người Cát An cũng họ Úc đấy. Từ bé bị bán vào vương phủ, chẳng có người bà con nào cả. Năm nay mười bảy tuổi, mặc dầu rất được Vương gia yêu dấu sủng ái, nhưng vẫn buồn rầu lưu luyến, ân hận là cô đơn một bóng một hình. Thiếp là người thân cận tâm phúc của nàng. Nay nghe tiên sinh đến, cũng họ Úc lại đồng hương, vì thế, mới lén sai thiếp đến đây để hỏi thăm tiên sinh, muốn cùng tiên sinh kết nghĩa huynh muội, tất không phụ tiên sinh đâu. Tiên sinh chỉ giả vờ không biết, đem việc này nói với Vương gia, thì thế nào cũng được gặp nàng.

Sinh hỏi :

- Lấy gì làm bằng cứ để nhận biết nàng và cho Vương gia tin mà không nghi ngờ gì ?

Thiếu phụ trả lời :

- Thuý Phù thường thích đeo một tấm bạch ngọc uyên ương, chung quanh có vài chục hạt đồng châu, bên dưới là một sấu những hạt châu nhỏ như hạt đậu để làm giây đeo, ở trên vạt áo thêu. Tiên sinh nên lấy đó làm bằng.

Sinh lại hỏi về dung mạo của Thuý Phù.

Đáp :

- Dung mạo cực đẹp, khó mà diễn tả được. Trong số mười hai người ái cơ của Vương gia, nàng là người đẹp nhất.

Sinh ghi nhớ thật kỹ lời thiếu phụ vào trong óc.

Ngày hôm sau, khi Vương gia ở triều về, trong khi đàm luận truyện trò với ông, Sinh thỉnh thoảng lại tỏ ra rầu rĩ, sực sùi. Vương gia thấy thế hỏi chàng :

- Khanh có điều tâm sự gì bất như ý, mà ủ rột âu sầu thế ?

Sinh gạt nước mắt, đáp :

- Tiểu sinh lúc còn bé có người em gái bảy tuổi, đi coi rước đèn, bị bọn phỉ đồ bắt cóc. Sau này, nghe đồn là chúng đem về Sơn Đông bán. Gần đây lại có người nói là ở kinh thành. Tin tức mơ hồ mập mờ, không được rõ. Nếu còn sống, nay cũng đã mười bảy tuổi rồi. Chẳng biết bao giờ anh em có cơ hội được gặp nhau không?

Nói xong, tỏ vẻ buồn bã âu sầu.

Vương gia suy nghĩ hồi lâu, nói:

- Trong những tiểu thiếp của ta cũng có người họ Úc, từng nói là quê ở Giang tây, nhưng người phải nhận được mặt em người, thì ta mới tin, bằng không là giả.

Sinh thưa :

- Anh em tuy lâu ngày không gặp, nhưng diện mạo người em tiểu sinh tựa tựa mẫu thân, nên tiểu sinh cũng có thể nhận ra được ít nhiều.

Vương gia bèn cho gọi những nàng cơ thiếp của ông ra, đứng xếp hàng ở trung đường cho Sinh nhận diện. Chàng nhìn thấy người đẹp nhất trong đám có đeo tấm ngọc uyên ương ở trước ngực, bèn vội vã cầm lấy tay áo của nàng mà khóc, rồi nói :

- Em tôi đây, em tôi đây !

Thuý Phù cũng nức nở hô : "Anh ơi!", khiến cho Vương gia cảm động mũi lòng, bảo Sinh :

- Ngày trước khanh là tân khách của ta, nay thì là họ hàng thân thích.

Rồi bảo mọi người gọi Sinh là cứu chủ. Và càng thêm quý trọng Sinh hơn. Thường cho chàng cùng vào phòng Thuý Phù yến ẩm rượu chè. Lại ban phát không tiếc.

Sau hai năm, Sinh sống trong vương phủ, lòng hoài hương bỗng gây niềm xúc cảm. Thuý Phù thấy vậy, mới cậy Vương gia lo cho chàng một chức quan địa phương, để cho về vang với làng xóm. Quả nhiên, hôm sau Sinh được Vương gia bỏ tiền ra mua cho một chân Tư Mã.

Trước hôm chia tay, Thuý Phù dẫn người thiếu phụ trung niên ngày trước đến để cùng Sinh giã biệt.

Nàng nói :

- Tuy là anh em giả, nhưng cũng tạm ủi an niềm cô tịch nơi đất khách. Từ nay không còn bị bạn bè chê cười trêu chọc nữa, đó là ơn của chàng.

Sau đấy, có hai con a hoàn khiêng ra hai chiếc rương gỗ, khóa thật kỹ lưỡng. Thuý Phù tiếp :

- Chút quà mọn này, xin tặng chàng làm hành trang. Chàng mang theo về quê, đủ để áo cơm một đời, không phải lo nữa !

Rồi đầm đầm lệ sa, cầm tay Sinh cùng nhau ly biệt.

Sáng sớm hôm sau, Vương gia cho bày tiệc tiễn hành Sinh ở trung đường. Tình ý, chúc tụng hết sức là long trọng hậu hĩ.

Lại bảo với Sinh rằng :

- Khanh nay đã ở tuổi nhi lập, mà còn chưa vợ, vậy ta xin tặng khanh một người tỳ nữ.

Sinh chấp tay vái tạ, rồi lên đường.

Quả nhiên, có một chiếc xe ngựa theo sau. Chừng đến quán trọ, Sinh tới mở rèm xe, thì ra một người con gái đẹp, mặt hoa da phấn, từ trên xe chậm rãi bước xuống, trông hao hao một chín một mười với nàng Bạch Vân Anh mà Sinh đã gặp mấy năm trước ở Lư Lăng thành.

Một bà lão bợc tiến lại gần, bảo Sinh :

- Đây là mỹ nhân mà Vương gia hứa tặng tiên sinh !

Sinh thập phần mừng rỡ, cầm lấy tay nàng hỏi tính danh.

Nàng đáp :

- Thiếp họ Bạch, tiểu tự là Vân Trinh, từ bé bị bán vào Vương phủ, vẫn được Thuý Phù nương tử thương yêu quý mến, vì thế mới được cho theo về với chàng.

Sinh bèn thuê phòng ở tại đó để cử hành hôn lễ.

Rồi đem chuyện gặp nàng Bạch Vân Anh, căn kẽ kể lại cho vợ nghe.

Vân Trinh nói :

- Truyện đó có thật đấy, cha thiếp từng có lần luyện ái một chồn tiên, ăn ở với nhau được hơn mười năm, sinh một người con gái, tên là Vân Anh. Về sau, chồn bỏ đi, Vân Anh cũng đi theo, không biết đi đâu. Người con gái mà chàng đã gặp chắc chắn là chị thiếp đấy, có thể là chàng đã được nàng ra tay trợ giúp.

Sinh bèn thấp hương, hướng về phía xa bái tạ.

Sau đó trở về Cát An, mở hai chiếc rương ra coi, thấy đầy ắp kim châu bảo ngọc, nghiễm nhiên trở thành cự phú.

Vân Trinh rất mực yêu chồng, phu thê mặn nồng ân ái, duy đã hai năm mà không sinh nở chi cả, khiến Sinh cũng có phần lo lắng. Nàng bèn ăn chay tám gội, rồi lên núi Vũ Công Sơn để cầu tự, xin con nối dõi. Lúc trở về, nàng bỗng nghe trong bụi cỏ bên đường có tiếng trẻ thơ khóc oa oa. Xuống coi, té ra là một đứa bé bọc trong một cái tã gấm. Da dẻ trắng trẻo, rục rỡ như tuyết. My mục đẹp như tranh vẽ.

Trong túi có một lá thư.

Thư rằng :

"Em đi lấy chồng, chồng lại có danh phận, đó là điều làm cho chị vui lòng. Chị ở trong núi tu luyện, chẳng ngờ làm lẫn lạc thú trần gian, trộm ăn trái cấm, mà sinh hạ đứa bé thơ này, gọi tên là Phần Lang. Khổ vì trong núi không có chỗ, nên xin em thay chị đem cháu về nuôi dưỡng, sau này trưởng thành sẽ là người nối dõi cho em. Phần Lang phúc phận rất lớn, nhất định sẽ làm vinh quang tông tổ. Em hãy thương cháu như chị, không nên ruồng rẫy mà phụ tấm lòng gửi gắm của chị.

Bạch Vân Anh thủ thư."

Vân Trinh đem đứa bé về nhà, thuê vú em bú mớm, và đặt tên là Phần Lang.

Nhờ thế, dòng họ Úc có con nối dõi tông đường.

Vài nét về tác giả .

Tuyên Đình

宣鼎

Tuyên Đình tự Sáu Mai, sinh năm 1832 mất năm 1880 thời Mãn Thanh. Ông người huyện Thiên Trường tỉnh An Huy, có tài thư họa và tiểu thuyết. Ông không ra làm quan, tuy có thời gian làm trợ tá trong mạc phủ và một đời chỉ sống bằng nghề bán chữ và bán tranh.

Tác phẩm " Dạ Vũ Thu Đăng Lục " của ông gồm có 253 truyện ngắn thuộc loại truyền kỳ chí quái. Nhờ sống lâu năm trong lớp hạ tầng xã hội, đời sống không có ổn định, mà ông thấu hiểu được một cách sâu xa sinh hoạt của người dân, nên các truyện của ông nội dung rất là xung thực, lời văn khúc triết, lưu loát, sinh động.

Trong số các tác phẩm được coi là mô phỏng theo Liêu Trai Chí Dị, thì Dạ Vũ Thu Đăng Lục được kể là hay hơn cả.

Một số truyện trong Dạ Vũ Thu Đăng Lục đã được chúng tôi dịch và in trong tập "Hậu Liêu Trai" và "Thiếp Bạc Mệnh" trước đây.

Vài hàng chú thích :

Phòng Sơn Cao Thượng Thư

房山高尚書

Phòng Sơn Cao Thượng Thư tên thật là Cao Khắc Cung, họ gia đời Nguyên, tự là Ngạn Kính, hiệu là Phòng Sơn, tổ tịch gốc Đại Đồng tỉnh Sơn Tây, cư trú tại Đại Đô (tức Bắc Kinh ngày nay), khi về già cư ngụ tại Tiền Đường (nay là Hàng Châu tỉnh Triết Giang), làm quan đến Tổng Quản Đại Đồng lộ, Hình Bộ Thượng Thư, nên người đời thường gọi là Cao Thượng Thư.

Ông chuyên vẽ về sơn thủy, cùng với Triệu Mạnh Phủ đem đến cho lối vẽ sơn thủy đời Nguyên một bộ mặt mới. Những tác phẩm của ông còn lưu lại hậu thế như "Văn hoành Tú Lãnh Đồ", "Mộ Sơn Tình Đồ", "Mặc Trúc Pha Thạch Đồ".

Lạc phách cùng đồ

落魄窮途

Chỉ cùng khốn đến cực độ, đi đến chỗ mạt lộ, tinh thần không có chỗ nương dựa nữa.

Cố Khải Chi

顧愷之

Cố Khải Chi sinh khoảng năm 345 CN, mất năm 406 CN. Là một thư họa gia nổi tiếng thời Đông Tấn.

Ông tự là Trường Khanh, tiểu tự là Hồ Đầu, người Tấn Lăng Vô Tích (nay là thành phố Vô Tích tỉnh Giang Tô). Xuất thân từ một gia đình danh môn vọng tộc, mới đầu Cố Khải Chi làm Tham Quân cho Hoàn Ôn và Ân Trọng Kham, rồi đảm nhận chức Tán Kỵ Thường Thị. Là một người đa tài, đa nghệ, ca phú, từ hàn, thư pháp, âm luật, không cái gì là ông không biết. Đặc biệt là về hội họa. Ông giỏi về vẽ nhân vật, sơn thủy. Bức họa "Tuyệt Tiêu Vọng Ngũ Phong Đồ" mở đầu cho loại tranh sơn thủy của ông, hậu thế gọi ông là Tổ Sư của loại tranh này. Còn về loại tranh nhân vật, cũng rất đặc biệt, nổi bật. Chẳng hạn, ông từng vẽ bức tượng Duy Ma Cật trên tường của chùa Ngõa Quan Tự ở Kiến Khang (tức Nam Kinh ngày nay) trông rục rờ, lộng lẫy như thật. Người đến xem liên tục, không dứt, chỉ trong mấy ngày tiền thù vào có đến hàng trăm vạn, nhưng ông đều đem bố thí cho nhà chùa.

Hiện nay ông còn để lại bức "Nữ Sử Trâm Đồ" có chín đoạn, đều do hậu thế mô phỏng, nhưng cũng bảo tồn được những di phong của Cố Khải Chi.

Năm 1900, Bát Quốc Liên Quân xâm nhập Bắc Kinh, Anh quân vào trong cung nhà Thanh đã lấy đi bức họa mô phỏng này và hiện đem về tàng trữ tại bảo tàng viện ở Luân Đôn.

Trịnh Tụ

鄭袖

Trịnh Tụ là vợ vua Sở Hoài Vương thời Chiến Quốc, rất được vua Sở Hoài Vương sủng ái và tín nhiệm. Khi Trương Nghi từ Tần sang sứ nước Sở, nhân vì khinh thị vua Sở sắp bị giết, nhờ có Cận Thượng nói khéo với Trịnh Tụ, rồi đêm ngày Trịnh Tụ nói khuyên giải vua Sở mà Trương Nghi được tha, thoát chết.

Tư Mã

司馬

Tư Mã là tên gọi một chức quan thời cổ xưa, do nhà Tây Chu đặt ra đầu tiên. Thời Xuân Thu, Chiến Quốc dùng theo. Nhiệm vụ của chức Tư Mã là trông coi về quân chính và quân phú. Đến đời Võ Đế nhà Hán bãi bỏ chức Thái Uý, đặt ra chức Đại Tư Mã, đời sau gọi là Binh Bộ Thượng Thư, còn Thị Lang là Thiếu Tư Mã (Cũng xin ghi là vị tối cao trưởng quan của một bộ ngày xưa thì gọi là "Thượng Thư 尚書" tương đương như chức Bộ Trưởng ngày nay, còn vị phó trưởng quan gọi là "Thị Lang 侍郎").

Từ các triều Ngụy Tấn, Tư Mã là chức quan coi việc quân sự của một phủ dưới quyền Tướng Quân, tổng lý những việc trong phủ, và được quyền tham dự bàn luận những việc quân sự.

Sang đến đời Tùy, Đường ở mỗi châu, mỗi quận, mỗi phủ đều đặt một viên Tư Mã để giúp việc, bên dưới Biệt Giá và Trưởng Sử.

Đời Minh và Thanh, gọi Đồng Tri của phủ là Tư Mã.

Trong bài thơ Tỳ Bà Hành của nhà thơ Bạch Cư Dị đời Đường có câu : "Dư tả thiên Cửu Giang Quận Tư Mã 予左遷九江郡司馬", nói ông bị đày xuống làm Tư Mã quận Cửu Giang. Chức Tư Mã tức là chức Thứ Sử của một châu, đó là một chức ngồi chơi sỏi nước, không có thực quyền vào thời bấy giờ. Cửu Giang Quận do nhà Tùy đặt ra, nhà Đường gọi là Giang Châu hay Tầm Dương .

Vô trí chùy chi địa

無置錐之地

Thành ngữ này được ta quen dịch là "không đất cắm dùi", để chỉ một người nghèo, quá nghèo, không có chỗ ở nhà cửa, ngay cả một miếng đất chỉ bằng mũi dùi cũng không có.

Nguyên nghĩa từ sách " Trang Tử- Đạo Trích " thuật rằng :

" 堯舜有天下子孫無置錐之地 - Nghiêu Thuấn hữu thiên hạ tử tôn vô trí chùy chi địa – Vua Nghiêu và vua Thuấn có được thiên hạ mà con cái thì không có đất cắm dùi.

Nhi Lập :

而立

Cụm từ " nhi lập 而立 " nguyên rút từ câu nói của Khổng Tử: " Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất

hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục 吾十有五而志于學三十而立四十而不惑五十而知天命六十而耳順七十而從心所欲 " trong sách Luận Ngữ.

Về sau trong văn chương sách vở của Trung Quốc người ta thường dùng cụm từ " nhi lập " để chỉ 30 tuổi, và cụm từ " bất hoặc " để chỉ 40 tuổi.

- " Nhi lập 而立 " hay " Nhi lập chi niên 而立之年 ", chỉ người con trai 30 tuổi . " Lập 立 " có nghĩa là lập chí, lập thân. Xin được ghi thêm là " Nhi 而 " là một liên từ, không có nghĩa là con trai, khác với nghĩa chữ " nhi 兒".

- " Bất hoặc 不惑 " hay " Bất hoặc chi niên 不惑之年 " chỉ 40 tuổi. " Bất hoặc 不惑 " có nghĩa là không còn bị mê hoặc, hồ đồ. Chỉ người con trai 40 tuổi thì không còn hồ đồ bị mê hoặc lầm lẫn nữa.

Môn Khách

門客

Môn khách có nghĩa như môn hạ khách, thực khách, chỉ những người ngày xưa sống ăn nhờ vào những nhà giàu sang quyền quý, và phục vụ cho họ. Đến đời nhà Tống gọi những thầy giáo dạy ở nhà là môn khách.

PHÙNG HIỆP

馮翹

Tác giả : Hòa Bang Ngạch

Bản Dịch của : Phạm xuân Hy

Một ngọn đèn xanh lửa đóm, hắt hiu tranh sáng với loài ma

Bao phen dậm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ

Liễu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

Uông Cẩn, người Hoa Đình, tuổi ngoài ngũ tuần, vẫn còn lao đao lận đận trên đường khoa cử. Sau nhiều lần lên kinh dự thí, nhưng chẳng đỗ đạt chi cả, tay trắng vẫn hoàn tay trắng, Cẩn đâm buồn chán, chỉ ở trong nhà, không muốn ra ngoài rong chơi.

Một hôm, gặp ngày gió mát thung sang, Cẩn bỗng động niềm cổ quận, bèn mua một con thuyền để xuôi Nam.

Trong khi chờ yết bảng, chàng cho buộc thuyền đậu ở mé tây huyện Võ Thành ngày trước. . Giữa lúc Cẩn đang buồn vì chiều tà tịch mịch, cô liêu một mình, bỗng thấy có một đứa nô bộc chạy sòng sộc đến, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đưa cho chàng một phong thư, nói :

-Ông chủ tôi là Phùng nhị quan, xin có thư bái yết !

Cẩn nhìn tấm danh thiếp, thấy đề mấy chữ, xưng là :

" *Hương quyển văn sinh Phùng Hiệp* "

鄉眷晚生馮翹

Cẩn tự thấy mình đã già, lại bần hàn, ngay cả người chí thân bè bạn có gặp trước mặt cũng chẳng thềm nhận, lẽ nào gã Phùng Hiệp này, bình sinh chàng chưa hề gặp , lại chủ động đến bắt thân với chàng. Hà huống lại ở nơi tha hương đất lạ. Càng không thể tin được.

Vì thế, Cẩn cho là có sự lầm lẫn, nên tái tam từ tạ, không nhận tấm danh thiếp.

Đứa nô bộc nói :

-Vậy, chẳng hay công tử có phải quê ở Tòng Giang, họ Uông không đấy ?

Cẩn đáp :

-Đúng thế , tôi họ Uông quê ở Tòng Giang.

-Vậy thì không thể làm được !

Nói xong, hộc tốc chạy đi.

Khoảnh khắc thì Hiệp tới. Xiêm y rạng rỡ, mũ mạo chỉnh tề, tuổi tác trạc khoảng ngoài tam tuần. Thoạt gặp Cẩn, Hiệp trình trọng khiêm tốn chấp tay vái chào, rồi lấy ra bốn tấm lụa Lộ Châu tặng cho Cẩn để làm lễ ra mắt , và tự giới thiệu :

-Đệ là người Sơn Tây, tính đi Dương Châu ghé thăm một người bạn làm Tuần Kiểm ở Thượng Quan Kiều. Nghe nói huynh cũng trở về Tòng Giang, nên đến xin huynh cho quá giang. Chẳng biết huynh có dung nạp nhau chăng ?

Cẩn thấy Hiệp có vẻ đôn hậu, ăn nói thật thà chất phác. Bèn nhận lời. Hiệp bảo đưa nô bộc mang khăn gói hành lý để vào cuối khoang thuyền.

Đến tối cùng nhau ngồi đàm đạo, Cẩn mới hỏi :

-Huynh người miền Tây, còn đệ người miền Nam, vì sao trên danh thiếp lại xưng là hương quyển với đệ ?

Hiệp đáp :

-Có điều huynh chưa rõ ! Tổ quán của đệ là người Tòng Giang, sau ngày đình cách , đến đời Thanh, mới thiên cư đến Sơn Tây huyện Phần Dương. Sở dĩ, trên danh thiếp, đệ tự xưng là đồng hương với huynh là để cho khỏi quên mất cái nguồn gốc cũ mà thôi.

Cẩn lại hỏi :

-Sao huynh không ra làm quan, cho khỏi phí cái tuổi thanh xuân đi ?

Hiệp đáp :

-Làm quan cũng là có số cả. Không thể cưỡng cầu được đâu. Đệ từng bỏ ra rất nhiều vàng bạc để mua lấy một chức quan ty, cuối cùng cũng công toi. Mới đầu thì còn ấm ức buồn phiền. Sau, dần dần hiểu ra. Chẳng phải ai cũng có thể muốn làm quan là được. Cứ

như thân phận của đệ. Tài hoa thì không bằng đầu mũi chỉ. Còn khả năng thì không quá một gang. Dầu có ra làm quan, bất quá cũng chỉ là người ngồi không ăn lương thôi, chẳng làm nên nổi sự nghiệp to tát gì. Còn nói vì nghèo mới ra làm quan để kiếm chác, thì đó lại không phải sở nguyện của đệ, vả gia tư cũng phong phú giàu có. Nên nghĩ đi nghĩ lại, đệ đành làm một kẻ bố y bình dân thôi. Chẳng hay huynh có biết chuyện Giang Đông Độc Bộ Vương Thản Chi ngày xưa không? Gia sử cứ thủ chí bất sĩ, thì thanh danh thuở thiếu thời còn tồn tại mãi, đâu đến nỗi phải cầm hốt ngược lòi chuôi, để cho hậu thế chê cười.

Cẩn chán ngán thở dài :

-Huynh nói rất đúng. Có tiền hồi lộ, mà còn chẳng làm quan được, huống hồ nghèo như đệ không có tiền hồi lộ, lại không chịu để bị đời bịp, liệu có được không?

Hiệp nói :

-Đạo lý mỗi ngày một suy vi. Hễ có sự canh biến thuyên chuyển, lần đầu thì còn ủy thác gửi gắm được. Đến lần sau, nếu không hồi lộ không xong. Vì thế, người công chính ngay thẳng bị bỏ rơi nơi thôn dã, đưa nha dịch ti tiện được đề bạt vào làm quan trong triều. Bậc liêm khiết bị truất phế, kẻ tham ô gian nịnh được thăng thưởng. Thậm chí, vua mua chuộc bầy tôi, bầy tôi mua chuộc vua. Bậc hiền giả còn bị biến chất, nói chi đến người thường.

Cẩn nghe những lời luận bàn thâm sâu xác đáng của Hiệp, rất lấy làm bội phục. Nỗi buồn chán u ám chất chứa trong lòng bấy lâu, nhất thời tiêu tan đi hết.

Từ đấy, hai người sáng chiều gặp nhau, tình ý rất là tương đắc.

Một hôm, thuyền đến địa giới huyện Hoài An, gặp ngày rằm tết Trung thu, khí trời mát mẻ, Cẩn ra chợ mua rượu thịt về mời Hiệp cùng đánh chén, thưởng trăng. Đến lúc rượu ngà ngà say, Hiệp thành linh nâng chén rượu lên, cảm khái đọc một câu thơ của Lục Cơ đời Tam Quốc lúc bị hại :

Hoa Đình hạc lệ, khả phúc vãn hồ ?

華亭鶴唳可復聞乎

Cẩn không hiểu rõ ý của Hiệp, nhân mới hỏi :

-Người bạn của huynh làm quan Tuần Kiểm, gia cảnh hẳn là thanh bần kham khổ. Huynh vừa đi vừa về mất cả mấy ngàn cây số, chẳng hóa ra vô ích sao ?

Hiệp nghe hỏi , chỉ im lặng không nói. Một lúc sau mới đặt chén xuống bàn, buông tiếng thở dài nảo nuột , nói:

-Mấy tuần nay, cảm ơn huynh hậu đãi. Đệ đã mấy lần muốn đem lòng thành bày tỏ cho huynh rõ , nhưng lại e làm huynh sợ hãi, nên cứ ần ần không nói. Nay huynh đã hỏi, chẳng đành dấu diếm được nữa. Gã họ Trần, làm quan Tuần Kiểm ở Thượng Quan Kiều ấy, tuy là bè bạn, nhưng thực ra kẻ thù. Cách nay mười ba năm, đệ đem một ngàn tấm vải Tô Châu đi bán. Đến trấn Nhâm Bình, đệ ngụ chung với Trần trong một lữ quán. Hôm ấy gặp ngày mưa to lũ lụt, đường xá không đi lại được, thương khách đều phải trọ lại trong quán. Trần cùng một số người khách bèn mở cuộc đổ bác đổ đen. Chỉ một đêm, Trần thua sạch túi, lại còn nợ người ta hơn một trăm lạng nữa, không vay mượn được ai mà trả, bị chủ nợ chửi bới lăng nhục thậm tệ. Đệ thấy thế, thương tình, bỏ tiền ra trả nợ hộ. Việc mới yên. Lại cho thêm hai chục lạng để làm lộ phí. Lúc bấy giờ, Trần tỏ ra mang ơn rất mực, dù phải tan xương nát thịt để báo đền. Sau đây Trần bảo với đệ :

-Em ở nhà còn có cha mẹ già, mà không sao nuôi nổi, muốn bỏ tiền theo lệ triều đình mua một chức quan nhỏ, ngặt trong túi không còn một xu. Anh là người trọng nghĩa khinh tài, liệu có thể giúp em năm trăm lạng nữa được không ?Nếu sau này được tuyển bổ, em xin hậu báo, không quên.

Thấy hẳn có vẻ là người con hiếu thảo, đệ vui vẻ đồng ý nhận lời ngay. Lúc đó đệ thật là hồ đồ, nên chẳng bảo hẳn giấy tờ gì cả. Năm năm sau đệ đem hàng trở lại kinh sư bán, nghe tin Trần được bổ vào một chân quan khuyết ở Dương Châu, chưa làm xong thủ tục, còn chờ ở tin tức ở ngoài cửa Tuyên Võ. Trong lòng đệ lấy làm mừng cho hẳn, vội vã đến thăm, chứ chẳng nghĩ gì đến chuyện nợ nần. Ai ngờ,

hắn lấy cố là đi vắng, từ chối không tiếp. Đệ trở lại hai ba lần nữa, hắn mới miễn cưỡng tiếp, nhưng tỏ ra lãnh đạm, kiêu căng.

Cẩn nghe Hiệp kể, nổi cơn tức giận đến lòi con mắt, than :

-Lòng người khó lường đến thế là cùng !

Hiệp lại nói :

-Đệ nghĩ chẳng phải tại lòng người khó dò đâu, mà tại bọn mình quá thực thà, chân thật, đem lòng quân tử đãi bụng kẻ tiểu nhân mà thôi. Huynh hẳn chưa nghe chuyện "Con lang ở trong núi Trung Sơn" à ?

Cẩn đáp :

-Có, đệ có nghe. Đệ cũng đã vốn ghét cái bọn vong ân phụ nghĩa từ lâu. Bọn người như chúng, huynh nên đòi lại tiền, rồi cắt đứt không giao thiệp gì với hắn nữa, đường ai nấy đi là xong.

Hiệp nói :

-Đệ suy kỹ lại, cơn nóng bốc lên, đòi hắn trả lại món nợ. Hắn chẳng những không trả, lại còn buông những lời tục tĩu, rửa đệ là đồ vô lại. Đệ phẫn hận, cùng hắn cãi cọ phải trái, đâu phải vì tiếc món tiền nợ, chỉ vì giận hắn quá bạc bẽo. Hắn còn âm hiểm, giả trá, ngậm máu phun người như loài quỷ vực, mua chuộc bọn phường khóm, ỷ quyền cậy thế, bắt đệ đưa đến nha môn. Đệ không có bằng cớ nào để chứng minh, quan phủ lại chỉ nghe lời hắn, cho đệ là bịa đặt để lấy tiền của người, rồi tống giam đệ vào ngục, đánh đập tra khảo bắt phải nhận tội. Đệ chịu không nổi những nghiêm hình kéo dài tàn khốc, mà phải chết trong ngục thất tha hươnh lạnh lùng. Oan hồn không tiêu tán được. , mới đến Diêm La Điện cáo án, được Diêm Vương thương tình hoàn huyết. May, lại được huynh cho đi theo về Dương Châu, nếu sau này trả được mối thù, nguyện xin kết thảo hàm hoàn, báo đáp ơn sâu !

Cẩn nghe kể, mình nổi gai ốc, lạnh toát cả người, hỏi :

-Vậy ra huynh là ma, chứ không phải là người !

Hiệp đáp :

-Vâng, xin cứ ra chỗ đèn sáng trăng soi mà nghiệm thì sẽ rõ !

Nói xong, Hiệp đi ra chỗ có ánh trăng. Quả nhiên, Cẩn chẳng thấy một hình tích nào của đầu cả. Cẩn sợ quá, mồ hôi toát ra, ướt đầm áo, ngồi ngây người như gà gổ, mặt xám ngắt như tro.

Hiệp thấy thế, an ủi :

-Xin huynh đừng có sợ ! Ma hay quỷ cũng như người vậy thôi. Có nhiều loại lắm. Nào là Câu Hồn Quỷ, Sách Mệnh Quỷ, Sắc Quỷ, Ngạ Quỷ, Oan Khuất Quỷ vân vân. Đệ thuộc loại Oan Khuất Quỷ, chỉ cần báo cừu tuyết hận, xong lại trở về dương thế, không hề làm hại người ta. Vả, huynh đối đãi tốt với đệ hậu như thế này, lẽ nào lại hại huynh sao ?

Một lúc lâu sau, Cẩn mới hơi hoàn hồn. Tuy thế, Cẩn cả ngày vẫn cứ ay náy, nóng lòng như ngồi phải lửa, cùng Hiệp trông ngóng ra ngoài.

Chừng thuyền đến Dương Châu, Hiệp mới buồn rầu bảo Cẩn :

-Từ đây xin tạm biệt với huynh. Nhưng đã có duyên ắt còn ngày sẽ gặp lại nhau. Đệ vốn biết huynh với quan thái thú Dương Châu là chỗ cố giao, ngày mai huynh có đến thăm, nhờ huynh thay đệ nói h nỗi oan khuất của đệ , đừng để cho đứa vong ân phụ nghĩa, lấy ân trả oán, lấy danh nghĩa thanh liêm mà lừa dối thiên hạ nữa.

Nói xong, chấp tay vái từ biệt Cẩn, rồi ra đi. Cẩn cũng cảm động, bụng buồn bã, đưa tiễn Hiệp xuống thuyền, và chỉ đứa nô bộc của Hiệp hỏi :

-Thế thằng bé dày tớ này của huynh cũng là ma à ?

Hiệp đáp :

-Đệ đã là ma, thì lẽ nào dày tớ lại là người được. Thằng bé này đệ bỏ năm ngàn quan mua nó ở dưới cõi âm đấy. Nó cũng là người đồng hương với huynh, con Lý Tứ bán giày vợ ở cửa Nam thị trấn Tòng Giang đấy mà!

Sau khi hai thầy trò Hiệp ra đi, Cẩn mới yên lòng, nhưng tính vốn kín đáo, nên thủ khẩu như bình, không hề hé môi thuật lại một lời. Vì thế, cả thuyền không một ai biết gì về câu chuyện đã xảy ra trên đây.

Ngày hôm sau , Cẩn vào thăm người bạn cũ là viên Thái Thú Dương Châu, được Thái Thú mời ở lại uống rượu hàn huyên, cùng nhau ôn lại chuyện cũ. Giữa lúc hai người rượu đang cao hứng, thành lính viên tiểu tốt gác cổng vào thông báo là viên Tuần Kiểm họ Trần ở Thượng Quan Kiều, đêm qua bất ngờ bị bạo bệnh qua đời.

Thái Thú kinh ngạc, nói :

-Viên Tuần Kiểm này thường ngày vẫn mạnh khỏe, sao bỗng dưng lại chết bất đắc kỳ tử như thế ?

Cẩn thở dài :

-Có oan có báo, có thù có trả , âm hay dương cũng đều như thế cả, lẽ trời há dám xem thường được sao !

Nhân thế mới đem chuyện oan hồn của Hiệp theo thuyền xuống Dương Châu để trả thù, nhất nhất thuật lại cho viên Thái Thú nghe.

Thái Thú nghe xong, chỉ há mồm trợn mắt ngạc nhiên, không nói năng gì.

Sau này, đến sưu tra nhà của Trần, viên Thái thú tịch thu được một ngàn hai trăm lạng, trong lòng lấy làm tức giận Trần là người bất chính, bèn tặng hết cho Cẩn.

Cẩn về quê nhà, thăm dò hỏi han nhiều lần, quả nhiên tìm được gia đình Lý Tứ , có đứa con trai mười lăm tuổi chết cách đây đã hai năm.

Tướng mạo hình dạng trông hệt đứa dày tớ của Hiệp.

(Dịch xong 2 giờ đêm -trang 204)

Vài nét về tác giả:

Hòa Bang Ngạch

和邦額

Tác giả " Dạ Đàm Tùy Lục " là Hòa Bang Ngạch, tự là Nhân Trai, hiệu là Tể Viên Chủ Nhân, người Mãn tộc, sinh khoảng năm Càn Long nguyên niên, tức năm 1736, chết năm nào không rõ. Cuộc đời của ông chu du nhiều nơi, từ Thiểm Tây , Thanh Hải, Cam Túc, Triết Giang, Phúc Kiến, Kinh đô đều có lưu lại dấu chân ông. Ông lại là

người có kiến thức rộng, thích thu thập những truyện dân gian kỳ lạ. Ông là một tiểu thuyết gia nổi tiếng vào đời nhà Thanh.

Dạ Đàm Tùy Lục, gồm có 12 quyển, 160 đoạn biên tiểu thuyết, viết theo lối văn ngôn. Nội dung tuy là các chuyện nói về ma, quỷ, chồn tinh, yêu quái, nhưng phản ảnh xã hội hủ bại đương thời, chỉ trích các thế lực gian tà hắc ám, đề cao chân thiên mỹ, ca tụng những mối tình trai gái thủy chung. Các nhân vật thần tiên, quỷ quái, thơ sinh, kỹ nữ. . . đều được tác giả mô tả rất sinh động như sống thật, văn vừa phong trong sáng.

Trong lịch sử văn học Trung Quốc, Dạ Đàm Tùy Lục chiếm một địa vị quan trọng, và được vinh dự coi là Liêu Trai Trí của Mãn tộc.

Một số truyện trong Dạ Đàm Tùy Lục đã được chúng tôi tuyển dịch và in trong Hâu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Vài hàng chú thích của Phạm Xuân Hy :

Hương quyển vãn sinh Phùng Hiệp

鄉眷晚生冯翹

Câu này bày tỏ ý nhún nhường, khiêm xưng đối với người khác, ý như nói " Kề đồng hương sinh sau đẻ muộn là Phùng Hiệp "

Đỉnh cách

鼎革

Đỉnh Cách là tên một quẻ trong Kinh Dịch, có nghĩa bỏ cái cũ lấy cái mới, sau chỉ việc thay đổi triều đại, trong câu này ý nói nhà Thanh lên thay thế nhà Minh ở bên Tàu.

Ở ba triều đại, Hạ, Thương, Chu, " đỉnh " được coi báu vật của quốc gia, tượng trưng của chính quyền. Quốc gia bị diệt tặc đỉnh bị thiên di. Nên trong văn chương khi nói đến việc thiết lập một chính quyền, xác định quốc đô, thì bảo là " định đỉnh ". Còn biểu thị cái ý muốn soán đoạt ngôi vua thì bảo là " vắn đỉnh " " quan đỉnh ". Quốc gia bị loạn lạc thì gọi là " luân đỉnh ". Thay đổi triều đại, thì gọi là " thiên đỉnh " hay " di đỉnh ". Còn nói chính quyền nhà Chu thì gọi là " Chu Đỉnh "

Bố y

布衣

Y phục được chế bằng ma bố (vải gai) hoặc bằng cát bố (vải đay) gọi là bố y. Nước Tàu thời cổ , trước khi có việc chuyển nhập bông vải vào, vật liệu chức phẩm làm quần áo là gai, đay, và tơ. Thông thường thì chỉ có quý tộc và quan viên được mặc y phục dệt bằng tơ, còn giới bình dân thì mặc quần áo bằng vải gai, vải đay, gọi chung là bố y. Vì thế, bố y trở thành từ ngữ chỉ người bình dân.

Lý Tư , trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, bị gọi một cách khinh thị là "Thượng Sái bố y, lư hạng chi linh thủ " -dân áo vải dất Thượng Sái, kẻ đầu đen trong xóm ngõ- tức kẻ bình dân. Sau Lý Tư làm thừa tướng nước Tần.

Bố y, còn chỉ người học trò lúc tay trắng nghèo, chưa hiển đạt.

Lục Cơ

陸機

Lục Cơ là văn học gia, trứ danh đời Tây Tấn, người Hoa Đình , Ngô Quận (nay là huyện Tòng Giang, thành phố Thượng Hải), xuất thân thế gia đại tộc. Lúc còn trẻ, ông từng nhậm chức Nha Môn Tướng dưới triều Ngô. Sau khi Ngô bị diệt vong, ông không ra làm quan trong vòng mười năm.

Năm Thái Khang đời Tấn Võ Đế, ông cùng em là Lục Vân đến Lạc Dương, tiếng tăm vang động một thời.

Ông làm quan nhà Tây Tấn trải qua các chức Thái Tử Tể Mã, Trứ Tác Lang, Trung Thư Lang, rồi làm Bình Nguyên Nội Sử, nên người đời gọi là Lục Bình Nguyên.

Năm 303 ông vâng lệnh Thành Đô Vương đem quân thảo phạt Trường Sa Vương, thất bại, bị dèm pha, rồi bị Thành Đô Vương giết.

Khi ra pháp trường ông có than rằng : " Dục văn Hoa Đình Hạc Lê, khả phúc đắc hồ 欲聞華亭鶴唳可得乎! " (Nay có muốn được nghe lại tiếng hạc kêu ở Hoa Đình quê nhà, đâu còn được nữa). Hậu thế dùng điển tích này để bày tỏ cái ý nuối tiếc đã ra làm quan để rồi gặp tai nạn, hoặc bày tỏ cái tình nhớ quê hương, và quyền luyện nhân sinh.

Hoa Đình Hạc Lê

花亭鶴唳

Hoa Đình là địa danh cổ, nay thuộc phía tây huyện Tống Giang thành phố Thượng Hải, gần cạnh có dinh cơ của Lục Cơ. Hạc lệ là tiếng chim hạc kêu. Thành ngữ trong văn chương cổ điển của Trung Quốc thường dùng để bày tỏ sự nổi tiếc thời gian sung sướng sống an nhàn ngày cũ.

Coi chú thích Lục Cơ ở trên.

Tuyên Võ

宣武

Tức Tuyên Võ Môn. Cự thành Bắc Kinh ngày xưa có chín cửa. Cửa Tuyên Võ nằm ở phía nam. Nhà Nguyên gọi là Cửa Thuận Thừa, đến năm Chính Thống tứ niên (tức năm 1439) đời Minh Anh Tông mới đổi là Tuyên Võ, tục gọi là Thuận Trị Môn.

Bắc Kinh có nhiều cửa và mỗi cửa đều có tên gọi khác nhau, cùng sự xử dụng khác nhau, chia ra bên trong có 9 cửa, bên ngoài có 7 cửa, thành môn có 4 cửa.

A-Chín cửa toà thành môn cự thành Bắc Kinh là : Đông Trực Môn, Tây Trực Môn, Triều Dương Môn, Ấp Thành Môn, Sùng Văn Môn, Tuyên Võ Môn, Tiền Môn, Đức Thắng Môn, An Định Môn.

-*Tây Trực Môn* 西直門 thời Minh gọi là Hoà Nghĩa Môn, là cửa mở để vận chuyển nước, mỗi buổi sáng sớm vận chuyển nước từ Ngọc Tuyên Sơn đến Bắc Kinh rồi đưa vào Hoàng Thành.

-*Đông Trực Môn* 東直門 thời Minh gọi là Sung Nhân Môn, là cửa vận chuyển những củi than, còn gọi là Sài Đạo

-*Triều Dương Môn* 朝陽門 thời Minh gọi là Trai Hoá Môn, cửa này dùng để chuyên chở lương thực.

-*Sùng Văn Môn* 崇文門, thời Minh gọi là Cáp Đức Môn, là cửa thông đạo dùng để vận chuyển rượu vào trong cung

-*Tiền Môn* 前門, thời Minh gọi là Chính Dương Môn, là cửa dành riêng cho vua ra vào, dân chúng không được quyền vãng lai, chỉ được đi lại lối cửa nguyệt môn ở hai bên

-*Tuyên Võ Môn* 宣武門, thời Minh gọi là Thuận Trị Môn, cửa này dành riêng để áp giải những tử tội đem ra Thái Mễ Khẩu chém đầu

-*Áp Thành Môn* 邑城門 thời Minh gọi là Bình Trắc Môn dùng để vận chuyển than đá vào trong Bắc Kinh.

-*Đức Thắng Môn* 德成門 là cửa dành cho quân đội mỗi khi thắng trận trở về để vào Bắc Kinh.

-*An Định Môn* 安定門 là cửa dành cho quân đội mỗi khi xuất chinh.

B- Bảy cửa ở bên ngoài, bao quát gồm có Quảng Cừ Môn, Quảng An Môn, Tả An Môn, Hữu An Môn, Đông Tiệp Môn, Tây Tiệp Môn, Vĩnh Định Môn. Những cửa này dành cho dân chúng ra vào thành buôn bán lẻ, và làm việc ngắn thời gian, thăm thân thích.

C- Bốn cửa Hoàng Thành gồm có Đại Minh Môn, Địa An Môn, Tây An Môn, bốn cửa hoàng thành nay dành riêng cho các quan văn võ ra vào cung đình.

Diêm Vương

閻王

Diêm Vương là do dịch âm từ chữ phạn mà ra, cũng gọi là "Diêm La Vương", "Diêm Ma Vương", hay "Diêm La". Còn dịch ý thì "diêm" có nghĩa là "trói buộc", trói buộc tội nhân.

Theo thần thoại cổ Ấn Độ, thì Diêm Vương là vị vua quản lý cõi âm, Phật Giáo duyên dụng theo thần thoại của Ấn Độ, coi Diêm Vương là Ma Vương quản lý địa ngục.

Trong phong tục của Trung Quốc, Diêm Vương được coi là vị vua của cõi âm. Người ta sau khi chết, phải đến cõi âm để chịu thẩm phán của Diêm Vương, nếu lúc sinh tiền làm điều lành, việc thiện, thì lên niết bàn hưởng phú quý, còn làm điều ác thì phải xuống địa ngục, chịu hình phạt.

Phật Giáo Trung Quốc cho rằng có Thập Điện Diêm La, từ ngữ dùng để chỉ mười vị Diêm Vương trông coi địa ngục, thuyết này có từ cuối đời Đường.

Mười vị Diêm Vương đó là :1-Tần Quảng Vương. 2-Sơ Giang Vương. 3-Tổng Đế Vương. 4-Ngũ Quan Vương. 5-Diêm La Vương. 6-Biến Thành Vương. 7-Thái Sơn Vương. 8-Bình Đẳng Vương. 9-Đô Thị Vương. 10-Ngũ Đạo Chuyển Luân Vương.

Mười vị này phân ra cư trú ở mười điện dưới địa ngục, nên được gọi là Thập Điện Diêm Vương.

Kết Thảo Hàm Hoàn

結草銜環

Có nghĩa như đền ơn đáp nghĩa.

Thành ngữ này rút từ hai điển tích là :

1-Kết thảo báo Ngụy.

Ngụy Vũ Tử là đại phu nước Tấn thời Xuân Thu có một người ái thiếp, không có con. Vũ Tử lo bệnh mới dặn với người con trai là Ngụy Khoả rằng :

-Sau khi ta chết thì phải cho nàng cải giá.

Đến khi bệnh nặng, Ngụy Tử lại dặn :

-Ta chết rồi phải bắt nàng tuần táng với ta.

Nhưng khi Ngụy Tử chết, Ngụy Khoả cho người ai thiếp của cha được cải giá, và bảo rằng " Ta cha lúc bệnh nặng thần thái không rõ ràng, ta tuân theo lời dặn lúc tinh thần còn sáng suốt "

Sau Ngụy Khoả phải giao chiến với quân Tần, tướng Tần là một lực sĩ, Ngụy Khoả thấy có một ông lão dùng cỏ kết thành giày làm cho vững chân ngựa của Đỗ Hồi khiến cho Đỗ Hồi bị ngã và bị bắt. Ban đêm Ngụy Khoả mộng thấy ông lão ấy đến và bảo :

-Ta là cha của người con gái mà ông đã cho cải giá, không bắt tuần táng, nên ta đền tạ ơn.

Sau dùng điển cổ này để biểu thị sự báo ơn.

2-Hoàng tước hàm hoàn.

Theo truyền thuyết, Dương Bảo người đời nhà Hán, lúc chín tuổi, đến chơi phía bắc núi Hoa Âm, thấy một con chim hoàng tước, bị con chim vợ mổ bị thương rơi xuống đất, vết thương trầm trọng, rồi lại bị kiên bu đến vây quanh, Bảo động lòng thương hại, mới đem con chim hoàng tước về nhà, để vào một chiếc lồng nhỏ, nuôi dưỡng cẩn thận. Con chim hoàng tước sau mấy tháng vết thương lành, lông cánh đầy đủ, thì sáng bay đi, chiều bay về. Ít ngày sau thì bay đi luôn.

Một buổi tối, khoảng lúc tam canh, Dương Bảo đang ngồi đọc sách, bỗng có một đồng tử áo vàng, đến chấp tay vái chào, nói :

-Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu, đi hái sen, vì không đề phòng nên bị con chim vọ nó mổ nên bị thương, may nhờ ngài nhân ái cứu trợ, thật cảm ơn đức cao dày.

Rồi lấy ra bốn chiếc vòng bạch ngọc tặng cho Bảo, nói :

-Xin ngài truyền lại cho con cháu cư sử liêm khiết, sẽ được làm quan đến tam công , thanh danh sẽ trong sáng như những vòng bạch ngọc này.

Quả nhiên về sau, hậu duệ của Dương Bảo, bốn đời làm đến đại thần.

Trong văn học cổ điển người ta thường dùng hai điển tích trên đây để tỏ sự biết ơn. Như trong truyện Kiều của Nguyễn Du :

Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau

Thái thú

太守

Tên gọi một chức quan.

-Nhà Tần đặt chức Quận Thú, trông coi mọi việc cai trị.

-Đến đời Cảnh Đế nhà Hán thì đổi Quận Thú là Thái Thú, là vị quan đứng đầu coi việc hành chánh, trật nhị thiên thạch. (Thái Thú đầu tiên của quận Giao Chỉ là Thạch Đới, do Hán Võ Đế phái đến, và Thái Thú nổi tiếng là tàn ác là Tô Định, bị hai Bà Trưng đánh đuổi về Tàu).

Thuộc quan của Thái Thú chia ra làm hai loại :

1-Trật Nhị Thiên Thạch trở lên do trung ương bổ nhiệm, như Đô Úy, Trưởng Sử, Hữu Thừa, đó là những tá quan.

2-Trật Bách Thạch trở xuống, do Thái Thú tự bổ nhiệm và bãi chức, như Công Tào, Ngũ Quan, Đốc Bưu, Chủ Bạ, Kế Lại, Văn Học, Tế Tửu.

-Đời nhà Tùy đổi quận ra là châu, đặt quan Thứ Sử đứng đầu coi một châu.

-Đời Đường lại đổi châu thành quận, thì vị trưởng quan là Thái Thú. Sau đó lại đổi là châu, lại gọi là Thứ Sử.

-Đời Tống đổi quận làm phủ hoặc là châu, vì thế cũng gọi là tri phủ, hay tri châu, là thái thú.

Trung Sơn Lang

中山狼

" Con lang ở trong núi Trung Sơn", nguyên gốc từ quán từ : " Trung Sơn Lang 中山狼".

Trong truyện " Trung Sơn Lang Truyện " của Mã Trung Tích đời Minh, kể là vào Triệu Gian Tử người thời Chiến Quốc, khi đi săn ở trong núi Trung Sơn, gặp một con lang bị thợ săn đuổi bắt, đến cầu cứu với Triệu Gian Tử (Đông Quách Tiên Sinh)cứu giúp. Triệu Gian Tử thương tình bỏ con lang dẫu vào trong túi đi săn, con lang nhờ thế mà được thoát nạn. Sau đó, con lang ra khỏi túi, chẳng những đã quên ơn , lại còn muốn ăn thịt luôn Triệu Gian Tử.

Về sau , trong văn chương thường dùng quán từ " Trung Sơn Lang để chỉ kẻ vong ân bội nghĩa.

Như trong Hồng Lô Mộng có câu : " Tử hệ Trung Sơn lang, đắc chí tiện xướng cuồng 子系中山狼得志便猖狂- Người như con lang ở trong núi Trung Sơn, đắc chí liền phát cuồng lên).

TẠ TIỂU NGA TRUYỆN

謝小娥傳

Tác giả : Lý Công Tá

Bản dịch của : Phạm xuân Hy

Tiểu Nga họ Tạ, người quận Dự Chương, là con gái một thương

gia buôn bán đường biển. Năm nàng lên tám tuổi thì người mẹ qua đời. Sau đấy, nàng được gả cho một hào khách tên là Đoàn Cư Trinh, tính bất khuất, ưa chuộng nhân nghĩa, và thường giao du đi lại với những bậc hiệp sĩ tuấn kiệt.

Thân phụ Tiểu Nga tích lũy được một sản nghiệp rất lớn, nhưng lại mai danh ẩn tích, sống lẫn lộn trong giới thương mại, thường đi buôn chung thuyền với người con rể họ Đoàn, vãng lai trên chốn giang hồ.

Năm Tiểu Nga mười bốn tuổi, vừa tuổi cập kê, thì cả cha nàng lẫn chồng nàng đều bị bọn cường đạo sát hại. Bao nhiêu tiền bạc, lụa là đều bị chúng lấy sạch. Còn mấy người anh em của Đoàn và các đồ đệ của cha nàng cùng vài người gia nhân bợ dịch mấy chục người, tất cả đều bị cướp ném xuống sông chết hết. Riêng Tiểu Nga bị thương ở bụng và chân bị gãy, trôi dạt trên dòng nước, được một chủ thuyền khác vớt, sau một đêm thì sống lại, rồi lưu lã đi ăn xin, luân lạc đến huyện Thượng Nguyên, ở đậu trong Diệu Quả Tự của ni cô Tĩnh Ngô.

Trước đấy, sau khi cha nàng chết ít lâu, Tiểu Nga nằm mơ thấy ông hiện về nói với nàng rằng :

- Người giết ta là " Xa Trung Hầu, môn đông thảo ".

Vài ngày sau Tiểu Nga lại thấy người chồng hiện về báo cho biết :

- Kẻ giết ta là " Hòa Trung Tẩu, nhất nhật phu ".

Tiểu Nga không thể tự giải đáp nổi những mê ngữ trên, thường viết vào giấy, cầm đi khắp mọi nơi, tìm những người tài học uyên

bác cắt nghĩa hộ. Nhưng suốt một năm trời, chẳng một ai có thể giải thích được cho nàng.

Đến mùa xuân năm Nguyên Hòa thứ tám, ta từ quan ở Giang Tây, thuê thuyền đông hạ, đình lưu ở Kiến Nghiệp, lên du ngoạn Ngõa Quan Tự Các. Nơi đây, có vị sư là Tề Vật, trọng hiền, hiếu học, với ta vốn đi lại thân thiện, nhân thế mới bảo ta rằng :

- Có người góa phụ tên là Tiểu Nga, mỗi khi lên chùa, thường đưa cho tôi xem hai câu mê ngữ, có mười hai chữ, nhờ giải thích, nhưng tôi không luận ra được.

Ta nghe nói thế, bèn yêu cầu nhà sư viết mấy câu mê ngữ ấy lên giấy, rồi ra dựa lan can, viết vào không trung, trầm tư mặc lự suy xét. Một lúc sau, thì tìm ra được ý tứ của những câu mê ngữ ấy. Ta bèn sai một tiểu tăng chạy gấp đi mời Tiểu Nga đến để hỏi cho rõ ngọn ngành.

Tiểu Nga khóc lóc nghẹn ngào hồi lâu rồi mới nói :

- Cha thiếp và chồng thiếp bị đạo tặc sát hại, sau đó thì báo mộng cho thiếp biết bằng những câu mê ngữ " Kẻ giết ta là Xa Trung Hầu, môn đông thảo " và " Kẻ giết ta là Hòa Trung Tẩu, nhất nhật phu", đến nay đã hơn một năm rồi mà chưa có ai giải đáp được.

Ta bèn trả lời nàng :

- Nếu quả như thế thì ta biết được ngay. Kẻ giết cha nàng là Thân Lan, còn kẻ giết chồng nàng là Thân Xuân. Bởi vì chữ chữ "Xa 車 " bỏ đi một nét trên và một nét dưới là chữ "Thân 申 ". Lại nhân chữ "Thân" thuộc "Hầu" cho nên mới đọc là "Xa Trung Hầu". Còn bên dưới chữ "Thảo 草 " mà có chữ "môn 門 ", và bên trong chữ "môn 門 " lại có chữ "đông 東 " nữa, tức là chữ "lan 蘭 ". Nhân thế mà đọc thành "Môn Đông Thảo". Ba chữ "Hoà Trung Tẩu 禾中走" có nghĩa là "đi qua ruộng", thì rõ ràng là chữ "Thân 申 " rồi. "Nhất nhật phu", là chỉ chữ "phu 夫" có thêm chữ "nhất 一" ở trên và chữ "nhật 日" ở dưới, tức là chữ "xuân 春" vậy. Thế là rõ ràng lắm rồi.

Tiểu Nga nghe ta giải thích xong, kính cẩn vái ta hai vái, rồi xúc động khóc rống lên, viết bốn chữ "Thân Lan , Thân Xuân", cắt vào

trong bụng, thề tìm cho được hai tên hung thủ ấy để giết, trả thù cho cha cho chồng nàng.

Rồi đó, nàng hỏi tính danh, quan chức của ta, nước mắt đầm đìa, từ giã ra đi.

Từ đấy, Tiểu Nga cải dạng nam trang, ở thuê làm mướn, lăn lộn trong chốn giang hồ.

Hơn một năm sau, nàng đến quận Tầm Dương. Thấy trước cửa trúc của một ngôi nhà dán giấy cần mướn người làm công. Nàng bèn đến gõ cửa xin làm. Hỏi đến gia chủ, té ra là Thân Lan. Hắn đưa nàng về nhà.

Tiểu Nga trong lòng đầy phần hận căm tức, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ ra thuận tòng, nên trong đám gia nhân nô bộc, nàng được Thân Lan rất mực yêu quý. Kim ngân, gấm đoạn xuất nhập, đều ỷ thác ở tay nàng. Hơn hai năm trời thấm thoát trôi qua, chẳng một ai trong nhà Thân Lan biết nàng là gái giả trai. Những kim ngân châu báu, lụa là gấm vóc, y vật khí cụ của gia đình Tiểu Nga bị cướp đoạt trước kia, nay đều chất chứa trong nhà Thân Lan cả. Mỗi khi nàng cầm đến cự vật, lòng không khỏi đau xót, nhỏ lệ khóc thầm.

Thân Lan với Thân Xuân là hai anh em đồng tộc. Nhà của Thân Xuân ở Độc Thụ Phố, phía bắc sông Trường Giang. Bọn chúng qua lại với nhau rất là mật thiết, thường rủ nhau ra đi đánh cướp vài ba tháng mới về nhà một lần, mang theo kim ngân vải vóc cướp được. Mỗi lần ra đi như thế, chúng đều giao việc nhà cho Tiểu Nga và vợ Thân Lan là Lan thị trông nom. Rượu thịt áo cơm, nàng được chúng cung cấp rất là hậu hỹ đầy đủ.

Một hôm, Tiểu Nga thấy Thân Xuân sách một con cá chép đến nhà Thân Lan để đánh chén, nàng nhủ thầm trong bụng: "Sự nhận xét và phán đoán của Lý tiên sinh rất thâm sâu, lại rất phù hợp với lời trong mộng. Đây đúng là ý trời khải thị cho ông biết để mình thực hiện nguyện vọng báo thù tuyết hận.

Tối hôm ấy, Thân Lan và Thân Xuân cùng bọn cướp tụ họp mở đại yến, ăn uống say sưa. Đến khi bọn cướp vừa rời khỏi tiệc rượu ra về, Thân Xuân đã say mềm, vào ngủ trong nội thất, còn Thân Lan

nằm ngủ ngoài đình viện, Tiểu Nga bèn rón rén đến khoá cửa nội thất, nhốt Thân Xuân lại, rồi trở ra rút dao chém đứt đầu Thân Lan. Sau đấy, nàng mới hô hoán gọi lân cư lồi xóm đến.

Thân Lan đã chết, Thân Xuân bị bắt, những hoá vật của bọn chúng cướp bóc được bị tịch thu, số lượng lên đến hàng ngàn. Khi mới đến, Tiểu Nga đã âm thầm ghi nhớ danh tánh mấy chục tên đồng đảng của bọn chúng, nay đều bị đem ra pháp trường hành quyết.

Bấy giờ, quan thái thú Tầm Dương là Trương Công, rất khâm phục tiết tháo và hành vi của Tiểu Nga nên lập biển ghi sự tích của nàng để biểu dương, nhân thế mà thoát tội chết.

Việc đó xảy ra vào mùa hạ tháng mười hai năm Nguyên Hòa, đời vua Đường Hiến Tông.

Sau khi trả được thù cha thù chồng, Tiểu Nga trở về quê nhà, gặp lại họ hàng thân thích. Những gia đình hào môn phú quý ở trong làng tranh nhau đến cầu hôn, nhưng nàng kiên tâm từ chối, quyết không lấy chồng nữa. Rồi đó cắt tóc, ăn mặc quần áo thô sơ đơn giản, tìm đến núi Ngưu Đầu Sơn, bái một vị ni cô cao tuổi và tinh thông giới luật làm sư phụ.

Nàng dốc chí một lòng khắc khổ tu hành, tân khổ lao tác, không quản tuyết sương mệt nhọc.

Đến tháng tư năm Nguyên Hoà thứ mười ba, nàng được tiếp thụ "cụ giới" ở Tứ Châu, tại Khai Nguyên Tự, và lấy pháp hiệu là Tiểu Nga để khỏi quên nguồn gốc. .

Cũng vào mùa hè năm ấy, ta bắt đầu trở về Trường An, đường qua Tứ Thủy, ghé vào thăm vị Đại Đức Ni Cô ở chùa Thiện Nghĩa, thấy mấy chục ni cô mới được thụ giới, đầu trọc bóng, khoác áo cà sa, dung mạo trang trọng, cử chỉ đoan chính, tề chỉnh thành hàng ở hai bên tả hữu của vị Đại Đức Ni Cô. Một cô trong số đó hỏi với thầy rằng :

-Thưa thầy, chẳng hay vị đại quan kia có phải là Lý phán quan Nhị Thập Tam Lang ở Hồng Châu đó chăng?

Đại Đức Ni Cô đáp :

-Đúng đây !

Người ni cô ấy lại nói :

-Giúp con báo cừu tuyết hận, tẩy sạch nỗi oan cho cha và chồng con, chính là nhờ ơn đức của Lý phán quan đây.

Rồi đó, nhìn ta mà khóc rống lên. Ta chưa kịp nhận ra nàng là ai, mới hỏi nàng vì sao mà khóc, thì nàng thưa :

-Thiếp tên là Tiểu Nga, khi trước từng là góa phụ ăn mày, lúc đó may nhờ có tướng công mới tìm được danh tánh của hai tên đạo tặc, tướng công không nhận ra thiếp sao ?

Ta đáp :

- Thoạt đầu thì không nhớ ra, nay thì nhận ra rồi !

Tiểu Nga vừa khóc vừa thuật lại cho ta nghe những nỗi gian khổ, cực nhọc mà nàng đã trải qua, để cuối cùng hoàn thành chí nguyện, báo được thù cho cha cho chồng.

Nàng nói tiếp :

- Thiếp mong có dịp sẽ trả ơn tướng quân !

Việc nàng Tiểu Nga ném đủ mùi cay đắng gian lao để báo thù cha, thù chồng, đâu phải là việc làm uổng công vô ích sao ?

Ta hồ ! Ta có thể tìm ra được tính danh của hai tên đạo tặc, giúp Tiểu Nga rửa mối oan cừu Thần đạo thật linh thay, hiển nhiên rõ ràng lắm vậy !

Tiểu Nga là người tướng mạo đôn hậu, nói năng thâm thúy, lại thông minh mẫn tuệ, khổ tâm tu hành, dốc lòng đi tìm Chân Như, tự nguyện gia nhập Phật giáo, không lựa là gấm vóc, không cao lương mỹ vị, chỉ nói những điều hợp với giới luật mà thôi.

Sau đó mấy ngày, Tiểu Nga từ biệt ta, trở về Ngũ Đầu Sơn, dùng thuyền qua sông Hoài Thủy, mạn du các vùng đất miền nam. Và từ đây, ta không gặp lại nàng nữa.

Bạc quân tử nói rằng : " Quyết chí báo thù cho cha, cho chồng, đó là tiết. Lăn lộn trong giới làm thuê làm mướn, mà không ai biết là gái, thế là trinh. Người đàn bà giữ được toàn vẹn cả trinh lẫn tiết mới thực đáng là người thực nữ. Việc làm của nàng Tiểu Nga, há chẳng đủ cảnh tỉnh những kẻ vô đạo đức, vi phạm luân thường, nêu

gương tiết tháo cho những người đàn bà trung trinh hiếu thuận ở đời du ?

Ta sẽ dĩ cặn kẽ thuật lại câu truyện trên đây, giải thích những câu mê ngữ cho phù hợp với những lời thác trong mộng của quý thần, đó cũng là phù hợp với nhân tâm vậy.

Biết việc tốt, thấy điều hay mà không ghi chép lại thì không hợp với nghĩa của sách "Xuân Thu ", cho nên ta mới viết lại truyện này để biểu dương nàng Tiểu Nga là thế.

Vài hàng về tác giả

Lý Công Tá

李公佐

Lý Công Tá tự là Chuyên Mông (khoảng năm 770 CN - 85 CN), người Lũng Tây, nay là Lũng Tây tỉnh Cam Túc, đỗ tiến sĩ đời Đường Đại Tông. Khoảng năm 811 CN, niên hiệu Nguyên Hòa, Lý Công Tá nhận chức Giang Tây Tông Sự, sau làm Hồng Châu Phán Quan. Đến năm 813 CN, bị bãi quan trở về Trường An . Khoảng năm 842 CN lại được làm Dương Phủ Lục Sự Tham Quân. Đến năm 848 CN, ông bị liên hệ trong vụ đảng tranh giữa hai phe Ngưu và họ Lý, lại bị tước bỏ quan chức.

Lý Công Tá là một tác gia viết loại truyện kỳ được coi là thành công trong thời kỳ Trung Đường và Văn Đường. Bốn truyện " Nam Kha Thái Thú truyện ", " Tạ Tiểu Nga truyện ", " Cổ Khâu Độc Kinh " , " Lư Giang Phùng Ảo truyện " đều được thu nhập trong sách "Thái Bình Quảng Ký ". Nhất là truyện " Nam Kha Thái Thú truyện " được nhiều tác gia đời sau phỏng theo, như " Nam Kha Ký " của Dương Hiến Tổ đời Minh và " Nam Kha Mộng " của Xa Nhậm Hành.

Riêng về " Tạ Tiểu Nga truyện " thì được nhà văn Lãng Mông cải biên thành tạp kịch " Long Châu Hội ".

Vài hàng chú thích :

Dự Chương

豫章

Là tên một quận được thiết lập vào cuối đời nhà Tần, có thuyết cho rằng Hán Cao Tổ chia quận Lư Giang lấy phía nam bộ đặt ra Quận Dự Chương.

Sau năm Nguyên Thú nhị niên, tức năm 121 trước CN đời Hán Vũ Đế, hạt cảnh tương với tỉnh Giang Tây.

Đến đời Đường gọi là Hồng Châu, ngày nay thuộc thị trấn Nam Xương tỉnh Giang Tây.

Thượng Nguyên

上元

Tên một huyện đời Đường, nay thuộc thị trấn Nam Kinh tỉnh Giang Tô.

Nguyên Hòa

元和

Nguyên Hòa là niên hiệu của vua Hiến Tông Lý Thuần nhà Đường (từ năm 806 CN đến năm 820 CN)

Đường Hiến Tông

唐憲宗

Đường Hiến Tông tên là Lý Thuần, con trưởng của Thuận Tông, mẹ họ Vương, sinh năm 778. Năm Đường Thuận Tông Vĩnh Trinh nguyên niên, tức năm 805, Thuận Tông thoái vị, Lý Thuần được hoạn quan ủng hộ đưa lên kế vị, năm sau cải nguyên là Nguyên Hoà, đến năm 820 thì bị hoạn quan sát hại, chung niên 43 tuổi, thụy hiệu là Chiêu Văn Chương Võ Đại Thánh Hoàng Đế, miếu hiệu là Hiến Tông, táng tại Cảnh Lang.

Tầm Dương

潯陽

Tầm Dương là tên một quận đời Đường, nay thuộc thị trấn Cửu Giang tỉnh Giang Tây. Thời Tùy đặt tên là Bồn Thành, sang đến nhà Đường mới cải là Tầm Dương. Nhà thơ Bạch Cư Di từng lại dấu chân của mình ở địa danh này, qua bài thơ nổi tiếng " Tỳ Bà Hành 琵琶行 ", mở đầu bằng câu : " Tầm Dương Giang đầu dạ tống khách ". Sau này, Tống Giang cũng ngồi tại quán rượu , ngắm mưa rơi trên sông Tầm Dương, say rồi đề phản thi mà bị bắt.

Cụ giới

具戒

Theo Phật giáo, người Phật tử qua những nghi thức, được sư phụ truyền thụ những giới điều của nhà Phật gọi là " thụ giới ". Giới có nghĩa là răn cấm, phòng bị. Giới có Ngũ Giới (五戒), Bát giới (八戒), Thập giới (十戒), Cụ Túc giới (具足戒) khác biệt nhau, vì thể nghi thức thụ giới cũng không giống nhau, mỗi loại một khác.

Cụ giới là cách gọi tắt của Cụ Túc Giới, cũng còn gọi là Đại Giới . Điều gì cho là hoàn toàn đầy đủ thì gọi là Cụ Túc 具足 .

Phán quan

判官

Là một chức quan đời Đường, dưới quyền Tiết Độ Sứ.

Đời Đường, Phán Quan là một trong tứ đẳng quan (Trưởng quan, Thông Phán Quan, Phán Quan, Chủ Điển), người ta thường gọi Phán quan viên quan phụ trách phán xét, xử lý những văn án trong cơ quan.

Những viên chức ở cơ quan trung ương, và các Chủ Bạ, Lục Sự Tham Quân đều thuộc loại Phán Quan.

Đến trung kỳ nhà Đường trở về sau, chức Tiết Độ Quan Sát, hay quan viên đặc phái từ trung ương đi ra ngoài, đều có viên Phán Quan phụ tá giúp việc, và để sai khiến.

Chân Như

真如

Dụng ngữ nhà Phật. Phật giáo cho rằng Chân Như là một loại bản thể tinh thần của thần bí, không thể dùng ngôn ngữ để biểu thị được, chỉ có thể " ngộ 悟 " mới hiểu được, và chỉ có Chân Như mới là sự thật duy nhất , vĩnh hằng và bất biến.

Ngưu Đầu Sơn

牛頭山

Ngưu Đầu Sơn là tên mấy ngọn núi, ở ba nơi khác nhau

- Một ở phía đông Ngưu Lan Sơn, thuộc bắc Thuận Nghĩa thành phố Bắc Kinh ngày nay.

- Một ở phía đông nam Gia Ngưu tỉnh Hồ Bắc ngày nay.

-Một ở Ngũ Hà tỉnh An Huy ngày nay.

THUÝ THUÝ TRUYỆN

翠翠傳

Tác giả : Cù Hựu

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

Thuý Thuý họ Lưu, là con gái một gia đình ở Hoài An, từ nhỏ thông minh đĩnh ngộ, đọc được Thi, Thư, cha mẹ vì thế không nỡ ngăn cản chí hướng của con, nên cho nàng đến trường theo học.

Đồng môn với Thuý, có người con trai họ Kim, tự là Định, cùng tuổi với nàng, trông vừa tuấn nhã lại thông minh. Các bạn đồng môn thường bảo đùa :

- Cùng tuổi với nhau sau sẽ thành vợ chồng.

Tuy không nói ra, nhưng cả hai trong lòng đều thầm nguyện được như vậy.

Kim từng làm một bài thơ tặng nàng và được nàng làm thơ hoạ lại.

Rồi thời gian thấm thoát thoi đưa, Thuý Thuý đã đến tuổi trưởng thành, cập kê đôi tám, nghỉ học ở nhà. Cha mẹ nàng bàn định tìm người mai mối. Nhưng nàng không chịu, buồn rầu bi phẫn, khóc lóc bỏ cả ăn uống.

Cật hỏi thực tình, mới đầu nàng không chịu nói, lâu dần thổ lộ :

- Nếu như vậy, xin cho con được kết hôn với chàng Kim ở ngõ Tây, vì lòng con đã thầm gửi gắm theo chàng. Bằng không, con chỉ có một con đường là chết mà thôi, quyết không lấy người khác !

Cha mẹ nàng bắt đắc dĩ, đành chiều theo.

Song le, gia đình Thuý Thuý thì giàu sang phú quý, còn nhà Kim Định thì bần hàn nghèo khổ, dầu chàng thông minh tuấn nhã, nhưng không môn đăng hộ đối. Chừng người mai mối đến nhà Kim dạm hỏi, quả nhiên nhà Kim lấy lý do gia cảnh nghèo khổ để từ chối, tự hổ thẹn không dám nhận.

Người mai mối bàn với cha mẹ Kim rằng :

- Lưu tiểu thư, ý đã muốn cùng Kim công tử kết nghĩa đá vàng, song thân nàng cũng đồng lòng, nay lấy lễ bần túng mà tạ tuyệt, e phụ cái bụng chí thành của tiểu thư chẳng, mà lại làm mất duyên may phận đẹp của đôi lứa, chi bằng ông bà viết mấy lời như sau :

"Con trai nhà chúng tôi, gia cảnh bần hàn, nhưng cũng biết được đôi chút lễ nghĩa thi thư, từ lâu đã quen nghèo túng, như quả bất nộp sính lễ, giá trang, thì sợ rằng không có khả năng đáp ứng nổi."

Như thế, ắt cha mẹ Thuý Thuý vì thương con, tất sẽ không đòi hỏi gì. Gia đình Kim nghe người mai mối bàn như vậy, bèn làm theo.

Người mai mối lại đem ý kiến bên nhà Kim thông báo cho cha mẹ Thuý Thuý biết. Quả nhiên, cha mẹ Thuý Thuý bảo với người mai mối rằng:

- Việc hôn nhân cưới hỏi mà đem chuyện tiền bạc ra bàn luận, đó là cái phong tục của dân Mán Mọi, còn họ Lưu chúng tôi chỉ biết có việc kén chọn chàng rể mà thôi, không lo đến chuyện khác. Nhưng gia đình bên ấy thiếu thốn, mà chúng tôi thì dư giả, chỉ sợ con gái chúng tôi về nhà chồng, không quen kham khổ, chi bằng cho Kim công tử sang ở rể bên chúng tôi thì hơn !

Người mai mối lại sang nhà Kim nói lại

Cha mẹ chàng rất lấy làm mừng, bèn chọn ngày lành tháng tốt làm lễ thành thân. Phàm tiền bạc, vải vóc, tài vật, lợn gà sính lễ, đều do bên nhà Thuý Thuý sửa soạn sẵn. Hôm đưa Kim sang nhà nàng, làm lễ giao bái, hai người gặp nhau, vui mừng không thể tưởng được. Đêm ấy, cùng nhau chẵn gối, Thuý Thuý mới làm một bài từ "Lâm giang tiên" để tặng Kim, rồi mời Kim hoạ lại.

Vợ chồng xum vầy hoan lạc, hạnh phúc như chim khổng, chim thúy bay lượn vân tiêu, như chim uyên chim ương bơi lội vui đùa trong hồ lục thủy.

Chẳng ngờ, chưa đầy một năm, xảy việc anh em Trương Sĩ Thành khởi binh ở Cao Bưu, đánh chiếm, cướp bóc hầu hết các châu

quận nằm dọc theo lưu vực Hoài Hà. Thuý Thuý bị viên bộ tướng họ Lý của Trương Sĩ Thành bắt đi.

Khoảng cuối năm Chí Chính đời Nguyên Thuận Đế, đất đai chiếm được của Trương Sĩ Thành mỗi ngày càng mở rộng, vượt qua vùng Giang nam Giang bắc, thâu gồm hết vùng Triết Tây, nhưng Trương Sĩ Thành lại xin đầu hàng Nguyên Triều, nhận nhà Nguyên là chính thống, nhờ thế đường xá mới được lưu thông, lữ hành vắng lại không bị cản trở nữa.

Bấy giờ, Kim bèn từ biệt cha mẹ hai bên nội ngoại, xin đi tìm vợ, thề không tìm được thì không trở về. Khi chàng đi đến Bình Giang, thì viên tướng họ Lý đã đi nhậm chức Thủ Ngự ở Thiệu Hưng. Chàng đến Thiệu Hưng, thì họ Lý lại được điều đến đồn binh ở An Phong. Đến An Phong thì đã lại chuyển về Hồ Châu. Kim đi đi lại lại, suốt vùng Trường Giang, Hoài Hà, chịu nhiều gian nan vất vả, khó khăn nguy hiểm.

Ngày tháng trôi đi, tiền bạc trong túi của Kim mỗi ngày mỗi cạn, tiêu cạn không còn một xu. Nhưng tâm nguyện tìm cho được vợ vẫn sắt son bền bỉ, thủy chung không đổi. Kim tiếp tục ngày đi đêm nghỉ. Khát thực dọc đường. Khốn cùng khổ sở mới đến được Hồ Châu.

Bấy giờ, viên tướng họ Lý ở Hồ Châu đang quyền cao chức trọng, uy danh hiển hách. Kim đến cổng phủ họ Lý, đứng bên ngoài trù trừ do dự, ngó tới ngó lui. Muốn vào mà không dám bước. Muốn hỏi mà không dám mở mồm.

Viên quản môn thấy thái độ của chàng như vậy, thì cất hỏi.

Chàng thưa :

- Bẩm quan, tiểu sinh là người vùng Hoài An, chẳng may gặp lúc loạn lạc, có người em gái bị thất tán, nghe đồn hiện ở trong quý phủ, nhân thế, chẳng ngại thiên lý xa xôi tìm đến đây, chỉ mong được gặp lại em một lần mà thôi !

Viên quản môn lại hỏi :

- Như thế, em người tên gì, bao nhiêu tuổi, tướng mạo ra sao, cứ thực tình khai rõ, ta sẽ vào trong tìm cho !

Kim nói :

- Bẩm quan, tiểu sinh họ Lưu, tên Định, còn em gái tên là Thuý Thuý, biết chữ nghĩa thi thư. Lúc bị thất tán, em tiểu sinh mới mười bảy tuổi. Tính đến năm nay, cũng là hai mươi bốn rồi.

Viên quan môn nghe Kim nói xong, thì trả lời ngậy :

- Trong phủ này quả có người con gái họ Lưu thật, người Hoài An, niên linh cũng đúng như người nói, lại biết chữ, giỏi thơ văn, tình tính thông tuệ, được Lý tướng quân thập phần sủng ái, coi là chuyên phòng. Lờ người thành thật không ngoa. Để ta vào trong thưa lại, người cứ tạm đứng chờ đợi ngoài này nhé.

Rồi chạy vào báo cáo.

Một lát trở ra, dẫn Kim vào trong phủ. Kim gặp viên tướng họ Lý ngồi ở khách sảnh. Chàng bèn rập đầu vái hai vái, rồi đứng dậy cặn kẽ trình bày lai lịch.

Viên tướng họ Lý vốn là kẻ võ biên, nên tin ngay lời Kim, không ngờ vực chi cả, rồi sai đồng bộc vào báo cho Thuý Thuý biết là có anh nàng từ quê đến.

Thuý Thuý vâng mệnh đi ra.

Vợ chồng gặp nhau. Chỉ đành lầy lẩy lẽ anh em tương kiến, xúc động hỏi thăm tin tức cha mẹ họ hàng. Tình riêng không dám hé một lời, rồi nhìn nhau, hai châu ngọc lã chã tuôn rơi.

Viên tướng họ Lý bảo với Kim :

- Người từ xa đến, đường trường bạt thiệp, chắc còn mệt mỏi, hãy cứ tạm ở trong phủ nghỉ ngơi, từ từ ta sẽ sắp xếp công việc làm cho.

Nói xong sai đầy tớ mang ra một bộ quần áo mới để cho Kim thay, cùng các thứ mừng mền, chăn gối, giường đệm đem kê ở thư phòng mé tây cho Kim nghỉ ngơi.

Hôm sau viên tướng họ Lý lại bảo Kim :

- Em người là người biết chữ, người ắt cũng vào hàng văn mặc ?

Kim đáp :

- Tiểu sinh ở quê nhà lấy nho làm nghiệp, lấy thi, thư làm gốc. Phàm là kinh, sử, tử, tập đều có đọc qua, chẳng hay tướng quân có

điều gì nghi ngại ?

Viên tướng họ Lý lấy làm cao hứng, vui vẻ tiếp :

- Ta từ nhỏ thất học, thừa thế loạn mà nổi lên, tiếng tăm vang dội bên ngoài, nhiều kẻ xu phụ, tân khách lai vãng đầy cửa, duy không có người thay ta tiếp đãi, thơ từ xếp đầy trên án thư, không có người phúc đáp. Vậy người hãy ở lại trong phủ này giữ chân ký thất cho ta.

Kim vốn thông minh mãi tiếp, tính nết lại ôn nhu hoà thuận, tài cán hơn người, sống trong phủ của viên tướng họ Lý lại càng thận trọng. Biết nghe lời kẻ trên. Thuận tòng người dưới. Thay thế họ Lý thảo thơ, phúc thơ, rất là khéo léo vừa ý. Vì vậy, tướng quân họ Lý rất mừng gặp được bậc nhân tài như Kim, nên thập phần ưu đãi chàng.

Song le, ý hướng của Kim là đi tìm lại vợ mà đến đây. Từ sau ngày gặp lại Thuý Thuý ở ngoài khách sảnh. Rồi khuê các thâm u. Trong ngoài cách tuyệt. Kim chẳng có cơ hội gặp lại vợ, ngay cả muốn thông tin cho nàng cũng không có dịp.

Thời gian như bạch câu quá khích, thấm thoát mấy tháng bay vèo, trời đã vào thu, kim phong hiu hắt, sương trắng thành băng buổi sáng. Kim mỗi đêm tại thư phòng, không sao chợp mắt, mới làm một bài thơ (1), bày tỏ nỗi cô đơn và lòng mong ước gặp lại Thuý Thuý, đem thơ ấy viết lên một tờ giấy, và rạch cổ áo dấu thơ vào đây, rồi cho đưa đồng bộ một trăm quan tiền, dặn dò nó rằng :

- Trời đã bắt đầu lạnh, áo ta mỏng quá, nhờ người đem chiếc áo này đưa giúp cho em ta, bảo em ta vá dày thêm, để ta mặc ngự hàn !

Đứa đồng bộ đem áo trao cho Thuý Thuý như lời Kim dặn.

Nàng hiểu ý của Kim, rạch áo đọc thơ, lại càng xót sa thương người chồng chẵn gối nhiều hơn, cắn răng mà nức nở. Bèn làm một bài thơ khác (2) với lời thề rằng "sinh bất tương tòng, tử diệc tòng".

Rồi dấu vào áo trả lại.

Kim đọc thơ, biết Thuý Thuý quyết đem cái chết để tạ cái tình của chàng, chẳng còn mong gì cùng nhau đoàn tụ ở kiếp này, khiến lòng Kim càng thêm buồn phiền ưu phiền, rồi sinh ra bệnh nặng.

Thuý Thuý xin tướng quân họ Lý được đến bên giường thăm Kim, nhưng bệnh tình của Kim đã thập phần nguy kịch. Nàng lấy tay đỡ chồng ngồi dậy. Kim cố gắng ngẩng đầu nhìn vợ. Mà lệ thấm hai hàng, rồi nấc lên một tiếng dài. Ô hô mệnh tuyệt.

Viên tướng họ Lý thương hại Kim, đem xác chàng chôn ở dưới chân núi Đạo Trường Sơn. Còn Thuý Thuý, từ hôm chôn cất chồng trở về, thì cũng nhuốm bệnh nặng, không chịu thuốc thang, cứ lăn lóc trên giường. Đau đớn buồn rầu, bỏ ăn bỏ ngủ. Bệnh kéo gần hai tháng trời.

Một hôm, Thuý Thuý nói với tướng quân họ Lý :

- Thiếp rời bỏ gia đình theo tướng quân, đến nay đã được tám năm, quê người đất khách, gần xa chẳng có họ hàng thân thích, duy chỉ có một người anh, thì nay lại ra người thiên cổ. Bệnh thiếp, ắt không thể qua khỏi, nếu mệnh hệ nào, xin tướng quân chôn cất thi hài thiếp bên cạnh mộ người anh, để dưới suối vàng sau này, may còn có người nhờ vả , và tránh cho thiếp khỏi cảnh làm hồn ma cô độc.

Nói xong thì tắt hơi mà chết.

Viên tướng họ Lý không nỡ phụ cái lời chối trần của Thuý Thuý, đem xác nàng chôn bên tả, cạnh mộ Kim, thành đông tây hai ngôi mộ song song với nhau.

Đến đầu năm Hồng Võ nhà Minh, Trương Sĩ Thành đã bị Chu Nguyên Chương tiêu diệt, gia đình Thuý Thuý có một người đầy tớ cũ, làm nghề buôn bán, khi đến Hồ Châu, ngẫu nhiên đi qua chân núi Đạo Trường Sơn, gặp một dãy lâu đài phòng ốc, tường quét sơn đỏ, ngoài cổng liễu rủ hòe che, uy nghi hoa lệ, Thuý Thuý cùng với Kim đang sánh đôi đứng ở đấy.

Hai người thấy người đầy tớ cũ, thì mời vào trong nhà, hỏi thăm tin tức của cha mẹ có còn sống không, cùng nhắc lại những chuyện xưa nơi cố quận.

Người đầy tớ mới hỏi :

-Tiểu thư và công tử vì sao lại ở đây ?

Thuý Thuý đáp:

- Hồi giặc giã loạn lạc, ta bị Lý tướng quân bắt mang đi, chồng ta từ xa tìm đến, không bị Lý tướng quân cản trở, cho ta được hợp phố châu hoàn, nên mới cùng nhau kiều cư tại nơi này đây.

Người đầu tố tiếp :

-Tiểu nô ngày mai sẽ trở về Hoài An, xin tiểu thư viết sẵn một lá thơ để thông tin chủ nhân biết.

Sau đó, Thuý Thuý giữ người đầy tớ đó ở lại ngủ, rồi lấy gạo nếp Ngô Hưng thổi cơm, nấu canh cá diếc Thiều Khê, và đem rượu Ô Trình ra đãi đằng.

Hôm sau viết một lá thư cho cha mẹ, kể lể hoàn cảnh và nỗi biệt ly ngăn cách, đưa cho người đầy tớ cầm về.

Cha mẹ của Thuý Thuý nhận được tin nàng thì rất lấy làm mừng. Cha nàng thuê một chiếc thuyền cùng với người đầy tớ đi từ Hoài An sang Triết Giang, vượt Ngô Hưng, tìm đến chân núi Đạo Trường Sơn, nơi người đầy tớ đã được Thuý Thuý cho tá túc khi trước. Té ra, chỉ thấy khói hoang mờ mịt, cỏ dại um tùm, dấu chân chồn thỏ ngang dọc trên đất. Lâu đài phòng ốc mà người đầy tớ đã trú ngụ ngày trước, chỉ là hai ngôi mộ nằm song song với nhau.

Giữa lúc còn nửa tin nửa ngờ, chợt có một vị sư già vân du qua đây. Cha Thuý Thuý bèn khấn đầu hỏi thăm.

Vị sư già đáp :

- Nơi này làm gì có nhà cửa. Đó là hai ngôi mộ của Thuý Thuý và Kim lang do tướng quân họ Lý chôn cất mà thôi !

Cha Thuý Thuý lấy làm kinh dị, sợ hãi. Lấy lá thư của Thuý Thuý ra đọc lại. Hoá ra, cũng chỉ là một tờ giấy trắng, không có một chữ viết nào.

Lúc đó, viên tướng họ Lý cũng đã bị triều đình nhà Minh giết rồi, không còn người để hỏi rõ ngọn ngành nữa.

Cha Thuý Thuý nhìn mộ con, rồi khóc lóc than thở :

- Con ơi ! Con viết thư bảo cha đến đây để gặp. Thiên lý dặm trường, nay cha đến nơi, con đã chẳng cho gặp, lại ẩn hình tàng tích, không lộ chân tướng. Sinh thời, là tình cha con, chết rồi, lẽ

đâu khác biệt. Hồn con như có linh thiêng, xin cho cha được gặp lại một lần, may chăng với lòng nghi hoặc !

Đêm hôm đó, người cha Thuý Thuý kiếm chỗ ngủ lại nơi gần mộ của nàng. Chừng khoảng sau canh ba, ông thấy Thuý Thuý và Kim cùng đến, quỳ ở trước mặt ông, vẻ mặt còn buồn rầu, đau khổ. Ông lấy tay gạt lệ, rồi vỗ về hỏi han nàng.

Thuý Thuý cũng cặn kẽ thuật lại ngọn ngành, nói :

- Lúc xưa loạn lạc, gần xa châu quận đều bị giặc giã nổi lên cướp phá, con chẳng học được hai nàng họ Đậu trung trinh tuấn tiết, để đến nỗi bị giặc bắt đi, nhấn nhin chịu kiếp sống thừa, xa lìa cha mẹ, phiêu lãng bình bồng, hoài thân lan huệ, lấy phải kẻ làm thuê tâng quái, chỉ biết chiêm đoạt cái cười của nàng Lục Châu trong lâu đài họ Thạch, đâu hay nỗi sầu cam nín của người đàn bà nước Túc. Con khóc lóc kêu trời mà trời không thấu, một ngày dài bằng ba năm. Chồng con, không quên tình cũ, chẳng ngại gian khổ, vạn lý tầm thê, phải giả danh huynh muội, mới được gặp nhau một lần, còn tình nghĩa vợ chồng, thì đành cách tuyệt.

Rồi chồng con nhuốm bệnh qua đời trước, con hàm oan chết theo. Xin được hợp táng, cuối cùng may được đoàn tụ.

Sơ lược ít điều như vậy, tiểu tiết con không kể hết.

Người cha của Thuý Thuý nghe xong, nói :

-Ý cha đến đây là đem con trở về nhà để thị phụng cha lúc tuổi già, nay con đã ra người thiên cổ, vậy cha sẽ đem hài cốt con về táng ở bên mộ phần tổ tiên, như vậy không uổng một lần vãng lai vất vả.

Thuý Thuý lại khóc, nói:

- Con sinh ra bất hạnh, không được hầu hạ cha mẹ dưới gối, chết lại vô duyên, không được táng nơi quê nhà. Tuy thế, chốn âm gian cần nơi yên tĩnh, lẽ quỷ thần thích cõi lặng thinh, vắng lại, nơi đây sơn khê tú lệ, thảo mộc tươi tốt, cũng đã yên ổn rồi, nên con cũng không mong mỗi đời táng đi đâu nữa.

Nói xong, lại ôm lấy cha mà khóc lóc thảm thiết.

Người cha Thuý Thuý, giật mình kinh hãi, tỉnh dậy. Té ra một giấc Nam Kha.

Sáng hôm sau, ông đem đồ cúng và rượu ngon đến tế trước mộ phần. Sau đó, cùng đầy tớ thuê thuyền trở về Hoài An.

Đến nay, những người qua dưới chân núi Đạo Trường Sơn, vẫn còn thấy hai ngôi mộ của Thuý Thuý với Kim lang.

Vài nét về tác giả .

Cù Hựu (瞿佑) :

Thuý Thuý Truyện được trích từ *Tiến Đăng Tân Thoại* 箭燈新話 của Cù Hựu.

Cù Hựu tự là Tông Cát, biệt hiệu là Tồn Trai người Tiền Đường, nay thuộc Hàng Huyện tỉnh Triết Giang. Ông sinh năm Chí Chính nguyên niên nhà Nguyên tức năm 1341. Hồi còn trẻ nổi tiếng là người đa tài đa nghệ, giỏi thi thơ, nhưng thường bất đắc chí. Đầu năm Hồng Võ đời Minh Thái Tổ, Cù Hựu được lần lượt bổ nhậm làm Huấn Đạo tại Nhân Hoà, Lâm An, Tuyên Dương, rồi thăng làm Hữu Trưởng Sử trong Chu Vương Phủ. Khoảng năm Vĩnh Lạc đời Minh Thành Tổ, nhân làm thơ bị tội, đày đến huyện Bảo An (nay là tỉnh Cam Túc) làm nhung thú, trải qua mười năm, đến năm Hồng Hy (tức năm 1425) đời vua Minh Tông mới được xá, về làm gia sư cho Anh Quốc Công ba năm, đến năm Tuyên Đức nhị niên thì mất, thọ tám mươi bảy tuổi.

"*Tiến Đăng Tân Thoại*" được viết vào khoảng Hồng Võ thập nhất niên, tức 1378, gồm bốn quyển, hai mươi truyện. Phần lớn những truyện trong *Tiến Đăng Tân Thoại* đều lấy ma quỷ quái dị, hôn nhân luyến ái, làm đề tài phản ánh những hiện thực xã hội hắc ám, hủ bại dưới triều nhà Nguyên, cũng như chống lại những điều vô lý trong chế độ hôn nhân phong kiến cũ. Nhưng *Tiến Đăng Tân Thoại* lại mạnh dạn tuyên dương tư tưởng "Trung, Hiếu, Tiết , Nghĩa" và những phong tục mê tín quỷ thần. Một số truyện có màu sắc của thuyết nhân quả báo ứng của nhà Phật.

Ngoài *Tiến Đăng Tân Thoại*, được người đời truyền tụng và khen là có những ngôn từ hoa lệ, uỷ uẩn như "ôm thúý áp hồng", ảnh

hưởng rất nhiều đôi với tiểu thuyết của hai triều Thanh, như Liêu Trai Chí Dị, Dạ Đàm Tuy Lục, Cù Hựu còn để lại cho đời sau một số tác phẩm như :

- *Hương Đài Tập*
- *Du Nghệ Lục*
- *Tồn Trai Loại Biên*
- *Qui Điền Thi Thoại.*
- *Vịnh Vật Biên*
- *Nhạc Phủ Di Âm*

Vài hàng chú thích của Phạm Xuân Hy :

Trương Sĩ Thành 張士誠 :

Trương Sĩ Thành sinh năm 1321, người Bạch Câu Trường Thái Châu (nay thuộc huyện Đại Phong tỉnh Giang Tô) thời Nguyên mạt. Thuở bé, Trương Sĩ Thành tên là Cửu Tứ, xuất thân làm nghề buôn muối. Năm 1353, Trương Sĩ Thành cùng hai em là Trương Sĩ Đức, Trương Sĩ Tín đem phu làm muối nổi loạn, đánh chiếm các vùng Cao Bưu. Năm sau xưng là Thành Vương, lấy quốc hiệu là Chu, niên hiệu là Thiên Hựu, rồi đem quân vượt sông Trường Giang đánh chiếm các vùng Hồ Châu, Thường Thục, Tòng Giang, Thường Châu. Năm Chí Chính thập lục niên đời Nguyên Thuận Đế, tức năm 1356, định đô ở Bình Giang (nay thuộc Tô Châu tỉnh Giang Tô). Năm sau thì hàng nhà Nguyên, được phong làm Thái Úy, từng cùng với Phương Quốc Trân vận lương theo đường biển tiếp tế cho kinh đô của nhà Nguyên, sau lại đánh chiếm mở rộng thêm đất đai. Phạm vi cát cứ ra phía nam Thiệu Hưng ở Triết Giang. Phía bắc đến Tế Ninh tỉnh Sơn Đông. Phía Tây đến bắc bộ tỉnh An Huy. Phía đông ra đến biển.

Năm 1363, Trương Sĩ Thành đánh chiếm An Phong, giết lãnh tụ của quân đội Khăn Đỏ - tức Hồng Cân Quân- là Lưu Phúc Thông, xưng là Ngô Vương.

Sau đó bị Chu Nguyên Chương đánh bại nhiều lần.

Mùa thu năm 1367, thành Bình Giang bị phá vỡ, Trương Sĩ Thành bị Chu Nguyên Chương bắt đưa về Kim Lăng, thất cổ tự tử chết.

Nguyên văn bài thơ của Kim gửi Thuý Thuý :

好花移入玉闌干

Hảo hoa di nhập ngọc lan can

春色無緣得再看

Xuân sắc vô duyên đắc tái khan

樂處豈知愁處苦

Lạc xứ khởi tri sầu xứ khổ

別時雖易見時難

Biệt thì tuy dịch kiến thì nan

何年塞上重歸馬

Hà niên tái thượng trùng qui mã

此處庭中獨舜鸞

Thử xứ đình trung độc thuấn loan

霧閣雲窗深几許

Vụ các vân song thâm kỉ hứa

可憐辜負月團團

Khả lân cô phụ nguyệt đoàn đoàn

Và nguyên văn bài thơ của Thuý Thuý :

一自香關動戰鋒

Nhất tự hương quan động chiến phong

舊愁新恨几重重

Cựu sầu tân hận kỷ trùng trùng

腸雖已斷情難斷

Trường tuy dĩ đoạn tình nan đoạn

生不相從死亦從

Sinh bất tương tòng tử diệc tòng

長使德音藏破鏡

Trường sử đức ngôn tàng phá kính

終教子建賦游龍

Chung giao Tử Kiến phú du long

綠珠碧玉中事

Lục Châu Bích Ngọc tâm trung sự

金日誰知也到儂

Kim nhật thủy tri dã đáo nông

Đậu thị nhị nữ 竇氏二女:

Năm Vĩnh Thái đời Đường Đại Tông (765-766), hai người con gái họ Đậu ở Phụng Thiên bị giặc bắt đi. Người chị nhảy xuống vách núi tự tử để giữ sự trinh tiết, còn người em tự huỷ nhan sắc.

Lục Châu 綠珠 :

Thời nhà Tấn, khi Thạch Quý Luân, tức Thạch Sùng, làm Thái Phỏng Sứ ở Giao Chỉ, nghe đồn họ Lương ở Bạch Châu, nay thuộc Quảng Tây, có người con gái tên là Lục Châu trông rất xinh đẹp điểm lệ, lại giỏi thổi sáo, bèn bỏ ba đấu ngọc để mua nàng về nhà làm thiếp.

Về sau, Tôn Tú phe đảng của Triệu Vương Tư Mã Luân, muốn chiếm đoạt Lục Châu, mới vu cáo cho Thạch Sùng cái tội là tham gia với Hoài Nam Vương Tư Mã Duẫn làm phản. Thạch Sùng biết mình sẽ bị hại, mới bảo với Lục Châu rằng : " Ta vì nàng mà mắc tội với bọn quyền quý, Tôn Tú là kẻ tâm lang dạ sói, thế nào ta cũng bị hại". Lục Châu nghe thế buồn rầu nói : "Vậy thiếp xin chết trước mặt tướng công". Rồi lao đầu nhảy xuống lầu tự tử.

Cái chết của Lục Châu được các văn nhân , nhà sĩ hậu thế coi là trinh liệt, liên tiếp viết thành thơ phú để ca ngợi truyền tụng đời sau. Đặc biệt, Nhạc Sử đời Tống viết " Lục Châu truyện", Phùng Mộng Long viết truyện "Lục Châu", được xếp vào loại " tình trình" trong tập Tình Sử.

Tức Quốc Phu Nhân 息國夫人 :

Theo Liệt Nữ truyện, Sở Trang Vương đem quân diệt nước Tức, bắt được vua nước này cùng vợ là Tức Phu Nhân, Tức Quy. Về nước, Sở Trang Vương bắt Tức Hầu phải làm người giữ cửa, và chuẩn bị ép Tức Phu Nhân làm thiếp. Lợi dụng lúc Sở Trang Vương đi vắng, Tức Phu Nhân lén đến gặp Tức Hầu, và bảo với chồng :

-Đời người chỉ có một lần chết mà thôi, hà tất sống mà chịu khổ. Thiếp chẳng có lúc nào quên được chúa công, nhưng cũng không thể nào lấy được hai chồng. Sống mà phải chia lìa xa cách nhau, sao bằng đoàn viên ở dưới âm thế.

Tức Hầu khuyên bảo an ủi, nhưng Tức Phu Nhân không nghe, rồi tự sát.Tức Hầu cũng tự sát theo, hai cùng chết một ngày.

Người đời sau lấy sự tích này để hình dung phụ nữ gặp cưỡng bách, nhưng im lặng thủ tiết, và gọi là Đào Hoa Phu Nhân. Như Đỗ Mục có bài thơ "Đề Đào Hoa Phu Nhân Miếu"

Thạch Sùng 石崇:

Họ Thạch, tức Thạch Sùng, sinh năm 249, người Nam Bì Bột Hải thời Tây Tấn, nay thuộc huyện Nam Bì tỉnh Hà Bắc, tên chữ là Quý Luân. Mới đầu Thạch Sùng là huyện lệnh Tu Võ, rồi thăng Thị Trung. Năm Vĩnh Hy nguyên niên, tức năm 290, làm Kinh Châu Thứ Sử, cướp bóc tài sản của khách thương, trở nên đại phú. Sung từng với Vương Khải thi đua giàu có, lấy sáp ong làm củi đốt, lấy gấm trải dài năm mươi dặm để làm đường đi, bỏ ba đấu ngọc để mua nàng Lục Châu. Vương Khải tuy được Tấn Võ Đế chi trì nhưng cũng không địch nổi..

Khi xảy ra cuộc nổi loạn của Bát Vương, Thạch Sung về phe với Tề Vương Quýnh, và bị Triệu Vương Luân giết năm 300. Phùng Mộng Long có ghi truyện Thạch Sùng trong Tình Sử

Tảng Quái 駮僇 :

Chỉ người môi giới giữa người mua và người bán, để ăn hoa hồng thù lao.Ở đây chỉ Lý tướng quân, bộ tướng của Trương Sĩ Thành.

Nam Kha nhất mộng 南柯一夢:

Theo " Nam Kha Thái Thú truyện" của Lý Công Tá đời Đường, thì Thuần Vu Phần,là người Đông Bình, một bậc du hiệp vùng Ngô, Sở , tính ham uống rượu, không câu nệ tiểu tiết. Ở phía nam trú trạch của Phần, có một cây hoè già, bóng mát che đến cả mẫu, Phần thường cùng bạn bè tụ họp uống rượu ở đấy. Một hôm rượu say, được hai người bạn dìu về nhà nằm ngủ, mộng thấy có hai người

mặc áo tía, xưng là tiểu thần của Hoè An Quốc Vương, đem xe đến đón, đưa đến một thành lớn, cổng son lầu tía, trên lầu có biển đề "Đại Hoè An Quốc". Sau khi bái kiến quốc vương, Phần được kết hôn với công chúa, y phục rất phong nhã mỹ lệ, đầy tớ bộc tòng rất đông, vô cùng hiên hách, sau lại được bổ nhậm làm Thái Thú quận Nam Kha, rồi lại gia phong tước vị, quyền uy rất trọng, sinh được năm trai, hai gái. Con cái cũng đều làm quan hiển quý, một thời không ai bằng. Sau, công chúa qua đời, Phần bị vua nghi ngờ, rồi bị đuổi về nhà.

Phần được hai sứ giả đưa về nhà, bước lên thềm, thấy mình vẫn còn nằm trên giường, lòng vô cùng kinh hãi, tai bỗng nghe sứ giả gọi tên, tỉnh dậy, thì thấy trời chưa tắt nắng, hai người bạn đang lấy nước rửa chân, rượu thịt uống dư thừa còn đầy trên bàn. Nhân thế mới cùng hai người bạn đến gốc cây hoè, phát giác ra một cái huyệt lớn, có thể kê một cái giường, cát ùn cao như điện đài thành quách, có hai con kiến thật lớn, cánh trắng, đầu đỏ ngự trị, tả hữu có mấy chục con kiến khác đứng hộ vệ; đó chính là kinh đô nước Đại Hoè. Còn đào sâu rộng xa thêm về phía nam, cũng thấy một cái huyệt như thổ thành, có rất nhiều kiến làm ổ sinh sống, đó, chính là Nam Kha Quận nơi mà Phần làm Thái Thú.

Về sau, trong văn thơ cổ điển, câu chuyện này trở thành điển tích hình dung sự giàu sang quyền quý chỉ là huyền ảo, hoặc chỉ điều gì như một giấc mộng mà thôi.

TÍ THI


訾氏

Tác giả : Trường Bạch Hạo Ca Tử

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

*Cóp da rách, làm áo cừu, nói khuấy U Minh câu chuyện cũ,
Rót chén rượu, vờn quẩn bút, học theo Cô Phấn sách người xưa.*

Liễu Tuyền Cư Sĩ BỒ TÙNG LINH

úc binh triều đình mới bình định xong Tân Cương, thì thành trấn chợ búa tương đối còn vắng vẻ ít người. Nhưng về sau thì khách thương buôn bán đến tụ tập đông như kiến. Có một cửa tiệm, kêu là Nghĩa Tự, là tiệm cầm đồ mở đầu tiên ở đấy.

Trong tiệm có mượn một người làm công Mỗ, mà thuật giả quên mất tính danh, tuổi ngoài hai mươi, làm cho chủ cũng đã lâu ngày.

Cuối thu năm mậu tý, một hôm, Mỗ cảm thấy đau bụng, phải ra gấp khỏi quán để đi đại tiện. Bấy giờ, chiến tranh cũng mới vừa chấm dứt, nên ngoài thành còn chưa có người ở. Cỏ hoang. Cành gãy. Lan tràn hai bên đường, người ta có thể tiện đâu bả đấy, không ai cấm cản gì.

Khi Mỗ kéo quần ngồi xuống đất, thỉnh linh nghe có tiếng người cười từ trong bụi cỏ vọng ra. Mỗ đưa mắt nhìn. Té ra là một thiếu phụ xinh đẹp, cũng đang ngồi chồm hóm đối diện với mình.

Thiếu phụ cười gượng gạo bảo Mỗ :

- Tớ ngồi đây, mà sao đằng ấy coi như không có ai vậy !

Mỗ kinh ngạc, cho là đàn bà cư dân trong vùng, cũng chẳng kịp xong việc, cứ đứng dậy đi ngay. Sau ngoái lại nhìn, thấy thiếu phụ cũng từ từ rẽ đám cỏ hoang mà đi, bấy giờ Mỗ mới yên bụng.

Mấy ngày sau, Mỗ lại trở lại chỗ cũ, đã thấy thiếu phụ đến đó ngồi trước. Cả hai nhìn nhau, rồi cùng cười. Tuyệt nhiên, nàng không có vẻ gì là xấu hổ ngượng ngùng. Mỗ đoán chừng có thể chim

được, bèn buông lời ong bướm, lên tiếng lả lơi trước. Thiếu phụ cũng vui vẻ tiếp nhận. Rồi dẫn nhau đến một góc kín đáo, vắng vẻ, đã hợp mây mưa.

Việc xong thì đi.

Mỗ trở về tiệm, đến đêm nằm ngủ một mình, chùng nửa khuya, đã thấy thiếu phụ thình lình tìm đến. Lặng lẽ âm thầm, không nghe tiếng động nhỏ. Mỗ đã bị nàng mê cảm, nên chẳng cần hỏi thiếu phụ đến bằng cách nào, cứ kéo lên giường, cùng nàng hoan lạc, quần quýt còn hơn lần trước gấp bội.

Mỗ hỏi nàng tính danh. Nàng nói là họ Tí. Lại hỏi đến chỗ cư ngụ, thì nàng nhất định không chịu trả lời, duy chỉ nói :

- Chàng đã được người đẹp bầu bạn là đủ rồi, hà tất hỏi điều khác làm gì ?

Chùng đến lúc trời sáng, thiếu phụ dậy trước, mặc quần áo vội vã ra đi, trong tiệm không ai hay biết gì.

Tự đó, đêm nào cũng đến. Hễ đến là cùng Mỗ xoắn xuýt hoan lạc.

Như thế được một tuần, người trong tiệm thấy Mỗ thân hình sơ sác, gầy hảnh đi như que củi. Ăn uống cũng ít ỏi, không được như trước, có ý nghi hoặc, nhưng chẳng nghĩ là việc đã xảy ra như thế.

Ít lâu sau, Mỗ đâm ra lẩn thẩn, lo lắng. Nhớ ít mà quên nhiều. Thường ngày, Mỗ vốn giữ việc sổ sách kế toán, ghi chép việc thu xuất những đồ vật đem đến cầm thế rất là tươm tất rõ ràng. Nhưng bây giờ thì rối rắm như tô vẽ, nhiều chỗ thiếu sót, mất mát. Chủ tiệm lấy làm nghi ngờ, tính đuổi đi. Mỗ năn nỉ khẩn nài ba bốn lần, chủ miễn cưỡng giữ lại. Nhưng chỉ hai ngày sau, tật cũ lại tái phát, chủ mới quyết ý đuổi đi.

Mỗ có người anh, làm công cho một tiệm khác, nghe thấy thế, mới chạy đến khóc lóc van xin với chủ tiệm, xin giữ em mình lại. Chủ thương tình, thôi không đuổi nữa, mới bày tiệc mời người anh ăn. Nhân cơ hội, mọi người mới hỏi Mỗ về nguyên nhân của căn bệnh. Mới đầu, Mỗ có ý giấu, không muốn nói, nhưng người anh vừa khuyên giải vừa trách móc, Mỗ mới thực tình thổ lộ.

Mọi người nghe nói thế, đều cho là ma.

Đến khi tra hỏi các hộ dân thì chẳng có ai là họ Tí cả. Việc lại càng thêm mơ hồ, khó hiểu.

Đến tối, mọi người bảo anh Mỗ ở lại ngủ, thì đêm đó thiếu phụ không đến. Chừng người anh có việc phải đi, thiếu phụ lại đến, Mỗ không sao nhận được, bèn cùng nhau soán suất. Ăn cần say đắm hơn nhiều. Sáng dậy thì nàng lại đi.

Mọi người thấy thần sắc của Mỗ biến đổi kỳ lạ, biết Mỗ bị ma mê cảm, bèn cùng nhau mưu đem chăn gối mừng mền của Mỗ để ở dưới khám thờ Táo quân, bên trên khám để tượng Quan Thánh Đế.

Quả nhiên, thiếu phụ biệt dạng, không thấy đến nữa.

Đến buổi chiều hôm sau, chủ tiệm e ngại các phòng sau tiệm để trống, tịch tịch, mới bảo cho người khác đến ở. Nhưng đến canh khuya nửa đêm, thì tiếng soong chảo, chén tách, nổi lên xoang xoảng như nhà nổi sấm sét, rồi ngoài cửa gió đập âm ỉ, cả đêm không sao nhắm mắt ngủ được. Chủ tiệm lại sai người khác dắt dao đến ngủ trong đó, nửa đêm hề nghe thấy tiếng động thì dậy bắt ma, nhưng tuyệt nhiên chẳng thấy gì cả. Lúc trở về giường ; mới đặt mình thiu thiu ngủ thì lại nghe thấy có tiếng cười " hắc hắc ", lẫn với những tiếng tát vào mặt để làm trò đùa, quấy phá không sao chịu nổi.

Trong đám có người lanh trí mới bày mưu cho Mỗ trở về ngủ lại chỗ cũ, khi thiếu phụ đến thì giả đánh tiếng ho làm tín hiệu, mọi người xông vào bắt, ắt sẽ truy tìm ra tông tích.

Mỗ bất đắc dĩ phải nghe lời.

Mọi người đều không ai ngủ, im lặng chờ đợi. Chừng đến canh khuya, bỗng nghe tiếng mõ tăng hắng, mọi người bèn bật hồng sáng chưng, người cầm đuốc, kẻ cầm dao, hô hoán chạy đến gian phòng ngủ của Mỗ. Kịp đến ngoài cửa còn nghe tiếng cười đùa vui vẻ, nhưng lúc phá cửa bước vào chỉ thấy một mình Mỗ nằm trên giường đang ngủ. Tuyệt không một người nào khác. Ai nấy đều cảm thấy quái đản lạ lùng, bèn ra về, thì thiếu phụ lại quay trở lại, bảo Mỗ với một giọng oán trách :

- Tổ tuy nhiên có dâm bôn đến nước này, chẳng qua cũng chỉ là một người đàn bà, hà tất mấy gã đàn ông nông cuồng ấy, lại đe nẹt dọa dẫm làm cho tổ sợ hết hồn như vậy !

Rồi nức nở oán than không dứt.

Mỗ phải ngon ngọt vỗ về, nàng mới chịu cởi quần áo lên giường cùng Mỗ hoan lạc. Mãi cho đến lúc trời sáng mới thức dậy ra đi.

Lần này Mỗ cũng chẳng cần dấu diếm gì, cứ đem truyện nói huých toẹt cho mọi người biết.

Mọi người đều nói :

- Bọn tổ quá hấp tấp vội vã thành ra hỏng việc, tối nay phải chờ cho ả ngủ say, khi ấy cậu lại tăng hắng làm hiệu, và nhớ giữ cho chặt quần áo của ả lại, lúc đó bọn tổ xông vào bắt, ả đang tông ngồng, tất sẽ không thể trốn được, như thế lẽ nào không bắt nổi.

Mỗ tán đồng ý kiến.

Chừng đêm thật khuya, thiếu phụ lại đến, Mỗ tỏ ra rất ân cần, nồng nàn, hơn trước gấp bội. Đợi cho thiếu phụ ngủ yên, Mỗ lớn tiếng ho, lại lấy quần áo của nàng dấu ở dưới nệm giường, còn mình thì cuộn người nằm úp lên, giả bộ ngủ say.

Khi nghe mọi người hô hoán âm ĩ đẩy cửa vào trong buồng tróc nã, thiếu phụ mới bảo với Mỗ :

- Bọn côn đồ hung bạo chúng đến rồi đấy, mau trả quần áo tổ, sao mà ngủ như chết vậy ?

Mọi người nghe thiếu phụ nói như thế, càng hô hoán dữ hơn. Tiếng thiếu phụ cũng lại càng khẩn cấp hơn. Một lúc lâu sau, nghe có tiếng như xé vải từ trong buồng truyền ra , đó là do thiếu phụ dứt đứt vạt áo để đào tẩu.

Lúc mọi người nhìn đến Mỗ, thấy như đang cố sức níu lấy quần áo. Mọi người đến nơi kiểm nghiệm lại, thấy bên cạnh chiếc chăn còn sót nửa chiếc quần hồng , làm bằng giấy.

Mỗ thấy vậy, sợ quá, nói không nên lời.

Ngày hôm sau, chiếc áo giấy được đem cho nhiều người truyền nhau xem. Anh của Mỗ nhờ người viết cho một bản văn sớ , kêu cầu với thần Thành Hoàng. Từ đấy không thấy thiếu phụ xuất hiện nữa.

Còn Mổ , chẳng bao lâu cũng khỏi bệnh.
(Dịch xong Paris ngày 6- 10- 2003 lúc 20g29)

Vài nét về tác giả .

Trường Bạch Hạo Ca Tử

長白浩哥子

Cũng còn gọi là Hạo Ca Tử, là một tác giả gốc Mãn Châu đời Càn Long, tên họ thật và đời sống bất tường. Nhưng theo "Bát Kỳ Nghệ Văn Biên Mục" ghi chú thì Huỳnh Song Dị Thảo do Khánh Lan người Mãn Châu soạn.

Khánh Lan tên chữ là Tự Thôn, là một văn sĩ nghèo, từng giao thiệp với văn học gia nổi tiếng đương thời là Viên Mai. Tuy sống âm thầm không được người đời biết đến, nhưng phụ thân ông là Doãn Kế Thiện là một đại thần nổi tiếng của Thanh triều, lịch nhậm các chức Tuần Phủ, Tổng Đốc, sau đến Văn Hoa Điện Đại Học Sĩ kiêm Quân Cơ Đại Thần.

Tác phẩm "Huỳnh Song Dị Thảo" gồm có một trăm ba mươi tám truyện ngắn, viết theo lối văn ngôn.

Mặc dầu mô phỏng theo phong cách của Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai Chí Dị, nhưng Huỳnh Song Dị Thảo không phải là không có những tác phẩm ưu tú, tư tưởng và nghệ thuật tương đối cao. Cốt truyện thường có khuynh hướng đề cao nam nữ tự do luyến ái, và đả kích cái lễ giáo của phong kiến hủ bại, nên từ lâu đã được độc giả hoan nghênh ưa thích.

Một số truyện trong Huỳnh Song Dị Thảo đã được chúng tôi phiên dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Vài hàng chú thích :

Quan Thánh Đế

關聖帝

Quan Thánh Đế, còn gọi là Quan Thánh Đế Quân, tức Quan Vũ, là Đại tướng nhà Thục Hán đời Tam Quốc, tự là Văn Trường, người

Giải Huyện tỉnh Hà Đông (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), oai mãnh cường cường. Cuối thời Đông Hán lưu vong đến Trác Quận, rồi theo Lưu Bị khởi binh.

Năm Kiến An ngũ niên (tức năm 200) Tào Tháo đánh bại Lưu Bị, Quan Vũ bị Tháo bắt cầm tù, nhưng được Tháo rất kính nể và hậu đãi "lên ngựa tặng vàng, xuống ngựa tặng bạc", phong làm Hán Thọ Đình Hầu, nhưng Quan Vũ "thân tại Tào mà tâm thì tại Hán", cuối cùng thì trở về với Lưu Bị.

Năm 214 CN, Quan Vũ trấn thủ Kinh Châu. Năm 219 CN, vây đánh bộ tướng của Tào Tháo là Tào Nhân ở Phàn Thành và phá Vu Cấm, nhân vì không phòng bị mặt sau, bị Tôn Quyền tập kích Kinh Châu, thua trận bị giết.

Quan Vũ được người Trung Hoa thần hóa, thờ cúng, tôn là Quan Thánh Đế, Quan Công.

Tổng sách "Tam Quốc Chí - Thục Thư- Quan Vũ truyện" của Trần Thọ, người đời Tấn có truyện kể về ông. Sau ông lại được La Quán Trung người thời Minh, trong "Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa" được tiểu thuyết hóa với nhiều giai thoại, nhiều màu sắc thú vị.

Quan Vũ, một người khi sống coi tiền tài như rác rưởi, mà sau khi chết lại được người Tàu đặc biệt tôn thờ là Tài Thần. Tại sao? Theo truyền thuyết, thì vua nhà Thanh là Càn Long mới đăng cơ, thường nghe đằng sau mình có tiếng người đi dép lẹp lẹp, mới quay đầu lại hỏi : "Ai theo sau bảo giá trăm vạn", thì có tiếng đáp : "Nhị đệ Quan Vân Trường".

Sau đó Càn Long bèn phong cho Quan Vũ là Tài Thần, và từ đó trên cửa của miếu thờ Quan Vũ người ta thiếp mấy chữ : "*Hán vi văn võ đế, Thanh phong Phúc Lộc Thần - 漢為文武帝清封福祿神*"

Ông còn được coi là thủ hộ thần của mấy chục ngành nghề như nghề làm dầu bếp, nghề cắt tóc, nghề cầm đồ, nghề đồ tể, nghề bán thịt, nghề thầy võ, nghề thầy tướng, nghề đậu hũ v. v.... Thành ra, vào các quán ăn, các thương điếm, ở đâu chúng ta cũng thấy người Tàu có bàn thờ Quan Công cả.

Dã hợp

野合

Chỉ trai gái ăn nằm với nhau không hợp lễ nghi chính thức , thì gọi là dã hợp. Đàn bà 49 tuổi thì âm tuyệt, đàn ông sáu mươi bốn tuổi thì dương tuyệt, quá tuổi này mà lấy nhau thì gọi là dã hợp. Cũng chỉ trai gái giao hoan cầu thả ở ngoài đồng

Vân vũ

雲雨

Mây mưa là do dịch từ chữ Hán là vân vũ 雲雨, ẩn ngữ dùng để chỉ sự nam nữ giao hợp với nhau. Từ ngữ này rút từ điển tích trong bài Cao Đường Phú của Tống Ngọc. Bài phú thuật rằng

"Thời Chiến Quốc, vua Tương Vương nước Sở cùng với Tống Ngọc đi chơi đầm Vân Mộng, từ xa ngấm nhìn quan cảnh đài Cao Đường, thấy trên đài vân khí phiêu phất, lơ mờ, vua Sở mới hỏi Tống Ngọc :

"Khi đó gọi là gì vậy ?".

Tống Ngọc thưa : "Đó là triều vân, tức mây buổi sáng. "

Vua Sở lại hỏi : "Tại sao lại gọi là triều vân?".

Tống Ngọc thưa : "Trước đây tiên vương (tức Sở Hoài Vương) thương du ngoạn trên đài Cao Đường, ban ngày mệt ngủ , mộng thấy có một người con gái , dung mạo diễm lệ như Tây Thi, nói với tiên vương rằng : "Thiếp là con gái Thiên Đế, tên gọi Dao Cơ, qua đời khi chưa lấy chồng, táng ở phía nam Vu Sơn, hồn phách y phụ cùng cây cỏ, mới gọi thiếp là Cao Đường Khách, và Thần Nữ núi Vu Sơn, nay nghe nhà vua đến chơi Cao Đường, nên nguyện tiến dâng chăn gối.

Tiên Vương bèn cùng Thần Nữ hoan lạc.

Lúc từ biệt thần nữ bảo với Sở Hoài Vương rằng: "Thiếp tại Vu Sơn chi Dương, cao khâu chi trở, đán vi triều vân, mộ vi hành vũ, triều triều mộ dài dương chi hạ "妾在巫山之陽高丘之阻旦為朝雲暮為行雨朝朝暮暮台陽之下" , Có nghĩa là : "Thiếp ở tại phía nam núi Vu Sơn, dèo cao cách trở, sáng thì làm mây, chiều thì làm mưa. Sáng sáng chiều chiều ở dưới Dương Đài"

Hôm sau Sở Hoài Vương đến xem, thì quả nhiên như vậy, mới lập miếu thờ, gọi là miếu Triệu Vân.

Người đời sau mới rút hai chữ "vân vũ - mây mưa" từ câu "dán vi triêu vân, mộ vi hành vũ" để chỉ để chỉ sự hoan hợp giữa nam nữ.

Những từ ngữ Vu Sơn, Dương Đài, Cao Đường, Sở Vũ là cùng một ý nghĩa đó, và cùng chung một điển tích.

Mỗ

某

Mỗ là đại từ, trong cổ Hán ngữ, chữ "mỗ" có thể dùng để thay cho người, sự vật, nơi chốn, có thể dùng để chỉ người khác, hay tự xưng mình mỗ. Trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên, người ta thấy Lưu Bang nhiều lần tự xưng là mỗ đối với thân phụ. Việc dùng chữ mỗ làm đại từ như vậy kéo dài trong những tác phẩm văn học của Trung Quốc cho đến ngày nay.

Trong văn học Việt Nam cũng vậy, Bác sĩ Nguyễn Xuân Chử vẫn còn quen dùng chữ "mỗ y sĩ" để tự chỉ về mình, trong cuốn hồi ký của ông. "

TU VĂN XÁ NHÂN TRUYỆN

修文舍人傳

Tác giả : Cù Hựu

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy



Hạ Nhan tự là Hy Hiền, người huyện Trấn Trạch đất Ngô Trung, bác học đa tài, tính tình hào hùng phóng khoáng, thường thường đội khăn, mặc áo cừu, chu du giữa hai vùng phía đông và tây Triết Giang. Nhan lại say mê bàn luận thời sự một cách hăng hái, thường thao thao bất tuyệt, không hề biết mệt mỏi, được người đời rất khâm phục.

Tuy thế, phận số mỏng manh, hẩm hiu, thực dụng trong nhà mỗi ngày chẳng đủ, nên thường tự thở dài, than rằng :

- Hạ Nhan ơi ! Người rèn luyện thân tâm, cẩn thận hành sự, mà sao không đem nổi no ấm cho gia đình ?.

Than xong, lại tự an ủi, giải thích :

- Nhan Uyên bị khổ nơi ngõ hẹp, đâu phải vì không đủ đạo nghĩa ? Gia Nghi có tài trị lý quốc gia mà phải ép mình làm Thái Phó ở Trường Sa, há phải vì văn chương không phú lệ sao ? Đời Hán, làm Hiệu Úy thì được phong hầu, còn danh tướng Lý Quang thì lại không, há đâu phải vì không đủ trí dũng ? Lại như, Châu Nho ăn no đến chết, mà Đông Phương Sóc luôn lo chết đói, há phải vì tài năng không được mãn tiệp sao? Âu cũng là do số mệnh của mỗi người cả, không nên cố ép, cưỡng cầu. Thôi thì, ta cứ thuận theo tự nhiên mà chấp nhận, chẳng nên đi tìm làm gì.

Vào đầu năm Chí Chính đời Nguyên Thuận Đế, Nhan mất, trong lúc khách cư ở Nhuận Châu, xác chôn dưới chân núi Bắc Cổ Sơn.

Sinh tiền, Nhan có người bạn giao tình rất hậu. Một hôm, thành linh người bạn gặp Nhan ở giữa đường, ngồi trong một chiếc xe thật lớn, có lọng hoa nghênh ngang, đầu đội mũ cao, dát ngọc, uy nghi như bậc công hầu. Trước sau, lại có bọn thị tòng cầm võng to, nghi

trượng lớn, đi theo mở đường bảo vệ, phong thái phiêu dương, khác hẳn với ngày xưa.

Xe và đoàn tùy tùng của Nhan nhắm hướng bắc đi tới, người bạn không dám đường đột gọi lại.

Một hôm khác, người bạn của Nhan dậy sớm, tản bộ trước cửa, lại gặp lại Nhan ở giữa đường. Nhan vội vã vạch màn, xuống xe, chấp tay thi lễ, hỏi :

-Cố nhân có được an mạnh không ?

Người bạn bèn cùng Nhan đem cựu tình hàn huyên, nắm tay nhau khấn khoản đàm đạo như lúc Nhan còn sống.

Người bạn hỏi :

-Cùng huynh cách biệt chưa lâu, mà nay thang mây rạng rỡ, địa vị hiển quý, xe ngựa bọc tòng thênh thang, mũ áo xiêm y hoa lệ thế này, có thể nói là điều đặc ý của bậc đại trượng phu, khiến đệ hâm mộ quá !

Nhan đáp :

-Nay đệ đang nhậm chức ở dưới âm gian, địa vị cao trọng, nhưng chức vụ thanh nhàn. Cố nhân đã hỏi, đệ nào lại dấu diếm. Chỉ vì giữa đường giữa chợ, không tiện thuật rõ cho cố nhân biết mà thôi. Quả như cố nhân không nghi ngại, tối mai xin hẹn cố nhân đến Đa Cảnh Lâu ở chùa Cam Lộ, đủ thì giờ cho đệ bày tỏ niềm riêng sau ngày cách biệt, như vậy có được không ? Mong rằng cố nhân sẽ không chê đệ là ma mà nghi ngại từ chối !

Người bạn nhận lời rồi từ giã chia tay.

Tối hôm đó, người bạn đem sẵn rượu ngon và đồ nhắm tốt đến Đa Cảnh Lâu, thì đã thấy Nhan có mặt ở đấy từ trước. Nhan thấy bạn y hẹn thì thập phần mừng rỡ, đứng dậy, chạy ra tiếp rước, nói :

-Huynh quả là người thành thực, thủ tín, đúng là chỗ sinh tử chi giao được !

Xong lại tiếp :

-Ở dưới âm gian, vui cũng không kém gì dương thế. Nay đệ đang làm Tu Văn Xá Nhân, chức vụ mà Nhan Uyên và Tử Hạ ngày trước từng làm. Nhưng ở dưới này, việc tuyển dụng, đề bạt, thăng

thường người, rất là tinh tường. Tài năng và chức vụ phải tương xứng với nhau, mới ban quan tước, cho hưởng bổng lộc, chẳng giống như ở dương thế, có thể dùng hối lộ để mua quan tước, hoặc do môn đệ con ông cháu cha mà tiến thân, hoặc vì hư danh mà giữ chức lớn.

Đệ xin cùng huynh bàn bạc. Cứ xét việc quan trường ở trên thế gian hiện nay xem. Ở vai Tể tướng, há có phải là những Tiêu Hà, Thào Tham, Bính Cát, Ngụy Tướng chẳng ? Người cầm binh làm tướng, há đều phải là những tài năng quân sự như Hàn Tín, Bành Việt, Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh ? Bậc văn học nho thần, phô bày văn chương chữ nghĩa ở Hàn Lâm Viện, há đều phải là Ban Cố, Dương Hùng, Tư Mã Tương Như, Đổng Trọng Thư chẳng ? Tại ấp quận, chặn dất dân chúng, phải chẳng đều là những viên quan biết thương dân như Cung Toại, Hoàng Bá, Chiêu Tín Thần, Đỗ Thi ?

Sự thực không phải như thế.

Trên dương gian ngày nay, ngựa Kỳ, ngựa Kỳ thì phải kéo muối. Ngựa liệt, ngựa què nằm ăn cỏ thơm. Chim cú làm tổ nơi cung đình. Phượng hoàng phải đậu trên cành gai nhọn. Người tài đức, da mặt xanh xao vàng vọt, chết dưới hoàng tuyền. Đứa vô hạnh kéo bè kết đảng vinh vang trần thế. Bởi vậy, thiên hạ đại trị thường ít thấy. Binh hoang mã loạn lại quá nhiều.

Còn dưới âm gian thì khác hẳn.

Việc thăng quan, giáng chức nhất nhất phải quang minh rõ ràng. Việc thưởng phạt nhất định phải công bình. Bọn phản vua hại chúa, bọn gian thần làm hại nước, khi sống từng tước cao bổng hậu, nay xuống âm gian, nhất định phải chịu tai hoạ. Người ngày trước tích thiện, tu nhân, chịu điều khốn khó, lúc xuống âm gian sẽ được hưởng phúc. Sinh tử luân hồi, trước sau báo ứng, không ai có thể đào thoát được.

Nói xong, Nhan đồ đầy rượu làm một hơi cạn sạch, liên tiếp ba bốn chén tổng, rồi dựa vào lan can, đưa mắt vọng trông ra phía xa, miệng ngâm mấy câu thơ (1) tặng người bạn.

Sau đó, đưa tay xoa đầu ngẫm nghĩ, rồi tiếp :

-Điều tối cao thượng là tu dưỡng đạo đức, sau đến lập công danh, và sau nữa là lập ngôn. Lúc đệ còn sinh thời, chẳng lập được đức nghiệp gì, cũng không lập được công nghiệp nào, nhưng có trí tác và thu góp được gần trăm quyển. Văn chương được hơn nghìn bài, đều là nghiên cứu về sự thâm áo vi diệu của sự vật. Sau khi khú thể, gia nghiệp suy bại, môn hộ bên trong, đồng bọn không ai ngó ngang. Bên ngoài thì lại thiếu người có thể hiểu được giá trị những tác phẩm của đệ. Thêm vào đó, đạo tặc ăn trộm, chuột bọ đục khoét, văn cảo mười phần chỉ còn lại một hai, thật đáng tiếc. Đệ khẩn khoản xin huynh, thương tài mà nhớ, nghĩ đến giao tình cố cựu mà giúp người cấp bách, thi ân cho kẻ không báo được, đem những thủ cảo này của đệ khắc in, truyền cho kẻ hiếu sự, hoạ may tránh khỏi bị hủ nát cùng cỏ cây. Đó chính là cái ơn của huynh, nay đem nói ra, cũng thật là điều xấu hổ.

Người bạn nhận lời, hứa sẽ thi hành. Nhan tỏ ra thập phần mừng rỡ, hiện trên nét mặt, bèn bưng cao chén rượu lên, hướng về phía người bạn vái tạ, như muốn bày tỏ lòng biết ơn.

Phía đông, trời đã dần dần sáng rõ. Nhan cùng người bạn cáo biệt, rồi biến mất.

Người bạn Nhan trở về Ngô Trung, tìm đến nhà của Nhan, trừ một số văn cảo bị thất tán và bị tàn khuyết, thấy còn để lại mấy trăm bài viết, cùng những sách sáng tác như : Cấp Cổ Lục, Thông Huyền Chí. Nhân thế vội vã tìm thợ khắc in và đem ra hàng sách bán, để truyền bá rộng rãi cho mọi người.

Vài hôm sau, người bạn thấy Nhan đến để tạ ơn. Và như thế nhiều lần. Mỗi lần được người bạn hỏi Nhan về sự cát hung, may rủi, Nhan đều dự tiên báo trước.

Ba năm sau, người bạn bị bệnh, Nhan đến thăm, nhân tiện nói :

-Đệ được sung nhậm ở Tu Văn Phủ, thời hạn đã mãn. Phủ sẽ kiếm người thay thế. Ở cõi âm gian, chức vụ này rất được coi trọng, rất khó đến tay. Nếu như huynh không thích chức vụ này, thì đệ không dám ép, vạn nhất như muốn, đệ xin hết lòng tiến cử. Sở dĩ phải hấp tấp nghĩ ngợi như vậy, là để đền đáp cái ơn của huynh đã

cho in những trứ tác của đệ. Người ta sống ở trên đời rồi đều phải chết, miễn cưỡng có sống thêm vài năm, cũng đâu có thể vĩnh cửu trên thế gian này mãi.

Người bạn vui vẻ nhận lời, an bài hậu sự, rồi không chịu uống thuốc trị liệu.

Được vài hôm thì mất.

(Dịch xong lúc 24: 09 ngày 26-8-2005 – Nhớ Ngô Mạnh Thu, và tặng một người bạn)

Vài nét về tác giả:

Cù Hựu (瞿佑) :

Tu Văn Xá Nhân Truyện được trích từ Tiến Đăng Tân Thoại 箭燈新話 của Cù Hựu.

Cù Hựu tự là Tông Cát, biệt hiệu là Tồn Trai người Tiền Đường, nay thuộc Hàng Huyện tỉnh Triết Giang. Ông sinh năm Chí Chính nguyên niên nhà Nguyên tức năm 1341. Hồi còn trẻ nổi tiếng là người đa tài đa nghệ, giỏi thi thơ, nhưng thường bất đắc chí. Đầu năm Hồng Võ đời Minh Thái Tổ, Cù Hựu được lần lượt bổ nhậm làm Huấn Đạo tại Nhân Hoà, Lâm An, Tuyên Dương, rồi thăng làm Hữu Trưởng Sử trong Chu Vương Phủ. Khoảng năm Vĩnh Lạc đời Minh Thành Tổ, nhân làm thơ bị tội, đày đến huyện Bảo An (nay là tỉnh Cam Túc) làm nhung thú, trải qua mười năm, đến năm Hồng Hy (tức năm 1425) đời vua Minh Tông mới được xá, về làm gia sư cho Anh Quốc Công ba năm, đến năm Tuyên Đức nhị niên thì mất, thọ tám mươi bảy tuổi.

"Tiến Đăng Tân Thoại" được viết vào khoảng Hồng Võ thập nhất niên, tức 1378, gồm bốn quyển, hai mươi truyện. Phần lớn những truyện trong Tiến Đăng Tân Thoại đều lấy ma quỷ quái dị, hôn nhân luyến ái, làm đề tài phản ánh những hiện thực xã hội hắc ám, hủ bại dưới triều nhà Nguyên, cũng như chống lại những điều vô lý trong chế độ hôn nhân phong kiến cũ. Nhưng Tiến Đăng Tân Thoại lại

mạnh dạn tuyên dương tư tưởng "Trung, Hiếu, Tiết , Nghĩa" và những phong tục mê tín quỷ thần

Ngoài Tiền Đăng Tân Thoại, được người đời truyền tụng và khen là có những ngôn từ hoa lệ, uyển chuyển như "ôm thúy áp hồng", ảnh hưởng rất nhiều đối với tiểu thuyết của hai triều Minh và Thanh, như Liêu Trai Chí Dị, Dạ Đàm Tuỳ Lục, Cù Hựu còn để lại cho đời sau một số tác phẩm như :

- Hương Đài Tập
- Du Nghệ Lục
- Tồn Trai Loại Biên
- Qui Điền Thi Thoại.
- Vịnh Vật Biên
- Nhạc Phủ Di Âm

Vài hàng chú thích của Phạm Xuân Hy :

Tu Văn 修文:

-Thời xưa người ta gọi các bậc văn nhân bị mất sớm là tu văn.

Cho nên Đỗ Phủ từng có câu thơ rằng :

Nhất đại phong lưu tận

一代風流盡

Tu văn địa hạ thâm.

修文地下深

(Một đời phong lưu đã hết, bậc văn nhân mất sớm nằm sâu dưới đất)

-Tu văn còn có nghĩa là hưng tu văn giáo.Năm 621 nhà Đường thiết lập ra Tu Văn Quán, đặt ra Học Sĩ, trông coi việc hiệu chính sách vở, dạy sinh đồ, tu sửa các nghi lễ của triều đình.Đến năm 626 đổi tên là Hoàng Văn Quán. Đầu đời Minh cũng đặt Hoàng Văn Quán, sau phế bỏ.

Chấn Trạch 震澤:

Tức Thái Hồ là một trong năm hồ lớn - Ngũ Hồ- của Trung Quốc là Động Đình Hồ, Thái Hồ, Sào Hồ, Phan Dương, và Hồng Trạch Hồ.

Thái Hồ nằm vắt ngang hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang, do bùn cát ở hạ du hai sông Tiền Đường và Trường Giang ứ tắc cổ hải loan mà thành. Hồ rộng 2425 ki lo met. Bên trong hồ 48 cái đảo lớn hoặc nhỏ, là một thắng tích nổi tiếng của Trung Quốc, như cảnh sơn thủy vùng Vô Tích, Viên Lâm ở Tô Châu, những hang động thiên nhiên ở Nghi Hưng.

Nhan Uyên 顏淵 :

Nhan Uyên sinh năm 521 trước Công Nguyên, mất năm 490 trước Công Nguyên, là đệ tử Khổng Tử tên là Hồi, tự là Tử Uyên, người nước Lỗ thời Xuân Thu, tính thông minh mẫn tiệp, hiếu học, không trút giận qua người khác, cũng không làm lỗi đến hai lần, sống vui nơi ngõ hẹp tồi tàn, với rổ cơm bầu nước, được Khổng Tử khen là người hiền, hậu thế tôn là "Phục Thánh", xếp vào Tứ Phối (Nhan Uyên, Tăng Sâm, Tử Tư, Mạnh Kha) để thờ chung với Khổng Tử và Chu Công thờ ở Văn Miếu.

Giả Nghị 賈誼 :

Giả Nghị sinh năm 200 trước Công Nguyên và mất năm 168 trước Công Nguyên.

Ông là người Lạc Dương (nay là Lạc Dương Hà Nam), văn học gia, chính luận gia thời Tây Hán, thường gọi là Giả Sinh. Hồi còn trẻ đã đọc được sách Thi Thư, lại giỏi văn chương, nên được người trong quận ca tụng.

Đình Uy Ngô Công tiến cử Giả Nghị lên Hán Văn Đế, được Hán Văn đế bổ nhậm làm Bác Sĩ, ít lâu sau thăng làm Thái Trung Đại Phu.

Đối với sự hủ bại của thời chính, Giả Nghị từng nhiều lần đề xuất chủ chương đổi mới, như đề nghị phong nhiều chư hầu để tước nhược thế lực của chư hầu vương, củng cố trung ương tập quyền, chủ trương trọng nông ức thương, đánh trả các quý tộc Hung Nô xâm lược. Vì thế bị các đại thần thủ cựu như Chu Bột, Quán Anh chỉ trích, bài xích, rồi bị Hán Văn Đế lạnh nhạt, biếm làm Thái Phó cho Trường Sa Vương. Trong ba năm làm Thái Phó cho Trường Sa Vương, lúc đi qua Tương Thủy, ông làm bài phú để điều Khuất Nguyên, rồi

lại làm bài Bằng Điều Phú. Về chính luận ông có "Trần Chính Sự Số", và "Qúa Tần Luận"

Sau lại ông được chiêu về làm Thái Phó cho Lương Hoài Vương, một người con yêu của Hán Văn Đế. Khi Lương Hoài Vương bị té ngựa chết, ông cho đó là lỗi của mình, buồn rầu sinh bệnh mà mất, mới 32 tuổi.

Thái Phó 太傅:

Thái Phó có các nghĩa:

-Một chức quan thời cổ, một trong Tam Công, nhà Chu đặt ra chức quan này đầu tiên, có nhiệm vụ phụ giúp quốc quân. Nhà Tần phế, nhà Hán thiết lập lại. Địa vị của Thái Phó chỉ dưới Thái Sư, cùng với Thái Sư, Thái Bảo, được coi là ba trọng thần, tham dự triều chính, cùng nhau nắm giữ quyền hành về quân sự và chính trị toàn quốc.

-Thời Đông Hán, mỗi lần vua mới lên ngôi, đều đặt ra một Thái Phó. Các đời sau do quan khác kiêm lãnh, và phần lớn là vinh hàm của các đại thần, không có thực chức.

Các triều Minh và Thanh, Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo chỉ là cũng không phải là thực chức.

-Ngoài ra, người trông coi dạy dỗ Thái Tử cũng gọi là Thái Phó, như Giả Nghị là Thái Phó của Trường Sa Vương và, Lương Hoài Vương, con của Hán Văn Đế, và thường gọi là Thái Tử Thái Phó.

Cam Lộ Tự 甘露寺:

Chùa này được xây vào năm Cam Lộ đời Ngô Mạt Đế ở Bắc Cố Sơn, vì thế mà thành tên gọi.

Tể Tướng 宰相:

Tên một chức quan. Dưới thời phong kiến, tể tướng là người chịu trách nhiệm trước hoàng đế, là người phò trợ hoàng đế, là vị trưởng quan cao cấp nhất, thống lãnh các quan, nắm giữ tất các việc chính trị.

Tể có nghĩa là chủ trì

Tướng có nghĩa là phò trợ, trợ giúp.

Tuỳ theo mỗi triều đại, tể tướng có những danh xưng khác nhau, chức quyền rộng hay hẹp, và quyền hành cũng khác nhau.

-Chẳng hạn, nhà Tần và nhà Tây Hán thì Tể Tướng gọi là Tướng Quốc, hay Thừa Tướng. Lý Tư là Thừa Tướng nhà Tần, còn Ngự Sử Đại Phu là một chức phó.

-Thời Đông Hán, chức Tư Đồ ngang với chức Thừa Tướng, như Tư Đồ Vương Doãn, cùng với các chức Tư Không và Thái Úy coi về chính vụ, nhưng thực quyền đều thuộc về Thượng Thư Lệnh, nắm hết mọi việc.

-Từ các thời Ngụy Tấn trở về sau, thì dùng những Trung Thư Giám, Trung Thư Lệnh, Thị Trung, Thượng Thư Lệnh, Bộc Xạ, hay các tướng quân nắm chính quyền làm Tể Tướng, không có định danh xưng.

-Sau triều Tuỳ, Đường, dùng vị trưởng quan ở ba cơ quan là Trung Thư, Môn Hạ, Thượng Thư (Tức Trung Thư Lệnh, Thị Trung, Thượng Thư Lệnh, Bộc Xạ) làm Tể Tướng. Từ sau trung kỳ nhà Đường, hoàng đế chủ trì tuyển chọn những quan khác gia thêm chức hàm Tham Tri Chính Sự hoặc Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự làm Tể Tướng, và các triều sau đó duyên theo.

-Đời Tống, lấy Đồng Bình Chương Sự làm Tể Tướng, và lấy chức phó là Tham Tri Chính Sự hợp xưng là Tể Cháp.;

-Đời Nam Tống, năm 1129 lấy Tả Hữu Bộc Xạ gia thêm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự làm Tể Tướng. Năm 1172 đổi Thượng Thư Tả Hữu Bộc Xạ ra Tả Hữu Thừa Tướng.

-Thời Nguyên lấy Trung Thư Tỉnh làm Chính Vụ Trung Khu, còn Trung Thư Lệnh thỉnh thoảng Thái Tử, hoặc thân vương kiêm lãnh, còn dưới thì đặt Thừa Tướng, Bình Chương Tham Chính.

-Đời Minh từng thiết lập chức Thừa Tướng, sau để đề phòng sự quyền thần soán đoạt, nên trừ bỏ chức Thừa Tướng, dùng Đại Học Sĩ phò trợ hoàng đế, xử lý chính vụ, vì thế, Đại Học Sĩ trên thực tế là Tể Tướng.

-Đời Thanh duyên theo.

Trong văn thơ cổ điển của Trung Quốc, người ta thường gọi Tể Tướng bằng thành ngữ "Sa lung trung nhân-Người ở trong lồng the", vì Tể Tướng đời Đường là Lý Phiên, khi chưa ra làm quan, có vị tăng bảo Lý Phiên là "Sa lung trung nhân", và bảo rằng người có phúc phận làm Tể Tướng, thì ở dưới âm gian đã nặn tượng, và dùng lồng bằng the đặt lại để bảo vệ

Tiêu Hà 蕭何 :

Tiêu Hà là đại thần thời kỳ đầu nhà Tây Hán, người Bái Huyện (nay thuộc tỉnh Giang Tô), từng làm tư lại ở Bái Huyện. Cuối đời nhà Tần, phò tá Lưu Bang khởi nghĩa. Khi quân Lưu Bang vào chiếm Hàm Dương, kinh đô nhà Tần, Tiêu Hà thấu thập hết các luật lệnh, đồ thư, sách vở của nhà Tần, nhờ thế hiểu biết được tất cả những chỗ sơ hở hiểm yếu, hộ tịch của các quận huyện, cũng như tình hình xã hội lúc bấy giờ.

Trong cuộc chiến tranh giữa Lưu Bang và Hạng Vũ, Tiêu Hà tiến cử Hàn Tín làm Đại Tướng cho Lưu Bang, còn Tiêu Hà ở lại giữ Quan Trung, lo việc lương lương, chi trì sĩ tốt tác chiến, thành thử, đối với sự chiến thắng Hạng Vũ và kiến lập Hán triều, Tiêu Hà có nhiều công lớn, được phong là Tán Hầu.

Về sau, Tiêu Hà lại giúp Hán Cao Tổ tiêu diệt các dị tính chư hầu vương, như Hàn Tín, Trần Hy, Anh Bố.

Tiêu Hà mất năm 193 trước Công Nguyên.

Tào Tham 曹參 :

Tào Tham là đại thần thời kỳ đầu nhà Tây Hán, người Bái Huyện (nay thuộc tỉnh Giang Tô), từng là viên quan coi ngục huyện Bái. Cuối đời nhà Tần, Tào Tham theo Lưu Bang khởi nghĩa, nhiều lần lập chiến công. Khi nhà Hán kiến lập, Tào Tham được phong là Bình Dương Hầu, từng nhậm tướng quốcos Tề chín năm, sau lại giúp Hán Cao Tổ bình định Trần Hy, Anh Bố cùng những dị tính chư hầu vương. Đến thời Hán Huệ Đế, lên thay Tiêu Hà ở chức Thừa Tướng, nhưng tiếp tục giữ và không thay đổi những chính sách qui định của Tiêu Hà, nên được xưng tụng là " Tiêu qui Hà tuyền".

Tào Tham mất năm 190 trước Công Nguyên.

Hàn Tín 韓信 :

Một trong chư Hầu Vương thời Hán Sơ.

Hàn Tín người Hoài Âm (nay thuộc tỉnh Giang Tô) .Lúc mới đầu Hàn Tín theo Hạng Võ, sau theo Lưu Bang, được Bang phong làm Đại Tướng. Trong cuộc chiến tranh Hán Sở, Lưu Bang dùng kế sách của Hàn Tín, đánh chiếm Quan Trung. Trong lúc Lưu Bang cầm cự với Hạng Võ ở Vinh Dương và Thành Cao, thì Tín tập kích hậu lộ phía sau Hạng Võ, phá vỡ được đất Triệu, Tề, chiếm cứ vùng hạ du sông Hoàng Hà, Hàn Tín được phong làm Tề Vương.

Sau đó ít lâu, Tín xuất quân hội hợp với Lưu Bang đánh diệt được Hạng Võ ở Cai Hạ (nay thuộc phía nam Linh Bích tỉnh An Huy).

Đến khi nhà Hán thành lập, Hàn Tín được cải phong là Sở Vương, sau bị người vu cáo là làm phản, bị giáng làm Hoài Âm Hầu. Sau lại bị vu cáo là cùng với Trần Hy cấu kết làm phản ở Trường An, rồi bị Lã hậu giết.

Tín là vị tướng lãnh giỏi cầm binh, và tự xưng là “đa đa ích thiện”, và từng viết ba thiên binh pháp, nay bị thất lạc.

Bành Việt 彭越:

Bành Việt là một chư hầu vương thời đầu nhà Hán, tự là Trọng, người Xương Ấp (nay thuộc Kim Hương tỉnh Sơn Tây), thường câu cá ở đầm Cự Dã Trạch. Cuối thời nhà Tần Bành Việt tụ họp dân chúng rồi khởi nghĩa đi theo Hạng Vũ. Khi Hạng Vũ đánh nhau với Lưu Bang, Bành Việt đem ba vạn binh về hàng Lưu Bang, đánh chiếm đất Lương (nay thuộc tỉnh Hà Nam), và tuyệt được chở lương thực của Hạng Vũ, ít lâu sau đem quân cùng Lưu Bang hội binh ở Cai Hạ (nay thuộc huyện Linh Bích tỉnh An Huy) nhờ thế Lưu Bang đánh diệt được Hạng Vũ.

Sau khi nhà Hán được thành lập, Bành Việt được phong là Lương Vương. Lúc Lưu Bang đi đánh Trần Hy, muốn Bành Việt cầm quân đi đánh, nhưng Bành Việt cáo ốm không đi.

Viên quan Thái Bộc của Lương vì thù oán đến vu cáo với Lưu Bang là Việt làm phản, Lưu Bang giết Bành Việt và chu di tam tộc

của Việt, rồi lóc thịt làm mắm để chia cho các chư hầu để răn đe.

Ngụy Tướng 魏相 :

Ngụy Tướng là Đại Thần thời Tây Hán tự là Nhược Ông, người Định Đào (nay thuộc huyện Định Đào tỉnh Sơn Đông), sau dời đến Bình Lăng (thuộc Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây), được tiến cử Hiền Lương làm huyện lệnh huyện Mậu Lăng, sau làm Thái Thú Hà Nam. Ngụy Tướng chủ trương ức chế thế lực hào cường. Khi Tuyên Đế lên ngôi, ông được bổ làm Đại Tư Nông, rồi Ngự Sử Đại Phu, kế đó làm Thừa Tướng, phong la Cao Bình Hầu, được người xung tụng ca tụng.

Ngụy Tướng mất năm 59 trước Công Nguyên.

Bính Cát 丙吉:

Bính Cát là đại thần thời Tây Hán, tự là Thiếu Khanh, người Lỗ Quốc (nay thuộc Khúc Ấp tỉnh Sơn Tây), vốn là một viên lại ngục, sau thăng Đình Uý. Hán Tuyên Đế, con của Vệ Thái Tử, cháu nội của Hán Võ Đế, lúc mới sinh bị hạ ngục vì Vệ Thái Tử có tội, Bính Cát thấy vậy đem lòng thương, bí mật tuyển trọn một người nữ phạm trung hậu để nuôi dưỡng Tuyên Đế. Sau Hán Tuyên Đế lên ngôi được ban tước Quan Nội Hầu, thay Ngụy Tướng làm Thừa Tướng, gia phong Bác Dương Hầu. Bính Cát dùng người không kể lỗi người ấy, biết khen thưởng những tài năng cùng ưu điểm của họ, người đương thời khen Bính Cát là một vị Thừa Tướng giỏi.

Bính Cát mất năm 55 trước Công Nguyên.

Vệ Thanh 衛青 :

Vệ Thanh là danh tướng nhà Tây Hán, tự là Trọng Khanh, người Bình Dương Hà Đông (nay thuộc Lâm Phần tỉnh Sơn Tây), em của Vệ Hoàng Hậu.

Vệ Thanh vốn là gia nô của Bình Dương Công Chúa, sau được Hán Võ Đế Trọng dụng, làm quan đến Đại Tướng Quân, phong Trường Bình Hầu.

Thời kỳ đầu nhà Tây Hán, các quý tộc Hung Nô liên tiếp quấy nhiễu biên thùy miền bắc nhà Hán. Năm 127 trước Công Nguyên, Vệ Thanh đem quân đánh bại được Hung Nô và khống chế vùng Hà Bắc.

Tổng cộng bảy lần, Vệ Thanh đánh thắng Hung Nô và giải trừ được sự Uy hiếp của Hung Nô đối với vương triều nhà Hán.

Vệ Thanh mất năm 106 trước Công Nguyên.

Hoắc Khứ Bệnh 霍去病 :

Hoắc Khứ Bệnh sinh năm 140 trước Công Nguyên, là danh tướng thời Tây Hán người Bình Dương Hà Đông (nay thuộc Lâm Phần Sơn Tây), làm quan đến Phiêu Kỵ Tướng Quân, phong Quán Quân Hầu. Năm 121 trước Công Nguyên, Hoắc Khứ Bệnh hai lần đánh thắng quý tộc Hung Nô, không chế được vùng Hà Tây, mở thông đường sang Tây Vực. Năm 123 trước Công Nguyên, Hoắc Khứ Bệnh cùng Vệ Thanh lại đánh bại Hung Nô, được Hán Võ Đế xây cất phủ đệ, nhưng Hoắc Khứ Bệnh từ khước nói : "Chưa diệt xong Hung Nô, thì làm nhà để làm gì".

Hoắc Khứ Bệnh sáu lần đánh Hung Nô giải trừ được sự đe dọa của Hung Nô đối vương triều nhà Hán.

Hoắc Khứ bệnh mất năm 117 trước Công Nguyên.

Lý Quảng 李廣 :

Lý Quảng là danh tướng nhà Tây Hán, người Thành Kỷ Lũng Tây (nay thuộc Tàn An tỉnh Cam Túc), ông là người thiện xạ. Thời Hán Văn Đế, Lý Quảng từng tham dự những cuộc chiến phản kích sự xâm lăng của quý tộc Hung Nô, được làm Võ Kỵ Thường Thị. Vào thời Hán Cảnh Đế và Hán Võ Đế làm Thái Thú các quận Lũng Tây và Bắc Địa. Năm 134 trước Công Nguyên làm Vệ Uý, sau đổi làm Thái Thú Hữu Bắc Bình, Hung Nô nhiều năm không dám quấy nhiễu, gọi Quảng là Phi Tướng Quân. Năm 119 trước Công Nguyên theo Đại Tướng Quân Vệ Thanh đánh Hung Nô giữ tiên đạo bị phạt, rồi tự tử chết.

(1) Nguyên văn bài thơ chữ Hán như sau :

滿身風露夜茫茫
一片山光與水光
鐵甕城邊人玩月
鬼門關外客還鄉
功名不博詩千首

生死何殊夢一場
賴有故人知此意
清談終夕據籐床

Mãn thân phong lộ dạ mang mang
Nhất phiến sơn quang dĩ thủy quang
Thiết Ứng Thành biên nhân ngoạn nguyệt
Quý Môn Quan ngoại khách hoàn hương
Công danh bất bác thi thiên thủ
Sinh tử hà thù mộng nhất trường
Lại hữu cố nhân tri thử ý
Thanh đạm chung tịch cứ dằng sàng

VĨNH CHÂU DÃ MIẾU KÝ

永州野廟記

Tác giả : Cù Hựu

Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

Ngoài cánh đồng Vĩnh Châu có ngôi thần miếu, lưng dựa vào núi, trước mặt có một dòng sông. Sông sâu và chảy gấp. Chung quanh cỏ hoang bát ngát xanh rì. Đại thụ thâm u rậm rạp, chót vót, che kín cả mặt trời, san sát đếm không xuể.

Thường thường mưa gió vẫn từ thần miếu nổi lên. Vì thế, người ta sợ hãi, đều phải cung tế cung phụng. Khách đi đường qua đó, nhất định phải có tam sinh lễ vật đem vào cúng dưới điện, mới có thể đi qua yên ổn được. Bỗng không, gió mưa thành linh nổi lên. Rồi mây đen kéo đến, trời đất tối thui. Gang tấc không nhìn rõ mặt nhau. Hành lý, phẩm vật, bỗng đứng không cánh đều bay đâu mất biển.

Tình trạng như thế đã xảy ra từ mấy năm nay rồi.

Vào khoảng niên hiệu Đại Đức đời vua Thành Tông nhà Nguyên, có người thư sinh tên Tất Ứng Tường, nhân việc phải đến Hành Châu, buộc đi qua miếu đó, nhưng vì túi rách không tiền, không có lễ vật để vào cúng trong miếu đó, đành chỉ kính cẩn vái lạy thần miếu. Rồi đi.

Sinh đi chưa khỏi vài dặm, thành linh nổi lên một trận gió lớn, ào ào cát bay đá chạy, mây đen sừng mờ, từ đằng sau ủa tới. Chàng ngoái đầu lại nhìn, thấy binh lính mặc giáp trụ rất nhiều, có đến hàng ngàn hàng vạn, đuổi theo truy cản. Chàng tự nhủ, mệnh tất tuyệt. Bình thời, Sinh vốn quen tụng niệm kinh "Ngọc Xu Kinh" của đạo gia, nay tình thế cấp bách, cứ vừa chạy vừa niệm. Khoảnh khắc, mây tan gió ngừng, trời đất sáng láng trở lại, những kỵ binh đuổi theo truy cản chàng đều biến đâu mất. Sinh may mắn bảo toàn tính mệnh, tới được Hành Sơn, đi qua núi Chúc Dong Sơn, ghé vào Nam

Sơn Từ, nhớ lại chuyện vừa mới xảy ra, bèn viết một tờ trạng nói rõ sự việc, đốt đi để bảm vị thần trong từ đó.

Đến tối, Sinh nằm chiêm bao, thấy một viên bổ khoái đến bắt chàng, đưa chàng đi đến một cung điện thật lớn. Chung quanh thị vệ đứng la liệt, còn các cấp quan lại xếp theo thứ bậc. Viên bổ khoái dẫn Sinh đến dưới thềm đình. Chàng ngẩng đầu nhìn lên, thấy trên điện treo một chiếc rèm ngọc, bên trong rèm, trái trướng gấm vàng, đèn đuốc huy hoàng, sáng láng như ban ngày. Cảnh trí trông trang trọng oai nghiêm, tĩnh mịch, không huyền ảo

Sinh nín thở chờ lệnh.

Lát sau, một viên quan mặc áo đỏ, lưng đeo giắc đá, từ bên trong điện đi ra, hô truyền mệnh lệnh :

-Có lệnh chỉ ban xuống, hỏi người muốn kiện tụng ai ?

Sinh cúi rạp mình xuống đất, thưa :

-Thân con học trò nghèo, lại thêm ngu muội, nào đâu có biết điều danh lợi mà xin, cũng chẳng biết đến nhà cửa đất đai chỗ nào mà tìm kiếm. Aó bố y, cơm rau cỏ, an phận thủ kỹ, vả, cũng chưa từng một mình đến cửa công bao giờ, thật chẳng biết trả lời thế nào !

Viên quan lại hỏi :

-Thế buổi sáng nay người đầu cáo trạng về việc gì ?

Sinh hồi tưởng lại, bấy giờ mới rạp đầu, bảm :

-Bảm con xin thưa, nhân con vì nghèo khổ quá, phải rời bỏ quê hương, đến nhờ vả người khác. Đường đi Vĩnh Châu, phải qua miếu thần, tiền độ đường vì đã tiêu hết, nên không có lễ vật để vào tế miếu, đến nỗi xúc phạm thần oai, thành linh khởi gió hưng mưa, cho giáp binh kỳ mã truy lùng, con bối rối khôn cùng, té lên ngã xuống, cơ hồ suýt bị bắt kịp. Trong lúc sợ hãi nguy cấp, không nơi kêu cầu, nên đường đột mạo phạm thánh linh, thật là điều bất đắc dĩ.

Viên quan nghe xong đi vào bên trong, một lát đi ra, nói :

-Có lệnh chỉ, cho thẩm tra đối chất !

Lập tức viên quan cùng mấy tên giáp sĩ phi đảng lên không. Lát sau trở về, áp giải một ông già râu trắng toát, đội khăn đen, y phục

theo lối đạo gia, đến bắt quỷ ở dưới bệ thềm, rồi tuyên đọc lệnh chỉ, cất hỏi :

-Người là thần một phương, được mọi người cúng tế, tại sao lại dùng võ lực để reo hoạ và khùng bố người ta, đòi hỏi trà lá lễ lạy, bách hại người học trò kia, đến nỗi suýt mất mạng. Tham lam ,độc hại đến như thế, tội đó sao thoát khỏi hình phạt !

Ông già râu bạc, quỳ xuống vái, rồi thưa :

- Quả thật tôi là thần giữ miếu hoang ở Vĩnh Châu, nhưng ngôi miếu hoang này bị yêu mãng chiếm cứ cả năm nay rồi, tôi không đủ sức đối địch, chức quyền bị mất đã lâu, việc đòi hỏi chà lá, rượu thịt trước đây, đều do loài yêu mãng này làm ra, đâu phải lỗi của tôi.

Viên quan lại hỏi :

-Nếu như thế, sao không chịu bảm báo sớm !

Đáp :

-Loài quái vật này sống trên đời đã lâu, hưng yêu tác nghiệt, sức không ai địch nổi. Các hồn ma ở xã miếu, ở gia từ, ở hoang miếu, đều bị con yêu này chèn ép. Thần long, hải sà, cũng bị nó chỉ huy. Mỗi khi tôi muốn khiếu nại, thưa gửi thì bị nó cản trở, ngăn chặn, cuối cùng không thể thực hiện được. Hôm nay nếu không có lệnh chỉ, lẽ nào tôi đến được đây !

Bấy giờ Sinh phủ phục ở dưới thềm, thì nghe trên điện truyền xuống, sai viên quan và giáp sĩ đi điều tra.

Lại nghe lão già râu bạc thưa :

-Loài yêu nghiệt đã thành hình, trợ giúp nó rất đông. Quan viên binh mã dù có đi, cũng vô ích, trừ phi phái thần binh, mới bắt được mà thôi.

Sinh thấy trên điện chấp nhận đề nghị của lão già râu bạc, ra lệnh cho một viên thần tướng đem năm nghìn thần binh ra đi. Một lát sau, Sinh lại thấy mấy chục tên quỷ tốt, dùng một tấm ván lớn, khiêng một cái tủ cấp trở về đặt ở dưới thềm điện. Té ra, đó là cái đầu của một rắn trắng, to bằng cái盎, chứa được năm thạch thóc, trên đầu rắn có cái mào đỏ.

Sau đó, Sinh được viên quan ra lệnh trở về nhà. Chàng vươn người đứng dậy, thì ra, vừa trải qua một giấc chiêm bao. Khắp người mồ hôi nhễ nhại. Ướt đầm lưng áo.

Sau khi Sinh hoàn tất công việc, lúc về, đi qua chôn cũ, nhưng ngôi miếu hoang đó nay đã biến dấu mất, không còn dấu tích gì. Hỏi thăm thôn dân gần đó, có người trả lời :

-Đêm nọ, vào khoảng sau canh ba, bỗng có sấm sét nổi lên ầm ầm. Trong mưa gió chỉ nghe những gờm giáo sát phạt giết nhau, rất là kinh hồn sợ hãi, chẳng biết chuyện gì. Đến khi trời sáng, tới nơi coi, thấy ngôi miếu đó đã bị phá huỷ tan tành, có một con bạch xà dài mấy chục trượng bị giết chết nằm ở dưới một lùm cây, đầu bị chặt. Còn lại, các loài độc xà, phi xà, huỷ xà, chết vô chết, tử khí tanh tưởi, lợm giọng, kéo đến nay vẫn chưa hết.

Sinh tính toán, ngày hôm đó chính phù hợp với ngày Sinh chiêm bao.

Chàng về nhà, một hôm giữa ban ngày, nhân hạ ngòi chơi, thỉnh linh có hai quỷ tốt đến gặp chàng, nói :

-Địa phủ có lệnh triệu ngài xuống đối chất một án kiện.

Xong cứ nắm vai chàng mà kéo đi. Xuống đến nơi, Sinh thấy Diêm Vương ngồi trên đại sảnh, dùng cũi sắt nhốt một người đàn ông, mặc quần áo trắng, đầu quấn khăn đỏ, trông dáng người rất khô ngô to lớn, đang tự khai báo với Diêm Vương :

- Bẩm ngài, khi còn ở dương thế, con chưa hề bị phạm một hạng tội nào, mà bị tên học trò Tất Ứng Tường vu cáo với thần núi Nam Nhạc, đến nổi thần binh xuống oai giáng phạt, toàn tộc bị diệt, nhà cửa sào huyệt bị tàn phá, huỷ hoại, thật sự quá nhiều oan khổ.

Sinh nghe nói thế, biết rằng yêu sà vì thù hận vu hãm chàng, bèn trình bày cặn kẽ những việc làm tổn nhân hại vật của nó. Chàng và con yêu sà đối chất nhau qua chiếc cũi sắt, lời qua tiếng lại, hết sức kịch liệt, nhưng gã yêu sà nhất định không nhận tội. Diêm Vương liền sai lại thuộc viết văn thư đến thần núi Hành Sơn và Thành Hoàng ở Vĩnh Châu để nghiệm chứng. Quả nhiên, một lát sau

được Hành Sơn Phủ và Thành Hoàng Ty hồi đáp, phù hợp đúng với những điều Sinh đã khai.

Bấy giờ, yêu sà đuổi lý mới chịu khuất phục.

Từ trên điện, Diêm vương giận dữ trách cứ :

-Nhà người khi sống thành yêu quái, chết còn cả gan vu hãm người ta. Quân sĩ, mau áp giải tên bạch y yêu sà này xuống địa ngục, vĩnh viễn giam lại, không cho trở lại dương thế nữa.

Lập tức con yêu sà bị mấy viên quỷ tốt dẫn đi.

Diêm Vương lại ủy lạo Sinh :

-Làm phiền đến tiên sinh mà chẳng có gì để báo đáp.

Liên sai lấy sổ bạ tịch có họ Tất ra coi lại, phê bên dưới tên của Sinh tám chữ :

" Trừ yêu khử hại duyên thọ nhất kỳ".

Sinh lập tức vái tạ ơn, ra về.

Khi về đến cửa, tỉnh ra, thì đang gục đầu trên án thư mới ngủ dậy.

(Dịch xong lúc 16giờ 06 ngày 31-8-2005)

Vài nét về tác giả .

Cù Hựu (瞿佑) :

Vĩnh Châu Dã Miếu Ký được trích từ Tiên Đăng Tân Thoại 箭燈新話 của Cù Hựu.

Cù Hựu tự là Tông Cát, biệt hiệu là Tồn Trai người Tiền Đường, nay thuộc Hàng Huyện tỉnh Triết Giang. Ông sinh năm Chí Chính nguyên niên nhà Nguyên tức năm 1341. Hồi còn trẻ nổi tiếng là người đa tài đa nghệ, giỏi thi thơ, nhưng thường bất đắc chí. Đầu năm Hồng Võ đời Minh Thái Tổ, Cù Hựu được lần lượt bổ nhậm làm Huấn Đạo tại Nhân Hoà, Lâm An, Tuyên Dương, rồi thăng làm Hữu Trưởng Sử trong Chu Vương Phủ. Khoảng năm Vĩnh Lạc đời Minh Thành Tổ, nhân làm thơ bị tội, đày đến huyện Bảo An (nay là tỉnh Cam Túc) làm nhung thú, trải qua mười năm, đến năm Hồng Hy (tức năm 1425) đời vua Minh Tông mới được xá, về làm gia sư cho

Anh Quốc Công ba năm, đến năm Tuyên Đức nhị niên thì mất, thọ tám mươi bảy tuổi.

"Tiển Đăng Tân Thoại" được viết vào khoảng Hồng Võ thập nhất niên, tức 1378, gồm bốn quyển, hai mươi truyện. Phần lớn những truyện trong Tiển Đăng Tân Thoại đều lấy ma quỷ quái dị, hôn nhân luyến ái, làm đề tài phản ánh những hiện thực xã hội hắc ám, hủ bại dưới triều nhà Nguyên, cũng như chống lại những điều vô lý trong chế độ hôn nhân phong kiến cũ. Nhưng Tiển Đăng Tân Thoại lại mạnh dạn tuyên dương tư tưởng "Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa" và những phong tục mê tín quỷ thần. Một số truyện có màu sắc nhân quả báo ứng của nhà Phật

Ngoài Tiển Đăng Tân Thoại, được người đời truyền tụng và khen là có những ngôn từ hoa lệ, uyển chuyển như "ôm thủy áp hồng", ảnh hưởng rất nhiều đối với tiểu thuyết thuộc loại truyền kỳ của hai triều Minh và Thanh, như Liêu Trai Chí Dị, Dạ Đàm Tùy Lục, Huỳnh Song Dị Thảo, Cù Hựu còn để lại cho đời sau một số tác phẩm như :

- *Hương Đài Tập*
- *Du Nghệ Lục*
- *Tồn Trai Loại Biên*
- *Qui Điền Thi Thoại.*
- *Vịnh Vật Biên*
- *Nhạc Phủ Di Âm*

Vài hàng chú thích của Phạm Xuân Hy :

Tam Sinh 三牲:

Thời cổ, tại ba triều Hạ, Thương, Chu, sử dụng ba loài súc vật là trâu, dê, lợn (thỉ 豕), để cúng tế, gọi tam sinh. Theo Khổng An Quốc chú dẫn thì ngưu, dương, thỉ là tam sinh.

Nhưng về sau việc sử dụng tam sinh trâu, dê, lợn, làm tế phẩm, đối với những gia đình nghèo khó ít có điều kiện thi hành, nên việc cúng tế trong dân gian được sử dụng bằng ba súc vật khác là gà, cá, lợn (trư 豕) thay thế cho tam sinh trâu, dê, lợn.

Theo đạo gia, tam sinh có phần khác biệt, đó là con hươu, con hoẵng, và con chương, một loài giống như con hươu mà chân nhỏ.

Nguyên Triều 元朝 :

Nguyên là danh xưng của một triều đại tại Trung Quốc.

Năm 1206, lãnh tụ của bộ tộc Mông Cổ là Thành Cát Tư Hãn sau kiến lập Mông Cổ Hãn Quốc, khuyếch trương thế lực đến lưu vực sông Hoàng Hà. Từ Thành Cát Tư Hãn đến thời Mông Ca Hãn, liên tiếp diệt được các vương triều Tây Liêu, Tây Hạ, Kim, Đại Lý, rồi thành lập các cơ cấu hành chánh ở Thổ Phiên, trực tiếp tiến hành thống trị.

Đến năm 1271, Hốt Tất Liệt đặt quốc hiệu là Nguyên. Đến năm 1279 Hốt Tất Liệt diệt được Nam Tống, thống nhất toàn Quốc, định đô ở Yên Kinh, sau đổi tên là Đại Đô, nay là Bắc Kinh, dựng lên một đế quốc rộng lớn.

Đến năm Chí Chính thập nhất niên, đời vua Thuận Đế nhà Nguyên, tức năm 1351, bạo phát cuộc nổi dậy của Hồng Cân Quân, do các lãnh tụ của bốn chi phái do Lưu Phúc Thông, rồi Quách Tử Hưng, Từ Thọ Huy, Vương Quyền, lợi dụng Bạch Liên Giáo phát động, làm dao động nhà Nguyên.

Năm 1368, Chu Nguyên Chương phái đại tướng Từ Đạt công chiếm Đại Đô, lật đổ sự thống trị của nhà Nguyên.

Nhà Nguyên kể từ Hốt Tất Liệt định quốc hiệu năm 1271, trải qua 11 đời vua, cộng 98 năm.

Nguyên Thành Tông 元成宗 :

Thành Tông nhà Nguyên là ông vua thứ hai của Nguyên triều, cháu đích tôn của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt, tên gọi Kỳ Ác Ôn Thiết Mộc Nhĩ, con của Hoàng Thái Tử Chân Kim, mẹ là Hoàng Cát Liệt Thị, sinh năm 1265, lên ngôi năm 1294, có hai niên hiệu là Nguyên Trinh và Đại Đức.

Năm 1307, Nguyên Thành Tông mất, chung niên 43 tuổi.

Hành Sơn 衡山:

Hành Sơn là tên một trong Ngũ Nhạc nổi tiếng của Trung Quốc, thường gọi là Nam Nhạc, nằm ở phía tây huyện Hành Sơn tỉnh Hồ

Nam, chu vi rộng 800 dặm, có 72 ngọn núi lớn nhỏ. Nổi tiếng là nguy nga, rậm rạp là các ngọn Chúc Dong, Thiên Trụ, Tử Cái, Phù Dung, cao chót vót chọc trời, thác nước như những dải lụa trắng xoá, bay phôi phối.

Tương Truyền, ngày xưa vua Thuấn đi tuần phương nam và vua Vũ trị thủy từng đặt chân đến đây.

Các đời vua sau, đều đến đây để cử hành những đại điển tế tự. Nổi tiếng là sơn linh kỳ tú, bên trong núi có những chùa miếu, nơi tu trì của giới tăng lữ và đạo sĩ, và là nơi có nhiều thắng cảnh, cổ tích, đã lưu dấu chân của các tao nhân mặc khách đến đây du lãm, như Chúc Thánh Tự, Nam Nhạc Đại Miếu, Tầng Kinh Điện, Ma Kính Đài, Hoàng Đình Quan.

Tương truyền rằng ngọn Chúc Dong Phong là táng địa của họ Chúc Dong Thị thời viễn cổ.

Từ trên đỉnh núi này nhìn xuống, thấy la liệt vô số những hòn núi nhỏ, mây và núi như dao động, được xem là chỗ đẹp nhất để ngắm cảnh mặt trời mọc, tưởng chừng như từ dưới biển đi lên. Trong núi còn đủ loại kỳ hoa dị thảo, được Trung Hoa coi là kho tàng những bảo vật.

Đời Đường, đầu năm Khai Nguyên Tư Mã Thừa Trinh đến đây tu đạo, lập ra Bạch Vân Am. Đời Ngũ Đại, có Nhiếp Sư Đạo cũng đến đây tu hành.

Bố y 布衣 :

Y phục được may bằng vải ma bố (vải gai) hoặc bằng cát bố (vải đay) gọi là bố y. Nước Tàu thời cổ, trước khi có việc chuyển nhập bông vải vào, vật liệu vật phẩm làm quần áo là gai, đay, và tơ. Thông thường thì chỉ có quý tộc và quan viên được mặc y phục dệt bằng tơ, còn giới bình dân thì mặc quần áo bằng vải gai, vải đay, gọi chung là bố y. Vì thế, bố y trở thành từ ngữ chỉ người bình dân.

Lý Tư, trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, bị gọi một cách khinh thị là "Thượng Sái bố y, lưu hạng chi kiểm thủ 上蔡布衣閭巷之黔首" - dân áo vải đất Thượng Sái, kẻ đầu đen trong xóm ngõ - tức kẻ bình dân. Sau Lý Tư làm thừa tướng nước Tần.

Bồ y, còn chỉ người học trò lúc tay trắng nghèo, chưa hiển đạt.

Diêm Vương 閻王

Diêm Vương là do dịch âm từ chữ phạn Yamaraja mà ra, cùng gọi là "Diêm La Vương", "Diêm Ma Vương", hay "Diêm La". Còn dịch ý thì "diêm" có nghĩa là "trói buộc", trói buộc tội nhân.

Theo thần thoại cổ Ấn Độ, thì Diêm Vương là vị vua quản lý cõi âm, Phật Giáo duyên dụng theo thần thoại của Ấn Độ, coi Diêm Vương là Ma Vương quản lý địa ngục.

Trong phong tục của Trung Quốc, Diêm Vương được coi là vị vua của cõi âm. Người ta sau khi chết, phải đến cõi âm để chịu thẩm phán của Diêm Vương, nếu lúc sinh tiền làm điều lành, việc thiện, thì lên thiên đường hưởng phú quý, còn làm điều ác thì phải xuống địa ngục, chịu hình phạt.

Phật Giáo Trung Quốc cho rằng có Thập Điện Diêm La, là từ ngữ dùng để chỉ mười vị Diêm Vương trông coi địa ngục, thuyết này có từ cuối đời Đường. Mười vị Diêm Vương đó là :1-Tần Quảng Vương.2-Sơ Giang Vương.3-Tống Đế Vương.4-Ngũ Quan Vương.-5 Diêm La Vương.6-Biến Thành Vương.7-Thái Sơn Vương.8-Bình Đẳng Vương.9-Đô Thị Vương.10-Ngũ Đạo Chuyển Luân Vương.

Mười vị này phân ra cư trú ở mười điện dưới địa ngục, nên được gọi là Thập Điện Diêm Vương.

Thành Hoàng 城隍 :

Theo thần thoại đời xưa của người Trung Quốc, thì Thành Hoàng là vị thần trông coi bảo hộ thành trì. Sau được Đạo Giáo tin thờ cúng tế.

Ngôi miếu Thành Hoàng được kiến lập sớm nhất là vào năm Xích Ô nhị niên nhà Ngô đời Tam Quốc (tức năm 239).

Các triều đại kể từ nhà Đường trở về sau, các quận, huyện đều có sự cúng tế Thành Hoàng. Trương Thuyết, Hàn Dũ, Đỗ Mục đều từng làm văn tế Thành Hoàng. Từ sau đời nhà Tống trở đi, việc cúng tế Thành Hoàng được phổ biến trên toàn quốc. Ở Tô Châu thờ Xuân Thân Quân làm Thành Hoàng. Ở Hàng Châu thờ Văn Thiên Tường. Ở Thượng Hải thờ Tần Duệ Bá.

Thành Hoàng thường là những người có công với dương địa.

Năm 934 nhà Hậu Đường phong "vương" cho Thành Hoàng. Và Minh Thái Tổ cũng từng phong "đế" cho Thành Hoàng ở kinh đô.

Đạo Giáo tôn Thành Hoàng là vị thần "Trừ gian diệt ác, bảo quốc an bang", có thể đáp ứng những cầu khẩn của con người. Trời hạn hán thì giáng mưa, trời lụt lội thì cho nắng, để bảo hộ mùa màng phong phú, nhân dân xung túc. Đạo Giáo còn coi Thành Hoàng là vị thần quản lãnh các vong hồn, nên đạo sĩ có thể lập đàn siêu độ vong hồn nhưng phải lập văn báo trước; mới gọi vong hồn đến đàn được.

Trừ yêu khử hại duyên thọ nhất kỷ 除妖去害延壽一紀：

Có công diệt trừ yêu quái, trừ hại cho dân, cho thọ thêm một kỷ nữa. (Một kỷ là 12 năm.)